



TƯỢNG ĐÀI CỦA NHỮNG NGƯỜI THÀNH TÍN

của Đức Abdul Baha (Memorials of The Faithful)



CỘNG ĐỒNG TÔN GIÁO BAHAI VIỆT NAM
www.bahai.org.vn

NỘI DUNG

GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ.....	5
LỜI MỞ ĐẦU.....	7
1 . Nabil-i-Akbar (Nhà thông thái).....	9
2 . Ismu'lláhu'l-Asdaq (được lưu danh là Mulla Sadiq - bậc thánh thiện)	13
3 . Mulla Ali-Akbar	16
4 . Shaykh Salman	20
5 . Mirza Muhammad-Ali, the Afnan	23
6 . Haji Mirza Hasan, the Afnan.....	27
7 . Muhammad-Aliy-i-Isfahani	29
8 . Abdu's Salih, Người làm vườn.....	31
9 . Ustad Isma'il.....	33
10 . Nabil-i-Zarandi (Đại sử gia - tác giả sách Những người khai sáng).....	36
11 . Vị hành khất Darvish Sidq-'Alí.....	40
12 . Áqá Mírzá Mahmúd và Áqá Ridá	43
13 . Pidar-Ján của vùng Qazvín.....	45
14 . Shaykh Sádiq-i-Yazdí	46
15 . Sháh-Muhammad-Amín.....	48
16 . Mashhadí Fattáh.....	51
17 . Nabil của vùng Qá'in	52
18 . Siyyid Muhammad-Taquí Manshádí	56
19 . Muhammad-'Alí Sabbáq của vùng Yazd.....	59
20 . 'Abdu'l-Ghaffár of Isfahán	61
21 . 'Alí Najaf-Ábádí	63
22 . Mashhadí Husayn và Mashhadí Muhammad-i-Ádhirbáyjání.....	64
23 . Hájí 'Abdu'r-Rahím-i-Yazdí.....	65
24 . Hájí 'Abdu'lláh Najaf-Ábádí.....	67
25 . Muhammad-Hádíy-i-Sahháf.....	68
26 . Mírzá Muhammad-Qulí	71
27 . Ustád Báqir và Ustád Ahmad.....	73

28	·	Muhammad Haná-Sáb.....	75
29	·	Hájí Faraju'lláh Tafríshí.....	77
30	·	Áqá Ibráhím-i-Isfahání và Các Anh em trai	78
31	·	Áqá Muhammad-Ibráhím.....	81
32	·	Zaynu'l-'Ábidín Yazdí.....	83
33	·	Hájí Mullá Mihdíy-i-Yazdí	84
34	·	Kalím Cao trọng (Mírzá Músá).....	86
35	·	Hájí Muhammad Khán.....	90
36	·	Áqá Muhammad-Ibráhím Amír.....	93
37	·	Mírzá Mihdíy-i-Káshání.....	94
38	·	Mishkín-Qalam	96
39	·	Ustád 'Alí-Akbar-i-Najjár	100
40	·	Shaykh 'Alí-Akbar-i-Mázgání	102
41	·	Mírzá Muhammad, Người Tôi tớ ở Nhà tế bần của du khách.....	104
42	·	Mírzá Muhammad-i-Vakíl	106
43	·	Hájí Muhammad-Ridáy-i-Shírází.....	113
44	·	Husayn Effendi của Tabrízí.....	115
45	·	Jamshíd-i-Gurjí	117
46	·	Hájí Ja'far-i-Tabrízí và Những người Anh em	119
47	·	Hájí Mírzá Muhammad-Taquí, the Afnán	122
48	·	'Abdu'lláh Baghdádí.....	125
49	·	Muhammad-Mustafá Baghdádí.....	127
50	·	Sulaymán Khán-i-Tunukábání	130
51	·	'Abdu'r-Rahmán, Người thợ rèn.....	134
52	·	Muhammad-Ibráhím-i-Tabrízí	135
53	·	Muhammad-'Alíy-i-Ardikání.....	136
54	·	Hájí Áqáy-i-Tabrízí.....	137
55	·	Ustad Qulám-'Alíy-i-Najjár	138
56	·	Jináb-i-Muníb, trên anh là Vinh quang của Mọi sự Vinh quang	139
57	·	Mírzá Mustafá Naráqí	142

58	. Zaynu'l-Muqarrabín.....	144
59	. 'Azím-i-Tafríshí.....	147
60	. Mírzá Ja'far-i-Yazdí.....	149
61	. Husayn-Áqáy-i-Tabrízí	151
62	. Hájí 'Alí-'Askar-i-Tabrízí	153
63	. Áqá 'Alíy-i-Qazvíní	156
64	. Áqá Muhammad-Báqir và Áqá Muhammad-Ismá'íl, Thợ may	159
65	. Abu'l-Qásim của Sultán-Ábád	162
66	. Áqá Faraj	163
67	. Người phối ngẫu (vợ, chồng) của các vị Vua Tử đạo	164
68	. Shamsu'd-Duhá	166
69	. Táhirih	178
	Ghi chú và Tham khảo tiếng Anh.....	188

GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Tên sách Tiếng Anh của những người thành tín - Memorials of the Faithful

Tác giả Abdul Baha

Bà Marziel Gail dịch từ bản gốc tiếng Ba Tư sang tiếng Anh, và chú thích.

Bản dịch tiếng Anh này là để dâng lên Đức Shoghi Effendi – Đức Giáo hộ Chánh đạo Baha'i

Bản dịch tiếng Việt do ông Lê Lộc và Trương Quốc Thái dịch

Sách này do Đức Abdul Baha viết, đã được dịch ra tiếng Anh nửa thế kỷ sau sự thăng thiên của Ngài là một công trình lao động bằng tình yêu thuần khiết dành cho cả sự tưởng nhớ những người thành tín đã hiến dâng đời mình trên đường của Đức Baha'u'llah, và cả cho những thế hệ độc giả hôm nay và mai sau.

Dù theo hình thức bên ngoài đây là một quyển sưu tập những phác họa vắn tắt về tiểu sử, nhưng những phác họa này không nhắm vào những phương diện cá nhân giả tạm của đời người. Sách nêu lên bản chất của linh hồn, những đặc tính của tinh thần, lòng nhân đạo tinh anh và sự phản ánh ảnh của Thần tính nơi con người.

Những người được tưởng nhớ ở đây có một điểm chung - tất cả đều được thúc đẩy bởi tình yêu với Đức Baha'u'llah.

Sức mạnh như nam châm này trong cuộc đời của họ lớn lao đến nỗi họ đi xa vạn dặm và vượt qua mọi trở lực để đến với Ngài và chung chia cuộc sống từ đây với Ngài bất kể những dị biệt trong không gian và thời gian, độc giả sẽ nhận ra những mẫu người phổ biến, vĩnh cửu. Những bậc Vương giả và những người cùng khó, những giáo sư và những người thất học, những nhà thần học và những thương gia, những tu sĩ và những trang anh thư, những công nhân và những nông dân, mỗi người đến bằng con đường tâm linh của riêng mình, và bằng tấm gương sống họ dạy chúng ta nên sống và chết như thế nào.

Trong sách này, Đức Abdul Baha hầu như không nói gì về chính Ngài. Nhưng những biến cố đặc biệt xảy ra trong đời những người này đã đan kết với cuộc đời Ngài, nhờ đó chúng ta thấy được tinh hoa của lòng nhân đạo và đức khiêm nhường của chính Ngài. Tình yêu ngọt ngào, nồng ấm và tôn quý của Ngài bao trùm những người thành tín này, và qua họ tình yêu này tràn ngập lòng chúng ta.

Đây là quyển sách để thưởng thức chậm rãi, hầu cho ngôn ngữ bóng bẩy tạo nên các nguồn trong khi những lời này của Đức Abdul Baha vẽ nên hình ảnh của thung lũng tình yêu và niềm tin.

LỜI MỞ ĐẦU

Đây là cuốn sách kể về những người đang cố gắng muồn vào nhà tù hơn là trốn thoát, bởi vì họ là tù nhân của một tình yêu to lớn. Tình yêu của họ dành cho Đức Baha'u'llah, Đấng mà thế giới thế kỷ 19 đã trói bằng xiềng xích và cố gắng làm Ngài im lặng bằng giam cầm, cuối cùng, trong thành trì của Mười năm Thánh chinh tại 'Akka, giống như con mắt của cơn bão, Ngài là trung tâm của chúng, nhưng hầu như không xuất hiện trong chúng, như Đức Giáo hộ đã mô tả về Ngài, “siêu việt trong sự uy nghiêm, yên bình, đáng kinh ngạc, vinh quang khó có thể sánh được.”

Người đọc có thể sẽ tìm thấy chính mình trong những trang này, cho dù người đó là thợ kim hoàn đến từ Baghdad, một trong những người rửa bát đĩa, hay một giáo sư không thể chịu đựng sự kiêu ngạo của những người cạnh tranh mình. Nhà thần học, nữ nhi, giáo sĩ, nghệ nhân, hoàng tử thương gia đều ở đây. Ngay cả giới trẻ phương Tây hiện đại cũng sẽ được tìm thấy ở đây, ví dụ như trong chương về giáo sĩ hồi giáo. Vì đây không chỉ là biên niên sử ngắn gọn của các tín đồ Baha'i thuở ban đầu; bằng cách nào đó, nó là một cuốn sách nguyên mẫu; và nó là một loại chúc thư về các giá trị được Những tấm gương Baha'i chuyển nhượng và kế thừa cho chúng ta, các giá trị hiện bị chế nhạo, nhưng nếu hành tinh này được tạo ra an toàn cho nhân loại – thì nó là điều không thể thiếu. Đây là những chủ đề ngắn và đơn giản, nhưng chúng tạo thành một sổ tay hướng dẫn làm thế nào để sống! và như thế nào để chết.

Nhiệm vụ đưa những tiểu sử này sang tiếng Anh đã được Đức Giáo hộ giao cho tôi nhiều năm trước, khi tôi đang hành hương đến trung tâm Baha'i thế giới ở Haifa. Ngay sau đó, Đức Giáo hộ đã gửi cho tôi, tới Tihran, văn bản mà từ đó bản dịch này đã được thực hiện. Theo trang tiêu đề tiếng Ba Tư của nó, đây là cuốn sách Baha'i đầu tiên được in ở Haifa dưới thời cơ cấu Giáo hộ. Một phần giới thiệu bằng tiếng Ba Tư nói rằng Đức Abdu'l-Baha đã viết cuốn sách vào năm 1915 và đã cấp phép cho M. A. Kahruba'i để nó được xuất bản. Văn bản có ngày tháng năm 1924, mang dấu ấn của Hội đồng Baha'i Haifa. Trang tiêu đề thứ hai, bằng tiếng Anh, mô tả tác phẩm như “Một lời tường thuật, từ bút tích của Đức 'Abdu'l Baha, về cuộc đời của một số tín đồ Baha'i thuở ban đầu đã qua đời trong suốt cuộc đời của Ngài,” mặc dù tác phẩm thực sự là được ghi lại từ những lời nói của Ngài.

Ở đây, sau đó, gần nửa thế kỷ sau khi Ngài qua đời, là một cuốn sách mới của Đức 'Abdu'l-Baha được trao cho thế giới.

Chúng tôi tự hỏi có bao nhiêu người trong chúng ta, vào cuối những năm tháng gian nan và đau khổ không thể tưởng tượng nổi, sẽ dành thời gian lúc cuối đời không phải cho ký ức của chính mình mà cho cuộc sống của khoảng 70 người bạn đồng hành, nhiều người trong số họ đã qua đời từ lâu, để cứu họ khỏi quên lãng. Đức 'Abdu'l-Baha đã có mặt ở rất nhiều cảnh này, nhưng hết lần này đến lần khác Ngài tập trung vào một người bạn đồng hành nào đó, thường là một người khiêm tốn đến nỗi những năm tháng trôi qua chắc chắn đã từ chối lịch sử của người ấy. Và nếu, đối với những người hoài nghi, những tín đồ này có vẻ tốt hơn những người đàn ông bình thường, thì chúng ta nên nhớ rằng sự hiện diện của Đấng Biểu hiện đã khiến họ trở nên như vậy, và họ đang được nhìn qua con mắt của Đức Thầy - Người đã nói rằng con mắt không hoàn hảo biểu thị sự không hoàn hảo, và rằng làm đẹp lòng Thượng Đế thì dễ hơn làm đẹp lòng con người.

Vì vậy, cuốn sách vẫn là một dấu hiệu khác của một phần Đức 'Abdu'l-Baha đối với loài người. Tình yêu mà Ngài nhân cách hóa không mù quáng mà tinh ý, không độc đoán nhưng ấm áp và dịu dàng; đó là một thái độ liên tục chăm sóc khiêm nhường không phô trương. Tình yêu như vậy, từ một bản thể như vậy, không kết thúc bằng một vòng đời. Ngài đã rời khỏi thế giới cách đây nửa thế kỷ, và hầu hết mọi người khao khát Ngài, ngay cả những người thù địch không phải là người Baha'i, nhưng Đức 'Abdu'l-Baha, giờ đã biến mất khỏi tầm mắt của chúng ta. Nhưng vẫn còn, tình yêu của Ngài vẫn ở đây, cho hàng triệu người mới.

Keene, New Hampshire, tháng 12 năm 1969

Dịch giả

1 . Nabil-i-Akbar (Nhà thông thái)

Tại thành phố Najab, trong số những đệ tử của vị mujtahid¹ nổi tiếng sâu rộng, Shayk Murtada, có một người không ai giống được hoặc sáng bằng, người đó tên là Aqa Muhammad-i-Qa'ini, và sau này người được nhận nơi Đấng Biểu hiện cái tước hiệu là Nabil-i-Akbar.² Linh hồn lỗi lạc này trở thành người đứng đầu trong đoàn đệ tử của vị tiến sĩ luật Hồi giáo. Giữa mọi người trong đoàn chỉ riêng người được chọn ra để ban cho một địa vị tiến sĩ luật vì cổ tiến sĩ không thường ban cấp học vị này.

Người không chỉ xuất sắc trong thần học, mà trong cả các ngành tri thức khác, như khoa học nhân văn, triết lý của những Người được soi sáng Illuminati,³ giáo lý của những nhà huyền học và của những trường phái Shaykhi.⁴ Người là một con người toàn vẹn và chính cuộc đời người là bằng chứng hùng hồn. Khi mắt người được mở ra trước ánh sáng của sự Hướng dẫn thiêng liêng, và người hít thở được hương thơm Thiên Đàng, người trở thành ngọn lửa của Thượng đế. Rồi tim người đập rộn lên trong lồng ngực, và trong trạng thái ngay ngất của niềm vui và tình yêu người thét lên như một con thủy quái ở biển sâu.

Với bao lời tán tụng tuôn đổ lên người, người đón nhận địa vị mới nơi vị tiến sĩ luật Hồi giáo rồi người rời Najaf và đi đến Baghdad, và ở đây người được vinh dự diện kiến Đức Baha'u'llah. Ở đây người được thấy thứ ánh sáng chói rục trên núi Sinai nơi Cây thiêng liêng. Rồi người rơi vào trạng thái không còn ngơi nghỉ được nữa, ngày cũng như đêm.

Một ngày nọ, trên sân những phòng ngoài dành cho đàn ông, Nabil cao quý đã kính cẩn quỳ trước sự hiện diện của Đức Baha'u'llah. Lúc đó Haji Mirza Hasan-Amu, một người cộng sự tin cậy của các vị tiến sĩ luật Hồi giáo ở Karbila cùng bước vào với Zaynul-Abidin Khan, là vị Fakhrud-Dawlih.⁵ Thấy Nabil quỳ ở đó một cách khiêm cung và Haji⁶ rất ngạc nhiên

Ông hỏi nhỏ: “Thưa Ngài, Ngài làm gì ở nơi này?”

Nabil đáp: “Tôi đến đây cũng vì một nguyên do như ông”.

¹ Mujtahid: Tiến sĩ Luật Hồi giáo. Những Mujtahid Ba Tư đều nhận bằng nơi những nhà luật học lỗi lạc ở Karbila và Najab.

² Tác giả sách *The Dawn Breakers* (Những người khai sáng) tên là Nabil-i-Zarandi

³ Người giác ngộ, Những người được Thượng Đế soi sáng.

⁴ Shaykhi School, trường phái do Shaykh Ahmad sáng lập.

⁵ Một viên chức chính phủ

⁶ Người đã hành hương về Mecca

Cả hai người khách đều không thể hết ngạc nhiên, vì ai cũng biết rằng nhân vật này là vô song trong giới tiến sĩ luật Hồi giáo và là đệ tử ưu chuộng nhất của Shaykh Murtada lừng danh.

Sau đó Nabil-i-Akbar đi Ba Tư và đến tận cùng Khurasan. Vị Amir⁷ ở Qa'in – Mir Alam Khan - ngay từ đầu đã dành cho người sự tiếp đón nhã nhặn và đánh giá rất cao tình bạn bè với người. Điều này lộ rõ đến nỗi người ta có cảm tưởng rằng vị Amir đã bị người quyến rũ, và hẳn nhiên là vị này đã say mê tài hùng biện, sự hiểu biết và tài năng của nhà thông thái. Qua sự việc này người ta có thể nhận thấy người đời dành những vinh dự như thế nào cho Nabil, cho “những người theo đức tin của các vua.”

Nabil trải qua một thời gian được mến chuộng và trọng vọng như thế, nhưng tình yêu của người đối với Thượng Đế không sao che giấu được. Tình yêu đó bùng lên trong tim người, cháy rục ra ngoài và đốt sạch mọi thứ ngăn che.

Bằng trăm phương, ngàn kế.
Tôi toan che giấu tình yêu.
Nhưng trên giàn thiêu rục cháy.
Sao tôi tránh khỏi cháy thiêu!

Người mang ánh sáng đến vùng Qa'in và đã giúp một số lớn dân chúng nhận đạo và khi người nổi tiếng khắp nơi trong tên mới này, thì giới tăng lữ ghen tị và độc ác đã đứng lên tung tin chống người, gửi những lời vu khống về Tihran, khiến Quốc vương Ba Tư - Nasirid-Din bưng bưng nổi giận. Vì sợ Quốc vương, vị Amir quay lại dốc toàn lực tấn công Nabil. Không bao lâu, cả thành phố thành náo động, và dân chúng bị kích động cũng quay lại chống người.

Người yêu Thượng Đế say mê ấy không hề chùn bước. Tuy vậy, cuối cùng họ đã tổng khứ người, tổng khứ người thấy được điều mà họ không thấy và người lại lên Tihran, nơi đây người thành ra kẻ lánh nạn, kẻ không nhà.

Ở đây, những kẻ thù lại tấn công người. Những kẻ dò la sục tìm người, những vệ binh kiểm người khắp nơi, họ dò tin người ở mỗi đường lớn hẻm nhỏ, họ săn đuổi để bắt cho kỳ được người và tra tấn người. Tránh né, người vượt ngang họ như tiếng thờ dài của những kẻ bị áp bức, và người đi lên những ngọn

⁷ Amir là ông Hoàng

đòi; hoặc giống như nước mắt của những kẻ bị bách hại, người đi lần xuống những thung lũng. Người không còn đội chiếc khăn xếp tỏ rõ địa vị của người; người cải trang đội nón của thường dân, để họ không nhận ra người và không động phạm tới người.

Với tất cả năng lực, người tiếp tục bí mật truyền bá Chánh đạo và nêu rõ những bằng chứng của Đạo, và người là ngọn đèn dắt dẫn cho nhiều linh hồn. Luôn luôn người bị nguy khốn, luôn luôn người phải cảnh giác đề phòng. Chính phủ không hề ngưng tìm bắt người, dân chúng không ngừng bàn tán về hoàn cảnh của người.

Rồi người lại rời Tihran để đi đến Bukhara và Ishqabad, liên tục truyền bá Chánh đạo trong những vùng này. Người tận dụng cuộc đời mình như một ngọn nến, nhưng bất chấp mọi khổ đau, Người không hề xuống tinh thần, trái lại niềm vui và nhiệt tình của người tăng lên mỗi ngày. Người có tài ăn nói hùng biện, người là một thầy thuốc giỏi, một liều thuốc cho mọi chứng bệnh, một thứ dầu làm dịu mọi chỗ đau. Người hướng dẫn người Illuminati bằng chính những nguyên lý triết học của họ, và với những nhà truyền học người chứng minh sự Giáng lâm thiêng liêng bằng những thuật ngữ về “cảm ứng” và về “sự Hiện thấy thiêng liêng”. Người thuyết phục những nhà lãnh đạo phái Shaykhi bằng cách trích dẫn chính lời của những vị sáng lập đã quá cố là Shaykh Ahmad và Siyyid Kazim, và thu phục những nhà thần học Hồi Giáo bằng chính những bản văn của kinh Koran và những giáo lệ của các vị Imams, là những bậc dắt dẫn nhân loại một cách chính đính. Người quả là phương thuốc cấp thời của người bệnh, và là ân huệ dồi dào của người nghèo.

Ở Bukhara người thành kẻ nghèo trắng tay và thành miếng mồi cho mọi tai biến, cho đến cuối cùng thì người qua đời ở nơi cách xa quê hương, hồi hả về cõi Vương quốc nơi cái nghèo không tồn tại nữa.

Nabil-i-Akbar là tác giả của một luận án tuyệt bút chứng minh sự thật của Chánh đạo nhưng hiện nay bạn hữu không ai có được văn bản đó. Ta hy vọng rằng nó sẽ được tìm ra và sẽ được dùng làm lời kêu gọi đối với những người có học thức. Quả thật ở trong cái thế giới chóng trôi qua này, người là mục tiêu của vô số kẻ thù; tuy vậy, tất cả những thế hệ tu sĩ nhiều quyền lực ấy, những Shaykhi như Murtada và Mirza Habibullah, như Ayatu'llah-i-Khurasani và Mula Asadu'llah-i-Mazandarani - tất cả những người đó đều không lưu lại dấu vết nào.

Họ sẽ không còn lưu lại danh tiếng, dấu hiệu, thành quả nào. Không lời nào của họ được lưu truyền; không ai còn nói gì về họ. Nhưng vì người đứng vững trong Chánh đạo và quảng bá thanh danh của nó, ngôi sao ấy, Nabil, sẽ chiếu sáng mãi mãi từng chân trời của ánh sáng phụ tùng.

Điều rõ ràng là bất cứ vinh quang nào đạt được ngoài Chánh đạo của Thượng Đế, cuối cùng đều biến thành sự tủ nhục; và sự thanh thoi và an nhàn nào gặp được ngoài con đường của Thượng Đế, cuối cùng đều chỉ là sự lo âu và phiền muộn; và tất cả của cải chỉ là sự nghèo nàn và chẳng có gì đáng kể.

Người là dấu hiệu của sự hướng dẫn là biểu tượng của sự sợ Thượng Đế. Người đã hiến dâng cuộc đời cho nền Chánh Đạo này và trong khi chết người đã chiến thắng. Người không thiết gì thế gian này và những phần thưởng của nó; người nhắm mắt trước địa vị và của cải. Người đã tự dứt bỏ tất cả những xiềng xích và ràng buộc ấy, và gạt sang một bên mọi ý tưởng phạm tục. Có học thức cao, từng là tiến sĩ luật Hồi giáo, một triết gia, một nhà huyền học, được phú bẩm tuệ giác, người còn là một nhà văn học có tài và là một nhà hùng biện vô song. Người có một tâm trí lớn lao và vẹn toàn.

Tạ ơn Thượng Đế, cuối cùng người đã nhận được phước thiên đàng. Cầu xin Thượng Đế, Đấng toàn vinh ban vinh quang cho người. Cầu xin Thượng Đế tuôn đổ ánh huy hoàng của Vương quốc Abha xuống nơi an nghỉ của người. Cầu xin Thượng Đế kiếp người vào Thiên đàng hội ngộ, và mãi mãi che chở người trong thế giới của những người công nghĩa, ngập chìm trong đại dương ánh sáng.

2 . Ismu'lláhu'l-Asdaq (được lưu danh là Mulla Sadiq - bậc thánh thiện)

Trong số những Giáo thủ¹ đã rời khỏi thế gian để vượt lên Chân trời Tới thượng có một người là Jinab-i-Ismu'lláhu'l-Asdaq. Một người khác là Jinab-i-Nabil-i-Akbar. Trong số những người khác nữa có Janab-i-Mulla Ali Akbar và Jinab-i-Shaykh Muhammad-Riday-i-Yazdi. Và trong số những người khác ấy, có người tử đạo tôn quý là Aqa Mirza Varqa.

Ismu'lláhu'l-Asdaq thực sự là một kẻ tội tở của Thượng Đế từ thuở mới sinh cho đến hơi thở cuối cùng. Khi còn trẻ, người gia nhập vào giới huyền học quanh cố Siyyid Kazim và trở thành môn đệ của vị này. Ở Ba Tư, người nổi tiếng nhờ đời sống trong sạch, được lưu danh là Mulla Sadiq - bậc thánh thiện. Người là một nhân vật có phước, một người đa tài, có học thức và được tôn trọng rất nhiều. Người thu hút mạnh mẽ dân chúng Khurasan, vì người là một nhà đại thông thái và là người nổi tiếng nhất trong số những tu sĩ xuất sắc và vô song. Là một trong những người truyền bá Chánh Đạo người nói với sự hùng hồn và với sức mạnh phi thường, khiến người nghe bị chinh phục dễ dàng.

Sau khi người đến Baghdad và đạt tới sự hiện diện của Đức Baha'u'llah, một hôm người được phép ngồi trong sân khu nhà dành cho đàn ông, bên cạnh vườn. Ta ở trong một phòng tầng trên nhìn ra sân. Lúc ấy một ông hoàng Ba Tư, cháu nội của Quốc vương Fath-Ali, đến nhà này. Ông hoàng hỏi người: “Người là ai?” Ismu'llah trả lời: “Tôi là một kẻ tội tở nơi ngưỡng cửa này. Tôi là một trong những người gìn giữ cánh cửa này”. Từ bên trên, Ta nghe người bắt đầu truyền giảng Chánh đạo. Ban đầu, ông hoàng bác bỏ quyết liệt, thế mà chỉ một khắc sau, Jinap-i-Ismu'llah đã nhã nhặn và ôn tồn làm cho ông hoàng im tiếng, Sau khi bác bỏ gay gắt những điều người nói, mặt ông hoàng lộ rõ sắc giận, nhưng giờ đây, cơn giận của ông đã biến thành những nụ cười và ông bày tỏ sự mến mộ to lớn vì đã được gặp Ismu'llah và được nghe những điều người nói.

Người luôn truyền giáo một cách hứng thú và vui vẻ và luôn giải đáp một cách nhã nhặn và hài hước, dù cho kẻ nghe giảng có bộc lộ sự giận dữ như thế nào. Cách truyền giáo của người thật đặc sắc. Người thực xứng danh là Ismu'llah,

¹ Hand of the Cause of God: Giáo thủ của Chánh đạo

Danh của Thượng Đế, không phải vì tiếng tăm của người, nhưng vì người là một linh hồn được chọn.

Ismu'llah nhớ được một số lớn giáo lệ Hồi giáo, và thông thạo giáo lý của Shaykh Ahmad và Siyyid Kazim. Người trở thành tín đồ ở Shiraz vào những ngày đầu của Chánh đạo và điều đó sớm được nhiều người biết đến. Vì người bắt đầu truyền giáo công khai và táo bạo, họ buộc thông lọng vào cổ người và dắt người đi qua các con đường và các khu chợ trong thành phố. Cả trong điều kiện đó, người vẫn điềm tĩnh và tươi cười nói chuyện với công chúng. Người không nhân nhượng; người ta không thể buộc người im tiếng. Khi họ thả người, người rời Shiraz và đi đến Khurasan, và ở đó, người lại bắt đầu truyền giáo, sau đó người tiếp tục du hành cùng với Babu'l-Bab² đến Tabarsi. Ở đây người chịu sự đau khổ cùng cực cùng với nạn nhân phải hi sinh. Họ bắt giam người tại Thành này và chuyển giao người cho các quan chức ở Mazindaran, rồi đưa người đi nhiều nơi để cuối cùng giết người tại một quận trong tỉnh này. Khi bị trói trong xiềng xích, Ismu'llah được đưa đến một nơi đã được định trước, Thượng Đế đã khiến một người nảy ý cứu Ismu'llah khỏi nhà tù giữa đêm khuya và đưa người đến một chỗ an toàn. Trải qua tất cả những thử thách đau đớn ấy, người vẫn luôn luôn kiên định trong đức tin.

Hãy hình dung xem kẻ thù đã vây kín Thành như thế nào, và không ngớt nả đạn đại bác vào bên trong. Các tín đồ, trong đó có Ismu'llah, phải trải qua 18 ngày không có thức ăn. Họ phải ăn da giày của họ. Không bao lâu da giày cũng hết và họ chỉ sống bằng nước. Mỗi buổi sáng, họ chỉ uống một ngụm, rồi nằm chịu đói và mệt lả ở trong Thành. Tuy nhiên, khi bị tấn công, họ vụt đứng lên ngay, và tỏ cho kẻ thù thấy lòng dũng cảm tuyệt vời và sức kháng cự phi thường của họ, đánh đuổi quân đội ra khỏi tường thành. Cái đói kéo dài 18 ngày đó là cơn thử thách khủng khiếp. Đầu tiên là họ rời xa nhà, bị kẻ thù bao vây và cô lập; rồi họ phải phải chịu đói; rồi thêm những đợt tấn công bất chợt của quân đội, rồi những cơn mưa pháo rơi xuống và nổ bùng ở trong Thành. Dưới những trạng huống như thế mà giữ được đức tin và lòng kiên nhẫn không lay chuyển là điều vô cùng khó khăn, và chịu đựng được những tai ương tàn khốc như thế là một hiện tượng hiếm có.

Ismu'llah không hề mềm đi dưới sức lửa. Mỗi lần được thả ra, người lại truyền giáo rộng rãi hơn. Người dùng mọi hơi thở tỉnh thức để kêu gọi dân chúng

² Tức là Mulla Husayn

đến Vương quốc của Thượng Đế. Ở Iraq, người được Đức Baha'u'llah tiếp kiến, và ở nơi Nhà tù Vĩ đại Nhất người nhận được sự chiếu cố và ân huệ của Ngài.

Người giống như biển dâng trào, như chim phụng hoàng bay vút lên cao. Mặt người rực sáng, lưỡi người hùng hồn, sức mạnh và lòng kiên định của người phi thường. Khi người mở môi truyền giáo, bao nhiêu bằng chứng tuôn ra, khi người ca ngâm hoặc cầu nguyện, mắt người để lộ tuôn như mây mùa xuân. Mặt người sáng rõ, đời người thuần linh, tri thức người vừa do thủ đắc vừa được phú bẩm; còn nhiệt tình của người, tính dứt bỏ thế gian của người, lòng chính trực của người, lòng sùng kính và sợ Thượng Đế của người thì có tính cách thiêng liêng.

Mộ của Ismu'llah ở Hamadan. Ngòi bút Tối cao của Đức Baha'u'llah đã mặc khải nhiều Kinh bản cho người, trong đó có Kinh bản Viếng nơi Thánh đặc biệt sau khi người qua đời. Người là một nhân vật vĩ đại hoàn hảo trên mọi phương diện.

Những con người được phúc ấy giờ đã rời thế gian này. Tạ ơn Thượng Đế là người không phải kéo dài cuộc sống để chứng kiến những nỗi đau đớn sau sự thăng thiên của Đức Baha'u'llah - những tai ương dữ dội; đến núi vững chân cũng phải lay chuyển và rung động, và những ngọn đồi cao nhất cũng phải gục đầu.

Người quả là Ismu'llah, Danh của Thượng Đế. Phước cho kẻ nào đi qua ngôi mộ ấy, rước phúc đức về mình từ bụi của ngôi mộ ấy. Kính dành cho người những lời chào thăm và lời tán tụng trong vương quốc Abha.

3 . Mulla Ali-Akbar

Còn một vị giáo thủ khác là Mulla Ali-Akbar tôn quý, cầu xin vinh quang của Đấng Thượng Đế, Đấng Toàn vinh, tuôn đổ trên người. Từ thiếu thời, nhân vật lừng danh này đã tham dự các cơ cấu học vấn cao và lao động chuyên cần ngày cũng như đêm cho đến khi thông thạo mọi tri thức của thời đại, các ngành học thể tục, triết lý, và luật tôn giáo. Người lui tới những nơi hội họp của các triết gia, các nhà huyền học và những người thuộc trường phái Shaykhi, hiểu biết sâu sắc những lĩnh vực tri thức ấy, có sự khôn sáng trực giác và sự giác ngộ; những người khao khát nguồn mặt chân lý và thấy thèm ăn thứ bánh từ cõi Trời ban xuống. Dù nỗ lực bao nhiêu để hoàn thiện bản thân trong những lĩnh vực ấy của trí tuệ, người cũng không hề thỏa mãn, người không hề đạt được mục tiêu khát vọng, môi người khô khát, người thấy bối rối, lúng túng, và có cảm tưởng mình đang lạc đường. Lý do là trong tất cả các giới đó người không hề tìm thấy sự đam mê; không thấy niềm vui và sự ngây ngất; không thấy chút nào hương tình yêu. Và càng đi sâu vào cốt lõi của những tín ngưỡng đa tạp ấy, người khám phá ra rằng từ thuở Đấng tiên tri Muhammad giảng lâm cho đến thời đại chúng ta, nhiều giáo phái đã mọc lên: các hệ thống tín lý ly cách nhau; những ý tưởng xa lạ, những mục tiêu khác biệt, vô số đường lối. Và người thấy mỗi phái, nhân danh có này có nọ, tự xưng mình biểu lộ chân lý tâm linh; mỗi phái tin rằng chỉ có mình là theo đường chân chính - dù vậy biển Hồi giáo đã dâng sóng thần và cuốn hết những giáo phái đó về lòng biển. “Các người sẽ không còn nghe tiếng kêu nào của họ, ngay cả tiếng thì thào cũng không”.¹

Ai tìm hiểu sâu xa những bài học của lịch sử sẽ nhận biết rằng biển cả này đã dâng lên vô số ngọn sóng, nhưng rồi mỗi ngọn sóng đều tan vỡ và biến mất, giống như cái bóng lướt qua. Những đợt sóng tan đi, nhưng biển thì còn mãi. Đó là có tại sao Ali-Qabl-i-Akbar không thể dập tắt cơn khát của mình, cho đến một ngày, người đứng trước bờ biển Chân lý và kêu lên:

Đây là biển cả với kho tàng đầy ắp
Sóng tung chân dưới đòn gió ì ầm.
Vút y trang, lao xuống chớ toan bơi,
Lặn sâu mãi - chớ kiêu căng bơi lội.

¹ Theo Quran 19:98

Giống như con suối, trái tim con người đầy lên và tuôn đổ ra; giống như dòng nước trôi êm ả như pha lê, ý nghĩa và chân lý tuôn ra từ môi người. Trước hết bằng sự khiêm tốn và sự nghèo nàn tâm linh, người tiếp nhận ánh sáng mới, và từ đó người bắt đầu tỏa chiếu trở ra miền đất lạ. Vì đã có tâm ngôn như vậy:

Kẻ không từng nhận quà tặng cuộc đời.

Sao có thể đem quà tặng cuộc đời đến cho người khác?

Một người truyền giáo phải tiến hành theo cách này: Trước hết phải dạy chính mình, rồi sau đó mới dạy người. Nếu chính mình vẫn còn đi trên đường của thú vui nhục dục và dâm dăng, thì làm sao người đó có thể hướng dẫn người khác đến với những “bằng chứng hiển nhiên”² của Thượng Đế?

Con người cao quý này đã thành công trong việc đưa công chúng về với Đạo. Người hối hả bước đi trên những nẻo đường của tình yêu, và vì có Thượng Đế, người chẳng sợ gì cả. Người đã trở thành say mê, người đi đó đây không nghĩ, nên có kẻ cho là người khùng. Vì Đức tin mới của người, những kẻ ở Tihran cao cũng như thấp đều nhạo báng người. Khi người đi qua các con đường và các chợ, dân chúng chỉ trở người, gọi người là Baha’i. Khi tai biến xảy ra, người là kẻ đầu tiên bị bắt. Người đã sẵn sàng và chờ đợi tai ương này, vì biết rằng thế nào nó cũng xảy đến.

Người đã nhiều lần bị xiềng xích giam cầm và dọa giết. Tấm hình của nhân vật được chúc phúc này, cùng với Amin Vĩ đại được chụp chung trong xiềng xích, sẽ được coi như tấm gương cho những ai có mắt để nhìn. Họ ngồi đó hai con người ưu tú, bị dây xiềng siết chặt, nhưng vẫn điềm tĩnh chấp nhận không nao núng.

Sự việc diễn ra quá thường đến nỗi mỗi lần có tai biến, là Mulla Ali đội khăn, mặc áo dài và ngồi chờ, cho những kẻ thù khuấy động và những farrash³ phá cửa vào và những vệ binh mang người đến nhà tù. Nhưng các người hãy thấy uy lực của Thượng Đế! Bất chấp mọi sự, người vẫn bình yên. “Dấu hiệu của kẻ hiểu biết và người yêu thương là thế này: các người thấy “người ấy vẫn khô ở trong lòng biển”. Mulla Ali là người như vậy đó. Mạng sống của người bao phen như treo trên đầu sợi chỉ, kẻ hung ác luôn trực chờ hại người; ở đâu người ta cũng

² Koran 3:91

³ Farrash: Bộ binh

biết người là một người Baha'i - thế mà người vẫn được che chở khỏi mọi sự thương tổn. Người vẫn khô ráo ở nơi đáy biển sâu, vẫn mát mẻ và an toàn trong vùng lửa, mãi cho đến lúc người qua đời.

Sau ngày thăng thiên của Đức Baha'u'llah, Mulla Ali vẫn tiếp tục trung thành với Chúc thư của Đấng Ánh sáng của Thế giới, kiên định trong giao ước mà người phụng sự và đi tiên phong. Suốt buổi sinh thời của Đấng Biểu hiện, lòng khát khao đã khiến người hồi hải đến với Đức Baha'u'llah, được Ngài chiếu cố tiếp đón ân cần và được ban cho người ơn phước dồi dào. Rồi người lại trở về Iran, ở đó người dành trọn thì giờ phụng sự Chánh đạo. Công khai đối đầu với kẻ áp bức hung bạo, bất kể họ thường đe dọa như thế nào, người vẫn không sợ. Người không bao giờ chịu khuất phục. Điều gì cần phải nói, người cứ nói. Người là một trong những vị Giáo thủ⁴ của Thượng Đế, vững tin, kiên cường, không thể lay chuyển.

Ta yêu người rất nhiều, vì người biết chuyện trò thú vị, và là một người bạn không ai sánh bằng. Một đêm, cách đây không lâu, Ta thấy người trong thế giới của những giấc mơ. Vóc dáng của người vốn đã to lớn, trong thế giới mơ người có vẻ to mập hơn. Thấy như người vừa đi xa về. Ta nói cùng người: “Jinab, người có vẻ khỏe mạnh và to béo ra”. Người đáp: “Thưa vâng, tạ ơn Thượng đế! đệ tử đã được ở những nơi mà không khí tươi mát, ngọt ngào, và nước trong như pha lê, phong cảnh rất ngoạn mục, thức ăn thật ngon lành. Quả là mọi thứ đều thích hợp với đệ tử, nên bây giờ để đệ tử được khỏe mạnh hơn và còn lấy lại được nhiệt tình của tuổi trẻ nữa. Hơi thở của Đấng Đại khoan dung thổi qua người của đệ tử và tất cả thời giờ của đệ tử đều dùng để nói về Thượng đế. Đệ tử đã nêu những bằng chứng về Ngài và truyền bá Chánh đạo của Ngài. Ý nghĩa của sự truyền bá Chánh đạo trong đời sống sau và gieo rắc hương thơm ngọt ngào của sự thánh thiện; hành động đó cũng giống như truyền giáo. Chúng ta trò chuyện với nhau một lúc nữa, rồi có ai đó đến, và người biến đi.

Nơi an nghỉ cuối cùng của người là ở Tihran. Dù thân thể người ở trong lòng đất, nhưng tinh thần tinh khiết của người tiếp tục sống “nơi cơ sở của chân lý, trước sự hiện diện của Đấng Vua toàn năng”.⁵ Ta ước ao được chuyến thăm mộ của các bạn hữu Thượng Đế khi có dịp. Đây là những tôi con của Đấng Phúc Mỹ; trên đường Ngài, họ gặp tai ương; họ chịu đựng sự lao nhọc và đau khổ, họ

⁴ Giáo thủ tiếng anh là Hand of the Cause

⁵ Koran 54:55

nhận lấy những tổn thương và thiệt hại. Cầu xin vinh của Thượng Đế, Đấng Toàn vinh tuôn đổ trên họ. Xin cho họ được nhận lời chào thăm và chúc tụng. Cầu xin đức bác ái dịu hiền và đức khoan dung của Thượng Đế được ban cho họ.

4 . Shaykh Salman

Năm 1266 A.H¹ người đưa thư đáng tin cậy, Shaykh Salman, sau lần đầu tiên được nghe tiếng gọi của Thượng Đế, trái tim người đập dồn dập vì sung sướng. Lúc đó người đang ở Hindiyan. Bị lôi cuốn quá mạnh, người đi bộ về tận Tihran và ở đó, người bí mật giao tiếp với các bạn đạo trong tình yêu nồng nhiệt. Một ngày nọ, người cùng đi qua khu chợ với Aqa Muhammad Taqiy-i-Kashani, và những farrash² đã dò theo người và biết chỗ người ở. Ngày hôm sau, cảnh sát và những farrash tìm người và dẫn người tới chỗ cảnh sát trưởng. Cảnh sát trưởng hỏi: “Anh là ai?” Salman đáp: “Tôi từ Hindiyan đến. Tôi phải đến Tihran, vì tôi đang trên đường đi về Khurasan để hành hương nơi lăng của Imam Rida”.

Cảnh sát trưởng hỏi: “Hôm qua anh làm gì với người đàn ông mặc áo dài trắng?”

Salman đáp: “Hôm kia tôi bán cho người ấy chiếc áo dài và hôm qua người ấy trả tiền cho tôi”.

Cảnh sát trưởng nói: “Anh là người mới đến đây, làm sao anh tin được người ấy?”

Salman nhớ tới một người bạn đạo khả kính (làm nghề đổi tiền) là Aqa Muhammad-i-Sarraf, và đáp: “Một người làm nghề đổi tiền đã đứng ra bảo lãnh”.

Cảnh sát trưởng quay ra một người bộ binh và bảo: “Hãy đưa anh ta đến chỗ người đổi tiền và kiểm chứng đi”.

Khi đến đó, người bộ binh hỏi: “Này cái vụ mua bán áo và anh đứng làm bảo lãnh là thế nào? Anh hãy nói rõ đi”.

Người đổi tiền đáp: “Tôi có biết gì về chuyện đó đâu”

Người bộ binh nói với Salman: “Nào ta đi, như thế là đủ rõ. Anh là một người Babi”.

¹ A.H là khoảng năm 1849-1850

² Bộ binh, cảnh sát

Lúc đó Salman đang đội trên đầu cái khăn quấn giống kiểu khăn của người vùng Shushtar. Khi họ đi qua một ngã tư đường, một người gốc Shushtar bước ra khỏi cửa hiệu. Người đó ôm hôn Salman và kêu lên: “Khajih Muhammad-Ali lâu nay anh ở đâu? Anh đến đây hồi nào? Xin chào mừng anh!”

Salman đáp: “Tôi đến đây đã mấy ngày và bây giờ đang bị cảnh sát bắt.”

Nhà buôn hỏi bộ binh: “Anh muốn làm gì người này? Anh bày trò gì thế?”

Người bộ binh đáp: “Anh ta là một người Babi”

Nhà buôn gốc Shushtar kêu lên: “Trời ơi! Tôi biết rõ người này mà. Khajih Muhammad-Ali là một người Hồi giáo biết sợ Thượng Đế, một người Shi-ih, một tín đồ nhiệt thành của Imam Ali”. Vừa nói, nhà buôn vừa đưa người bộ binh một số tiền và Salman được thả.

Họ bước vào cửa hàng và nhà buôn bắt đầu hỏi thăm Salman đi đường ra sao. Salman nói: “tôi không phải là Khajih Muhammad-Ali”.

Nhà buôn gốc Shushtar rất ngạc nhiên, người ấy nói: “Anh giống hệt anh ta! hai người như đúc chung một khuôn. Dù vậy, vì anh không phải là anh ta, anh hãy trả lại số tiền tôi đã đưa cho người bộ binh”.

Salman liền hoàn lại số tiền, từ biệt, đi thẳng ra cổng thành phố và trở về Hindiyan.

Khi Đức Baha’u’llah đến Iraq, người đưa thư đầu tiên đạt tới sự hiện diện Thiêng liêng của Ngài là Salman, rồi người lại trở về Hindiyan mang những kinh bản của Ngài về cho các đạo hữu. Mỗi năm một lần người được phước này đi bộ đến thăm Đấng Kính yêu nhất của mình, sau đó ra đi, mang theo những kinh bản đến nhiều thành phố, như Isfahan, Shiraz, Kashan, Tihan ...

Từ năm 69 đến năm Đức Baha’u’llah thăng thiên 1309 A.H³, Salman đến đều mỗi năm một lần, rồi ra đi với các kinh bản, giao Chính xác cho chính mỗi người được gửi đều đặn mỗi năm trong suốt thời gian đó, người đi bộ từ Iran đến

³ Từ năm 69 kể từ 1309 A.H tức là năm 1853 ; 1892

Iraq hoặc đến Adrianople, hoặc đến Nhà tù Vĩ đại Nhất ở Akka, đến với sự nhiệt tình và tình yêu lớn nhất rồi, và rồi lại trở về.

Người có sức chịu đựng rất phi thường. Người đi bộ, và như giữ lệ không ăn gì ngoài bánh mì; và trong suốt cuộc hành trình đó người không bao giờ bị lạc đường, và không bao giờ làm mất lá thư hoặc một Kinh bản nào. Mọi lá thư đều được giao an toàn, mọi kinh bản đều đến tay đúng người nhận. Ở Isfahan, người gặp đi gặp lại những thử thách nghiêm trọng, nhưng người vẫn kiên nhẫn và tạ ơn trong mọi tình huống, và được những người không Baha'i xưng tụng là “Thiên thần Gabriel của người Babi”.

Suốt cả cuộc đời, Salman đã hiến dâng công đức lớn lao cho Chánh đạo của Thượng Đế, trở thành công cụ để phát triển Chánh đạo và đóng góp và niềm hạnh phúc của tín hữu, hằng năm mang tin mừng Thiên liêng đến các thành phố và các làng xóm ở Iran. Người rất được Đức Baha'u'llah yêu thương; Ngài đã dành cho người sự lưu tâm và ban cho ân huệ đặc biệt. Trong các Thánh thư, có cả những kinh bản được mặc khải vì người.

Sau khi Đức Baha'u'llah thăng thiên, Salman vẫn giữ lòng thành tín với Giao ước, đem hết năng lực ra phụng sự Chánh đạo. Và như từ trước, hằng năm người vẫn đến Nhà tù Vĩ đại Nhất để chuyển thư của tín đồ, và trở về Ba Tư với những thư phúc đáp. Cuối cùng, từ Shiraz người tung cánh về Vương quốc Abha.

Từ buổi hùng đồng lịch sử cho đến nay chưa có một sứ giả nào đáng tin cậy như thế, chưa có một người đưa thư nào có thể so sánh được với Salman. Người đã để lại những nhân thân đáng kính ở Isfahan, mà vì những xáo trộn ở Iran, hiện sống trong đau khổ. Chắc chắn là các bạn hữu sẽ lưu tâm tới những nhu cầu của họ. Cầu xin Thượng Đế Toàn vinh ban vinh quang cho người; xin gửi đến người lời chào và chúc tụng.

5 . Mirza Muhammad-Ali, the Afnan¹

Hồi sinh thời của Đức Baha'u'llah, suốt những thời gian tệ hại nhất ở Nhà tù Vĩ đại Nhất, người ta không cho phép bất cứ đạo hữu nào ra hoặc vào vòng thành Nhà tù, “Gã đội nón lệch”² và “Siyiyid”³ sống ở cổng số hai, luôn luôn canh giữ ở đó, ngày cũng như đêm. Mỗi khi họ do thám thấy một lữ khách Baha'i, họ liền hối hả đi gặp tổng trấn và báo rằng lữ khách vừa mang thư đến và sẽ mang thư trả lời trở về. Tổng trấn liền bắt lữ khách, tịch thu thư từ, giam cầm một thời gian rồi đuổi đi. Điều này đã thành một thông lệ đối với nhà cầm quyền và tiếp tục trong thời gian tới chín năm, sau đó nói dần và bỏ hẳn.

Chính trong giai đoạn gay go như thế, vị Afnan, Haji Muhammad-Ali - nhánh vĩ đại nhất của Cây thiêng liêng, đã du hành đến Akka, đi từ Ấn Độ đến Ai Cập, từ Ai Cập đến Marseilles. Một ngày nọ, Ta đứng trên quán thương buôn, lúc đó có một số tín đồ đang ở cạnh Ta và Ta đang đi tới đi lui. Trời khá nheo tối. Ta chợt nhìn ra bờ biển xa và thấy một chiếc xe đang đến gần. Ta bảo: “Này các bạn, Ta cảm thấy có một người thánh thiện trong chiếc xe ấy”. Xe lúc này hẳn còn xa, mắt chưa thấy được rõ.

Ta bảo họ: “Ta hãy đi đến cổng đi. Dù họ không cho chúng ta ra ngoài, chúng ta vẫn đứng đó cho tới lúc người ấy đến. Ta chọn một vài người cùng với ta đi tới cổng.

Ở cổng thành phố, Ta gặp người lính canh, cho riêng y một món quà và bảo: “một chiếc xe đang đến đây và Ta nghĩ rằng một người bạn của Ta ngồi trong đó. Khi xe đến đây, đừng ngăn trở nó, và đừng báo lại với Tổng đốc”. Y đặt cho Ta một chiếc ghế và Ta ngồi đợi.

Lúc này mặt trời đã lặn. Họ đã đóng cổng chính, nhưng cửa nhỏ hãy còn mở. Người gác cổng ở bên ngoài, xe đến nơi và vị khách đã tới. Mặt người sáng rõ lạ lùng! Khắp thân thể người từ đầu đến chân là ánh sáng. Chỉ nhìn thấy mặt người cũng đủ khiến Ta vui sướng; người rất vẫn tin, an tâm và kiên định trong Chánh đạo, và phong cách người rất tươi vui. Người thật sự là một nhân vật được

¹ Afnan : Người thuộc dòng dõi Đức Bab

² Tức Aqa Jan

³ Tức Siyyid Muhammad, kẻ Phán Chúa trong Mặc khải Baha'i

chúc phúc. Người là nhân vật đạt tới sự tiến bộ mỗi ngày, người có thêm xác tín và tin tưởng, thêm phẩm hạnh sáng chói, thêm tình yêu nồng nhiệt mỗi ngày. Trong mấy ngày trải qua ở Nhà tù Vĩ đại Nhất người đạt tiến bộ phi thường. Vấn đề là khi xe của người chỉ mới đi một đoạn từ Haifa đến Akka, người ta đã có thể nhận thấy tinh thần của người, ánh sáng của người.

Sau khi nhận được ân phúc vô lượng do Đức Baha'u'llah tuôn đổ xuống, người được phép ra đi, và người đã du hành đến Trung Quốc. Suốt thời gian dài ở đó, người trải qua những ngày tưởng nhớ đến Thượng Đế và theo cách thức đẹp lòng Đấng Thiêng liêng. Về sau người đi Ấn Độ và qua đời tại đó.

Vị Afnan tôn quý khác và những đạo hữu ở Ấn Độ thấy cần di chuyển di thể người về Iraq, như thể là đưa đến Najaf để được an táng gần Thành phố Thiêng liêng; vì người Hồi giáo không cho người an nghỉ trong nghĩa địa của họ, và di thể người được đặt vào một hòm tạm để cất giấu. Aqa Siyyid Asadu'llah, lúc đó sống tại Bombay, được giao phó trách nhiệm chuyển hài cốt người về Iraq. Trên tàu có những người Ba Tư phản nghịch và những người này, ngay khi đến Bushir, đã tố cáo rằng, hòm của Mirza Muhammad-Ali người Babi được mang đến Najaf để an táng nơi thung lũng Bình an, gần Khuôn viên Thiêng liêng của Lãng, và điều đó không thể chấp nhận được. Họ tìm cách đưa hòm ra khỏi tàu, nhưng họ đã thất bại; như thế đủ biết phán lệnh bí nhiệm của Thượng Đế hiệu lực như thế nào.

Di thể người được đưa đến Basra. Và vì đó là giai đoạn mà các tín đồ còn phải ảm mình, nên Siyyid Asadu'llah vẫn tiến hành như thể là sẽ thực hiện việc chôn cất ở Najaf, nhưng vẫn hy vọng bằng cách này hay cách khác sẽ lo việc mai táng gần Baghdad. Dù Najaf từng là và mãi mãi sẽ còn là thành phố thánh, nhưng các bạn hữu đã chọn một nơi khác. Bởi vậy Thượng Đế đã xúi giục kẻ thù cản trở việc chôn cất ở Najaf. Họ ùa vào, tấn công trạm kiểm dịch để đoạt lấy thi hài, rồi hoặc chôn ở Basra hoặc ném xuống biển hoặc vứt nơi sa mạc.

Sự việc diễn ra nghiêm trọng như thế khiến cuối cùng không thể đưa được thi hài đến Najaf, và Siyyid Asadu'llah phải đưa thi hài đến Baghdad. Tại đây cũng thế, không có chỗ nào để chôn an toàn thi thể vị Afnan, hầu tránh sự quấy phá bởi bàn tay kẻ thù. Cuối cùng vị Siyyid quyết định đưa thi hài đến Lãng của Ngài Salman - Đấng Thanh khiết⁴ của Ba Tư ở cách Baghdad năm farsakh⁵, và

⁴ Salman- Đấng Thanh khiết là Đấng Tiên phong của tiên tri Muhammad

⁵ Farsakh là Quảng đường la đi trong một giờ, tức khoảng 3 hoặc 4 dặm Anh

chôn di hài trong ở Ctesiphon, gần Lăng Đấng Salman, cạnh cung các vua Sasanian. Thi hài được đem đến đây trong sự phò trợ của Thượng Đế, và được long trọng đặt xuống nơi an nghỉ chắc chắn ở gần cung Nawshiravan.

Định mệnh đã an bài sau 1300 năm, từ thời mà cô đô của các vị vua Ba Tư xưa bị tàn phá, không còn sót dấu vết gì ngoài đá vụn và những đồi cát, và chính mái cung điện bị nứt gãy khiến một nửa đã sụp xuống đất - chính cung điện này, nay đã tìm lại vẻ huy hoàng, nguy nga vương giả thời xưa. Nó là một vòng cung uy nghi. Bề rộng của lối vào là 52 bước và nó vươn lên rất cao.

Thế là ân phúc của Thượng Đế lại bao trùm lên những người Ba Tư của một thời xa xưa, để cho cái kinh đô tàn tạ ấy được xây lại và lại trở thành sung mãn. Trong chủ đích này, với sự trợ giúp của Thượng Đế, nhiều biến cố đã xảy ra khiến một vị Afnan được an táng nơi đây, và chắc chắn là một thành phố tự hào sẽ được dựng lên ở chốn này. Ta đã viết nhiều thư, cho tận đến khi cát bụi thiêng liêng được đặt xuống an nghỉ ở nơi này. Từ Arsa, Siyyid Asadu'llah đã viết thư cho Ta, và ta đã phúc đáp. Một công chức ở đó hoàn toàn tận tụy với chúng ta, và Ta đã chỉ thị cho người làm hết mọi điều cần thiết. Từ Baghdad, Assadu'llah báo tin cho Ta rằng, người hoàn toàn bế tắc, không sao đặt thi hài xuống nơi an nghỉ. Người viết: “Nơi nào con có thể chôn thi hài, họ đều có thể đào lên”.

Cuối cùng, xin ca ngợi Thượng Đế, thi hài đã được đặt xuống chính ở chỗ Đấng Phúc Mỹ thường lui tới; chính nơi đó đã vinh hạnh tiếp đón bước chân Ngài, nơi đó Ngài đã Mặc Khải những kinh bản, nơi mà những tín đồ Baghdad đã được sống kề cận Ngài; đó chính là nơi Đấng Tối đại danh thường dạo qua. Nhờ đâu điều đó có thể xảy ra? Đó là nhờ sự tinh khiết tâm hồn của vị Afnan. Thiếu nó, tất cả các phương cách và phương tiện đều không đạt được kết quả. Quả thực, Thượng Đế là Đấng Vận chuyển cả trời và đất.

Ta rất yêu quý vị Afnan. Bởi có người mà lòng Ta vui. Ta đã mặc Khải cho người một bản kinh dài Viếng nơi Thánh và giữ bản kinh ấy cùng nhiều giấy tờ khác về Ba Tư. Nơi chôn cất người là một trong những nơi thánh mà một đền thờ nguy nga sẽ được dựng lên. Nếu được, vòm cung hiện nay của cung điện các vua phải được tái tạo thành đền thờ. Những tòa kiến trúc phụ của đền thờ cũng phải được dựng lên nơi đó: bệnh viện, trường học phổ thông và đại học, nhà chẩn tế

cho người nghèo khó; và cả những nhà ở cho trẻ mồ côi và kẻ bơ vơ, cùng với nhà nghỉ cho lữ khách nữa.

Tiếc thay! Tòa cung điện ấy đã từng được tô điểm huy hoàng. Nhưng ngày nay chỉ có mạng nhện giăng ở những nơi trước kia là rèm ren vàng, nơi trước kia vang tiếng trống vua và các nhạc sĩ biểu diễn, nay chỉ còn tiếng diều, tiếng quạ chói tai. “Đây quả là kinh đô của xứ sở loài chim cú, nơi mà người không được nghe âm thanh nào ngoại trừ dư vang những tiếng kêu liên tục của chúng.” Đó là tình trạng của các trại khi chúng tôi đến Akka. Ở bên trong các bức tường có mấy cái cây, ở trên cành cây cũng như trên các ổ châu mai, cú kêu suốt đêm. Tiếng cú kêu làm lòng người xao xuyến, làm lòng người u buồn.

Từ buổi ấu thơ cho đến tuổi già suy yếu, nhánh thánh hiện trên Cây Thiêng liêng ấy, với vẻ mặt tươi cười, chiếu sáng như một ngọn đèn giữa mọi người. Rồi người lao tới và bay lên cõi vinh quang bất diệt, và phóng mình trong đại dương ánh sáng. Cầu cho Hơi thở của Thượng Đế Đấng Đại khoan dung, tuôn đổ trên người. Cầu cho lượng từ bi và ân huệ của Thượng Đế tràn ngập người, trong khi người đắm mình trong biển thiên phúc và khoan dung.

6 . Haji Mirza Hasan, the Afnan

Trong số những nhân vật cao quý nhất đã rời quê hương để đi theo Đức Baha'u'llah có Mirza Hasan, vị Afnan vĩ đại, người mà suốt những ngày sau cùng đã được vinh dự di cư và nhận được ân huệ và sự gán gũ của Chúa mình. Vị Afnan, người thuộc dòng dõi Đức Bab, đã đặc biệt được Ngòi bút Tối cao mệnh danh là nhánh của Cây thiêng liêng. Khi còn là một cậu bé, người đã nhận được thiên phúc nơi Đức Bab, và đã tỏ rõ sự gắn bó với Đấng Mỹ lệ sáng chói ấy. Khi chưa hẳn là thiếu niên, người lui tới các hội tri thức, và bắt đầu học cách học các ngành khoa học và nghệ thuật. Ngày và đêm người suy ngẫm về những vấn đề tâm linh trừu tượng nhất, và bàng hoàng chiêm nghiệm những dấu hiệu uy hùng của Thượng Đế như được viết trong sách của cuộc sống. Người trở nên uyên bác cả trong những ngành khoa học vật chất như: Toán học, hình học, và địa lý; tóm lại người nắm vững nhiều ngành học, làu thông tư tưởng cổ kim.

Là người làm nghề doanh thương, người chỉ dành một ít thì giờ trong ngày và buổi tối cho nghề nghiệp, còn phần lớn thời gian người hướng vào việc thảo luận và nghiên cứu. Người thực sự thông thái, và là niềm vẻ vang lớn cho Chánh đạo của Thượng Đế trong số những nhà học thức thượng hạng. Chỉ với mấy câu súc tích, người có thể làm sáng tỏ những vấn đề rắc rối. Văn của người thật ngắn gọn, nhưng tự nó là một thứ phép lạ.

Dù rằng người trở thành tín đồ vào thời Đức Bab, nhưng vào thời Đức Baha'u'llah, người mới thật sự bùng cháy. Đến lúc ấy, tình yêu của người đối với Thượng Đế mới đốt cháy hết các màn che và tư tưởng rỗng tuếch. Người hết lòng truyền bá Chánh đạo của Thượng Đế, trở thành nổi tiếng khắp nơi vì tình yêu nồng nhiệt của người đối với Đức Baha'u'llah.

Tình yêu hồi, ta đắm chìm, say mê, choáng váng
Trên thế gian, ta là kẻ mê dại vì tình
Họ gọi ta là người điên bậc nhất
Dẫu ta hằng đứng đầu về sự chùng mực và khôn ngoan...

Sau khi Đức Bab thăng thiên, người được cái vinh dự cao cả là phụng sự và chăm sóc người bạn đời tôn quý và thánh thiện của Đấng Chúa Thiên Phúc. Người ở Ba Tư, khóc than về sự chia ly cùng Đức Baha'u'llah, khi người con trai

uru tú của người, do hôn nhân đã trở thành người thuộc Gia đình Thánh. Về việc này, vị Afnan rất vui mừng. Người rời Ba Tư, và hồi hải đến nương mình dưới hồng ân của Đấng Kính yêu. Người là nhân vật tuyệt vời để gần gũi, mặt người rực sáng đến nỗi cả những người không phải tín đồ cũng phải thường nói rằng trán người phát ra hào quang thiên Thượng.

Người đi xa một thời gian, và lưu ngụ tại Beirut, ở đó người gặp nhà thông thái lỗi lạc, Khajih Findik. Nhân vật này nồng nhiệt ca ngợi sự uyên bác của vị Đại Afnan trong nhiều giới, khẳng định rằng một con người hiểu sâu biết rộng như thế thật hiếm có ở khắp đông phương. Sau này vị Afnan trở về thánh địa, định cư gần Thánh thất ở Bahji và hướng trọn tâm tưởng về những phương diện của nền văn hóa nhân bản. Người dành thật nhiều thời gian để khám phá những bí mật của cõi trời, theo dõi chi tiết những chuyển động của các vì sao. Người có viễn vọng kính để quan sát hàng đêm. Người sống cuộc đời hạnh phúc, thanh thoi và vui vẻ. Được sống gần Đức Baha'u'llah, ngày của người đầy lạc thú, đêm của người rực rỡ như buổi sáng đầu xuân

Nhưng rồi Đấng Kính yêu rời bỏ thế gian. Sự bình an của vị Afnan bị tan vỡ, niềm vui của người biến thành sầu muộn. Tai ương tới thượng đổ lên người chúng tôi, sự chia ly thiêu đốt chúng tôi, những ngày vốn rực rỡ hóa thành tăm tối như đêm, và tất cả những hoa hồng trong thời gian qua chỉ còn là bụi mờ, đá vụn. Người sống thêm trong ít lâu, tìm người âm i cháy, mắt người đẫm lệ. Nhưng người không thể chịu nổi sự mong nhớ Đấng Kính yêu, nên chỉ ít lâu, linh hồn người từ bỏ cuộc sống này và bay về cõi vĩnh cửu; đi vào thiên đàng hội ngộ đời đời và đắm chìm trong đại dương ánh sáng. Cầu mong cho đức khoan dung lớn nhất, lượng từ bi dồi dào nhất và mọi ơn phước tuôn đổ lên người qua các thời đại và các chu kỳ. Mộ thiên của người ở Akka trong khu Manshiyyih.

7 . Muhammad-Aliy-i-Isfahani

Muhammad-Ali người đến thành phố Isfahan là một trong số những tín đồ đầu tiên được hướng dẫn đến với Chánh đạo ngay từ buổi đầu. Người là một nhà huyền học; nhà người là một nơi hội họp của những nhà huyền học và những triết gia. Là người quý phái, có tâm hồn cao thượng, người là một trong những công dân được kính trọng nhất, và phụng sự như một người tiếp đãi, một người che chở cho mọi kẻ xa lạ, giàu cũng như nghèo. Người có lòng nhiệt tình, có tính khí ưu việt, nhẫn nại, hòa nhã, rộng lượng, và người bạn vui tính; và cả thành phố đều biết người có cuộc sống an nhàn.

Rồi người được đưa đến chỗ chấp nhận Chánh đạo, và bùng cháy bởi ngọn lửa trên Cây Sinai. Nhà người biến thành trung tâm truyền giáo, hiến dâng cho Vinh quang của Thượng Đế. Ngày và đêm các tín hữu đổ về đó, như về với ngọn đèn thấp sáng bằng tình yêu thiên thượng. Suốt một thời gian dài, những câu thánh thi được ca ngâm trong ngôi nhà ấy và những bằng chứng rõ ràng được nêu lên. Dù điều này được biết đến rất nhiều, nhưng không ai quấy rầy Muhammad-Ali, vì người là anh em với vị Imam-Jumih ở Isfahan. Nhưng rồi cuối cùng sự việc đã diễn biến xấu đến mức, chính vị Imam-Jumih đã cử người đi xa, với lý lẽ là: “Anh không còn che chở cho em được nữa. Sinh mạng em đang bị đe dọa nghiêm trọng. Cách tốt nhất là em hãy rời xa nơi đây, thực hiện một chuyến du hành.

Người rời gia đình đến Iraq, và vào nơi hiện diện của Đấng Khát khao của thế giới. Người ở đó ít lâu, và đạt được sự tiến bộ mỗi ngày, người không có nhiều phương tiện sống, nhưng rất sung sướng và mãn nguyện. Là người có tính khí ưu việt, người thân thiện với các tín hữu cũng như với những người khác.

Khi Đức Baha'u'llah và đoàn tùy tùng rời khỏi Baghdad để đi Andrianople, Muhammad-Ali cũng được theo Ngài, và tiếp tục cùng Ngài đến xứ Huyền bí, Andrianople. Không bao giờ bị dao động, người luôn giữ lòng như nhất. Dù bất cứ chuyện gì xảy ra, người vẫn không thay đổi. Cả khi ở Andrianople, người vẫn sống những ngày hạnh phúc dưới sự che chở của Đức Baha'u'llah. Người cũng lo làm ăn, công việc tuy tầm thường, nhưng mang lại thu nhập rất dồi dào.

Từ Andrianople, Muhammad-Ali theo Đức Baha'u'llah đến thành Akka, bị giam cầm và được kể trong những bạn tù của Đức Baha'u'llah cho đến mãn đời, vươn tới sự thành đạt nổi bật nhất là được ở chung nhà tù với Đấng Phúc Mỹ.

Đời người là một chuỗi ngày đầy lạc phúc. Ở đây, người thực hiện việc làm ăn nhỏ trong thời gian từ sáng tới trưa. Buổi chiều người lấy chiếc ấm Samovar, cho vào chiếc túi màu sẫm tái chế từ túi yên ngựa, rồi người đến một nơi nào đó, trong một ngôi vườn hoặc ngoài đồng để dùng trà. Có khi người đến trang trại Mazraih hoặc vườn Ridvan; hoặc người đến Thánh thất để được vinh dự thăm hạ Đức Baha'u'llah.

Muhammad-Ali chú tâm ghi nhận mọi ơn phước đến với người. Người nhận định: “Trà của tôi hôm nay mới thơm ngon làm sao. Hương thơm đến thế, màu đẹp đến thế!. Đồng cỏ này tuyệt vời, những đóa hoa kia thật rực rỡ!”. Người thường nói mọi vật có mùi thơm đặc biệt của nó, kể cả không khí và nước. Đối với người, ngày tháng trôi qua trong niềm lạc thú khôn tả. Thiên hạ bảo, cả đến các vua cũng không được hạnh phúc bằng ông già này. Họ nhận định: “Ông ấy hoàn toàn thoát khỏi thế tục. Ông ấy sống trong niềm vui. Thức ăn của người cũng là thứ ngon nhất, và nhà người nằm ở nơi tốt nhất ở Akka. Tạ ơn Thượng Đế!, ở đây người chỉ là một người tù, thế mà người được hưởng thanh thoi, an bình và vui sướng.

Đến ngoài 80 tuổi, Muhammad-Ali mới về cõi ánh sáng vĩnh cửu. Người được nhận nhiều Kinh bản của Đức Baha'u'llah và nhận được ân phúc vô biên trong mọi hoàn cảnh. Cầu xin Thượng Đế, Đấng Toàn vinh ban vinh quang cho người. Cầu xin muôn vàn ơn phước thiêng liêng tuôn đổ xuống người; cầu xin Thượng Đế gia ân ban cho người sự vui mừng đời đời. Ngôi mộ rực rỡ của người nằm tại Akka.

8 . Abdu's Salih, Người làm vườn

Trong số những người di cư và bầu bạn với nhau trong Nhà tù Vĩ đại Nhất có Aqa Abdu's Salih. Linh hồn ưu tú này, người con của thế hệ tín đồ đầu tiên này đến từ Isfahan. Đáng Nghiêm phụ có tấm lòng cao cả của người đã qua đời, người lớn lên trong cảnh mồ côi. Không có ai nuôi dạy và chăm sóc người, và người có thể bị hãm hại bởi bất cứ ai. Thế mà khi lớn lên, người đã tìm Đáng Kính yêu của mình. Người di cư đến Nhà tù Vĩ đại Nhất, và tại đây, tại vườn Ridvan, người đã đạt tới vinh dự được chỉ định chăm sóc vườn. Trong công việc này, người không hề thua kém một ai. Trong đức tin của người cũng thế, người kiên định, trung thành và đáng tin cậy. Còn về tính hạnh của người, người là biểu hiện của câu thánh thi “Người có bản chất cao quý”¹ Đó là lý do tại sao người được chọn chăm sóc vườn Ridvan và nhận được ơn phước lớn lao nhất: gần như mỗi ngày, người được đến trước sự hiện diện của Đức Baha'u'llah.

Đáng Tồi Đại danh bị bỏ tù và bị giam giữ suốt 9 năm trong thành trì Akka; và suốt mọi lúc, cả khi ở nơi trại giam và sau này, ở bên ngoài nhà ở, cảnh sát và lính phòng vệ canh giữ Ngài rất nghiêm ngặt. Đáng Phúc Mỹ sống trong ngôi nhà rất nhỏ, và không bao giờ Ngài bước chân ra khỏi nơi cư trú chật hẹp đó, vì những kẻ áp bức liên tục canh giữ cửa. Tuy vậy, khi 9 năm đã trôi qua, những ngày dài thiên định đã chấm dứt; và đến lúc ấy, bất chấp ý chí hiểm thù của bạo chúa Abdul Hamid và những thuộc hạ của ông ta, Đức Baha'u'llah đã rời khỏi thành trì với tất cả thẩm quyền và uy lực, và ngôi thánh thất Vương giả biến thành nhà Ngài. Dù chính sách của Sultan Abdul Hamid thô bạo hơn bao giờ hết; dù ông ta luôn nhắc nhở là Người tù của ông phải được giam giữ nghiêm ngặt - dù vậy, lúc này ai cũng biết là Đáng Phúc Mỹ sống với tất cả uy quyền và vinh quang. Thịnh thoảng Đức Baha'u'llah đến ở tại Thánh Thất, rồi lại đến làng trại Mazraih; Ngài lưu lại Haifa trong ít lâu, và nhiều lúc dựng lều trên núi Carmel. Đạo hữu từ khắp nơi kéo đến và được Ngài tiếp kiến. Dân chúng và viên chức chính quyền chứng kiến những điều đó, nhưng không ai nói năng gì. Và đây là một trong những phép lạ lớn nhất của Đức Baha'u'llah: rằng Ngài, một người bị giam giữ, đã tự bảo vệ chắc chắn và Ngài nắm giữ uy quyền. Nhà tù biến thành cung điện, trại giam hóa thành địa đàng. Chuyện như thế chưa hề xảy ra trong lịch sử; không thời đại xưa nào chứng kiến chuyện giống như thế: rằng một người bị giam trong nhà tù có

¹ Koran 68:4

thể đi đó đây với thẩm quyền và uy lực, rằng một người bị xiềng xích có thể đưa danh tiếng Chánh đạo của Thượng Đế lên tận trời cao, có thể đạt thắng lợi huy hoàng ở cả Đông phương và Tây phương, và có thể chế ngự thế giới bằng ngòi bút hùng mạnh của mình. Đó là nét nổi bật của Biểu hiện Thần tính Tối cao này.

Một hôm các nhà lãnh đạo chính quyền, những trụ cột của đất nước, những vị ulama² trong thành phố, những nhà huyền học và những nhà trí thức bậc nhất đã kéo đến thánh thất. Đấng Phúc Mỹ không quan tâm tới họ và không hỏi gì về họ. Ta đã tiếp và nói chuyện với họ mấy giờ liền, sau đó ai về chỗ nấy. Mặc dù sắc chỉ của vua định rõ rằng, Đức Baha'u'llah phải bị giam riêng ở bên trong thành Akka trong một xà lim, và phải được canh giữ liên tục; rằng Ngài không bao giờ được bước chân ra ngoài; rằng Ngài không bao giờ được gặp tín đồ - bắt chấp cái chiếu chỉ, cái lệnh gắt gao như thế, lều Ngài vẫn được dựng uy nghi trên núi Carmel. Còn có sự biểu lộ quyền lực nào lớn hơn điều này, rằng chính từ nhà tù, ngọn cờ của Đấng Chúa được dương cao, và tung rộng ra cho cả thế giới thấy! Đấng ca ngợi thay Đấng Sở hữu của sự uy nghi và quyền lực như thế; Đấng tôn vinh thay Đấng cầm quyền binh với uy lực và vinh quang; đáng chúc tụng thay Đấng đã đánh bại các kẻ thù khi Ngài bị giam giữ trong nhà tù Akka.

Tóm lại! Abdu's-Salih đã sống dưới ngôi sao đại cát, vì người thường được đến trước sự hiện diện của Đức Baha'u'llah. Người được hưởng cái đặc ân làm kẻ giữ vườn trong nhiều năm, và người luôn luôn trung thành, chân thật và vững mạnh trong đức tin. Người giữ sự khiêm nhường trước tất cả các bạn hữu; suốt thời gian đó người không và làm tổn thương hoặc xúc phạm một ai. Rồi cuối cùng người rời bỏ ngôi vườn và hối hả tìm đến cõi bác ái bao trùm của Thượng Đế.

Đấng Mỹ lệ Xưa rất hài lòng với Abdu's-Salih, và sau khi người qua đời, Đức Baha'u'llah đã mặc khải một Bản kinh phúng viếng người, và công bố một bài giảng về người, các bài này đã được ghi lại và in chung với các Thánh thư khác.

Cầu cho vinh quang của Đấng Toàn vinh tuôn đổ trên người! Cầu cho sự thanh tao và ân huệ của Thượng Đế tuôn đổ xuống người trong Cõi Tối thượng.

² Ulama học giả Hồi giáo

9 . Ustad Isma'il

Còn một người nữa trong đoàn người được chúc phúc ấy là Ustad Isma'il, nhà xây dựng. Ông là người quản lý xây dựng của Farrukh Khan (Aminu'd Dawlinh) ở Tihran, sống hạnh phúc và thịnh vượng, một người có uy tín cao được mọi người tôn trọng nhiều. Nhưng lòng ông đắm chìm trong Chánh đạo, và mê man trong đó cho đến khi khát vọng thiêng liêng của ông đốt sạch mọi màn che. Rồi ông gạt bỏ hết mọi sự dè dặt, và thành nổi tiếng khắp Tihran, là một trụ cột của những người Baha'i.

Lúc đầu Farrukh Khan bảo vệ ông một cách có hiệu quả. Nhưng một thời gian sau, Farrukh Khan mời ông đến và bảo: “Ustad¹ này, tôi rất quý mến ông, ta đã che chở ông và hết sức bênh vực ông. Nhưng Quốc vương đã biết về ông, và ông cũng biết Quốc vương là một bạo chúa khát máu như thế nào. Ta sợ rằng người sẽ đột ngột bắt ông và treo cổ ông. Điều tốt nhất cho ông là nên thực hiện một chuyến đi xa. Hãy rời đất nước này, hãy đến nơi khác để thoát con nguy biến”.

Bình thản, vui sướng, Ustad rời bỏ công việc, nhắm mắt trước tài sản riêng, và lên đường sang Iraq, ở đó ông sống trong cảnh nghèo nàn. Ông vừa cưới vợ, và yêu nàng vô cùng. Mẹ vợ ông đến nơi, kiếm cớ xin cho con gái bà trở về Tihran, như là để thăm nhà. Ngay khi về tới Kirmanshad, bà liền đến chỗ vị mujahid, và nói với vị này rằng, vì con rể bà đã bỏ đạo Hồi nên con gái bà không còn là vợ hợp pháp nữa. Vị mujahid đã dàn xếp vụ ly dị, và làm hôn phối cho cô gái với một người đàn ông khác. Khi tiếng đồn lan tới Baghdad, Isma'il vẫn luôn kiên định trong đức tin, và ông chỉ cười. Ông nói: “Thượng Đế đáng ca ngợi thay! Trên con đường này, tôi không còn gì cả. Tôi đã mất hết mọi thứ, kể cả vợ hiền. Tôi đã có thể hiến dâng Ngài tất cả những gì tôi có”.

Khi Đức Baha'u'llah rời khỏi Baghdad, và đi Rumelia, các tín đồ Ngài ở lại. Dân chúng Baghdad đã đứng lên chống đối những tín đồ bơ vơ ấy, và đưa họ đến Mosul làm những kẻ tù đày. Ustad đã già yếu, nhưng ông vẫn đi bộ, không được chu cấp gì cho cuộc hành trình, băng qua núi non và sa mạc, thung lũng và gò đồi, và cuối cùng đã đến Nhà tù Vĩ đại Nhất. Có lần Đức Baha'u'llah đã chép cho ông một bài thơ ca tụng của Rumi và khuyên ông nên hướng mặt về Đức Bab

¹ Ustad là thầy giáo

và hát lên những lời đã kết hợp thành điệu nhạc du dương. Và trong khi lặn lội qua những đêm dài tối tăm, Ustad đã hát những lời này:

Hỡi Đấng Kính yêu, trên cả địa cầu, con là kẻ mất trí vì tình yêu
Con đắm say, mê mết, và sững sờ
Họ gọi con là người điên số một
Dù con đã từng là người số một khôn ngoan và đầy tư cách

Hỡi Đấng Kính yêu, là Đấng ban cho con thứ rượu này²
Hỡi Đấng Kính yêu, vì Ngài mà con cháy thiêu và đổ máu,
Đấng Kính yêu, là Đấng con kêu cầu và mong ngóng
Ngài là người thổi sáo, và con là ống trúc.

Nếu Ngài muốn con sống
Xin hà hơi thổi Thánh linh Ngài vào người con.
Xin ban cho con ơn tiếp xúc của Chúa Giê-su,
Đấng đã làm hồi sinh một thời đại chết

Ngài là khởi thủy và là tận cùng,
Ngài ở bên ngoài và ở bên trong
Trước mắt mọi người, Ngài ẩn mình rất kỹ,
Tuy vậy trong mắt nào, Ngài cũng an vị

Người như một con chim bị gãy cánh, nhưng người có được bài hát, và bài hát đã giúp người tiến bước và đến được với Đấng Kính yêu thực sự của người. Ông lén lút đến được thành Akka và đi vào bên trong, nhưng ông bị kiệt lực, rã rời. Ông ở đó mấy ngày và được đến trước sự hiện diện của Đức Baha'u'llah. Sau đó ông được chỉ thị đến tìm chỗ ở tại Haifa. Ông đến Haifa, nhưng không tìm được chỗ nương thân, không hang, không ổ, không nước, không một hạt ngô. Cuối cùng ông kiếm được cái động ở ngoài thành phố để làm nhà. Ông dùng một cái khay nhỏ và trên đó những chiếc vòng bằng đất, những cái đê khâu, những cây kim và những đồ nữ trang rẻ tiền khác. Mỗi ngày từ sáng đến chiều ông đi bán rong những thứ này. Có những ngày ông bán được 20 para³, những ngày 30,

² Rượu này, như Rumi đã nêu ở một chỗ khác, là rượu đến từ bình “Quả thật như thế”. Nghĩa là, nó tiêu biểu cho giao ước đầu tiên thiết lập giữa Thượng Đế và con người vào cái ngày được hỏi “Ta không là chúa của các ngươi ư?”. Vào ngày ấy Đấng Sáng tạo triệu tập hậu thế thoát sinh từ lòng Adam và phán cùng những thế hệ chưa chào đời. “Ta không là Chúa của các ngươi ư?” Và họ đã đáp: “Quả thật như thế, Ngài là Chúa của chúng con”

Koran 7: 171

³ Một đồng para Thổ Nhĩ Kỳ bằng 1/9 cent

và những ngày đất nhất được 40. Rồi ông về nhà ở trong động và bằng lòng với một mẫu bánh mì.

Ông luôn luôn thốt ra lời tạ ơn, luôn luôn nói: “Thượng đế đáng ca ngợi vì đã giúp con đạt tới thiên phúc và ân huệ như thế; vì đã giúp con rời xa được cả bạn bè lẫn kẻ thù, và có được nơi ẩn náu trong cái động này. Giờ đây con đã được ở vào hàng những kẻ hiến dâng mọi thứ họ có, để mua Joseph thánh thiện ở ngoài chợ. Còn ơn phước nào lớn hơn ơn phước này!”.

Ông chết đi trong tình trạng như vậy đó. Không biết bao lần, người ta được nghe Đức Baha'u'llah tỏ bày về sự hài lòng về Ustad Isma'il. Ơn phước vây bọc lấy người, và mắt Thượng Đế luôn chiếu rọi vào người. Lời chào thăm và khen ngợi xin dành cho người. Cầu xin Vinh quang của Thượng Đế Toàn vinh tuôn đổ trên người.

10 . Nabil-i-Zarandi (Đại sử gia - tác giả sách Những người khai sáng)

Lại còn một người nữa, thuộc nhóm những người di cư khỏi quê hương để được sống gần Đức Baha'u'llah, đó là Nabil – đại sử gia.¹ Trong tuổi hoa niên, người già biệt gia đình ở Zarand, và bắt đầu truyền bá Chánh đạo nhờ sự phò trợ thiêng liêng. Ông trở thành người đứng đầu trong đạo quân những người yêu thương, và trong cuộc tìm kiếm của ông, ông rời bỏ vùng Iraq thuộc Ba Tư để tiến về vùng Mesopotanria, nhưng không gặp được Đấng mà ông muốn tìm. Vì lúc đó, Đấng Kính yêu đang ở Kurdistan, sống trong một cái động tại Sar-Galu; và tại đó, hoàn toàn đơn độc trong vùng đất hoang vu ấy, không người đồng hành, không bạn thân thiết, không linh hồn nào lắng nghe, Ngài thông công với vẽ mỹ lệ tồn tại trong chính lòng Ngài. Mọi tin tức về Ngài đều hoàn toàn bị cắt đứt; Iraq rơi vào tối tăm, và đang than khóc.

Khi Nabil khám phá ra rằng ngọn lửa có lần nhen lên và chầm chút nay như đã lụi tàn, rằng số tín đồ còn ít, rằng Yahya² đã bò vào một cái hang bí mật và đang nằm bất động bơ thờ ở trong đó, và rằng cái lạnh cắt da đang trùm khắp - ông phải đành rời bỏ nơi này, với niềm đau khổ đắng cay, để tiến về Karbila. Ông ở lại đó cho đến khi Đấng Phúc Mỹ từ Kurdistan trở về, và Ngài đi đến Baghdad. Lúc ấy niềm vui vô hạn dâng lên; mọi tín đồ trong xứ sống lại; trong số đó có Nabil, ông hồi hải đến trước sự hiện diện của Đức Baha'u'llah và trở thành người tiếp nhận những ơn phước lớn lao. Lúc này ông trải qua những ngày vui mừng, viết những bài tụng thi để ngợi ca Đấng Chúa của ông. Ông là một thi sĩ tài năng, và có tài hùng biện lớn; ông còn là người có dũng khí, và tình yêu nồng nhiệt nơi ông luôn rực cháy.

Một ít lâu sau, ông trở về Karbila, rồi quay lại Baghdad, và từ đó ông đến Ba Tư. Vì ông giao tiếp với Siyyid Muhammad nên bị dắt tới chỗ lầm lạc, ông bị khổ sở đốn đau và bị thử thách nhiều; nhưng giống như những ngôi sao băng, ông trở thành một chiếc hỏa tiễn vọt lên khỏi những tưởng tượng quỷ mị³, ông chổi bỏ

¹ Nabil tác giả sách *The Dawn Breaker* (Những người Khai sáng), là “thi sĩ được Đức Baha'u'llah tặng thưởng, là người biên niên sử của Ngài, là tổng đồ không mệt mỏi của Ngài. Xem Thượng Đế đi qua trang 30

² Mirza Yahya, người “đứng đầu cộng đồng trên danh nghĩa, là trung tâm được chỉ định tạm thời trong khi chờ đợi sự biểu hiện của Đấng Hứa hẹn. Xem Thượng Đế đi qua, trang 127-128

³ Đây nhắc tới một biểu tượng Hồi giáo, theo đó cái tốt được bảo vệ trước cái xấu; các thiên thần loại trừ những linh ác toan do thám cõi Trời, bằng cách phóng các sao băng vào chúng. Xem kinh Koran 15:18, 37:10, 67:5

những kẻ rêu rao điều ác và trở lại Baghdad, ở đó ông tìm được sự nghỉ ngơi dưới bóng Cây Thiêng liêng. Sau đó ông được lệnh đến viếng Kirmanshah. Ông lại trở về, và cứ mỗi chuyến đi ông lại thực hiện một công quả.

Rời Đức Baha'u'llah và đoàn tùy tùng của Ngài rời Baghdad, chôn “Thánh thất Hòa bình”, để đi Constantinople, “Thành phố của Hồi giáo”. Sau khi Đức Baha'u'llah lên đường, Nabil khoác lấy y phục của người khát sĩ, và đi bộ để đuổi theo cho kịp đoàn người lưu đày. Tại Constantinople, ông được lệnh phải trở lại Ba Tư để truyền bá Chánh đạo Thượng Đế tại đó; đồng thời đi khắp các nơi trong xứ, tìm gặp các tín đồ tại các thị thành, và làng mạc để báo tin về những gì đã xảy ra. Khi sứ mạng này đã hoàn thành, và tiếng trống “Ta không là Chúa các ngươi ư?” đã vang vọng - vì đó là “năm tám mươi”⁴ Nabil hồi hải tiến về Adrianople, vừa đi vừa hô lớn: “Quả thật như thế, Ngài là Chúa của chúng con! Quả thật như thế!” và “Lạy Chúa, lạy Chúa, con đang nhanh đến đây!”.

Ông đến trước sự hiện diện của Đức Baha'u'llah và được nhấp chén rượu hồng đào của sự trung thành và tôn vinh. Ông lại nhận được lệnh đặc biệt là phải đi khắp nơi và ở khắp mọi miền và cất cao lời kêu gọi rằng Đấng Thượng Đế đã biểu hiện, truyền bá tin mừng đầy phúc lạc, rằng Mặt trời Chân lý đã lộ dạng. Người ông, quả đang bốc cháy, được thôi thúc bởi tình yêu cực mạnh. Với nhiệt tình to lớn, ông đi khắp nước, mang theo sứ điệp tốt nhất trong mọi sứ điệp, và làm hồi sinh các tâm hồn. Ở mọi nơi hội họp, ông cháy bùng như ngọn đuốc; tại mọi đám đông, ông chiếu sáng như ngôi sao; và mọi kẻ đến với ông đều nhận được chiếc cốc say mê. Ông du hành như thể đi theo tiếng trống, và cuối cùng ông đến được thành trì Akka.

Vào những ngày ấy, sự hạn chế còn cực kỳ nghiêm ngặt. Các cổng đều đóng, các lối đi đều bị ngăn chặn. Ăn mặc cải trang, Nabil đến cổng thành Akka. Siyyid Muhammad và những người đồng mưu ác hại của ông ấy, liền đến tòa Tổng trấn và đặc điều vu cáo người lữ hành. Họ báo: “Y là một người Ba Tư. Y không có vẻ gì là người Bukhara. Y đến đây để lấy tin tức về Đức Baha'u'llah”. Chính quyền đã trục xuất Nabil ngay tức khắc.

Nabil đành lui về thị trấn Safad lòng đầy thất vọng. Sau này ông đi đến Haifa, và tại đây ông lưu ngụ trong một cái động trên núi Carmel. Ông sống xa cách với cả bạn bè và người xa lạ, than thở ngày và đêm, khóc lóc và hát lời cầu

⁴ Năm tám mươi nhắc tới biến cố Tuyên ngôn của Đức Baha'u'llah năm 1863, là Đấng Hứa Hẹn của đức Bab. Sự Giáng Thế của chính Đức Bab xảy ra “năm sáu mươi” tức 1844

nguyện. Ông ở ẩn tại đó, và đợi ngày các cánh cửa rộng mở. Khi thời gian tiên định cho cảnh giam cầm đã chấm dứt, và các cánh cổng mở rộng, và Đấng Khốn khổ phóng ra vẻ đẹp, sự uy nghi và vinh quang, Nabil hồi hả đến cùng Ngài với lòng rộn vui. Và ông sử dụng bản thân như một ngọn nến, đốt cháy dần bằng tình yêu của Thượng Đế. Ngày cũng như đêm, ông hát lời ngợi ca Đấng Kính yêu của cả hai thế giới và của cả những người xúm quanh thánh điện của Ngài, viết những câu thi theo thể ngũ âm hoặc lục âm, biên soạn những bài thơ trữ tình và những bài tụng thi dài. Hầu như hàng ngày, ông được châu hầu trước sự hiện diện của Đấng Biểu hiện.⁵

Điều này tiếp diễn cho đến ngày Đức Baha'u'llah thăng thiên. Trước nỗi đốn đau cao cả ấy, trước nỗi tai ương xé lòng ấy, Nabil khóc lóc, run rẩy và kêu gào tới Trời. Ông nhận thấy giá trị bằng số của từ ngữ “Shidad” - năm căng thẳng - là số 309, và như thế rõ ràng rằng, điều Đức Baha'u'llah tiên tri nay đã ứng nghiệm.⁶

Hoàn toàn bị suy sụp, tuyệt vọng vì xa cách Đức Baha'u'llah, xúc động mạnh, lệ tuôn trào, Nabil chìm trong nỗi phiền muộn đến nỗi ai thấy ông cũng bàng hoàng. Ông cố phấn đấu, nhưng khát vọng duy nhất của ông chỉ còn là dâng hiến cuộc đời. Ông không thể chịu đựng được nữa; niềm khát khao của ông rực cháy trong ông; ông không còn chịu đựng được nỗi khổ đau ghê gớm ấy nữa. Ông đã trở thành vị vua của những đạo quân yêu thương, và ông chạy ra biển.

Trước ngày mà ông quyết định dâng hiến cuộc đời, ông ghi lại năm qua đời của ông chỉ bằng một từ “tự trầm”⁷. Rồi ông ném cuộc đời ông xuống nước vì Đấng Kính yêu, và được giải thoát khỏi nỗi thất vọng, và không còn bị ngăn cách nữa.

Con người lỗi lạc này thật thông thái, khôn ngoan và hùng biện. Thiên Tài bẩm sinh của ông là do sự cảm ứng thuần khiết, tài năng về thi ca của ông giống như dòng pha lê. Đặc Biệt bài tụng ca của ông nhan đề “Baha, Baha!” được viết

⁵ Giáo lý Baha'i nhấn mạnh rằng “thần khí phó cho một Đấng Vĩ đại như thế và sự nhập thể trọn vẹn của tất cả các danh hiệu và đặc tính của Thượng Đế trong một Nhân vật Cao cả như thế, trong mọi tình huống, không ai được nhận thức lầm và giải thích lầm... rằng Đấng Thượng Đế vô hình và duy lý... dù chúng ta ca ngợi thần tính của các Đấng Biểu hiện của Ngài trên thế gian này nhiều đến đâu, cũng không có cách nào làm nhập thể Thực thể trùm khắp, bất hoại, bất khả tri, vô hạn của Ngài ở trong... một sinh vật hữu hoại.” Xem Đức Shoghi Effendi, trong sách Kỷ cứu độ của Đức Baha'u'llah

⁶ Theo giá trị mẫu tự đã được nhìn nhận, những chữ của những từ “Shidad” tổng cộng là 309. Năm 1892, năm Đức Baha'u'llah thăng thiên, là năm 1390 A.H

⁷ Ghariq. Những chữ hợp thành từ này có tổng là 1310, đó là năm Hijra, bắt đầu ngày 26.07.1892

trong trạng thái hoàn toàn xuất thần. Suốt đời ông, từ buổi thiếu thời và đến lúc già yếu, ông dùng thì giờ để phụng sự và tôn thờ Chúa. Ông chịu đựng bao gian lao, ông sống qua những nỗi bất hạnh, ông nhận lãnh mọi tai ương. Từ môi Đấng Biểu hiện, ông được nghe bao điều kỳ diệu. Ông được cho thấy ánh sáng thiên đàng; ông đạt được sự khát vọng tha thiết nhất. Và cuối cùng, khi vàng thái dương của thế giới đã lặn, ông không chịu đựng được nữa, và ông đã lao mình xuống biển. Nước của sự hi sinh bao bọc lấy ông, ông đã tự trầm, và cuối cùng, ông đã đạt tới cõi Tối cao.

Cầu cho ơn phước dồi dào tuôn đổ trên người ông; cầu cho hạnh phúc ngọt ngào được ban cho ông. Cầu cho ông đạt được sự thắng lợi lớn và đạt được thiên sủng huy hoàng nơi Vương quốc của Thượng Đế.

11 . Vị hành khất Darvish Sidq-‘Alí

Áqá Sidq-‘Alí là một trong số những người rời quê hương, để thực hiện hành trình đến với Đức Bahá’u’lláh và bị đưa vào Nhà tù. Ông ấy là một Darvish¹ hành khất; một người đàn ông sống tự do và tách biệt với bạn bè cũng như người lạ. Ông thuộc về nguyên tố thần bí và là một người thích chữ nghĩa. Ông đã dành một thời gian để mặc trang phục của sự nghèo khổ, uống rượu của Quy tắc và theo Đạo², nhưng không giống như những ông đồng của Hồi giáo Sufi khác, ông đã không công hiến cuộc đời của mình cho sự mê muội mơ hồ; trái lại, ông tự tẩy sạch những tưởng tượng viển vông của họ và chỉ tìm kiếm Thượng Đế, nói về Thượng Đế và đi theo con đường của Thượng Đế.

Ông có một năng khiếu thơ ca tuyệt vời và viết các bài hát ca tụng Ngài là Đấng mà thế giới đã sai lầm và khước từ. Trong số đó có một bài thơ được viết khi ông còn là tù nhân trong trại lính ở ‘Akká, câu đối chính trong đó ông viết:

Một trăm tâm hồn mắc rối trong búi tóc xoắn
Và mưa tâm hồn tuôn chảy khi Ngài xõa tóc

Ở Baghdad, linh hồn tự do và độc lập ấy đã khám phá ra, một dấu vết của Đấng Kính yêu không thể theo dõi. Ông ta đã chứng kiến sự ló dạng của Sao mai phía trên đường chân trời của Iraq, và nhận được ân phúc của mặt trời mọc đó. Ông ta đến dưới bóng của Đức Bahá’u’lláh, và bị mê hoặc bởi Người Đồng hành dịu dàng đó. Mặc dù ông là một người đàn ông trầm lặng, một người giữ yên bình của mình, nhưng chi thể của ông giống như chiếc lưỡi đang muốn kêu lên thông điệp của nó. Khi đoàn tùy tùng của Đức Bahá’u’lláh chuẩn bị rời Baghdad, ông ấy đã cầu xin sự cho phép để đi cùng với tư cách là một người trông nom ngựa. Cả ngày, ông ta đi bên cạnh đoàn xe, và khi đêm về ông sẽ chăm chú vào đàn ngựa. Ông ấy đã làm việc bằng cả trái tim mình. Chỉ sau nửa đêm, ông ta mới tìm đến giường của mình và nằm xuống để nghỉ ngơi; Tuy nhiên, chiếc giường là tấm áo choàng của ông ấy, và chiếc gối là một viên gạch đã được phơi nắng.

¹ Darvish hành khất (người tu khổ hạnh trong phái Hồi giáo Sufis)

² Path dịch là Đạo là từ dùng trong phái Hồi giáo Sufis

Khi ông đi du hành, tràn ngập tình yêu khao khát, ông hát những bài thơ. Ông ấy làm hài lòng những người bạn rất nhiều. Trong ông, cái tên ông Sidq³ đã bao phủ bản thân ông: ông là người trong sạch và chân lý; chính ông ấy là tình yêu; ông ấy có trái tim thuần khiết, và say mê Đức Bahá'u'lláh. Trong cương vị cao của mình, người trông ngửa, ông đã trị vì như một vị vua; quả thật ông ấy vinh quang hơn các những người cai trị của trái đất. Ông ấy đã chăm chỉ trong hiện diện nơi Đức Bahá'u'lláh; trong mọi việc, ngay thẳng và chân chính.

Đoàn xe yêu dấu cứ thế đi tiếp; đến được Constantinople; nó được chuyển sang Adrianople, và cuối cùng đến nhà tù 'Akká. Sidq-'Alí đã có mặt xuyên suốt, trung thành phục vụ Vị Chỉ huy.

Khi ở trong doanh trại, Đức Bahá'u'lláh đã tổ chức một đêm đặc biệt và Ngài đã dành nó cho Darvish Sidq-'Alí. Ngài viết rằng hàng năm vào đêm đó, các thầy tu nên đến một nơi nào đó nhóm họp, nơi đó nên ở trong một vườn hoa, và tụ tập ở đó để nhắc đến Thượng Đế. Ngài tiếp tục nói rằng “hàng khát” không nên là những người đi lang thang, dành cả đêm và ngày của họ để chiến đấu và điên rồ; thay vào đó, Ngài nói, thuật ngữ này chỉ những người hoàn toàn xa lìa tất cả, trừ Thượng Đế, người tuân theo luật pháp của Ngài, vững vàng trong Đức tin của Ngài, trung thành với Giao ước của Ngài và không ngừng thờ phượng. Nó không phải là một cái tên dành cho những người, như người Ba Tư nói, lang thang như những kẻ vô định, bối rối, bất ổn trong tâm trí, là gánh nặng cho người khác và cho tất cả nhân loại, là kẻ tồi tàn và thô lỗ nhất.

Thầy tu nổi tiếng này đã dành cả cuộc đời của mình dưới sự ưu ái che chở của Thượng Đế. Ông hoàn toàn tách rời khỏi những thứ trần tục. Ông đã phục vụ chu đáo, và hết lòng chờ đợi các tín đồ. Ông là tô tử cho tất cả họ, và trung thành trước Ngưỡng cửa Thiên liêng.

Rồi đến thời điểm, không xa Chúa của mình, ông ta cởi bỏ chiếc áo choàng của sự sống, và đôi mắt vật chất nhìn vào bóng tối, nhưng con mắt của trí óc lại tự nhìn mình với những gì đơn thuần như ban ngày; và ông đã được ngồi ở đó, trên một ngai vàng vinh quang lâu dài. Ông ta đã thoát khỏi nhà tù của thế giới này, và dựng lều của mình ở một vùng đất bao la và rộng rãi. Cầu xin Thượng Đế luôn giữ ông ấy gần gũi và ban phước cho ông ấy trong cõi huyền bí đó với sự đoàn tụ vĩnh viễn và khái tượng tuyệt đẹp; để ông ấy được bao bọc trong nhiều

³ Tên Sidq : nghĩa là chân lý

tầng ánh sáng. Để ông được là vinh quang của Thượng Đế, Đấng Toàn Vinh. Mộ của ông ấy ở 'Akká.

12 . Áqá Mírzá Mahmúd và Áqá Ridá

Hai linh hồn diễm phúc này, Mírzá Mahmúd ở Káshán và Áqá Ridá ở Shíráz, giống như hai ngọn đèn được thắp sáng bằng tình yêu của Thượng Đế từ dầu hiểu biết của Ngài. Được Thiên ân ban tặng từ thời thơ ấu, họ đã thành công trong việc thực hiện phụng sự dưới mọi hình thức trong suốt năm mươi lăm năm. Sự phụng sự của họ là vô số, không ghi chép nổi.

Khi đoàn tùy tùng của Đức Bahá'u'lláh rời Baghdad đến Constantinople, Ngài được thắp tùng bởi rất đông người. Trên đường đi, họ gặp nạn đói. Hai linh hồn này sai bước cùng nhau, trước ghế ngồi mà Đức Bahá'u'lláh đang cười, và vượt qua khoảng cách bảy hoặc tám farsakhs mỗi ngày. Mệt mỏi và uể oải, họ đến nơi dừng chân; mặc dù họ vẫn còn mệt, họ bắt tay ngay vào việc chuẩn bị và nấu nướng thức ăn để các tín đồ thấy thoải mái. Những nỗ lực họ thực sự nhiều hơn những gì thân thể có thể chịu đựng được. Có những lúc họ không ngủ quá hai hoặc ba giờ trong hai mươi bốn giờ; bởi vì, một khi bận bịu đã dùng bữa xong, hai người này sẽ bận rộn thu dọn và rửa bát đĩa và dụng cụ nấu nướng; điều này sẽ kéo họ đến nửa đêm, và chỉ sau đó họ mới được nghỉ ngơi. Vào lúc bình minh, họ sẽ đứng dậy, đóng gói mọi thứ và lại lên đường, trước ghế ngồi của Đức Bahá'u'lláh. Hãy xem họ đã thực hiện một việc phụng sự quan trọng như thế nào, và họ nhận được ân phúc: từ khi bắt đầu cuộc hành trình, ở Baghdad, cho đến khi đến Constantinople, họ được bên cạnh Đức Bahá'u'lláh; họ đã làm cho tất cả các bạn hữu hạnh phúc; họ đã mang lại sự nghỉ ngơi và thoải mái cho tất cả mọi người; họ chuẩn bị bất cứ điều gì khi có người yêu cầu.

Áqá Ridá và Mírzá Mahmúd là tinh hoa của tình yêu của Thượng Đế, hoàn dứt bỏ mọi thứ, trừ Thượng Đế. Trong suốt thời gian đó, không ai nghe thấy ai trong số họ lên giọng. Họ không bao giờ làm tổn thương và cũng không xúc phạm bất cứ ai. Họ đáng tin cậy, trung thành, chân thật. Đức Bahá'u'lláh đã ban phước cho họ. Họ liên tục bước vào sự hiện diện của Ngài và Ngài bày tỏ sự hài lòng của Ngài với họ.

Mírzá Mahmúd là một thanh niên khi ông đến Baghdad từ Káshán. Áqá Ridá trở thành một tín đồ ở Baghdad. Tình trạng thiêng liêng của cả hai là không thể diễn tả được. Ở Baghdad có một nhóm gồm bảy tín đồ hàng đầu sống trong một căn phòng nhỏ, duy nhất vì họ nghèo khó. Họ khó có thể giữ được thể xác và linh

hồn với nhau, nhưng họ rất tâm linh, rất hạnh phúc, đến nỗi họ nghĩ rằng mình đang ở trên Thiên đường. Đôi khi họ đọc kinh suốt đêm, cho đến ngày tàn. Ngày ngày, họ ra ngoài làm việc, và đến khi đêm xuống, một người sẽ kiếm được 10 đồng paras, người khác có lẽ là 20, những người khác thì 40 hoặc 50. Số tiền này sẽ được chi cho bữa ăn tối. Vào một ngày nào đó, một người trong số họ đã làm được 20 đồng paras, trong khi những người còn lại chẳng đồng nào. Người có tiền đã mua một số chà là, và chia sẻ chúng với những người còn lại; đó là bữa tối cho bảy người. Họ hoàn toàn hài lòng với cuộc sống thanh đạm, vô cùng hạnh phúc.

Hai người đàn ông được vinh danh này đã cống hiến những ngày của họ cho tất cả những gì tốt đẹp nhất trong cuộc sống con người: họ có đôi mắt tinh anh; họ có nhận thức và giác ngộ; họ có đôi tai thính nhạy và lời nói công bằng. Mong muốn duy nhất của họ là làm hài lòng Đức Bahá'u'lláh. Đối với họ, chẳng có gì là ân phúc, ngoại trừ sự phụng sự tại Ngưỡng cửa Thiêng liêng của Ngài. Sau thời gian xảy ra Sự Muộn phiền Cao nhất, họ đã bị tiêu hao bởi nỗi buồn, như những ngọn nến lung linh vụt tắt; họ khao khát cái chết và kiên định trong Giao ước và làm việc chăm chỉ và quán xuyến để truyền bá Chánh đạo của rặng đông này. Họ là những người bạn đồng hành thân thiết và đáng tin cậy của Đức 'Abdu'l Bahá, và có thể tin cậy trong mọi việc. Họ luôn luôn hạ mình, khiêm tốn, không tự phụ, nhẹ nhàng. Trong suốt thời gian dài đó, họ chưa bao giờ thốt ra một lời nào liên quan đến bản thân.

Và cuối cùng, trong sự vắng mặt của Đức 'Abdu'l Bahá, họ đã đáp chuyến bay đến Vương quốc của vinh quang không phai mờ. Ta đã buồn rất nhiều, vì Ta không ở bên họ khi họ qua đời. Dù vắng mặt về thân xác, tâm hồn Ta hiện diện ở đó, và khóc thương họ; nhưng bề ngoài có vẻ như Ta đã không từ giả họ một cách xứng đáng; đây là lý do tại sao Ta đau buồn.

Gởi lời chào và lời khen ngợi đến cả hai; xin gởi lòng trắc ẩn và vinh quang. Cầu xin Thượng Đế ban cho họ tổ ấm Thiêng đàng, dưới bóng râm của Cây Thiêng liêng. Cầu mong cho họ được đắm mình trong những tầng ánh sáng, gần gũi bên cạnh Chúa của họ, Đấng Toàn năng, Đấng Toàn quyền.

13 . Pidar-Ján của cùng Qazvín

Pidar-Ján quá cố nằm trong số những tín đồ di cư đến Baghdad. Ông là một ông già sùng tín, được yêu mến bởi Đấng Kính yêu; trong khu vườn của Tình yêu Thiên thượng, ông như một bông hồng nở rộ. Ông đến đó, ở Baghdad, và dành ngày đêm của mình để thông công với Thượng Đế và ca ngâm lời cầu nguyện; và mặc dù thân ông đi trên mặt đất, nhưng tâm hồn ông du hành trên các đỉnh cao của Thiên đàng.

Để tuân theo luật của Thượng Đế, ông thực hiện trao đổi buôn bán, vì ông không có gì cả. Ông bó một vài đôi tất dưới cánh tay của mình và rao bán chúng khi ông đi lang thang trên các con phố bán buôn, và những tên trộm đã cướp đi hàng hóa của anh ta. Cuối cùng, ông bắt buộc phải đặt tất trên lòng bàn tay mở rộng của mình khi đi. Nhưng ông sẽ đọc kinh, và một ngày kia, ông ngạc nhiên khi thấy rằng chúng đã lấy trộm đôi tất được đặt trên hai tay của mình, ngay trước mắt ông. Nhận thức của ông ấy về thế giới này thật buồn tẻ, vì thế ông ấy đã du hành qua một thế giới khác. Ông ấy sống trong sự ngây ngất; ông thành một người say sưa, cảm kích.

Trong một thời gian, đó là cách ông ấy sống ở Iraq. Hầu như hàng ngày ông được nhận vào sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh. Tên của ông là 'Abdu'lláh nhưng bạn bè đã phong cho ông ấy danh hiệu Pidar-Ján - Người cha Thân yêu - vì ông ấy là một người cha yêu thương đối với tất cả họ. Cuối cùng, dưới sự chăm sóc che chở của Đức Bahá'u'lláh, ông đã bay đến “nơi tọa lạc của chân lý, trước sự chứng kiến của vị vua quyền năng”.¹

Cầu xin Thượng Đế ban hương thơm lên ngôi mộ của ông bằng những cơn mưa tuôn trào của lòng thương xót của Ngài và chiếu vào ông con mắt của lòng từ bi Thánh thiện. Những lời ca tụng và ngợi khen dành cho ông.

¹ Koran 54:55

14 . Shaykh Sádiq-i-Yazdí

Một trong số những người di cư đến Baghdad là Sháykh Sádiq của Yazd, một người đàn ông được tôn trọng và công chính như tên của mình, Sádiq.¹ Ông là một cây cọ cao chót vót trong khu rừng của Thiên đường, một ngôi sao rực sáng trên bầu trời tình yêu của Thượng Đế.

Chính trong thời kỳ Iraq, ông đã vội vàng đến với sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh. Sự dứt bỏ của ông ấy khỏi những thứ của thế giới này và sự gắn bó của ông với cuộc sống của tinh thần là không thể diễn tả được. Ông là hiện thân của tình yêu, sự dịu dàng được nhân cách hóa. Ngày và đêm, ông tưởng niệm Thượng Đế. Hoàn toàn không ý thức về thế giới này và tất cả những gì có trong đó, ông ấy liên tục nương vào Thượng Đế, chìm trong những lời khẩn cầu và cầu nguyện. Phần lớn thời gian, nước mắt ông tuôn ra. Đáng Phúc Mỹ đã ban phước cho ông sự ưu ái đặc biệt, và bất cứ khi nào Ngài hướng sự chú ý của Ngài về phía Sádiq, lòng nhân từ của Ngài được hiển hiện rõ ràng.

Vào một ngày nọ, họ báo tin rằng Sádiq đã đến mức chết. Ta đến bên giường ông ấy và thấy ông đang trút hơi thở cuối cùng. Ông ấy bị tắc ruột, đau bụng và sung tấy. Ta vội vã đến gặp Đức Bahá'u'lláh và mô tả tình trạng của ông ấy.

Đức Baha'u'llah nói. “Hãy Đi,” và “Đặt tay lên vùng bị căng đó và cầu xin: ‘Hỡi Đấng chữa lành!’”²

Ta đã quay trở lại. Tôi thấy phần bị ảnh hưởng đã sưng to bằng quả táo; nó cứng như đá, chuyển động liên tục, xoắn, và cuộn mình lại như một con rắn. Ta đặt tay lên nó; Tôi hướng về Thượng Đế và khiêm nhường cầu xin Ngài, Ta lặp lại những lời, “Hỡi Đấng chữa lành!” Tức thì người bệnh vùng dậy. Lòng ruột bị tắc biến mất; vết sưng đã tan đi.

Tinh thần được nhân cách hóa này sống mãi nguyện ở Iraq cho đến ngày đoàn xe của Đức Bahá'u'lláh di chuyển khỏi Baghdad. Như được nhắc nhở, Sádiq vẫn ở lại thành phố đó. Nhưng niềm khao khát của ông đã đánh gục trong ông

¹ Từ Sadiq có một số nghĩa, bao gồm chân thật, trung thành và công bằng

² Ya Shafi

một cách cuồng nhiệt đến nỗi sau khi Đức Bahá'u'lláh đến Mosul, ông không thể chịu đựng thêm được nữa. Không giày, không mũ, ông chạy ra ngoài cùng với người chuyên phát nhanh đến Mosul; chạy và chạy cho đến khi, trên mảnh đất cằn cỗi đó, với lòng thương xót dành cho ông, ông đã gục xuống để nghỉ.

Xin Thượng Đế ban cho ông uống từ “chiếc cốc chứa nước tâm dung hợp thơm tho.”³ và cho nước pha lê rưới xuống mộ ông; xin Thượng Đế ban bụi hòa trong sa mạc nơi ông với xạ hương, và ban xuống nơi ấy tầng tầng ánh sáng.

³ Koran 76:5

15 . Sháh-Muhammad-Amín

Sháh-Muhammad, người có danh hiệu là Amín, Người Tin cậy, là một trong những người tín đồ đầu tiên và say mê sâu sắc nhất. Anh đã nghe theo lời triệu tập của Thánh linh khi còn tuổi hoa niên, và hướng mặt về phía Vương quốc. Anh ta đã xé toạc khỏi cái nhìn của mình những bức màn ngăn của những giả thuyết vu vơ và đã chiến thắng được ước muốn của trái tim anh; cả những lời dị nghị hiện tại giữa mọi người cũng như những lời trách móc mà anh ta là mục tiêu cũng không khiến anh quay đầu. Không bị lay chuyển, anh đứng và đối mặt với một biển rắc rối; kiên cường với sức mạnh của ngày Giáng lâm, anh đối đầu với những kẻ cố gắng cản trở anh và chặn đường anh đi. Họ càng tìm cách gieo rắc những nghi ngờ trong tâm trí anh, anh càng trở nên mạnh mẽ hơn; họ càng hành hạ anh ta, anh ta càng tiến bộ. Anh ta gắn chặt với khuôn mặt của Thượng Đế, bị nô lệ bởi vẻ đẹp của Đấng Toàn Năng; ngọn lửa tình yêu của Thượng Đế, một suối phun sự hiểu biết về Ngài.

Tình yêu âm ỉ trong tim anh, để anh không còn bình yên; và khi không thể chịu được sự vắng mặt của Đấng Yêu dấu nữa, anh ta rời quê hương của mình, tỉnh Yazd. Anh thấy những bãi cát sa mạc êm như tơ dưới chân anh; nhẹ như hơi thở của gió, anh băng qua những ngọn núi và những vùng đồng bằng vô tận, cho đến khi anh đứng trước cánh cửa Tình yêu của mình. Anh đã tự giải thoát khỏi cạm bẫy của sự chia cắt, và ở Iraq, anh bước vào sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh.

Khi bước vào ngôi nhà của Đấng Yêu thương của nhân loại, anh ta được trút bỏ mọi suy nghĩ, thoát khỏi mọi mối bận tâm, và trở thành người nhận được sự ưu ái và ân sủng vô bờ bến. Anh ta trải qua một số ngày ở Iraq và được hướng dẫn trở lại Ba Tư. Anh lưu lại đó một thời gian, thường xuyên lui tới các tín đồ; và hơi thở thuần khiết của anh đã khuấy động mỗi người trong số họ có những điều mới mẻ, để mỗi người đều khao khát Chánh đạo, và trở nên bồn chồn, thiếu kiên nhẫn hơn trước.

Sau đó, anh đến Nhà tù Vĩ đại Nhất cùng với Mírzá Abu'l-Hasan, Amín thứ hai. Trong cuộc hành trình này, anh đã gặp rất nhiều khó khăn, vì việc tìm đường vào nhà tù là vô cùng khó khăn. Cuối cùng anh đã được Đức Bahá'u'lláh tiếp đón trong các nhà tắm công cộng. Mírzá Abu'l-Hasan choáng ngợp trước sự

hiện diện uy nghi của Chúa mình đến nỗi ông ta lắc lư, sẩy chân và vấp ngã xuống sàn; đầu anh ta bị thương và máu chảy ra nhiều.

Amín, hay Sháh-Muhammad, được vinh danh với danh hiệu Người Tin cậy, và ân phúc đã được ban cho anh. Đây háo hức và tình yêu, mang theo Kinh bản của Đức Bahá'u'lláh, anh vội vàng quay trở lại Ba Tư, nơi luôn đáng được tin cậy, anh đã lao động vì Chánh đạo. Sự phụng sự của anh ấy thật xuất sắc và anh ấy là niềm an ủi cho trái tim của các tín đồ. Không có ai có thể so sánh với anh ấy về năng lượng, sự nhiệt tình và lòng nhiệt thành, và không có sự phục vụ của người đàn ông nào có thể bằng anh ấy. Anh là một nơi nương tựa của dân chúng, nổi tiếng khắp nơi với lòng sùng kính nơi Ngưỡng cửa Thánh thiện, được bạn bè khắp nơi hoan nghênh.

Anh ấy không bao giờ nghỉ ngơi một giây phút nào. Chưa một đêm nào anh ấy nằm trên một chiếc giường êm ái, chưa bao giờ anh ấy gục đầu xuống chiếc gối êm ái. Anh ta liên tục bay, bay cao như những con chim, chạy như một con nai, làm nhiệm vụ trong sa mạc một mình, một mình và nhanh nhẹn. Anh mang lại niềm vui cho tất cả các tín đồ; đối với tất cả, sự xuất hiện của anh ấy là một tin tốt lành; đối với mọi người tìm kiếm, anh ấy là một dấu hiệu và biểu hiện. Anh say mê Thượng Đế, một kẻ lang thang trong sa mạc tình yêu của Thượng Đế. Giống như gió, anh ấy đi khắp mặt đồng bằng, và anh ấy kiên cường trên những đỉnh đồi. Anh ấy ở một đất nước khác mỗi ngày, và ở một vùng đất khác khi màn đêm buông xuống. Không bao giờ anh ấy nghỉ ngơi, không bao giờ anh ấy tĩnh lặng. Anh đã mãi mãi vươn lên để phụng sự.

Nhưng sau đó họ bắt anh ta làm tù binh ở Ádhirbáyján, thuộc thị trấn Míyándu'áb. Anh ta trở thành con mồi cho một số người Kurd tàn nhẫn, một băng thù địch không hỏi han gì về người đàn ông vô tội, không có khả năng tự vệ. Tin rằng người lạ này, cũng như những người nước ngoài khác, đã chúc bệnh cho người Kurd và coi anh ta là điều vô giá trị, họ đã giết anh ta.

Khi tin tức về sự tử đạo của anh ấy đến được Nhà tù, tất cả những người bị giam cầm đều đau buồn, và họ rơi nước mắt vì anh ấy, nương vào Thượng Đế và không tự bảo vệ như anh ấy đang ở trong giờ cuối cùng của mình. Ngay cả trên khuôn mặt của Đức Bahá'u'lláh, có thể nhìn thấy những dấu hiệu đau buồn. Một Kinh bản, vô cùng dịu ngọt, đã được Ngòi bút Tối cao mặc khải, để tưởng nhớ

người đàn ông đã chết trên vùng đồng bằng đầy tai họa đó, và nhiều Kinh bản khác đã được gửi xuống liên quan đến anh.

Hôm nay, dưới bóng tối của lòng thương xót của Thượng Đế, anh ngự trong các Thiên đàng sáng ngời. Anh hòa mình vào những con chim thánh khiết, và trong tập hợp của những huy hoàng, anh ta đắm mình trong ánh sáng. Sự ghi nhớ và ca ngợi về anh sẽ còn mãi cho đến tận cùng thời gian, trong các trang sách và trên các ngôn ngữ và môi miệng của loài người.

Hãy chào và khen ngợi anh; trên anh là ánh vinh quang của Toàn Vinh; trên anh là lòng thương xót lớn nhất của Thượng Đế.

16 . Mashhadí Fattáh

Mashhadí Fattáh được tâm linh hóa. Bản thân anh rất tận tụy. Là anh trai của Hájí ‘Alí-‘Askar — thuộc cùng một dòng dõi thuần khiết — thông qua người anh em sau này, anh gia nhập Chánh Đạo. Giống như hai anh em sinh đôi, Castor và Pollux, cả hai cùng ở một chỗ, và cả hai đều được chiếu sáng bằng ánh sáng của niềm tin.

Trong tất cả mọi thứ, cả hai được kết hợp như một cặp; họ có chung một sự xác tín và đức tin, cùng một lương tâm, và cùng nhau rời khỏi Ádhirbáyján để đến Adrianople, di cư cùng một lúc. Trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời, họ đã sống như một cá thể; thiên hướng của họ, mục đích của họ, tôn giáo, tính cách, hành vi, đức tin, sự xác tín, kiến thức của họ — tất cả đều là một. Ngay cả trong Nhà tù Vĩ đại Nhất, họ vẫn luôn bên nhau.

Mashhadí Fattáh sở hữu một số hàng hóa; đây là tất cả những gì anh ấy sở hữu trên thế giới. Anh đã giao nó cho những người ở Adrianople, và sau đó những người bất chính đó đã lấy đi hàng hóa đó. Vì vậy, trên con đường của Thượng Đế, anh đã đánh mất bất cứ thứ gì anh sở hữu. Anh ấy đã vượt qua những ngày của mình, hoàn toàn mãn nguyện, trong Nhà tù Vĩ đại Nhất. Anh hoàn toàn vô vị lợi; từ anh ta, không ai từng nghe thấy một âm tiết để chỉ ra rằng anh ta tồn tại. Anh luôn ở một góc nào đó của nhà tù, âm thầm suy ngẫm, bận bịu với những tưởng nhớ về Thượng Đế; lúc nào cũng tinh thần tỉnh táo và giác ngộ, trong trạng thái khẩn cầu.

Sau đó là Nỗi đau Vô cùng. Anh ấy không thể chịu đựng được nỗi đau khổ khi chia tay Đức Bahá’u’lláh, và sau khi Đức Bahá’u’lláh qua đời, anh ấy đã chết vì đau buồn. Phước cho anh; một lần nữa, phước cho anh. Tin vui cho anh; một lần nữa, tin vui cho anh. Anh là vinh quang của Đấng Toàn vinh.

17 . Nabil của vùng Qá'in

Người đàn ông xuất sắc này, Mullá Muhammad-‘Alí,¹ là một trong những người có trái tim bị thu hút bởi Đức Bahá'u'lláh trước khi Tuyên ngôn của Đức Bab; chính lúc anh đã uống ly rượu vang đỏ của tri thức từ tay Người nâng chén hồng ân. Chuyện xảy ra rằng một hoàng tử, là con trai của Mír Asadu'lláh Khán, hoàng tử của Qá'in, được lệnh phải tiếp tục làm con tin chính trị ở Tihrán. Anh còn trẻ, sống xa người cha yêu thương của mình, và Mullá Muhammad-‘Alí là gia sư và người giám hộ của anh. Vì anh thanh niên là một người lạ ở Tihrán, Đấng Phúc Mỹ đã dành cho anh ta một sự tử tế đặc biệt. Nhiều đêm hoàng tử trẻ là khách của Đức Bahá'u'lláh tại dinh thự, và Mullá Muhammad-‘Alí sẽ đồng hành cùng anh ta. Điều này diễn ra vào thời điểm Tuyên ngôn của Đức Bab.

Sau đó, vị thủ lĩnh của tất cả những người bạn đáng tin cậy này đã bị thu hút bởi Đức Bahá'u'lláh, và bất cứ nơi nào ông đến, ông đều truyền bá những lời ca tụng yêu thương về Ngài. Ngoài giáo lý của Hội Giáo, anh còn kể lại những phép lạ vĩ đại mà anh ta đã được tận mắt chứng kiến Đức Bahá'u'lláh biểu hiện và những điều kì diệu mà anh ta đã nghe thấy. Anh đang ngất ngây, bùng cháy tình yêu. Trong trạng thái đó, anh trở về Qá'in với hoàng tử.

Sau đó, học giả lỗi lạc Áqá Muhammad của Qá'in (có tước hiệu là Nabil-i-Akbar) được Shaykh Murtadá quá cố phong làm tiến sĩ luật tôn giáo; ông rời đi, sau đó đến Baghdad, trở thành một tín đồ nhiệt thành của Đức Bahá'u'lláh, và nhanh chóng trở về Ba Tư. Các tu sĩ và tiến sĩ luật Hội giáo hàng đầu đã nhận thức rõ và thừa nhận những thành tựu học thuật to lớn của ông, bề dày học tập và thứ hạng cao của ông. Khi đến Qá'in, ông ấy bắt đầu công khai truyền bá Đức tin mới. Khoảng khắc Mullá Muhammad-‘Alí nghe thấy danh của Đấng Phúc Mỹ, ông đã ngay lập tức chấp nhận Đức Bab. “Tôi có vinh dự,” anh nói, “được gặp Đấng Phúc Mỹ ở Tihrán. Ngay khi tôi nhìn thấy Ngài, tôi đã trở thành nô lệ của Ngài”.

Tại làng Sar-Cháh của mình, người đàn ông tài giỏi, có trí tuệ cao này bắt đầu truyền bá Đức tin. Ông hướng dẫn trong chính gia đình mình và cũng hướng

¹ Nabil ở vùng Qain là danh hiệu của anh

dẫn những người khác, đưa đoàn dân đông theo luật tình yêu của Thượng Đế, dẫn dắt mỗi người đến con đường cứu rỗi.

Cho đến thời điểm đó, ông luôn là bạn đồng hành thân thiết của Mir ‘Alam Khan, Thống đốc Qá’in, đã cung cấp cho ông những dịch vụ quan trọng, và được sự tôn trọng và tin tưởng của Thống đốc. Giờ đây, vị hoàng tử vô liêm sỉ đó đã nổi cơn thịnh nộ chống lại ông vì tôn giáo của ông, chiếm đoạt tài sản của ông và cướp bóc; vì ông hoàng Amír khiếp sợ Násiri’d-Dín Sháh. Ông đã trục xuất Nabil-i-Akbar và hủy hoại Nabil của Qá’in. Sau khi ném anh vào tù và tra tấn anh, ông đã đuổi anh ta ra ngoài như một kẻ lang thang vô gia cư.

Đối với Nabil, tai họa bất ngờ là một điều may mắn, việc ông bị trục xuất của cải trên đất, bị trục xuất vào sa mạc, là vương miện của vua và là ân huệ lớn nhất mà Thượng Đế có thể ban cho ông. Trong một thời gian, ông vẫn ở Tihrán, bề ngoài có vẻ là một kẻ khốn cùng không có chỗ ở cố định, nhưng trong lòng lại vui mừng; vì đây là đặc tính của mọi linh hồn vững vàng trong Giao ước.

Anh đã tiếp cận với xã hội của những người vĩ đại và biết tình trạng của các hoàng tử khác nhau. Do đó, anh ấy sẽ thường xuyên gặp gỡ một số người trong số họ và đưa ra thông điệp cho họ. Anh là niềm an ủi cho trái tim của các tín đồ và như một thanh gươm rút ra cho kẻ thù của Đức Bahá’u’lláh. Anh là một trong những người mà chúng ta đã đọc trong Qur’án: “Vi Chánh Đạo của Thượng Đế, họ sẽ nỗ lực hết mình; họ sẽ không sợ sự trách cứ của kẻ phạm tội.”² Ngày đêm anh nỗ lực để quảng bá Đức tin, và dùng hết sức mình để truyền bá ra nước ngoài những dấu hiệu rõ ràng của Thượng Đế. Anh sẽ uống đi uống lại rượu tình yêu của Thượng Đế, say mê như mây bão, không ngưng nghỉ như sóng biển.

Sau đó, anh được phép đến thăm Nhà tù Vĩ đại Nhất; vì ở Tihrán, với tư cách là một tín đồ, anh ta đã trở thành một người nổi tiếng. Tất cả họ đều biết về sự cải đạo của anh; anh không thận trọng, không kiên nhẫn, không tích cực; anh ta không quan tâm đến sự dè dặt, không quan tâm đến sự che giấu. Anh ấy hoàn toàn không sợ hãi và thật nguy hiểm.

Khi anh đến Nhà tù Vĩ đại Nhất, những kẻ theo dõi thù địch đã đuổi anh đi, và dường như anh không thấy có cách nào vào được. Anh buộc phải rời đến Nazareth, nơi anh sống một thời gian như một người xa lạ, một mình với hai con

² Koran 5:59

trai, Áqá Qulám-Husayn và Áqá ‘Alí-Akbar, đau buồn và cầu nguyện. Cuối cùng, một kế hoạch được đưa ra để đưa anh vào pháo đài và anh ta được triệu tập đến nhà tù nơi họ đã giam cầm những người vô tội. Anh ấy đến trong sự trạng thái ngất ngậy không thể diễn tả được, và được nhận vào sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh. Khi anh ta bước vào đó và ngược mắt lên nhìn Đấng Phúc Mỹ, người anh ta rung lên và ngã bất tỉnh xuống sàn. Đức Bahá’u’lláh đã nói những lời nhân từ với anh và anh ta đã sống lại. Anh đã ở ẩn vài ngày trong doanh trại, sau đó anh trở về Nazareth.

Cư dân ở Nazareth thắc mắc nhiều về anh ta. Họ nói với nhau rằng anh rõ ràng là một người đàn ông vĩ đại và nổi bật ở đất nước của mình, một người đáng nổi bật và có thứ hạng cao; và họ tự hỏi tại sao lẽ ra anh ta phải chọn một góc khuất của thế giới là Nazareth và làm thế nào anh ta có thể bằng lòng với cảnh nghèo đói và khó khăn như vậy.

Khi thực hiện lời hứa của Tối Đại Danh, các cánh cổng của Nhà tù được mở rộng, và tất cả bạn bè và du khách có thể ra vào pháo đài trong hòa bình và với sự tôn trọng, Nabíl của Qá’in sẽ hành trình đến gặp Đức Bahá’u’lláh mỗi tháng một lần. Tuy nhiên, theo lệnh của Ngài, anh tiếp tục sống ở Nazareth, nơi anh đã cải đạo một số Cơ đốc nhân sang Chánh Đạo; và ở đó, anh ấy sẽ khóc, cả ngày lẫn đêm, về những điều sai trái đã gây ra cho Đức Bahá’u’lláh.

Phương tiện kiếm sống của anh ấy là quan hệ đối tác kinh doanh với tôi. Đó là, tôi đã cung cấp cho anh ta một số vốn là 3 kran;³ với số đó anh ta mua kim thô, và đây là giao dịch mua bán của anh ta. Những người phụ nữ ở Nazareth đã cho anh ta những quả trứng để đổi lấy kim thô của anh ta và bằng cách này, anh ta sẽ thu được ba mươi hoặc bốn mươi quả trứng mỗi ngày: ba cây kim cho mỗi quả trứng. Sau đó, anh ta sẽ bán trứng và sống bằng số tiền thu được. Vì có một đoàn lữ hành hàng ngày giữa ‘Akká và Nazareth, anh ấy sẽ đến Áqá Ridá mỗi ngày, để biết thêm kim thô. Vinh quang thay Thượng Đế! Anh ta sống sót sau hai năm với số vốn ban đầu đó; và anh ấy luôn đáp lại bằng lòng biết ơn mọi lúc. Bạn có thể biết anh đã tách biệt như thế nào với những thứ trần tục bởi một sự thật này: người Nazarenes thường nói rằng từ cách cư xử và hành vi của ông già, rõ ràng là ông này rất giàu có, và nếu ông sống khiêm tốn như vậy thì chỉ vì ông là một người xa lạ ở một nơi xa lạ - che giấu sự giàu có của mình bằng cách giả trang thành một người bán kim thô.

³ Kran là 20 shahis hay khoảng 8 cen. Đối chiếu Webster, op. cit.

Bất cứ khi nào anh ấy đến với sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh, anh ấy vẫn nhận được nhiều bằng chứng về sự ưu ái và yêu mến. Trong tất cả các mùa, anh ấy là một người bạn thân thiết và đồng hành với tôi. Khi nỗi buồn tấn công tôi, tôi chia sẻ với anh ấy, và sau đó tôi sẽ vui mừng vì gặp lại anh ấy. Buổi nói chuyện của anh ấy tuyệt vời làm sao, giao thiệp cuốn hút dường nào. gương mặt tươi sáng của anh ấy; tâm hồn tự do; cởi bỏ mọi ràng buộc trần thế, luôn luôn như cánh bay. Cuối cùng, anh ta đã trở về nhà của mình trong Nhà tù Vĩ đại Nhất, và hàng ngày anh ta bước vào sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh.

Vào một ngày nọ, khi cùng bạn bè đi dạo qua khu buôn bán, anh đã gặp một người bốc mộ tên là Hájí Ahmad. Mặc dù trong tình trạng sức khỏe tốt nhất, anh ta vẫn nói với người thợ bốc mộ và cười nói với anh ta: “Hãy đi cùng tôi.” Cùng đi với các tín đồ và người đào mộ, ông hãy làm cho Nabíyu'lláh Sálíh. Tại đây anh ấy nói: “Hájí Ahmad, tôi có một yêu cầu đối với ông: khi tôi bước tiếp, ra khỏi thế giới này và sang thế giới bên kia, hãy đào mộ của tôi ở đây, bên cạnh Cành Tinh khiết nhất.⁴ Đây là đặc ân mà tôi yêu cầu.” Nói như thế xong, ông đưa cho người đàn ông một khoản tiền.

Ngay buổi tối hôm đó, không lâu sau khi mặt trời lặn, có tin Nabíl của Qá'in bị ốm. Tôi đã đến nhà anh ấy ngay lập tức. Anh ấy đang ngồi dậy và trò chuyện. Anh ấy rạng rỡ, cười, nói đùa, nhưng không rõ vì lý do gì mà mồ hôi đang đổ trên mặt - nó đang ào ạt đổ xuống. Ngoại trừ việc này, anh không có vấn đề gì. Sự đổ mồ hôi vẫn tiếp tục không dứt; ông suy yếu, nằm trên giường và đến sáng thì chết.

Đức Bahá'u'lláh ví anh ta với ân điển và lòng nhân ái vô hạn, và mặc khải một số Kinh bản mang tên anh. Sau khi Nabíl qua đời, Đấng Phục Mỹ thường nhắc lại lòng nhiệt thành đó, sức mạnh của đức tin, và nhìn nhận rằng đây là một người đã nhận biết Ngài, trước khi Đức Bab giáng lâm.

Tất cả mọi người đều ca ngợi anh ấy vì sự ban tặng kỳ diệu này. “Phước hạnh và một tổ ấm tốt đẹp đang chờ đợi anh... Và Thượng Đế sẽ dành lòng từ bi của Ngài cho bất cứ ai Ngài muốn.”⁵

⁴ Mirza Mihdi, con trai Đức Baha'u'llah, người khi đang cầu nguyện buổi tối trên mái danh trại thì bị bé và qua đời. Đối chiếu Thượng Đế đi qua, trang 188

⁵ Đối chiếu Koran 13:28, 2:99, 3:67

18 . Siyyid Muhammad-Taquí Manshádí

Muhammad-Taquí đến từ làng Manshád. Khi còn trẻ, ông đã học về Đức tin của Thượng Đế. Trong sự ngây ngất thánh thiện, tâm trí anh hướng về Thiên đàng, và trái tim anh tràn ngập ánh sáng. Ân điển thiêng liêng giáng xuống anh ta; lời triệu triệu của Thượng Đế khiến anh mê mẩn đến nỗi anh đã ném sự bình yên của Manshád vào gió. Bỏ lại bà con họ hàng và những đứa con của mình, anh lên đường vượt núi đồi và đồng bằng, sa mạc, đi từ nơi dừng chân này sang nơi khác, đến bờ biển, băng qua đại dương và cuối cùng đến được thành phố Haifa. Từ đó anh ta nhanh chóng đến ‘Akká và bước vào sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh.

Trong những ngày đầu, ông mở một cửa hàng nhỏ ở Haifa và kinh doanh một số hàng lặt vặt. Phước lành của Thượng Đế giáng xuống nó, và nó thịnh vượng. Góc nhỏ ấy trở thành nơi ăn náu của những người hành hương. Khi họ đến nơi và khi họ rời đi, họ là những vị khách của Muhammad-Taquí có trí tuệ cao và hào phóng. Anh cũng giúp quản lý công việc của các tín đồ, và sẽ cùng nhau thu xếp phương tiện đi lại cho họ. Anh ấy tỏ ra vô cùng đáng tin, trung thành, và tin cậy. Cuối cùng, anh ta trở thành người trung gian để các Kinh bản có thể được gửi đi và thư từ của các tín đồ có thể đến. Anh thực hiện dịch vụ này với độ tin cậy hoàn hảo, hoàn thành nó một cách hài lòng nhất, gửi và nhận thư từ một cách cẩn thận mọi lúc. Được mọi người tin tưởng, anh ấy trở nên nổi tiếng ở nhiều nơi trên thế giới và nhận được ân phúc vô hạn từ Đức Bahá’u’lláh. Anh là một kho báu của công lý và lẽ phải, hoàn toàn không dính mắc vào những thứ trần tục. Anh đã quen với lối sống giản dị, không quan tâm đến thức ăn hay giấc ngủ, sự thoải mái hay bình yên. Anh ấy sống một mình trong một căn phòng duy nhất, qua đêm trên chiếc ghế dài làm từ cành cọ, và ngủ trong một góc. Nhưng đối với những người lữ hành, anh là một con suối trong sa mạc; đối với họ, anh ấy cung cấp những chiếc gối mềm nhất và chiếc bàn tốt nhất mà anh ấy có thể mua được. Anh ta có một khuôn mặt tươi cười và bản chất là tâm linh và thanh thản.

Sau khi Ngôi sao mai của Quần hội Tối cao được thiết lập, Siyyid Manshádí vẫn trung thành với Giao ước, là một thanh gươm sắc bén đối đầu với những kẻ vi phạm. Chúng đã thử mọi mưu mẹo, mọi gian dối, tất cả những gì tinh vi nhất của chúng; không thể tưởng tượng họ đã dành sự ưu ái cho anh ta như thế nào và họ đã trả cho anh ta những vinh dự thế nào, họ chuẩn bị những bữa tiệc, những

thú vui họ dâng lên, tất cả những điều này để mua chuộc làm cho đức tin của anh ta mai một. Tuy nhiên, mỗi ngày anh ấy càng trở nên mạnh mẽ hơn trước, tiếp tục trung thành và chân thật, không bỏ qua mọi suy nghĩ trái khoáy, và xa lánh bất cứ điều gì trái với Giao ước của Thượng Đế. Cuối cùng, khi họ tuyệt vọng không thể lay chuyển được quyết tâm của anh, họ đã quấy rối anh bằng mọi cách có thể, và âm mưu hủy hoại tài chính của anh ta. Tuy nhiên, anh vẫn là tinh hoa của sự kiên định và lòng tin.

Khi theo lời xúi giục của những người vi phạm, ‘Abdu’l-Ḥamíd bắt đầu phản đối tôi, tôi buộc phải gửi Manshádí đến Port Said, vì anh ta được mọi người biết đến rộng rãi với tư cách là người phân phối thư của chúng tôi. Sau đó tôi phải chuyển thư từ cho anh ta qua những người trung gian không quen biết, và anh ta sẽ gửi thư lại như trước. Bằng cách này, kẻ phản bội và kẻ thù đã không thể tiếp quản thư. Trong những ngày sau của ‘Abdu’l-Ḥamíd, khi một ủy ban điều tra xuất hiện và — được thúc giục bởi những người quen biết thành người lạ — đã lên kế hoạch xé nát Cây Thiêng liêng tận gốc rễ; khi họ quyết định ném tôi xuống đáy biển sâu hoặc đày tôi đến Fezzan, và đây là mục đích giải quyết của họ; và khi ủy ban theo đó đã cố gắng hết sức để nắm giữ một số tài liệu và các thứ khác, họ đã thất bại. Trong bề dày của tất cả sự hỗn loạn đó, với tất cả những áp lực và sự kiểm chế, và những cuộc tấn công ác ý của những kẻ đáng thương như Yazíd,¹ các bức thư vẫn đi lọt qua.

Trong nhiều năm dài, Siyyid Manshádí đã thực hiện dịch vụ này một cách hữu ích ở Port Said. Bạn bè đều hài lòng về anh ấy. Tại thành phố đó, anh đã nhận được sự biết ơn của du khách, khiến những người di cư nợ anh ấy, anh mang lại niềm vui cho các tín đồ địa phương. Sau đó, cái nóng cao độ của Ai Cập đã tỏ ra quá sức với anh; anh mò đến giường của mình, và trong cơn sốt dữ dội, anh đã cởi bỏ áo choàng của sự sống. Anh từ bỏ Port Said để đến với Vương quốc Thiên đàng, và sống lại các dinh thự của Chúa.

Siyyid Manshádí là bản chất của đức hạnh và trí tuệ. Những phẩm chất và thành tựu của anh đã làm kinh ngạc những bộ óc hoàn thiện nhất. Anh không có ý nghĩ nào ngoại trừ Thượng Đế, không có hy vọng nào khác ngoài việc giành được niềm vui tốt đẹp của Thượng Đế. Anh là hiện thân của “Hãy giữ mọi lời cầu nguyện và khen ngợi của tôi giới hạn trong sự kiểm chế; hãy làm cho tất cả cuộc sống của tôi chỉ phụng sự cho Ngài.”

¹ Đối chiếu Koran 13:28; 2:99; 3:67.

Cầu xin Thượng Đế làm dịu cơn đau sốt của anh ấy bằng ân sủng đoàn tụ trong Vương Quốc, và chữa lành bệnh tật của anh ấy bằng sự bình an gần gũi với Ngài trong Bản thể của Đấng Toàn phúc. Tỏa lên trong anh vinh quang của Thượng Đế, Đấng Vinh hiển nhất.

19 . Muhammad-‘Alí Sabbáq của vùng Yazd

Khi còn trẻ, Muhammad-‘Alí Sabbáq đã trở thành một tín đồ khi ở Iraq. Anh ta xé bỏ những bức màn ngăn trở và nghi ngờ, thoát khỏi những ảo tưởng của mình và nhanh chóng đến nơi nương náu chào đón của Đấng Chúa của các Chúa. Một người đàn ông bề ngoài có vẻ không được học hành, không biết đọc cũng như không biết viết, anh ta là người có trí thông minh sắc sảo và là một người bạn đáng tin cậy. Thông qua một trong những tín đồ, ông đã được bước vào sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh, và nhanh chóng được công chúng biết đến như một môn đồ. Anh tìm cho mình một góc để ở, gần bên ngôi nhà của Đấng Phúc Mỹ, và buổi sáng và buổi tối bước vào sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh. Trong một thời gian, anh ấy đã vô cùng hạnh phúc.

Khi Đức Bahá’u’lláh và đoàn tùy tùng của Ngài rời Baghdad đến Constantinople, Áqá Muhammad-‘Alí là thành viên đồng hành, và phát sốt với tình yêu của Thượng Đế. Chúng tôi đến Constantinople; và vì Chính phủ buộc chúng tôi phải định cư ở Adrianople, chúng tôi rời Muhammad-‘Alí ở thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ để hỗ trợ các tín đồ khi họ đến và đi qua thành phố đó. Sau đó chúng tôi tiếp tục đến Adrianople. Người đàn ông này ở lại một mình và anh ta đau khổ tột độ vì anh ta không có bạn bè, người đồng hành cũng như không có ai chăm sóc anh ta.

Sau hai năm kể từ đó, anh đến Adrianople, tìm kiếm nơi ẩn náu trong tình yêu của Đức Bahá’u’lláh. Anh ấy đi làm nghề bán rong, và khi cuộc đại loạn¹ bắt đầu và những kẻ áp bức đã đẩy những người bạn đến cùng cực của nghịch cảnh, anh ấy cũng nằm trong số các tù nhân và bị đày cùng chúng tôi đến pháo đài ở ‘Akká.

¹ Sự bạo loạn của Mirza Yahya, người đã từng là lãnh đạo tạm thời cộng đồng Babi. Đức Bab chưa từng chỉ định người kế vị hay người khác, thay vào đó Ngài đề cập với tín đồ về một nhân vật nổi bật xuất hiện là Đấng Hứa hẹn. Trong lúc tạm thời chưa biết và vì lý do an ninh, nên có lãnh đạo tạm quyền. Theo Tuyên ngôn vào năm 1963 theo như Đấng Hứa hẹn mà Đức Bab đề cập, Đức Baha’u’llah rút lui ở ẩn một thời gian, chấp nhận lưu đày tránh khỏi người em họ không xứng đáng, người mà tội ác và tính xấu đe dọa Đức tin non trẻ. Sự hãi hùng thách đố mặt đối mặt với Đức Baha’u’llah giữa công chúng, Mirza Yahya từ chối và hoàn toàn bất tín. Như lịch sử Baha’i nhiều lần lặp lại thể hiện, sự khủng hoảng này là đau đớn, nhưng mang lại kết quả thành công to lớn cho Chánh Đạo – bao gồm hàng loạt người chấp nhận trở thành tín đồ nổi bật của Đức Baha’u’llah, và tuyên bố sứ mạng toàn cầu của Đức Baha’u’llah, Thư gửi của Ngài truyền đến Vua và Giáo hoàng. Đối chiếu Thượng Đế đi qua trang 28, chương X và các trang tiếp sau đó.

Anh ta đã trải qua một thời gian đáng kể trong Nhà tù Vĩ đại Nhất, sau đó Đức Bahá'u'lláh muốn anh ta rời đến Sidon, nơi anh ta tham gia buôn bán. Đôi khi anh ta sẽ trở lại và được Đức Bahá'u'lláh tiếp nhận, còn không thì anh ta ở Sidon. Anh ấy đã sống được tôn trọng và tin cậy, một sự tín nhiệm với tất cả. Khi Mối họa tốt cùng ập đến với chúng tôi, anh ấy trở về 'Akká và vượt qua những ngày còn lại của mình gần Mộ Thánh.

Bạn bè, mỗi một và tất cả, đều hài lòng về anh ta, và anh ta được trân trọng ở Ngưỡng cửa Thiên liêng; trong trạng thái này, anh đã bay lên đến vinh quang, để lại cho người thân của mình than khóc. Anh ấy là một người tốt bụng, một người xuất sắc: bằng lòng với ý muốn của Thượng Đế dành cho anh ấy, biết ơn, một người có nhân phẩm, chịu đựng lâu dài. Anh ta là vinh quang của Đấng Toàn vinh. Cầu xin Thượng Đế gửi xuống ngôi mộ thơm của anh ở 'Akká, tầng ánh sáng thiên thượng.

20 . ‘Abdu’l-Ghaffár of Isfahán

Một trong những người rời quê hương để trở thành hàng xóm và bạn tù của chúng tôi là ‘Abdu’l-Ghaffár ở Isfahán. Anh là một người có tính nhạy cảm, làm nghề kinh doanh thương mại, đã đi du lịch ở Tiểu Á trong nhiều năm. Anh đã thực hiện một cuộc hành trình đến Iraq, nơi Áqá Muhammad-‘Alí của Sád (Isfahán) đã đưa anh vào bóng che của Chánh Đạo. Anh đã sớm xé bỏ tấm băng che ảo ảnh đã làm mù mắt mình trước đây, và anh đã vùng dậy, chấp cánh cho sự cứu rỗi trong Thiên đàng tình yêu. Với anh, tấm màn che giờ đã mỏng, gần như trong suốt, và đó là lý do tại sao, khi lời đầu tiên được truyền ra, anh ta ngay lập tức thoát khỏi thế giới của những tưởng tượng hão huyền và gắn mình với Đấng rõ ràng để nhìn thấy.

Trên hành trình từ Iraq đến Thành phố vĩ đại, Constantinople, ‘Abdu’l-Ghaffár là một người bạn đồng hành thân ái và hòa đồng. Anh ấy làm thông dịch viên cho toàn bộ nhóm, vì anh ấy nói tiếng Thổ Nhĩ Kỳ xuất sắc, thứ ngôn ngữ mà không một người bạn nào thành thạo. Cuộc hành trình kết thúc một cách yên bình và sau đó, tại Thành phố Vĩ đại, anh ấy tiếp tục bước tiếp, với tư cách là một người bạn đồng hành và một người bạn. Điều này cũng tương tự xảy ra ở Adrianople và khi với tư cách là một trong những tù nhân, anh đi cùng chúng tôi đến thành phố Haifa.

Tại đây, những kẻ áp bức quyết tâm gửi anh đến Cyprus. Anh vô cùng sợ hãi và hét lên để được giúp đỡ, vì anh ta khao khát được ở cùng chúng tôi trong Nhà tù Vĩ đại Nhất.¹ Khi họ dùng vũ lực giữ anh ta lại, anh ta đã ném mình xuống biển từ trên cao. Điều này không ảnh hưởng gì đến các sĩ quan tàn bạo. Sau khi kéo anh ta lên khỏi mặt nước, họ giam anh ta làm tù nhân trên tàu, không chế anh ta một cách tàn nhẫn, và mang anh ta đi bằng vũ lực đến Síp. Anh ta bị bỏ tù ở Famagusta, nhưng bằng cách này hay cách khác đã trốn thoát và nhanh chóng đến ‘Akká. Tại đây, để bảo vệ mình khỏi sự ác độc của những kẻ áp bức, anh ấy đã đổi tên mình thành ‘Abdu’lláh. Được che chở trong lòng nhân từ của Đức Bahá’u’lláh, anh ấy đã trải qua những ngày của mình một cách thoải mái và hạnh phúc.

¹ Mirza Yahya không bị đày từ Ba Tư. Tuy nhiên, lúc bấy giờ, anh bị đày từ Andrianople đến Cyprus, và Abdul Ghaflar là một trong bốn người đồng hành xác nhận đi với anh. Theo sách Thư gửi cho con của Chó sói, của Đức Baha’u’llah trang 166, và Thượng Đế đi qua trang 182

Nhưng khi Ánh sáng vĩ đại của thế giới đã sắp đặt, để chiếu sáng mãi mãi từ Chân trời Toàn sáng, ‘Abdu’l-Ghaffár đã ở bên cạnh chính mình và là nạn nhân của nổi thống khổ. Anh không còn nhà. Anh rời đi Damascus và dành một khoảng thời gian ở đó, dồn nén trong nỗi buồn, sự than khóc ngày đêm. Anh càng ngày càng yếu đi. Chúng tôi đã phái Hájí ‘Abbás đến đó, để trông nom, điều trị và chăm sóc anh ta, đồng thời gửi lại tin tức về anh ta mỗi ngày. Nhưng ‘Abdu’l-Ghaffár sẽ không làm gì khác ngoài trò chuyện, không ngừng, hàng giờ, với y tá của mình, và kể về cách anh ấy khao khát được đi trên con đường của mình, đến đất nước bí ẩn bên kia. Và cuối cùng, xa quê hương, bị đày ải khỏi Tình yêu của mình, anh đã lên đường đến Ngưỡng cửa Thiêng liêng của Đức Bahá’u’lláh.

Anh ấy thực sự là một người đàn ông chịu đựng lâu dài và dịu dàng; một người đàn ông có đức tính tốt, hành động tốt và lời nói tốt. Xin chúc tụng và ngợi khen anh, sự vinh quang của Đấng Toàn Vinh. Ngôi mộ thơm hương của anh đặt ở Damascus.

21 . ‘Alí Najaf-Ábádí

Cũng trong số những người di cư và những người hàng xóm gần đó, có Áqá ‘Alí Najaf-Ábádí. Khi người trẻ thuộc linh này lần đầu tiên lắng nghe tiếng gọi của Thượng Đế, anh ta đặt môi mình lên chén thánh và nhìn thấy sự vinh quang của Đấng Phát ngôn trên Núi. Và khi, nhờ ân sủng của ánh sáng, anh ta đã đạt được tri thức tích cực, anh ta đã du hành đến Nhà tù Vĩ đại Nhất, nơi anh ta chứng kiến bản chất của tri thức, và đến cương vị cao của chân lý hiển hiện.

Trong một thời gian dài, anh vẫn ở thành phố thiêng liêng; anh trở thành Nhà buôn nổi tiếng sừng tít, và dành những ngày tháng nương tựa vào Thượng Đế, trong sự khẩn cầu và cầu nguyện. Anh là một người đàn ông nhu mì, ít nói, không than vãn, kiên định; hài lòng, đáng khen ngợi. Anh ta đã giành được sự tán thành của tất cả bạn bè và được chấp nhận và chào đón tại Ngưỡng cửa Thiêng liêng. Trong những ngày cuối đời, khi cảm thấy rằng một kết thúc có hậu đã đến với mình, anh ta lại trình diện tại thành phố linh thiêng của Nhà tù Vĩ đại Nhất. Khi đến nơi, ông ngã bệnh, suy nhược, đã qua nhiều giờ cầu khẩn Chúa. Hơi thở của sự sống không còn trong anh, cánh cổng dẫn đến Vương quốc tối cao mở rộng, anh rời mắt khỏi thế giới cát bụi này và đi tới Nơi Thánh.

‘Alí Najaf-Ábádí có trái tim dịu dàng và nhạy cảm, luôn luôn lưu tâm đến Thượng Đế và nhớ đến Ngài, và hướng về cuối cuộc đời của mình, không chút tỳ vết, thoát khỏi sự lây nhiễm của thế giới này. Một cách ngọt ngào, anh ta đã từ bỏ góc đất của mình và dựng lều của mình ở vùng đất bên kia. Cầu xin Thượng đế ban cho anh sự tha thứ tinh khiết, làm sáng mắt anh ta khi nhìn thấy Vẻ đẹp Thiêng liêng trong Vương quốc của Mỹ lệ, và làm sáng khoái tinh thần anh bằng những cơn gió thơm thổi từ Vương quốc Abhá. Hãy chào và khen ngợi anh. Bụi ngọt ngào và thánh thiện của anh ấy nằm ở ‘Akká.

22 . Mashhadí Husayn và Mashhadí Muhammad-i-Ádhirbáyjání

Mashhadí Husayn và Mashhadí Muhammad đều đến từ tỉnh Ádhirbáyján. Họ là những tâm hồn trong sáng đã tiến một bước dài trên chính đất nước của họ: họ tự giải thoát mình khỏi bạn bè cũng như người lạ, thoát khỏi những mê tín đã làm mù mắt họ trước đây, củng cố quyết tâm và cúi mình trước ân điển của Thượng Đế, Đấng Chúa của Đời sống. Họ là những linh hồn được ban phước, trung thành, không bị lay chuyển trong đức tin; nhẹ nhàng, phục tùng, nghèo khó, bằng lòng với ý chí của Thượng Đế, yêu mến Ánh sáng hướng dẫn của Ngài, vui mừng vì sứ điệp vĩ đại. Họ rời tỉnh và đến Adrianople. Ở đây, bên cạnh thành phố thánh, họ đã sống khá lâu trong làng Qumruq-Kilísá. Ngày ngày, họ khẩn cầu Thượng Đế và thông công với Ngài; vào ban đêm, họ khóc, tiếc thương về hoàn cảnh của Ngài là Đấng mà thế gian đã bắt công.

Khi cuộc lưu đày đến ‘Akká đang được tiến hành, họ không có mặt trong thành phố và do đó không bị bắt. Trái tim nặng trĩu, họ tiếp tục đi trong khu vực đó, rơi nước mắt. Khi họ đã nhận được một báo cáo chắc chắn từ ‘Akká, họ rời Rumelia và đến đây: hai linh hồn xuất sắc, những người bạn trung thành của Đấng Phúc Mỹ. Không thể nói hết, họ có tấm lòng trong sáng như thế nào, đức tin vững vàng đến mức nào.

Họ sống bên ngoài ‘Akká ở Bágh-i-Firdaws, làm nông dân, và dành cả ngày để trở về tạ ơn Thượng Đế vì một lần nữa họ đã giành được đường đến với vùng lân cận của ân sủng và tình yêu. Nhưng họ là người bản xứ Ádhirbáyján, quen với cái lạnh, và họ không thể chịu đựng được cái nóng của địa phương. Hơn nữa, đây là trong những ngày đầu của chúng tôi ở ‘Akká, khi không khí độc hại, và nước không hợp vệ sinh. Cả hai đều bị bệnh sốt cao mãn tính. Họ vui vẻ đón nhận nó, với sự kiên nhẫn đáng kinh ngạc. Trong những ngày bị bệnh, bắt chấp cơn sốt hành hạ, cơn bạo bệnh, cơn khát hoành hành, sự bòn chòn, họ vẫn bình an trong nội tâm, vui mừng trước những điều thiêng liêng vui mừng. Và vào thời điểm khi họ đang dâng lời cảm tạ với tất cả tấm lòng của mình, họ vội vã rời khỏi thế giới này và đi vào thế giới khác; họ thoát khỏi chiếc lồng thân xác này và được thả vào khu vườn bất tử. Lòng từ bi của Thượng Đế đến với họ, và cầu mong Ngài hải lòng với họ. Đối với họ là những lời chào và ngợi khen. Cầu xin Thượng Đế đưa họ vào Bản thể vĩnh cửu, để thỏa thích đoàn tụ với Ngài, đắm mình trong Vương quốc Vinh quang. Hai ngôi mộ tỏa sáng của họ ở ‘Akká.

23 . Hájí ‘Abdu’r-Rahím-i-Yazdí

Hájí ‘Abdu’r-Rahím của Yazd là một linh hồn tôn quý, từ những năm đầu đời của anh là người đức độ và kính sợ Thượng Đế, và được mọi người biết đến như một người đàn ông thánh thiện, vô song trong việc tuân thủ các nghĩa vụ tôn giáo của mình, chú ý đến các hành vi của mình. Đức tin tôn giáo mạnh mẽ của anh là một sự thật không thể chối cãi. Anh phụng sự và thờ phượng Thượng Đế cả ngày lẫn đêm, là một người lành mạnh, ôn hòa, từ bi, một người bạn trung thành.

Bởi vì anh ấy đã chuẩn bị đầy đủ, ngay lúc anh ấy nghe lệnh hiệu triệu từ Chân trời Tối cao - nghe thấy tiếng trống của “Liệu Ta không phải là Chúa của người hay sao?” - anh ấy lập tức kêu lên, “Đúng vậy, quả thật!” Với toàn bộ con người của mình, anh ta trở nên say mê trước vẻ đẹp lộng lẫy của Ánh sáng Thế giới. Cởi mở và mạnh dạn, anh bắt đầu xác nhận điều đó với gia đình và bạn bè của mình. Điều này đã sớm được cả thành phố biết đến; trước con mắt của những vị tu sĩ độc ác, giờ đây anh trở thành một đối tượng bị căm ghét và khinh miệt. Gây ra cơn thịnh nộ của họ, anh bị khinh thường bởi những tạo vật có niềm đam mê thấp kém của họ. Anh ta đã bị quấy rối và làm phiền; dân chúng náo loạn, và những tu sĩ ác độc âm mưu kết liễu anh. Các nhà chức trách chính phủ cũng bắt anh ta, săn lùng anh ta, thậm chí tra tấn anh. Họ đánh anh ta bằng dùi cui, và quát roi đánh anh. Tất cả điều này đã diễn ra, cả ngày lẫn đêm.

Sau đó, anh bị buộc phải từ bỏ nhà của mình và ra khỏi thành phố, anh lang thang, leo núi, băng qua đồng bằng, cho đến khi anh đến Đất Thánh. Nhưng anh quá yếu và bị héo hon đến nỗi bất cứ ai nhìn thấy anh đều nghĩ rằng anh đã trút hơi thở cuối cùng; khi anh ta đến Haifa, Nabil của Qá’in vội vã đến ‘Akká, và muốn tôi triệu tập Hájí ngay lập tức, vì anh ta đang trong cơn hấp hối và sẽ ngã gục nhanh chóng.

Tôi nói: “Hãy để tôi đến Dinh thự xem sao,” “và yêu cầu lên đường.”

“Sẽ mất quá nhiều thời gian,” Nabil nói. “Như vậy, ‘Abdu’r-Rahím sẽ không bao giờ nhìn thấy ‘Akká. Tôi khao khát anh ta có được phần thưởng này; cho anh ta ít nhất để nhìn thấy ‘Akká, và chết. Tôi cầu xin Ngài, cho triệu gặp anh ta ngay lập tức! “

Theo nguyện vọng của anh ấy, tôi đã triệu hồi ‘Abdu’r-Rahím. Khi anh ấy đến, tôi khó có thể phát hiện ra trong anh ấy một hơi thở thì thầm của cuộc sống. Lúc đó anh mở mắt, nhưng anh ta không nói được lời nào. Tuy nhiên, hương vị cứu tinh ngọt ngào của Nhà tù Vĩ đại Nhất đã khôi phục lại tia lửa quan trọng, và khao khát được gặp Đức Bahá’u’lláh đã thổi luồng sinh khí vào anh một lần nữa. Tôi nhìn vào anh ấy vào sáng hôm sau và thấy anh ấy vui vẻ và sáng khoái. Anh ấy xin phép được đến gặp Đức Bahá’u’lláh. “Tất cả đều phụ thuộc,” tôi trả lời, “liệu Ngài có cho phép bạn ra đi hay không. Ý chí Thượng Đế, bạn sẽ được chọn ban cho món quà trân trọng này.”

Vài ngày sau, được sự cho phép, anh ta vội vàng đến sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh. Khi ‘Abdu’r-Rahím bước vào đó, tinh thần sống đã tràn ngập trong anh. Khi trở lại, rõ ràng Hájí này đã trở thành một Hájí hoàn toàn khác: anh ta đang trong giai đoạn sung sức. Nabil chết lặng, và nói: “Thật là sự sống, đối với một tín đồ chân chính, đây là không khí trong tù!”

Một thời gian, ‘Abdu’r-Rahím sống trong khu lán giềng. Ông đã dành hàng giờ của mình để tưởng nhớ và ca ngợi Thượng Đế; anh ca ngâm nguyện cầu, và cẩn thận tham gia các nhiệm vụ tôn giáo của mình. Vì vậy, anh gặp ít người. Người hầu này đặc biệt chú ý đến nhu cầu của anh ta, và đặt cho anh ta một chế độ ăn uống nhẹ. Nhưng tất cả đã kết thúc với Nỗi đau đớn Tột cùng, sự Thăng thiên của Đức Bahá’u’lláh. Khi đó có sự thống thiết và tiếng khóc lớn. Với trái tim rục rủa, đôi mắt ngấn lệ, anh cố gắng một cách yếu ớt để di chuyển; nên ngày của anh ấy cứ thế trôi qua, và luôn luôn, anh ấy khao khát được thoát khỏi đồng rác rưởi thế giới này. Cuối cùng, anh ta đã thoát khỏi nỗi đau khổ về sự mất mát của mình, và nhanh chóng đến Bản thể của Thượng Đế, và đến nơi hội tụ của sự Huy hoàng Thánh thiện trong Vương quốc Ánh sáng.

Những lời chào và lời khen ngợi, và lòng từ bit không thể nào sánh được dành cho anh. Cầu mong Thượng Đế sẽ chiếu rọi những tia sáng từ Cõi huyền bí nơi anh yên nghỉ.

24 . Hájí ‘Abdu’lláh Najaf-Ábádí

Khi đã trở thành một tín đồ, Hájí ‘Abdu’lláh rời quê hương Ba Tư của mình, nhanh chóng đến Đất Thánh, và dưới sự che chở của Đức Bahá’u’lláh đã tìm thấy sự bình yên trong lòng. Anh là một người đàn ông tự tin, kiên định và vững vàng; hưởng hồng ân đa dạng của Thượng Đế; có thiên hướng và tính cách xuất sắc.

Anh đã dành những ngày của mình để giao kết thân thiện với các tín đồ khác. Sau một thời gian, anh đến Ghawr, gần Tiberias, nơi anh làm nông, vừa xới đất và vừa dành nhiều thời gian của mình để khẩn cầu xin và thông công với Thượng Đế. Anh ấy là một người đàn ông xuất sắc, có trí tuệ cao và không tì vết.

Sau đó, anh trở về từ Ghawr, định cư gần Đức Bahá’u’lláh ở Junayna, và thường xuyên gặp Ngài. Đôi mắt của anh ấy hướng chặt về Vương quốc Abhá; đôi khi anh rơi nước mắt và rên rỉ, một lần nữa anh lại vui mừng, mừng rỡ vì anh đã đạt được mong muốn tối cao của mình. Anh hoàn toàn dứt bỏ khỏi tất cả, trừ Thượng Đế, hạnh phúc trong ân điển của Thượng Đế. Anh ta thức hầu như cả đêm, duy trì trạng thái cầu nguyện. Sau đó, cái chết đến vào giờ đã định, và trong bóng che của Đức Bahá’u’lláh, anh ta đã bay lên, vội vã rời khỏi thế giới cát bụi này đến Bầu trời cao, bay lên vùng đất bí mật. Xin gửi anh những lời chào, lòng từ bi và sự ngợi khen, trong khu vực lân cận của Đấng Chúa tối cao.

25 . Muhammad-Hadíy-i-Sahháf

Tuy nhiên, một người nữa trong số những người di cư và đến định cư gần Đức Bahá'u'lláh là người đóng sách, Muhammad-Hadí. Người đàn ông được chú ý này đến từ Isfahán, và với tư cách là người đóng gáy và làm đẹp những cuốn sách, anh ta không có ai so bằng. Khi phó mình cho tình yêu thương của Thượng Đế, anh tinh táo trên con đường và không sợ hãi. Anh ta từ bỏ nhà của mình và bắt đầu một cuộc hành trình đáng sợ, vượt qua cực kỳ khó khăn từ quốc gia này sang quốc gia khác cho đến khi đến được Thánh địa và trở thành một tù nhân. Anh tự mình chọn cương vị bên Ngưỡng cửa Thánh thiện, cẩn thận quét dọn và canh giữ. Bằng những nỗ lực không ngừng của anh ấy, khoảng sân trước nhà của Đức Bahá'u'lláh lúc nào cũng được quét, tưới nước và làm sạch.

Đức Bahá'u'lláh thường nhìn lướt qua khu vực đó, rồi Ngài mỉm cười và nói: “Muhammad-Hadí đã biến khoản sân phía trước nhà tù này thành cung điện đám cưới. Anh ấy đã mang lại niềm vui cho tất cả những người hàng xóm và nhận được sự cảm ơn của họ”.

Khi việc quét, tưới nước và thu dọn hoàn tất, anh ấy sẽ bắt tay vào công việc làm đẹp và đóng gáy các cuốn sách và các Kinh bản khác nhau. Cứ thế ngày tháng trôi qua, trái tim anh hạnh phúc trước sự hiện diện của Đấng Kính yêu của nhân loại. Anh ta là một linh hồn xuất sắc, chính trực, chân chính, xứng đáng nhận được phần thưởng là được kết hợp với Đấng Chúa và không bị nhiễm trọc trần thế.

Một ngày nọ, anh ấy đến gặp tôi và phàn nàn về một căn bệnh kinh niên. “Tôi đã bị ớn lạnh và sốt trong hai năm,” anh nói. “Các bác sĩ đã kê đơn thuốc xổ và thuốc ki nin. Con sốt ngừng vài ngày; sau đó nó trở lại. Họ cho tôi thêm ki nin, nhưng con sốt vẫn quay trở lại. Tôi mệt mỏi với cuộc sống này, và không còn có thể làm công việc của mình. Hãy cứu giúp tôi!”

“ông thích món ăn nào nhất?” Tôi hỏi anh ấy. “ông sẽ ăn gì để có cảm giác ngon miệng?”

“Tôi không biết,” anh nói.

Nói đùa, tôi gọi tên cho các món ăn khác nhau. Khi tôi đến món súp lúa mạch với váng sữa (ásh-i-kashk), anh ấy nói, “Rất ngon! Nhưng với điều kiện là phải có tỏi om trong đó.”

Tôi chỉ đạo họ chuẩn bị món đó cho anh ta, và tôi rời đi. Ngày hôm sau, anh ấy trình diện và nói với tôi: “Tôi đã ăn hết một bát súp. Sau đó tôi gục đầu vào gối và ngủ một giấc bình yên đến sáng”.

Tóm lại, từ đó trở đi anh ấy hoàn toàn khỏe mạnh trong khoảng hai năm.

Một ngày nọ, một tín đồ đến gặp tôi và nói: “Muhammad-Hadí đang phát sốt.” Tôi vội vã đến bên giường anh ấy và thấy anh ấy bị sốt 42°C. Anh ta hầu như không tỉnh táo. Tôi hỏi “Anh ấy đã làm gì?”. Câu trả lời là “Khi anh ấy sốt,” “anh ấy nói rằng từ kinh nghiệm của mình, việc anh nên làm là vậy. Sau đó, anh ăn súp lúa mạch với váng sữa và tỏi om; và đây là kết quả.”

Tôi đã rất ngạc nhiên về sự vận hành của số phận. Tôi nói với họ: “Bởi vì, hai năm trước, anh ta đã bị thanh lọc triệt để và hệ thống của anh ta đã rõ ràng; bởi vì anh ấy rất thèm ăn nó, và căn bệnh của anh ấy là sốt và ớn lạnh, tôi đã kê cho tôi món súp lúa mạch. Nhưng lần này, với những thức ăn khác nhau mà anh ấy đã ăn, không có cảm giác ngon miệng, và đặc biệt là sốt cao, không có lý do gì để chẩn đoán tình trạng mãn tính trước đó. Làm sao anh ta có thể ăn súp được!” Họ trả lời, “Đó là số phận.” Mọi thứ đã đi quá xa; Muhammad-Hadí đã được cứu một lần trong quá khứ.

Anh ta là một người đàn ông thấp bé, cương vị và trí óc cao cả. Tâm hồn anh tinh khiết, linh hồn anh sáng ngời. Trong suốt những ngày phụng sự ở Ngưỡng cửa Thiên liêng, ông đã được bạn bè yêu mến và được Thượng Đế ban ân. Thỉnh thoảng, một nụ cười trên môi Ngài, Đấng Phúc Mỹ nói chuyện với ông, bày tỏ lòng nhân từ và ân điển.

Muhammad-Hadí luôn trung thành, và ông coi tất cả những thứ khác ngoài niềm vui tốt đẹp của thượng Đế là hư cấu và truyện ngụ ngôn, không hơn không kém. Phước cho anh ta vì món quà này đã ban cho anh, vui mừng cho anh cho nơi mà anh ta được dẫn dắt; Nguyện điều đó làm điều tốt cho anh ta, chén rượu

này được ủ ở thác ân điển, và mọi nỗ lực của anh ta đều đạt được sự cảm tạ và được chấp nhận bởi Thượng Đế.¹

¹ Koran 11:101; 11:100, 76:5; 76:22; 17:20

26 . Mírzá Muhammad-Qulí

Jináb-i-Mírzá Muhammad-Qulí¹ là một người trung thành của Đấng Phúc Mỹ. Người đàn ông vĩ đại này ngay từ thời thơ ấu đã được biết đến với sự cao quý của tâm hồn. Anh vừa được sinh ra thì người cha ưu tú của mình qua đời, và do đó, từ đầu đến cuối những ngày của mình, anh đã dành cả cuộc đời mình trong vòng tay che chở của Đức Bahá'u'lláh. Anh tách rời khỏi mọi suy nghĩ ích kỷ, chán ghét mọi đề cập ngoại trừ bất cứ điều gì liên quan đến Chánh Đạo Thiêng liêng. Anh được nuôi dưỡng ở Ba Tư dưới sự chăm sóc của Đức Bahá'u'lláh, và cả ở Iraq nữa, anh đặc biệt được Ngài ưu ái. Trước sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh, anh ấy chính là người pha và mời trà mọi người; và anh chờ đợi Người Anh cả của mình mọi lúc, cả ngày lẫn đêm. Anh luôn im lặng. Anh luôn tuân giữ Giao ước “Ta không phải là Chúa của người sao?” Anh được bao bọc bởi lòng nhân ái và ân điển; ngày và đêm anh ta đã tiếp cận với sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh; anh luôn kiên nhẫn và chịu đựng, cho đến cuối cùng, anh đã đạt đến đỉnh cao của hồng ân Thiên thượng và sự chấp nhận.

Anh ấy luôn giữ cách sống của riêng mình. Anh du hành đồng thời cùng Đức Bahá'u'lláh; từ Iraq đến Constantinople anh ấy đã đi cùng đoàn xe và tại những nơi dừng lại, nhiệm vụ của anh ấy là dựng lều. Anh phục vụ với sự tận tụy lớn nhất, và không biết đến sự uể oải hay mệt mỏi. Ở Constantinople cũng vậy, và sau đó là ở Vùng đất huyền bí - Adrianople, anh ấy tiếp tục, trong các một điều kiện đa dạng như thế.

Cùng với Đấng Chúa vô song của mình, anh ta sau đó bị đày đến ‘Pháo đài Akká, bị kết án theo lệnh của vị Vua (Sultán) cho việc bị giam cầm vĩnh viễn.² Nhưng anh ta cũng chấp nhận tất cả những gì đã xảy ra với tinh thần như vậy - thoải mái và đau khổ, khó khăn và thuận lợi, bệnh tật và sức khỏe; một cách hùng hồn, anh ta sẽ trở lại cảm ơn Đấng Phúc Mỹ về những ân điển của Người, thốt ra lời khen ngợi với trái tim tự do và khuôn mặt tỏa sáng như mặt trời. Mỗi buổi sáng và buổi tối, anh chờ đợi Đức Bahá'u'lláh, vui thích và trải qua sự hiện diện của Ngài; và hầu hết thời gian, anh ấy giữ im lặng.

¹ Thượng Đế đi qua trang 108

² Thượng Đế đi qua trang 186; 193; 196

Khi Đấng Kính yêu của tất cả nhân loại thăng thiên về Vương quốc của Vinh quang rực rỡ, Mírzá Muhammad-Qulí vẫn vững vàng trong Giao ước, tránh xa những mưu mô, ác ý và đạo đức giả xuất hiện, dâng mình hoàn toàn cho Thượng Đế, khẩn nài và cầu nguyện. Đối với những người sẽ lắng nghe, anh đã đưa ra lời khuyên khôn ngoan; và anh nhớ lại những ngày của Đấng Phúc Mỹ và những khổ đau bản thân anh ta đã trải qua. Sau sự ra đi của Đức Bahá'u'lláh, khiến anh không thờ được một cách dễ dàng; anh ta không giao du với ai cả, mà chỉ ở một mình trong phần lớn thời gian, một mình trong nơi ẩn náu nhỏ bé của mình, đang bùng cháy bởi ngọn lửa chia cắt. Ngày qua ngày, anh ta trở nên yếu ớt hơn, bất lực hơn, cho đến khi cuối cùng anh ta bay đi đến thế giới của Thượng Đế. Cầu cho anh ấy được bình an; trong các khu vườn của Thiên đàng, cầu cho sự ngợi khen và lòng từ bi gửi đến anh. Ngôi mộ sáng của anh ở Naqíb, Tiberias.

27 . Ustád Báqir và Ustád Ahmad

Và một lần nữa trong số những người rời bỏ quê hương có hai người thợ mộc, Ustád Báqir và Ustád Ahmad. Hai người này là anh em, thuộc dòng dõi thuần chủng, và là người bản xứ Káshán. Từ khi cả hai trở thành tín đồ, cả hai đều gắn bó với nhau. Họ lắng nghe tiếng nói của Thượng Đế, và tiếng kêu của Ngài “Ta không phải là Chúa của người sao?” và họ trả lời, “Quả thật, đúng vậy!”

Trong một thời gian, họ ở lại đất nước của mình, bận rộn với sự tưởng nhớ về Thượng Đế, được trang bị bởi đức tin và kiến thức, được bạn bè cũng như người lạ kính trọng, được mọi người biết đến vì sự công bình và đáng tin cậy, sống chân phượng và kính sợ Thượng Đế. Khi kẻ áp bức giang tay chống lại họ và hành hạ họ vượt quá sức chịu đựng, họ di cư đến Iraq, để được Đức Bahá’u’lláh che chở. Họ là hai linh hồn được may mắn nhất. Trong một thời gian, họ ở lại Iraq, họ cầu nguyện với tất cả sự khiêm cung và khẩn cầu Thượng Đế.

Sau đó Ustád Ahmad khởi hành đến Adrianople, trong khi Ustád Báqir ở lại Iraq và bị bắt làm tù nhân tại Mosul. Ustád Ahmad tiếp tục cùng nhóm của Đức Bahá’u’lláh đến Nhà tù Vĩ đại Nhất, và Ustád Báqir di cư từ Mosul đến ‘Akká. Cả hai anh em đều ở dưới sự bảo vệ của Thượng Đế và thoát khỏi mọi ràng buộc trần thế. Trong tù, họ làm công việc của mình, giữ cho riêng mình, tránh xa bạn bè cũng như người lạ. Yên tĩnh, trang nghiêm, tự tin, mạnh mẽ trong đức tin, được che chở bởi Đấng Toàn năng, họ vui vẻ trải qua những ngày của mình. Ustád Báqir là người đầu tiên qua đời, và một thời gian sau anh trai của anh cũng đi theo anh.

Hai người này là những người có đức tin vững vàng, trung thành, kiên nhẫn, luôn biết ơn, luôn khẩn cầu Thượng Đế trong sự khiêm cung, quay mặt về hướng Ngài. Trong suốt thời gian dài ở tù, họ không bao giờ lơ là nhiệm vụ, không bao giờ có lỗi. Họ không ngừng vui mừng, vì họ đã uống cạn chén thánh; và khi họ bay lên cao, ra khỏi thế giới, bạn bè thương tiếc họ và cầu xin rằng nhờ ân điển của Đức Bahá’u’lláh, họ sẽ được ưu ái và tha thứ. Hai người này đều được tràn đầy ân điển, và được Thánh linh nâng đỡ, và Đấng Phúc Mỹ rất hài lòng với cả hai; với sự trang bị này cho cuộc hành trình, họ lên đường đến với thế giới sẽ

đến. Khi cả hai đều là vinh quang của Thượng Đế, Đấng Toàn Năng; để mỗi người trở thành một chỗ dựa của chân lý¹ trong Vương quốc Sáng chói.

¹ Koran 54:55

28 . Muhammad Haná-Sáb

Người đàn ông có phẩm giá và có cấp bậc này, Áqá Muhammad, là một người khác trong số những người bỏ nhà cửa, và là một trong những tín đồ ban đầu nhất. Từ buổi bình minh thủy triều, anh đã được biết đến rộng rãi như một người yêu kính Đấng Ánh sáng Vĩ đại nhất. Sau đó, anh ở Isfahán, và nhắm mắt lại thế giới này và thế giới tiếp theo,¹ và mở ra cho anh vẻ đẹp của Ngài, Đấng là hiện thân của tất cả những gì đáng yêu.²

Áqá Muhammad không còn tìm thấy sự yên nghỉ nữa, vì anh ấy đã trở nên sống động nhờ hơi thở đầy xạ hương của Thượng Đế; lòng anh sáng lên, anh có thể hít thở hương thơm thánh thiện, anh có mắt để nhìn, tai để nghe. Anh ấy đã hướng dẫn một số linh hồn, vẫn chân chính và trung thành với Chánh Đạo vĩ đại. Anh ta đã chịu đựng sự ngược đãi và dày vò khủng khiếp, nhưng không chùn bước. Sau đó, anh ta tìm thấy hồng ân trong mắt của Vua của các Vị Tử đạo và trở thành người phục vụ đáng tin cậy của Đấng Kính yêu của các Vị Tử đạo,³ anh phục vụ họ trong một số năm. Anh đã được bỏ sức trong công việc của mình, đến nỗi trong nhiều lần, Vua các Vị Tử Đạo bày tỏ sự hài lòng với ông, nói rằng: “Người này là một trong những linh hồn đang yên nghỉ; anh ta quả thực rất làm hài lòng Đấng Chúa và hài lòng Ngài.⁴ Đức tin của anh ta là không lay chuyển, anh ta yêu mến Thượng Đế, anh ta có đức tính tốt và sống một cuộc sống tốt đẹp. Anh ấy cũng là một người bạn đồng hành dễ mến và là một người có tài hùng biện.”

Sau khi Vua Tử Đạo bị giết, Áqá Muhammad ở lại Isfahán một thời gian, để tang cho anh. Cuối cùng anh di cư đến Nhà tù Vĩ đại Nhất, nơi anh ta được Đức Bahá'u'lláh tiếp nhận, và giành được vinh dự cao là quét dọn mặt sân trước Ngưỡng cửa. Anh ấy kiên nhẫn, nhẫn nại, một người bạn và người đồng hành thực sự. Sau đó, mỗi họa tối cao ập đến với chúng tôi, và Áqá Muhammad đã đau khổ đến mức không thể nghỉ ngơi trong giây lát. Vào mỗi buổi bình minh, anh ấy

¹ Việc này nói đến hai thế giới, du jihan, thể hiện câu nói, Isfahan là một nửa của thế giới – Isfahan nisf-i-jihan

² Vì đây là định nghĩa về Đấng Biểu hiện của Thượng Đế, xem Thượng Đế đi qua trang 119

³ “Ánh sáng song đôi” này là hai anh em thương gia nổi tiếng ở Isfahan. Bởi vì anh nợ họ một số tiền lớn, tu sĩ hàng đầu – Vị Imam Jum'ih – của thành phố gây ra sự tử đạo cho họ. Xem Đức Baha'u'llah trong thư gửi Con trai của Chó sói, và Thượng Đế đi qua trang 200-201 và 219, Đức Baha'u'llah ban tặng danh Đấng Kính yêu của các Vị Tử đạo cho Mirza Muhammad-Husayn và danh Vua các vị Tử đạo cho Mirza Muhammad-Hasan.

⁴ Koran 89: 27-30

sẽ dậy và quét đất trước ngôi nhà của Đức Bahá'u'lláh, nước mắt anh ấy tuôn rơi như mưa, đọc kinh khi làm việc.

Anh ấy thật sự thánh thiện, một con người vĩ đại biết bao! Anh ta không thể chịu đựng được sự xa cách quá lâu, mà đã chết đi, và nhanh chóng đến thế giới của ánh sáng, đến hội tụ nơi vẻ mỹ lệ của Thượng Đế được phô bày. Cầu xin Thượng Đế chiếu soi nơi mộ của anh với những tia sáng từ cõi tha thứ, và ru hồn anh trong lòng Địa đàng. Cầu xin Thượng Đế tôn cao cương vị của anh trong các khu vườn trên cao. Ngôi mộ sáng sủa của anh ở 'Akká.

29 . Hájí Faraju'lláh Tafríshí

Còn một người khác trong số những người rời quê hương của họ đến sống trong khu láng giềng của Đức Bahá'u'lláh là Faraju'lláh của Tafrísh. Người được ban phước này ngay từ khi còn trẻ đã là người hầu của Đức Bahá'u'lláh, và cùng với người cha đáng kính của mình, Áqá Lutfu'lláh, anh đã di cư từ Ba Tư đến Adrianople. Áqá Lutfu'lláh là một tín đồ trung thành, hết lòng yêu mến Đấng Phúc Mỹ. Kiên nhẫn, chịu đựng lâu dài, hoàn toàn thờ ơ với thế giới này và sự phù phiếm của nó, anh sống mãi nguyện trong khu láng giềng của Đức Bahá'u'lláh; và sau đó khiêm nhường nơi Ngưỡng cửa, với trái tim đầy ước vọng, anh từ bỏ cuộc sống phù du này và bay lên cõi vô biên bên kia. Bụi thơm của anh ấy ở Adrianople.

Về phần Hájí Faraju'lláh, anh sống tiếp tục ở thành phố đó, cho đến ngày những kẻ áp bức nhẫn tâm đày Đức Bahá'u'lláh đến 'Akká, và cùng với anh, Hájí đến đây vào Nhà tù Vĩ đại Nhất. Sau đó, khi khó khăn được chuyển thành dễ dàng, ông tham gia vào thương mại, trở thành đối tác của Muhammad-'Alí của Isfahán. Trong một thời gian, anh ấy làm ăn phát đạt và hạnh phúc. Sau đó, anh được cho nghỉ phép để đi và lên đường đến Ấn Độ, nơi anh ta đã trải qua một thời gian dài trước khi anh ta đi vào những khu vườn của sự tha thứ, và bước vào những mảnh đất của lòng từ bi khôn tả.

Người hầu của Đấng Phúc Mỹ này là một với các tín đồ trong cơn đau khổ và tai họa của họ; anh ấy đã có những chia sẻ của mình về nỗi thống khổ. Những ân sủng của Đức Bahá'u'lláh đã khiến anh biết đến, và anh vui mừng vì ân sủng vô biên đó. Anh ấy là một trong những người bạn đồng hành, một người bạn thân thiết, và anh ấy có một trái tim biết vâng lời. Mặc dù cơ thể gầy gò và ốm yếu, nhưng anh vẫn biết ơn, chấp nhận điều đó, kiên nhẫn và chịu đựng những thử thách trên con đường của Thượng Đế. Cầu xin những lời chào mừng và khen ngợi cho anh; cầu mong anh nhận được những ân tứ và phước lành trên Thiên đàng; trên anh là vinh quang của Thượng Đế, Đấng Toàn Năng. Ngôi mộ thuần khiết của anh ở Bombay, Ấn Độ.

30 . Áqá Ibráhím-i-Isfahání và Các Anh em trai

Và trong số những người di cư và đến định cư tại Thánh địa có Áqá Ibráhím, một trong bốn anh em được vinh danh: Muhammad-Sádiq; Muhammad-Ibráhím; Áqá Habíbu'lláh; và Muhammad-'Alí. Bốn người này sống ở Baghdad với người chú của họ, Áqá Muhammad-Ridá, được gọi là 'Aríd. Tất cả họ đều sống trong một ngôi nhà, và ở bên nhau ngày đêm. Giống như loài chim ở chung một tổ; và họ luôn tươi tắn và đầy duyên dáng, như những bông hoa của bức thảm.

Khi Đấng Mỹ lệ Xưa đến Iraq, nhà của họ ở khu vực lân cận của Ngài, và do đó họ vui mừng ngắm nhìn Ngài đến và đi. Từng chút một, tính cách của Đấng Chúa của tâm hồn, những gì Ngài đã làm và những gì Ngài không làm, và việc nhìn thấy khuôn mặt yêu thương của Ngài, đều có tác dụng; họ bắt đầu khát khao Đức tin và tìm kiếm ân điển và sự hồng ân của Ngài. Họ trình diện trước cửa nhà Ngài, như thể hoa nở ở đó; và họ nhanh chóng say mê ánh sáng chiếu ra từ vàng trán của Ngài, nắm bắt vẻ đẹp của Người Bạn Đồng Hành thân yêu đó. Họ không cần người truyền giáo; tự mình, họ đã nhìn thấu qua những bức màn che khuất họ trước đây, và đạt được khát vọng tột cùng của trái tim họ.

Theo lệnh của Đấng Phúc Mỹ, Mírzá Javád của Turshíz đã đến nhà của họ vào một đêm. Mírzá Javád hầu như không mở miệng khi họ chấp nhận Đức tin. Họ không do dự mà ngay lập tức, vì họ có khả năng tiếp thu đáng kinh ngạc. Đây là ý nghĩa của câu Kinh Qur'ánic: "...dầu của ai sẽ tỏa sáng trước hơn hết, mặc dù lửa không chạm vào! Đó là ánh sáng dội trên ánh sáng."¹ Đó là, dầu này đã được chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng để được thắp sáng, đến nỗi nó gần như tự bốc cháy, mặc dù không có ngọn lửa nào ở trong tay; điều đó có nghĩa là khả năng dành cho đức tin, và khả năng xứng đáng có được, có thể lớn đến mức mà không cần thông qua một lời nào, ánh sáng sẽ tỏa ra. Đó là cách nó xảy ra với những người tinh khiết; họ thực sự trung thành, tin cậy và tận tụy với Thượng Đế.

Người anh cả, Muhammad-Sádiq, đi cùng Đức Bahá'u'lláh từ Iraq đến Constantinople, và từ đó đến Adrianople, nơi anh sống hạnh phúc trong một thời gian, gần gũi với Đấng Chúa của mình. Anh khiêm tốn, nhẹn nhục, biết ơn; trên môi luôn nở một nụ cười; tâm hồn bừng cháy, và linh hồn anh thương yêu Đức

¹ Koran 24:35

Bahá'u'lláh. Sau đó, anh được cho phép để trở về Iraq, vì gia đình anh ở đó, và anh ở lại thành phố đó một thời gian, anh vẫn mơ và nhớ.

Sau đó, một tai họa lớn xảy ra ở Iraq, và cả bốn anh em với người chú cao quý của họ đều bị bắt làm tù binh. Làm nạn nhân, bị giam cầm, họ bị đưa đến Mosul. Người chú, Áqá Muhammad-Ridá, là một người đàn ông lớn tuổi, được soi sáng về trí óc, tâm hồn thiêng liêng, một người tách biệt khỏi mọi thứ trần tục. Anh ta đã cực kỳ giàu có ở Iraq, tận hưởng những tiện nghi và thú vui, nhưng bây giờ ở Hadbá - Mosul - anh ta trở thành nạn nhân chính trong số các tù nhân, và phải chịu cảnh thiếu thốn khủng khiếp. Anh ấy nghèo khổ, nhưng vẫn đàng hoàng, kiên nhẫn, bằng lòng và biết ơn. Giữ mình ở một nơi vắng vẻ, anh ca tụng Thượng Đế ngày đêm cho đến khi anh chết. Anh ấy đã dâng hiến trái tim của mình cho Đáng Yêu thương của mình, thoát khỏi xiềng xích của thế giới đầy mâu thuẫn này và lên đến Vương quốc tồn tại mãi mãi. Cầu xin Thượng Đế dìm anh ta trong dòng nước của sự tha thứ, khiến anh vào vườn từ bi và lạc thú tốt lành của Ngài, và giữ anh mãi trong Thiên Đàng.

Đối với Muhammad-Sádiq, ở Mosul, ông cũng phải chịu những khó khăn trên con đường của Thượng Đế. Ông cũng là một linh hồn an nghỉ, làm hài lòng Đáng Chúa của ông và Ngài. Cuối cùng, ông cũng đáp lại giọng nói của Đáng Vua của Vinh quang: “Lạy Chúa, con đây!” và đến để làm ứng nghiệm các câu: “Hỡi linh hồn nào đã được yên ổn, hãy trở về cùng Chúa của mình, hài lòng và làm hài lòng Ngài. Hãy đi vào giữa các tôi tớ của Ta; vào Thiên đường của Ta.”²

Và Muhammad-‘Alí, một khi được giải thoát khỏi sự giam cầm, đã vội vã từ Mosul đến Thánh địa, đến khu vực của ân sủng vô tận. Ở đây anh ấy vẫn sống. Dù phải chịu gian khổ nhưng lòng anh vẫn bình yên. Về phần anh trai Ibráhím, được đề cập ở trên, anh ta cũng từ Mosul đến ‘Akká, nhưng đến một vùng gần đó. Ở đó, với sự kiên nhẫn, bình tĩnh, bằng lòng, nhưng khó khăn, anh ta tham gia vào việc buôn bán, đồng thời thương tiếc sự thăng thiên của Đức Bahá'u'lláh cả ngày lẫn đêm. Khiêm cung và ăn năn, với khuôn mặt của mình hướng về các Bản thể huyền bí của Chúa, anh đã thả mặc sức sống của mình. Cuối cùng, bị tiêu hao bởi năm tháng, hầu như không thể di chuyển, ông đến Haifa, nơi ông tìm thấy một góc của nhà tế bần dành cho những người lữ hành để ở, và dành thời gian của mình để khiêm tốn kêu cầu Thượng Đế, cầu xin và dâng lời ngợi khen Ngài. Từng chút một, bị ăn mòn bởi tuổi tác, con người của anh bắt đầu tan biến, và

² Koran 89:27-30

cuối cùng, anh ta cởi bỏ lớp áo da thịt và với linh hồn không mảnh vải che thân của mình đã bay đến vương quốc của Đấng Toàn Năng. Anh đã được đưa ra khỏi cuộc sống tăm tối này vào bầu không khí sáng chói, và chìm trong biển ánh sáng. Xin Thượng Đế làm sáng ngôi mộ của ông bằng những tia sáng lan tỏa, và ru hồn ông bằng những làn gió của lòng từ bi Thiên thượng. Đối với anh ta là lòng từ bi của Thượng Đế, và sự hài lòng của Ngài.

Về phần Áqá Habíbu'lláh, anh cũng bị bắt làm tù binh ở Iraq và bị đày đến Mosul. Trong một thời gian dài, anh sống ở thành phố đó, chịu nhiều gian khổ, nhưng vẫn bằng lòng, và đức tin của anh tăng lên từng ngày. Khi nạn đói đến với Mosul, cuộc sống của những người ngoài cuộc khó khăn hơn bao giờ hết, nhưng để tưởng nhớ đến Thượng Đế, trái tim họ đã được yên nghỉ,³ và linh hồn của họ được nhận thức ăn từ Thiên đàng. Vì vậy, họ đã chịu đựng tất cả với sự kiên nhẫn đáng kinh ngạc, và người dân thắc mắc về những người lạ này ở giữa họ, những người này không đau khổ cũng không sợ hãi như những người khác, và những người tiếp tục ca ngợi ngày đêm. Người dân nói: “Sự tin cậy tuyệt vời”, “họ có chỗ nơi Thượng Đế!”

Habíb là một người đàn ông có lòng kiên nhẫn và một trái tim vui vẻ. Anh quen với cuộc sống tha hương và anh sống trong tình trạng khao khát tình yêu. Sau khi rời Baghdad, các tù nhân của Mosul liên tục được nhắc đến bởi Đức Bahá'u'lláh; đối với họ, Ngài bày tỏ sự ưu ái vô hạn của Ngài. Vài năm sau, Habíb vội vã đi đến với lòng từ bi bao trùm của Thượng Đế, và tìm thấy một cái tổ và nơi ẩn náu trên những cành cây của Cây thiên thượng. Ở đó, trong Thiêng đàng của mọi niềm vui, với những bài hát kỳ diệu, anh ấy đã tuôn đổ lời ca tụng của mình về Chúa đầy ân phúc.

³ Koran 13:28, “Thật sự tưởng nhớ Thượng Đế tức là tâm hồn được an nghỉ”

31 . Áqá Muhammad-Ibráhím

Muhammad-Ibráhím, người mang danh hiệu Mansúr — Chiến thắng — là một thợ rèn. Con người của Thượng Đế này, một người khác trong số những người di cư và định cư, là người gốc Káshán. Khi mới thời niên thiếu, anh đã nhận ra Ánh sáng ló dạng và uống cạn cốc thánh được “chứa nước tắm dung hợp thơm tho”¹ Anh là một người có tính cách dễ chịu, tràn đầy đam mê và niềm vui của cuộc sống. Ngay khi ánh sáng niềm tin được thắp lên trong tim, anh rời Káshán, hành trình đến Baghdad, và vinh dự được đến với sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh.

Áqá Muhammad có một năng khiếu thơ ca tuyệt vời, và anh ấy sẽ tạo ra những câu thơ như chuỗi ngọc. Ở Zawrá - tức là Baghdad, Nơi ở của Hòa bình - anh ấy thân thiện với bạn bè cũng như người lạ, luôn cố gắng thể hiện lòng nhân ái với tất cả mọi người. Anh ta đưa các anh em của mình từ Ba Tư đến Baghdad, và mở một cửa hàng thủ công mỹ nghệ, sử dụng bản thân vào lợi ích của người khác. Anh ta cũng bị bắt làm tù binh và bị đày từ Baghdad đến Mosul, sau đó anh ta hành trình đến Haifa, nơi cả ngày lẫn đêm, hạ mình và khiêm nhường, anh ca ngâm kinh cầu nguyện và tập trung suy nghĩ của mình về Thượng Đế.

Anh ấy đã ở lại Haifa một thời gian dài, phục vụ thành công các tín đồ ở đó, và khiêm tốn và không phô trương nhất trước nhu cầu của người du hành. Anh ta kết hôn ở thành phố đó, và có những đứa con tốt. Đối với anh, mỗi ngày là một cuộc sống mới và một niềm vui mới, và bất cứ số tiền nào anh kiếm được, anh đều chi cho những người xa lạ và bạn bè. Sau khi Vua Tử Đạo bị giết, ông đã viết một bài văn tế để tưởng nhớ tín đồ đó đã ngã xuống trên cánh đồng đau thương, và đọc kinh ca tụng của anh trước sự chứng kiến của Đức Bahá'u'lláh; những dòng thơ cảm động tột cùng, đến nỗi tất cả những người có mặt ở đó đều rơi nước mắt và cất lên những lời sào khỏ.

Áqá Muhammad tiếp tục sống hết mình, có mục tiêu cao, không quản ngại tình trạng bên trong của mình, với lòng nhiệt thành và tình yêu thương. Sau đó, anh ta đón chào cái chết, cười như một bông hồng đột nhiên nở rộ và khóc, “Tôi đây!” Vì vậy, anh ta đã từ bỏ Haifa, đổi lấy thế giới bên trên. Từ mảnh đất hẹp

¹ Koran 76:5 cốc chứa nước tắm dung hợp thơm tho.

này, anh ta nhanh chóng đến với Đấng Kính yêu, bay lên khỏi đồng bụi này để dựng lều của mình ở một nơi công bằng và sáng sủa. Chúc phúc lành cho anh ta, và một tổ ấm tốt lành.² Cầu xin Thượng Đế từ bi che chở anh; cầu mong anh ta yên nghỉ dưới ngôi đền của sự tha thứ và được đưa vào vườn Thiên đàng.

² Koran 13:28

32 . Zaynu'l-'Ábidín Yazdí

Một trong những người di cư đã qua đời trên đường đến Thánh địa là Zaynu'l-'Ábidín của Yazd. Khi, ở Manshád, người đàn ông tận tụy này lần đầu tiên nghe thấy tiếng gọi của Thượng Đế, anh ta thức tỉnh với cuộc sống không ngơi. Một niềm đam mê thánh thiện đã khuấy động anh ta, tâm hồn anh ta đã được làm mới. Ánh sáng của sự hướng dẫn bùng lên từ ngọn đèn của trái tim anh ấy; tình yêu của Thượng đã khơi dậy một cuộc cách mạng trong mảnh đất nội tâm anh ta. Bị cuốn theo tình yêu đối với vẻ đẹp của Đấng Yêu thương, anh rời ngôi nhà yêu dấu của mình và lên đường đến Vùng đất Khát khao.

Khi đi cùng hai con trai, vui mừng vì hy vọng cuộc gặp gỡ sẽ là của mình, anh dừng lại trên mọi đỉnh đồi, ở mọi đồng bằng, thôn xóm để thăm bạn bè. Nhưng khoảng cách xa vời kéo dài trước mắt anh ta đã biến thành một biển rác rưởi, và mặc dù tinh thần anh ta khao khát, cơ thể anh ta suy yếu, và cuối cùng anh ta bị ốm và trở nên bất lực; tất cả những điều này cùng lúc anh không có nhà.

Khi bị bệnh, anh không từ bỏ cuộc hành trình, cũng không thất bại trong quyết tâm của mình; anh có sức mạnh ý chí đáng kinh ngạc, và quyết tâm tiếp tục; nhưng bệnh tật càng ngày càng nặng thêm, cho đến khi cuối cùng anh ấy đã bay lên đến với lòng từ bi của Thượng Đế, và dâng linh hồn mình trong một niềm khao khát chưa được thỏa mãn.

Mặc dù với đôi mắt ngoại tại, anh không bao giờ cạnh chen hội ngộ, không bao giờ được thấy vẻ đẹp của Đức Bahá'u'lláh, nhưng ông vẫn đạt được tinh thần hiệp thông thiêng liêng; anh ta được coi là một trong những người đạt được Sự Hiện diện, và đối với anh ta phần thưởng cho những người đạt được Sự Hiện diện đó ơn bổ sức và sự ban cho. Anh là một người có tâm hồn sắt đá, trung thành, tận tụy và chân chính. Anh ta không bao giờ thở ra hơi nào ngoại trừ sự công bình, và ước muốn duy nhất của anh ta là thờ phượng Đấng Chúa. Anh đi trên những con đường tình yêu; anh được mọi người biết đến với lòng trung thành kiên định và ý định trong sáng. Cầu xin Thượng Đế đổ đầy cốc đoàn tụ cho anh ta trong một mảnh đất công bằng, khiến anh ta được vào Vương quốc vĩnh cửu, và an ủi đôi mắt của anh qua việc nhìn thấy ánh sáng của Bản thể bí ẩn đó.

33 . Hájí Mullá Mihdíy-i-Yazdí

Một người khác đã rời bỏ quê hương của mình là Mullá Mihdí của Yazd. Mặc dù bề ngoài, người đàn ông xuất sắc này không thuộc tầng lớp uyên bác, nhưng anh là một chuyên gia trong lĩnh vực truyền thống thiêng liêng của người Hồi giáo và là một nhà thông dịch hùng hồn cho các bản văn được truyền miệng. Kiên trì với sự sùng kính của mình, được biết đến với các thực hành thánh thiện và các buổi cầu nguyện và hiệp thông hàng đêm, trái tim của anh ấy được soi sáng, và anh ấy có tâm trí và linh trí. Anh đã dành phần lớn thời gian để lặp lại sự thông công, thực hiện các lời cầu nguyện bắt buộc, thú nhận sự bất lực của mình và khẩn cầu Đấng Chúa. Anh là một trong những người có thể thông hiểu các bí ẩn, và là bạn tâm giao của chính nghĩa. Là người truyền bá Chánh Đạo, anh không bao giờ mất hay quên lời khi nói, tất cả sự thận trọng, tuông đổ trên những truyền thống và văn bản thiêng liêng khác.

Khi tin tức về anh ta lan truyền khắp thị trấn và anh ta bị buộc tội ở khắp mọi nơi, bởi tất cả người hoàng tử và những kẻ phá hoại, vì mang danh mới này, anh ta tự do tuyên bố về lập trường của mình và vì điều này đã anh bị công chúng ghét bỏ. Sau đó, những kẻ ác của Yazd trỗi dậy, ban hành một sắc lệnh rằng anh phải chết. Kể từ khi tiến sĩ Luật Hồi giáo, Mullá Báqir của Ardikán, từ chối xác nhận bản án của những khoảng cách đen tối đó, Mullá Mihdí được cho sống sót, nhưng buộc phải rời quê hương của mình. Cùng với hai người con trai của mình, một người sắp trở thành người tử vì đạo vĩ đại, Jináb-i-Varqá, và người kia Jináb-i-Husayn, ông lên đường đến đất nước của Đấng mà mình yêu quý. Trong mọi thị trấn và làng mạc trên đường đi, ông đều truyền bá Đức tin, bổ sung thêm các lý lẽ và chứng cứ rõ ràng, trích dẫn và giải thích các truyền thống thiêng liêng và các dấu hiệu hiển nhiên.¹ Anh không nghỉ ngơi một giây phút nào; ở khắp mọi nơi, anh tỏa ra khắp nơi tinh hoa tình yêu của Thượng Đế, và truyền hơi thở ngọt ngào của sự thánh thiện. Và anh ấy đã truyền cảm hứng cho những người bạn hữu, khiến họ háo hức đến lượt mình để truyền giảng cho những người khác và nâng cao kiến thức vượt trội.

Anh là một linh hồn lỗi lạc, với trái tim hướng về vẻ đẹp của Thượng Đế. Kể từ ngày đầu tiên được tạo ra và đến thế giới này, anh ấy đã nhất tâm dành tất cả

¹ Koran 3:91

nỗ lực của mình để có được ân sủng cho ngày anh ấy được sinh ra trong thế giới tiếp theo.² Trái tim anh ấy được chiếu sáng, tâm trí anh ấy thiêng liêng, tâm hồn anh ấy khao khát, đích đến Thiên đường. Anh ta đã bị giam cầm trên đường đi của mình; và khi băng qua sa mạc, leo lên và xuống các sườn núi, anh đã phải chịu đựng những gian khổ khủng khiếp, không thể đếm xuể. Nhưng ánh sáng của đức tin chiếu từ trán anh ta và trong ngực anh ta, niềm khao khát đã bùng cháy, và do đó anh ta vui mừng, vui vẻ vượt qua biên giới cho đến khi cuối cùng anh ta đến được Beirut. Trong thành phố đó, bệnh tật, sự kiên cường, sự kiên nhẫn của anh ấy đã cạn kiệt, anh ấy đã dành một vài ngày. Sự khao khát của anh ngày càng lớn, và sự kích động của anh đến mức yếu ớt và ốm yếu như anh, anh không thể chờ đợi được nữa.

Anh bắt đầu đi bộ đến ngôi nhà của Đức Bahá'u'lláh. Vì thiếu đôi giày thích hợp cho cuộc hành trình, bàn chân của anh bị bầm tím và rách; bệnh của anh ấy trở nên tồi tệ hơn; anh ta hầu như không thể di chuyển, nhưng anh ta vẫn tiếp tục; bằng cách nào đó anh ta đến được tòa nhà Mazra'ih và tại đây, gần Dinh thự, anh ta đã qua đời. Trái tim anh đã tìm thấy Đấng Kính yêu của mình, khi anh không thể chịu đựng được sự chia ly nữa. Hãy để những người yêu được cảnh báo bởi câu chuyện của anh ấy; cho họ biết anh ta đã đánh cược mạng sống của mình như thế nào khi khao khát được đến với Ánh sáng Thế giới. Xin Thượng Đế ban cho anh ta uống một chén đầy ắp trong những khu vườn vĩnh cửu; trong Sự Đoàn tụ Tối cao, xin Thượng Đế chiếu rọi những tia sáng trên khuôn mặt của anh. Cầu xin vinh quang của Chúa đến với anh. Ngôi mộ được thánh hóa của anh ở Mazra'ih, bên cạnh 'Akká.

² Koran 29:19; 53:48; 56:62

34 . Kalím Cao trọng (Mírzá Músá)

Jináb-i-Mírzá Músá là em trai thực sự của Đức Bahá'u'lláh, và ngay từ thời thơ ấu, anh đã được nuôi dưỡng trong vòng tay che chở của Tới Đại Danh. Anh uống sữa tình yêu thương của Thượng Đế; khi còn sơ sinh, anh ta đã tỏ ra gắn bó lạ thường với Đấng Phúc Mỹ. Ở mọi thời điểm, anh là đối tượng của ân sủng, sự ưu ái và lòng nhân ái của Thánh linh. Sau khi người cha ưu tú của họ qua đời, Mírzá Músá được Đức Bahá'u'lláh nuôi dưỡng, lớn lên và trưởng thành trong thiên đường chăm sóc của Ngài. Ngày qua ngày, sự phục vụ và lòng tận tụy của người thanh niên tăng lên. Trong tất cả mọi thứ, anh ấy sống theo các điều răn, và anh ấy hoàn toàn cắt đứt mọi suy nghĩ của thế giới này.

Như một ngọn đèn sáng, anh ấy đã tỏa sáng trong căn nhà ấy. Anh ta không muốn cấp bậc hay chức vụ, và không có mục tiêu thế gian nào cả. Mong muốn tối cao nhất của anh ấy là phụng sự Đức Bahá'u'lláh, và vì lý do này, anh ấy không bao giờ bị tách khỏi sự hiện diện của Anh trai mình. Bất kể những người khác giáng xuống bất kỳ những hành hạ nào, lòng trung thành của anh đủ sức đáp lại sự tàn nhẫn của họ, vì anh ta đã uống rượu của tình yêu thuần khiết.

Rồi giọng nói cất lên từ Shíráz, và từ một câu nói duy nhất của Đức Bahá'u'lláh, trái tim anh tràn ngập ánh sáng, và từ một cơn gió thổi qua khu vườn đức tin, anh bắt gặp hương thơm. Ngay lập tức, anh ta bắt đầu phụng sự bạn hữu. Anh ấy có một sự gắn bó phi thường với Ta, và luôn quan tâm đến hạnh phúc của Ta. Tại Tihrán, anh ngày đêm nỗ lực tuyên truyền Đức tin và dần dần được mọi người biết đến; theo thói quen, anh dành thời gian của mình để ở cùng với những linh hồn được ban phước.

Sau đó Đức Bahá'u'lláh rời Tihrán, hành trình đến Iraq, và trong số các anh trai của Ngài, hai người đồng hành với Ngài là Áqáy-i-Kalím¹ và Mírzá Muhammad-Qulí. Họ ngoảnh mặt với Ba Tư và người Ba Tư, nhắm mắt khỏi sự thoải mái và bình an; hướng theo con đường của Đấng Kính yêu, họ đã chọn bằng cả tâm hồn để gánh chịu bất cứ tai họa nào như đã an bài.

¹ Mirza Musa

Vì vậy, họ đã đến Iraq. Trong những ngày mà Đức Bahá'u'lláh không hiện diện, tức là khi Ngài đang trên hành trình đến Kurdistán, Áqáy-i-Kalím sống bên bờ vực thẳm; cuộc sống của anh ta liên tục gặp nguy hiểm, và mỗi ngày trôi qua đều tồi tệ hơn ngày trước; Tuy nhiên, anh ấy đã chịu đựng tất cả, và không hề biết sợ hãi. Cuối cùng khi Đấng Phúc Mỹ rời khỏi Kurdistán trở về, Áqáy-i-Kalím tiếp tục trụ mình trước Ngưỡng cửa Thiêng liêng, cung cấp tất cả sự phụng sự trong khả năng của mình. Vì điều này, anh đã được biết đến rộng rãi. Vào thời điểm Đức Bahá'u'lláh rời Baghdad đến Constantinople, Áqáy-i-Kalím đã ở bên Ngài và tiếp tục phục vụ trên đường đi, giống như khi anh thực hiện trên hành trình xa hơn từ Constantinople đến Adrianople.

Chính trong thời gian lưu trú tại thành phố sau này, anh đã phát hiện ra từ Mírzá Yahyá mùi của sự nổi loạn. Anh ngày đêm cố gắng bắt hấn ta thay đổi làm lành nhưng đều vô ích. Ngược lại, thật đáng kinh ngạc làm sao, giống như một liều thuốc độc chết người, những lời dụ dỗ và gợi ý về satan của Siyyid Muhammad đã tác động lên Mírzá Yahyá, khiến Áqáy-i-Kalím cuối cùng phải từ bỏ hy vọng. Ngay cả sau đó anh ta vẫn không ngừng cố gắng, nghĩ rằng có lẽ bằng cách nào đó, anh ta vẫn có thể vượt qua cơn bão táp và giải cứu Mírzá Yahyá khỏi vực sâu. Trái tim anh đã hao mòn đi vì tuyệt vọng và đau buồn. Anh ấy đã thử mọi cách mà anh ấy biết. Cuối cùng anh ta phải thừa nhận sự thật của những lời này của Saná'í:

Đối với một người dốt, sự hiểu biết mang lại được gì,
Hoặc điều huyền bí được tỏ lộ
Cho một người không khôn ngoan
Rồi, dẫn một người khiếm thính đi nghe đàn hát,
Hoặc đứng trước người mù mà cầm
Một tấm gương soi vào mắt anh ta.

Khi tất cả hy vọng không còn, anh ấy kết thúc mối quan hệ, nói: “Hỡi anh trai của tôi, nếu những người khác nghi ngờ về mối thâm giao này, cả tôi và anh đều biết sự thật. Anh đã quên lòng nhân từ của Đức Bahá'u'lláh, và cách Ngài đã truyền dạy cả hai ta? Ngài quan tâm đến những bài học của anh và kỹ năng của anh; Ngài liên tục chỉnh sửa chính tả và bố cục của anh, và khuyến khích anh thực hành các phong cách thư pháp khác nhau; Ngài thậm chí còn hướng dẫn bản viết của anh bằng những ngón tay on phước của chính Ngài. Ai mà không biết Ngài đã ban ơn cho anh như thế nào, Ngài đã đưa anh lên trong thiên đường của vòng

tay Ngài như thế nào. Đây có phải là lời cảm ơn của anh vì tất cả sự dịu dàng của Ngài — bằng cách anh đã âm mưu với Siyyid Muhammad và từ bỏ việc che chở bảo vệ Đức Bahá'u'lláh? Đây có phải là lòng trung thành của anh? Đây có phải là sự trở lại đúng đắn cho tất cả tình yêu của Ngài?” Lời nói chẳng có tác dụng gì; trái lại, với mỗi ngày trôi qua, Mírzá Yahyá thể hiện dấu hiệu lớn hơn về ý định được che giấu của mình. Để rồi cuối cùng, sự tuyệt giao đã diễn ra.

Từ Adrianople, Áqáy-i-Kalím đi tiếp với đoàn xe của Đức Bahá'u'lláh, đến pháo đài 'Akká. Tên của anh đã được liệt kê cụ thể trong sắc lệnh của Sultán, và anh bị kết án trục xuất vĩnh viễn.² Anh đã dành tất cả thời gian của mình trong Nhà tù Vĩ đại Nhất để phục vụ Đức Bahá'u'lláh, và có vinh dự được liên tục có mặt Anh trai của mình, giữ bầu bạn với các tín đồ; cho đến khi cuối cùng anh ta rời bỏ thế giới cát bụi này và nhanh chóng đến thế giới thánh thiện ở trên cao, ra đi với sự hạ mình và ăn năn, khi anh khẩn cầu Chúa của mình.

Chuyện xảy ra vào thời còn ở Baghdad, Ílkhání nổi tiếng, con trai của Músá Khán-i-Qazvíní, đã được Siyyid Javád-i-Tabátábá'í dẫn đến gặp Đức Bahá'u'lláh. Siyyid Javád nhân dịp đó đã thay mặt Ílkhání cầu xin rằng: “Ílkhání, của 'Alí-Qulí Khán này, mặc dù là một tội nhân và là một sinh vật suốt đời vì ham muốn của mình, nay đã hối cải. Anh ta đứng trước Ngài với sự tiếc nuối về những hành động trước đây của mình, và từ ngày này trở đi anh ta sẽ không hít thở những điều trái ý với niềm vui tốt đẹp của Ngài. Con cầu xin Ngài, hãy chấp nhận sự ăn năn của anh ta; khiến anh ta trở thành đối tượng của ân sủng và sự ưu ái của Ngài.”

Đức Bahá'u'lláh trả lời: “Bởi vì cậu ta đã chọn ông là người cầu thay, Ta sẽ che giấu tội lỗi của cậu ấy, và Ta sẽ thực hiện các bước để mang lại cho cậu ấy sự thoải mái và bình yên”.

Ílkhání là một người giàu có vô hạn, nhưng cậu ta đã lãng phí tất cả cho những ham muốn vật chất. Bây giờ cậu ta đã trở nên nghèo khổ, đến mức thậm chí không dám bước ra khỏi nhà của mình, bởi vì những chủ nợ đang chờ đợi ở đó để xông vào cậu ta. Đức Bahá'u'lláh hướng dẫn cậu ta đến gặp 'Umar Páshá, Thống đốc của Damascus, và nhận được từ ông ấy một lá thư giới thiệu tới Constantinople. Ílkhání tuân theo, và cậu ta nhận được mọi sự trợ giúp từ Thống đốc Baghdad. Sau khi tuyệt vọng hoàn toàn, cậu bắt đầu hy vọng trở lại, và rời đi

² Thượng Đế đi qua trang 186

Constantinople. Khi đến Díyárbakr³, cậu thay mặt hai thương gia Armenia viết một bức thư. “Hai người này chuẩn bị đi Baghdad,” lá thư của cậu ta viết. “Họ đã cho tôi thấy mọi phép lịch sự, và cũng yêu cầu tôi giới thiệu. Tôi không có nơi nương tựa hay nơi trú ẩn ngoại trừ ân điển của Ngài, do đó, tôi cầu xin Ngài dành cho họ sự ưu ái.” Dòng chữ ghi trên, nghĩa là, địa chỉ mà anh ta đã viết trên phong bì là: “Gửi đến Đức Bahá’u’lláh Cao trọng, Thủ lĩnh của tín đồ Bábí”. Các thương gia trình bức thư này cho Đức Bahá’u’lláh để kết nối, và khi Ngài hỏi về nó, câu trả lời của họ là: “Ở Díyárbakr, Ílkhání đã cho chúng tôi biết chi tiết về Chánh Đạo này.” Sau đó, họ đi cùng Ngài đến nhà của Ngài.

Khi Đấng Phúc Mỹ bước vào căn hộ của gia đình, Áqáy-i-Kalím đã ở đó để gặp Ngài. Đức Bahá’u’lláh kêu lên, “Kalím, Kalím! Danh tiếng của Chánh Đạo của Thượng Đế đã vươn xa tới tận Díyárbakr!” Và Ngài đã mỉm cười, vui vẻ.

Mírzá Músá thực sự là một người anh em thực sự với Đấng Phúc Mỹ; đây là lý do tại sao anh ấy vẫn kiên định, trong mọi điều kiện, cho đến cùng. Hãy ca ngợi và chúc tụng anh, là hơi thở của sự sống và vinh quang; trên anh ta là lòng từ bi và ân điển.

³ Vài bốn trăm dặm về tây bắc Baghdad

35 . Hájí Muhammad Khán

Một người khác rời bỏ nhà cửa và đến định cư ở khu lán giềng của Đức Bahá'u'lláh là Hájí Muhammad Khán. Người đàn ông ưu tú này, quê ở Sístán, là một người Balúch. Khi còn rất trẻ, anh ấy đã bùng cháy và trở thành một nhà thần học - một 'arif, hay còn gọi là người tinh thông lão luyện. Là một nhà hành khát Hồi giáo lang thang, hoàn toàn vị tha, anh ta ra khỏi nhà và tuân theo quy tắc tu sĩ, đi khắp nơi để tìm kiếm murshid, thủ lĩnh hoàn hảo của anh. Vì anh ấy khao khát, như các hành khát Qalandar nói, để khám phá ra rằng “thầy của các Pháp sư,” hoặc người hướng dẫn tâm linh.

Đi xa và rộng, anh tiếp tục tìm kiếm. Anh ấy sẽ nói chuyện với tất cả mọi người anh ấy gặp. Nhưng điều anh khao khát là mùi hương ngọt ngào của tình yêu Thượng Đế, và điều này anh không thể phát hiện ra ở bất cứ ai, dù là người Ngô đạo hay triết gia, hay thành viên của trường phái Shaykhí. Tất cả những gì anh có thể thấy nơi các tu sĩ là bộ râu được búi lên và tôn giáo ăn mày của họ. Họ là “những hành khát” – nghèo tất cả trừ Thượng Đế - chỉ trên danh nghĩa; tất cả những gì họ quan tâm, dường như đối với anh, là bất cứ thứ gì đến tay. Anh ta cũng không tìm thấy ánh sáng giữa những người giác ngộ Illuminati; anh không nghe thấy gì từ họ ngoài cuộc tranh cãi vu vơ. Anh nhận xét rằng sự hùng vĩ của họ không phải là tài hùng biện và sự tinh tế của họ mà là những lời nói bóng gió. Chân lý không có ở đó; cốt lõi của ý nghĩa bên trong đã không có. Vì triết học chân chính là thứ tạo ra phần thưởng cho sự xuất sắc, và trong số những người có học này, không tìm thấy hoa trái nào như vậy; ở đỉnh cao của thành tích, họ trở thành nô lệ của các thói hư, sống một cuộc sống không quan tâm và bị gán cho những tính cách cá nhân đáng bị chê trách. Đối với ông, tất cả những gì tạo nên phẩm chất cao quý, khác biệt của loài người, họ đều không có.

Đối với nhóm Shaykhí, bản chất của họ đã không còn, chỉ còn lại những cặn bã; nhân cốt lõi của họ đã biến mất, để lại lớp vỏ; phần lớn phép biện chứng của họ lúc này là ngôn ngữ và không cần thiết.

Vì vậy, ngay lúc nghe tiếng gọi từ Vương quốc Thượng Đế, anh đã hét lên: “Quả thật, đúng vậy!” và anh ấy đã vụt bay vút như gió sa mạc. Anh đã đi qua những khoảng cách rộng lớn, đến Nhà tù Vĩ đại Nhất và đạt đến sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh. Khi đôi mắt của anh bắt gặp Khuôn mặt tươi sáng đó, anh ta

ngay lập tức trở thành nô lệ. Anh quay trở lại Ba Tư để có thể gặp gỡ những người tuyên bố đi theo Chánh Đạo, những người bạn hữu của những ngày khác đang tìm kiếm Chân lý, và trao đổi với họ với lòng trung thành và tôn kính.

Cả đi và về, Hájí dẫn thân mình với từng người bạn, báo trước với họ, và cho mỗi người nghe âm vang mới từ Thiên đàng. Anh ấy đã về đến quê hương và sắp xếp các công việc của gia đình mình theo thứ tự, chu cấp cho tất cả mọi người, chứng kiến sự an toàn, hạnh phúc và thoải mái cho mỗi người. Sau đó, anh ấy nói lời tạm biệt với tất cả họ. Anh nói với những người thân, vợ con, họ hàng của mình: “Đừng tìm tôi nữa; đừng chờ đợi sự trở lại của tôi.”

Anh ta cầm một cây gậy và lưng thưng đi; anh ấy đã đi qua những ngọn núi, qua những vùng đồng bằng, tìm kiếm và tìm kiếm những nhà huyền học, những người bạn của anh ấy. Trong chuyến hành trình đầu tiên của mình, anh đã đến cố Mirzá Yúsuf Khán (Mustawfiy’l-Mamálik), ở Tihrán. Khi anh nói ra câu nói của mình, Yúsuf Khán bày tỏ một điều ước, và tuyên bố rằng nếu điều đó được thực hiện, ông sẽ tin tưởng; ước muốn đó là được sinh một đứa con trai. Nếu phần ân huệ đó được ban cho anh ta, Yúsuf Khán sẽ bị chinh phục. Hájí đã báo cáo điều này với Đức Bahá’u’lláh, và nhận được một lời hứa chắc chắn khi Ngài trả lời. Theo đó, khi Hájí gặp Yúsuf Khán trong chuyến hành trình thứ hai, anh phát giác nhận thấy ông ta với một đứa trẻ trên tay. “Mirzá,” Hájí kêu lên, “hãy ngợi khen Thượng Đế! Thử thách của ông đã chứng minh sự thật. Ông đã làm cho con chim của niềm vui tung cánh.” “Đúng,” Yúsuf Khán trả lời, “bằng chứng rõ ràng. Tôi đã bị thuyết phục. Năm nay, khi ông diện kiến Đức Bahá’u’lláh, hãy nói rằng tôi cầu xin ân điển và sự ưu ái của Ngài dành cho đứa trẻ này, để nó có thể được giữ an toàn trong sự chăm sóc che chở của Thượng Đế”.

Sau đó, Hájí Muhammad đã đến gặp vị tử đạo tương lai hạnh phúc, Vua của các Vị Tử đạo, và nhờ anh ta cầu thay, để anh ta, Hájí, có thể được phép canh giữ ở ngưỡng cửa của Đức Bahá’u’lláh. Vua của các Tử đạo đã gửi yêu cầu này bằng thư, sau đó Hájí Khán hợp thức đến Nhà tù Vĩ đại Nhất và trở về nhà của mình trong khu phố của Đấng Kính yêu của mình. Anh đã tận hưởng vinh dự này trong một thời gian dài, và sau đó, trong khu vườn Mazra’ih, anh rất thường xuyên được gặp Đức Bahá’u’lláh. Sau khi Đấng Kính yêu thăng thiên, Hájí Khán vẫn trung thành với Giao ước và Chúc thư, tránh xa những kẻ đạo đức giả. Cuối cùng, khi người hầu này vắng mặt trong các chuyến hành trình đến Châu Âu và Châu

Mỹ, Hájí đã tìm đường đến nhà tế bần cho những du khách tại Hazíratu'l-Quds; và tại đây, bên cạnh Thánh lăng Đức Bab, anh đã đáp chuyến bay của mình đến thế giới bên trên.

Cầu xin Thượng Đế làm cho tinh thần của anh sáng khoái với không khí xạ hương của Thiên đàng Abhá, và những hương vị ngọt ngào thánh thiện thổi lên từ Thiên đàng cao nhất. Đối với anh ta là những lời chúc mừng và khen ngợi. Ngôi mộ sáng sủa của anh ấy ở Haifa.

36 . Áqá Muhammad-Ibráhím Amír

Muhammad-Ibráhím Amír đến từ Nayríz. Anh là một người có phước; anh giống như một chiếc cốc chứa đầy rượu vang đỏ của niềm tin. Vào thời điểm lần đầu tiên anh bị thu hút bởi Đấng Yêu thương dịu dàng, anh đang ở trong thời kỳ thanh xuân của mình. Sau đó, anh ta trở thành con mồi cho những kẻ áp bức, và sau sự biến động ở Nayríz và tất cả những đau khổ, những kẻ bắt bớ anh ta đã bắt giữ anh ta. Ba người bộ binh ghim chặt hai tay anh và trói tay anh ra sau; nhưng Amír bằng sức mạnh chính đã phá vỡ mối liên kết của mình, giật một con dao găm từ thắt lưng của bộ binh, anh tự cứu mình và chạy trốn đến Iraq. Ở đó, anh đã tham gia ghi chép thánh kinh và sau đó đã giành được vinh dự được phục vụ tại Ngưỡng của Thiêng liêng. Liên tục và kiên định, anh vẫn túc trực ngày đêm. Trong suốt cuộc hành trình từ Baghdad đến Constantinople, từ đó đến Adrianople, và từ đó đến Nhà tù Vĩ đại Nhất, anh luôn ở bên Ngài để phục vụ. Anh kết hôn với người tớ gái của Thượng Đế, Habíbih, người cũng phục vụ tại Ngưỡng cửa, và con gái của anh là Badí'ih sau này trở thành người giúp việc cho Husayn-Áqá Qahvih-chi quá cố.

Vì vậy, Amír đã kiên định phụng sự trong suốt cuộc đời của mình; nhưng sau khi Đức Bahá'u'lláh thăng thiên, sức khỏe của anh ta giảm dần, và cuối cùng anh ta bỏ lại thế giới cát bụi này sau lưng và nhanh chóng đi đến thế giới không có tì vết bên trên. Cầu xin Thượng Đế chiếu sáng nơi anh an nghỉ bằng những tia sáng từ Cõi tối cao. Đối với anh ta là những lời chào và lời khen ngợi. Thánh lãng sáng chói của anh ấy ở 'Akká.

37 . Mírzá Mihdíy-i-Káshání

Người đàn ông được vinh danh này, Mírzá Mihdí, đến từ Káshán. Khi còn trẻ, dưới sự dạy dỗ của cha mình, anh đã học khoa học và nghệ thuật, và đã trở nên thành thạo trong việc sáng tác cả văn xuôi và thơ, cũng như viết thư pháp theo phong cách được gọi là shikastih.¹ Anh nổi bật hẳn so với các đồng loại và trí óc và sức khỏe hơn người. Khi vẫn còn là một đứa trẻ, anh đã biết đến Sự Giáng lâm của Chúa, bùng cháy với tình yêu và trở thành một trong những người “bỏ tất cả để chào đón Giô-sép”. Anh ấy là thủ lĩnh của những người tìm kiếm khao khát, chúa tể của những người yêu; một cách hùng hồn, anh bắt đầu truyền giảng Chánh Đạo, và để chứng minh tính hợp lệ của Đấng Biểu hiện.

Anh đã thực hiện các cuộc cải đạo; và bởi vì khao khát Thượng Đế, anh ta trở thành trò cười ở Káshán, bị bạn bè và cả những người xa lạ miệt thị, bị phơi bày trước những lời chế nhạo của những người vô tín. Một trong số họ nói: “Anh ấy đã mất trí.” Và một người khác chế diễu: “Hắn là một nổi ô nhục của công chúng. Vận may đã chống lại hắn. Hắn bị thế là do như vậy” Những kẻ bất nạt chế giễu anh ta, và không tha thứ cho anh ta. Khi cuộc sống trở nên bất khả kháng và chiến tranh nổ ra, anh rời quê hương và hành trình đến Iraq, trung tâm điểm của Ánh sáng mới, nơi anh có được sự hiện diện của Đấng Kính yêu của toàn nhân loại.

Anh ấy đã dành một khoảng thời gian ở đây, cùng với bạn bè, sáng tác những câu hát ca ngợi Đức Bahá’u’lláh. Sau đó, anh được cho nghỉ phép để trở về nhà và trở lại sống một thời gian ở Káshán. Nhưng một lần nữa, anh lại bị cản trở bởi khao khát tình yêu, và không thể chịu đựng được sự chia ly nữa. Do đó, anh trở lại Baghdad, mang theo người chị gái đáng kính của mình, người thân thứ ba.

Tại đây, ông vẫn ở lại, dưới sự bảo vệ của Đức Bahá’u’lláh, cho đến khi đoàn xe rời Iraq đến Constantinople, lúc đó Mírzá Mihdí được chỉ đạo ở lại và canh gác Nhà Thánh. Không ngừng nghỉ, cùng với khao khát, anh vẫn tiếp tục. Khi những người bạn bị trục xuất từ Baghdad đến Mosul, anh ta nằm trong số các tù nhân, một nạn nhân cùng với những người khác. Với khó khăn lớn nhất, anh

¹ Shikastih – ngắt quãng - một bản thảo hoặc bản nháp nữa vời, được nghĩ được phát minh ở cận thế kỷ 17, ở Hirat

ta đã đến được Mosul, và ở đây những tai họa mới đang chờ đợi anh; anh ta gần như luôn bị đau ốm, anh ta là một kẻ bị ruồng bỏ, và nghèo túng. Tuy nhiên, anh ấy đã chịu đựng nó trong một thời gian đáng kể, kiên nhẫn, giữ phẩm giá của mình và liên tục gửi lời tạ ơn. Cuối cùng thì anh không thể chịu được sự vắng mặt của Đức Bahá'u'lláh thêm nữa. Anh ta cầu xin, và được cho phép để lên đường đến Nhà tù Vĩ đại Nhất.

Bởi vì con đường dài và khó khăn, và anh ta đã phải chịu đựng một cách tàn nhẫn trong cuộc hành trình, khi anh ta đến nhà tù 'Akká, anh ta gần như bất lực, và bị hao mòn đến tận xương. Đó là thời gian khi Đấng Phúc Mỹ bị giam cầm trong thành trì, ở trung tâm của doanh trại. Bất chấp những khó khăn khủng khiếp, Mírzá Mihdí đã trải qua những ngày ở đây, trong niềm vui sướng tột độ. Đối với anh, tai họa là ân huệ, hoạn nạn là Ôn quan phòng, sự trừng phạt là ân sủng dồi dào; vì anh đã chịu đựng tất cả những điều này trên con đường của Thượng Đế, và tìm cách giành lấy niềm vui tốt đẹp của Ngài. Bệnh tình của anh trở nên tồi tệ hơn; từ ngày này sang ngày khác anh ta ngã xuống; rồi cuối cùng, dưới ân điển che chở, anh đã bay đến với lòng thương xót vô tận của Chúa.

Nhân vật cao quý này đã được mọi người tôn vinh, nhưng vì tình yêu Thượng Đế, ông đã đánh mất cả danh và tiếng. Anh ta đã phải gánh chịu nhiều bất hạnh mà không bao giờ có một lời phàn nàn. Anh hài lòng với các mệnh lệnh của Thượng Đế và đi theo con đường nhẫn nhục. Ánh mắt của Đức Bahá'u'lláh dành cho anh ta; anh ta đã gần đến Ngưỡng của Thiên liêng. Vì vậy, từ khi bắt đầu cuộc đời cho đến cuối đời, anh vẫn ở trong một trạng thái nội tâm duy nhất: đắm mình trong đại dương của sự phục tùng và đồng ý. “Lạy Chúa, hãy đưa tôi đi, hãy đưa tôi đi!” anh ấy khóc, cho đến khi cuối cùng anh ấy bay vút lên thế giới mà không ai thấu.

Cầu xin Thượng Đế khiến người ấy được hít thở mùi hương thánh khiết ngọt ngào trong Địa đàng cao nhất, và làm cho người ấy sáng khoái bằng chiếc cốc chứa nước tâm dung hợp thơm tho.² Xin chúc tụng và ngợi khen anh. Ngôi mộ thơm của anh ở 'Akká.

² Koran 76:9

38 . Mishkín-Qalam

Trong số những người lưu vong, hàng xóm và tù nhân còn có Mír ‘Imád thứ hai,¹ nhà thư pháp lỗi lạc, Mishkín-Qalam.² Anh ta cầm một cây bút màu đen xạ hương, và lông mày của anh ta ánh lên niềm tin. Anh là một trong những nhà thần học được chú ý nhất, và có một đầu óc thông minh và dí dỏm. Tiếng tăm của người dẫn đường tâm linh này đã vang xa đến mọi miền đất. Anh là nhà thư pháp hàng đầu của Ba Tư và được tất cả những người vĩ đại biết đến; anh được hưởng một vị trí đặc biệt trong số các quan đại thần của triều đình Tihrán, và cùng với họ, anh đã được bổ sức vững chắc.³ Anh nổi tiếng khắp Tiểu Á; cây bút của anh là điều kỳ diệu của tất cả các nhà thư pháp, vì anh rất thông thạo mọi phong cách thư pháp. Bên cạnh đó, anh còn là một ngôi sao sáng về tính hạnh của con người.

Người đàn ông có nhiều thành tích này lần đầu tiên nghe nói về Chánh Đạo của Thượng Đế ở Isfahán, và kết quả là anh ta đã lên đường tìm Đức Bahá’u’lláh. Anh băng qua quảng trường xa hàng dặm, leo núi, băng qua sa mạc và biển, cho đến cuối cùng đến Adrianople. Ở đây anh đã đạt đến đỉnh cao của niềm tin và sự đọan chắc; ở đây ông đã uống rượu xác tín. Anh ta đáp lại lời hiệu triệu của Thượng Đế, anh ta đạt được sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh, anh ta đi lên đỉnh cao đó, nơi anh ta được tiếp nhận và bổ sức. Lúc này anh quay cuồng như một người say trong tình yêu của mình dành cho Thượng Đế, và vì ham muốn và khao khát mãnh liệt của mình, tâm trí anh ta dường như đi lang thang. Anh như được nâng lên, rồi lại bị ném xuống; anh ấy hứng khởi. Anh đã trải qua một thời gian dưới ân sủng che chở của Đức Bahá’u’lláh, và mỗi ngày những ân phước mới lại được ban xuống anh. Vào lúc đó, anh đã viết ra những bức thư pháp lộng lẫy của mình; anh thiết kế thư pháp Tối Đại Danh, Yá Bahá’u’l-Abhá, Đấng Vinh quang trên Mọi Sự Vinh quang, với kỹ năng kỳ diệu, dưới nhiều hình thức khác nhau, và sẽ gửi chúng đi khắp nơi.⁴

¹ Nhà Thư pháp nổi tiếng sống và viết ở sân đình Vua Abas, Safavi (1557-1628)

² Mishk là Musk. Mishkín-Qalam nghĩa là bút xạ hương hay bút sắc sảo

³ Koran 61:4

⁴ Trong vài sản xuất nghệ thuật, chữ viết được sắp xếp theo hình dạng các con chim. Khi tiến sĩ E G Brown ở Ba Tư, ông được cho biết rằng “điều này được tìm thấy khấn trương sau khi Người Ba Tư ở tất cả các giai cấp, là nó không phải họ mang như thế, như chữ ký của người viết, đoạn thơ dưới đây

Dar dijar-i-khatt shah-i-sahib-alam

Bandiy-i-bab-i-Baha, Mishkin-Qalam

Đôi chiếu Một năm Giữa Những người Ba Tư, trang 227 có thể được dịch như sau

Chúa của thư pháp, biểu ngữ của tôi lên trước

Nhưng với Đức Baha’u’llah, người canh giữ ở cửa

Sau đó, anh được hướng dẫn thực hiện một cuộc hành trình đến Constantinople, và bắt đầu với Jináb-i-Sayyáh. Khi anh đến được Thành phố vĩ đại đó, ban đầu những người Ba Tư và Thổ Nhĩ Kỳ hàng đầu đã đón nhận anh trong vinh dự, và họ bị cuốn hút bởi nghệ thuật thư pháp sắc nét của anh. Tuy nhiên, anh đã bắt đầu truyền bá Đức tin một cách táo bạo và hùng hồn. Sứ thần Ba Tư mai phục; đánh cược bản thân với các hoàng thân của Quốc vương, anh ta đã vu khống Mishkín-Qalam. “Người đàn ông này là một kẻ kích động,” đại sứ nói với họ, “được Đức Bahá’u’lláh cử đến đây để khuấy động rắc rối và làm bậy ở Thành phố Vĩ đại này. Anh ta đã chiến thắng một đội quân lớn, và anh ta còn có ý định khuất phục nhiều hơn nữa. Những người Bahá’í này đã làm đảo lộn Ba Tư; bây giờ họ đã bắt đầu ở thủ đô của Thổ Nhĩ Kỳ. Chính phủ Ba Tư đã đưa ra chém 20.000 người trong số họ, hy vọng bằng chiến thuật này có thể dập tắt ngọn lửa nổi lên. Anh nên thức tỉnh trước mối nguy hiểm; chẳng bao lâu nữa tai ác này cũng sẽ bùng lên ở đây. Nó sẽ tiêu hủy mùa màng của cuộc đời bạn; nó sẽ đốt cháy cả thế giới. Vậy thì anh sẽ không thể làm gì được, vì sẽ quá muộn.”

Trên thực tế, người đàn ông ôn hòa và phục tùng đó, ở thành phố ngai vàng của Tiểu Á, chỉ chăm chăm vào thư pháp và sự thờ phượng của mình đối với Thượng Đế. Anh ấy đang cố gắng mang lại không phải sự nổi loạn mà là sự thông công và hòa bình. Anh ấy đang tìm cách hòa giải những người theo các tín ngưỡng khác nhau, không khiến họ xa nhau hơn. Anh ấy đã phục vụ những người lạ và đang giúp giáo dục những người bản xứ. Anh là nơi ẩn náu của những người không may mắn và là nơi trú ẩn của rất nhiều người nghèo. Anh mời tất cả mọi người đến với sự hợp nhất của loài người; anh ta xa lánh sự thù địch và ác ý.

Tuy nhiên, đại sứ Ba Tư nắm trong tay quyền lực to lớn và ông đã duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các bộ trưởng trong một thời gian rất dài. Anh ta thắng thế một số người để nói bóng gió về việc tham gia vào nhiều cuộc tụ họp khác nhau và ở đó để đưa ra mọi cáo buộc sai trái đối với các tín đồ. Bị thúc giục bởi những kẻ đàn áp, các điệp viên bắt đầu bao vây Mishkín-Qalam. Sau đó, theo chỉ thị của đại sứ, họ mang báo cáo đến Thủ tướng, nói rằng cá nhân được đề cập đang khuấy động ngày đêm, rằng anh ta là một kẻ gây rối, một kẻ nổi loạn và một tên tội phạm. Kết quả là, họ bỏ tù anh ta và họ gửi anh đến Gallipoli, nơi anh ta

Không ai khác ngoài Ta

Mishkín-Qalam

Ghi chú từ cái cửa, có thể kết luận là chỉ danh Đức Bab cũng như Đức Baha’u’llah

gia nhập nhóm nạn nhân đồng hành của chính chúng tôi. Họ phái anh ta đến Cyprus và chúng tôi đến nhà tù 'Akká. Trên đảo Cyprus, Jináb-i-Mishkín bị giam giữ trong thành trì ở Famagusta, và tại thành phố này, ông vẫn bị giam cầm từ năm 85 đến năm 94.

Khi Cyprus lọt khỏi tay Thổ Nhĩ Kỳ, Mishkín-Qalam được tự do và đặt mình vào Đấng Kính yêu của mình ở thành phố 'Akká, và ở đây, anh ấy được bao bọc bởi ân sủng của Đức Bahá'u'llah, tạo ra những bức thư pháp kỳ diệu của mình và gửi chúng đi. Lúc nào ông cũng vui mừng về tinh thần, như bừng sáng với tình yêu của Thượng Đế, như ngọn nến đang thiêu rụi sự sống, và ông là niềm an ủi cho tất cả những người tín đồ.

Sau khi Đức Bahá'u'lláh thăng thiên, Mishkín-Qalam vẫn trung thành, vững chắc trong Giao ước. Anh ta đứng trước những kẻ vi phạm như một thanh gươm được vung ra. Anh sẽ không bao giờ lẩn vào con đường với họ; anh không sợ ai khác ngoài Thượng Đế; không một giây phút nào anh ta chùn bước, cũng không bao giờ ngưng trong việc phụng sự.

Sau khi Ngài thăng thiên, anh đã thực hiện một cuộc hành trình đến Ấn Độ, nơi anh kết giao với những người yêu thích chân lý. Anh ấy đã dành một khoảng thời gian ở đó, nỗ lực mới mẻ mỗi ngày. Khi tôi biết rằng anh ấy đang trở nên bất lực, tôi đã gửi anh ấy ngay lập tức và anh ấy đã trở lại Nhà tù Vĩ đại Nhất này, trước sự vui mừng của các tín đồ, những người cảm thấy may mắn khi có anh ấy ở đây một lần nữa. Anh ấy luôn là người bạn đồng hành thân thiết của tôi. Anh ấy có một tình yêu mãnh liệt, mãnh liệt tuyệt vời. Anh ấy là một bản tóm tắt của sự hoàn hảo: tin tưởng, tự tin, thanh thản, tách biệt khỏi thế giới, một người bạn đồng hành vô song, một sự thông minh - và tính cách của anh ấy như một khu vườn nở rộ. Vì tình yêu Chúa, anh đã bỏ lại tất cả những gì tốt đẹp; anh ấy nhắm mắt trước thành công, anh ấy không muốn thoải mái hay nghỉ ngơi, anh ấy không tìm kiếm của cải, anh ấy chỉ ước được thoát khỏi sự ô uế của thế giới. Anh không có ràng buộc với cuộc sống này, nhưng đã dành ngày và đêm của mình để cầu xin và thông công với Thượng Đế. Anh ấy luôn tươi cười, năng nổ; anh ấy được tâm linh hóa, biểu hiện của tình yêu. Sự chân thành và trung thành, của anh không có ai sánh kịp, cũng như sự kiên nhẫn và bình tĩnh nội tâm. Bản thân anh vị tha, sống nương vào hơi thở của tinh thần.

Nếu anh ta không yêu Đấng Phúc Mỹ, nếu anh ta không đặt lòng mình vào Vương quốc Vinh quang, thì mọi khoái lạc trần tục đều có thể là của anh ta. Bất cứ nơi nào ông đến, nhiều phong cách thư pháp của ông là một nguồn vốn đáng kể, và thành tích tuyệt vời của ông đã khiến ông được cả người giàu và người nghèo chú ý và kính trọng. Nhưng anh ấy say mê một cách vô vọng về Tình yêu đích thực duy nhất của con người, và do đó anh ấy thoát khỏi tất cả những ràng buộc khác, và có thể bay bổng trong bầu trời vô tận của tinh thần.

Cuối cùng, khi tôi vắng mặt, anh ấy đã rời khỏi thế giới chật hẹp và tăm tối này và nhanh chóng đi đến vùng đất của ánh sáng. Ở đó, trong thiên đường của lòng từ bi vô biên của Thượng Đế, anh ta tìm thấy phần thưởng vô hạn. Xin gửi anh lời khen ngợi và lời chào, và ân điển hiền dịu của Người Đồng hành Tối cao.

39 . Ustád ‘Alí-Akbar-i-Najjár

Ustád ‘Alí-Akbar, Nhà thành lập Nội các,¹ được xếp vào hàng công chính, một hoàng tử của chính nghĩa. Anh là một trong những tín đồ buổi ban đầu của Ba Tư và là thành viên hàng đầu của nhóm đó. Ngay từ đầu của Chánh Đạo là một thân tín đáng tin cậy, anh đã nâng lưởi công bố Chánh Đạo. Anh ta tự thông báo về những bằng chứng, và đi sâu vào Thánh Kinh. Anh cũng là một nhà thơ có năng khiếu, viết bài điệu văn ca ngợi Đức Bahá’u’lláh.

Kỹ năng thủ công đặc biệt của mình, Ustád đã tạo ra những tác phẩm vô cùng khéo léo, chế tác đồ mộc, tạo độ phức tạp và chính xác, giống như trái khảm. Anh cũng là một chuyên gia về toán học, giải quyết và giải thích các vấn đề khó khăn.

Từ Yazd, người đàn ông đáng kính này đã đi đến Iraq, nơi anh ta đạt được vinh dự khi bước vào sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh, và nhận được ân sủng dồi dào. Đấng Phúc Mỹ đã ban ơn cho Ustád ‘Alí, người đã diện kiến Ngài hầu như mỗi ngày. Anh là một trong những người bị đày từ Baghdad đến Mosul, và anh đã phải chịu đựng những khó khăn khắc nghiệt ở đó. Anh đã ở lại Mosul một thời gian dài, trong hoàn cảnh cực kỳ chật vật nhưng đã phục tùng ý muốn của Thượng Đế, luôn cầu nguyện và khẩn nài, và với một cái lưởi cảm ơn.

Cuối cùng anh ấy từ Mosul đến Thánh lãng và ở đây bên lãng mộ của Đức Bahá’u’lláh, anh ấy sẽ ngòi thiên và cầu nguyện. Trong đêm tối, bồn chồn không yên, anh khóc và kêu lên; khi anh cầu xin Thượng Đế, trái tim anh bùng cháy trong anh; mắt anh ấy rơi lệ, và anh ấy sẽ cất giọng ngâm kinh. Anh hoàn toàn bị cắt đứt khỏi đồng bụi này, thế giới phàm trần này. Anh xa lánh nó, anh tự vấn - hãy bay đi; và anh ấy hy vọng sự bù đắp đã hứa sẽ đến. Anh không thể chịu đựng được việc Ánh sáng Thế giới đã biến mất, và điều anh tìm kiếm là thiên đường đoàn tụ với Ngài, và điều mà đôi mắt anh khao khát được nhìn thấy là vinh quang của Vương quốc Abhá. Cuối cùng lời cầu nguyện của anh đã được đáp ứng và anh đã đi lên trong thế giới của Thượng Đế, đến nơi quy tụ của những huy hoàng của Đấng Chúa của các Chúa.

¹ Ustád là thầy, người có kỹ năng trong nghệ thuật hay nghề chuyên môn

Khi anh ta được Thượng Đế chúc phúc và ngợi khen, và cầu xin Thượng Đế đưa anh vào nơi ở bình an, như Ngài đã viết trong sách của Ngài: “Với họ sẽ là nơi ở bình an với Đấng Chúa.”² “Và đối với những người phụng sự Ngài, là đầy lòng nhân từ của Thượng Đế.”³

² Koran 6:127

³ Koran 3:28

40 . Shaykh ‘Alí-Akbar-i-Mázgání

Vị thủ lĩnh của những linh hồn tự do, của những kẻ lang thang vì tình yêu Thượng Đế, khi chỉ là một đứa trẻ sơ sinh khi ở Mázgán, anh được bú sữa của hồng ân. Anh là con của học giả lỗi lạc, Shaykh-i-Mázgání; người cha cao quý của anh là một trong những công dân hàng đầu của Qamsar, gần Káshán, và vì lòng mộ đạo, sự thánh thiện và lòng kính sợ Thượng Đế không có ai sánh bằng. Người cha này là hiện thân của tất cả những phẩm chất đáng được ca ngợi; hơn nữa đường lối của ông ấy rất dễ chịu, tính cách của ông ấy tốt, ông ấy là một người bạn đồng hành xuất sắc, và vì tất cả những điều này ông ấy đã được biết đến nhiều. Khi ông bỏ đi sự đề nén và công khai tuyên bố mình là một người tín đồ, những người vô tín - dù là bạn bè hay người lạ, đều quay lưng lại với ông và bắt đầu âm mưu hại chết ông ta. Nhưng ông ấy tiếp tục ủng hộ Chánh Đạo nhiều hơn, để cảnh tỉnh tâm hồn của mọi người và chào đón những người mới đến một cách hào phóng hơn bao giờ hết. Vì vậy, ở Káshán, danh tiếng về đức tin mạnh mẽ của ông đã vươn cao tới tận Dải Ngân hà. Sau đó, những kẻ xâm lược đáng thương nổi lên, cướp đoạt tài sản và giết chết ông ta.

‘Alí-Akbar, con trai của ông, người đã hy sinh cuộc đời mình trên con đường của Chúa, không thể sống ở nơi đó được nữa. Nếu anh ta ở lại, anh ta cũng như cha anh ta, sẽ bị đưa vào gươm giáo. Anh ấy đã qua một thời gian ở Iraq, và nhận được vinh dự khi được diện kiến Đức Bahá’u’lláh. Sau đó anh trở về Ba Tư, nhưng lại muốn gặp Đức Bahá’u’lláh, và cùng với vợ, anh đi qua sa mạc và núi non, thỉnh thoảng cưỡi ngựa, thỉnh thoảng đi bộ, trải qua nhiều dặm, qua nhiều bờ biển, cuối cùng đến được Địa điểm Thánh và dưới bóng râm của Cây Liên hoa để tìm kiếm sự an toàn và bình yên.

Khi vẻ đẹp của Đấng Khát khao đã biến mất khỏi thế giới này, ‘Alí-Akbar vẫn trung thành với Giao ước và thịnh vượng dưới ân điển của Thượng Đế. Bởi tính cách và tình yêu mãnh liệt trong trái tim, anh khao khát được làm thơ, viết những bài thơ và những trò thời thượng, nhưng anh lại thiếu cả vần và điệu:

Tôi đã lên kế hoạch cho một bài thơ, nhưng Đấng Kính yêu của tôi đã nói,

“Hãy chỉ lập kế hoạch cho những gì làm đôi mắt người nhìn thấy Ta.”

Với niềm khao khát nồng nhiệt, trái tim anh mong muốn các cõi của Đấng Chúa từ bi; bị thiêu đốt bởi tình yêu cháy bỏng, cuối cùng anh ấy đã rời bỏ thế giới này, và dựng lều của mình ở thế giới bên trên. Cầu xin Thượng Đế ban xuống phần mộ của anh, từ Vương quốc của sự tha thứ của Ngài, một cơn mưa lớn¹ của các phước lành, ban cho anh một chiến thắng vĩ đại, và ban cho anh lòng từ bi, được thông dong, trong cuộc lui về cõi Thiên đàng.

¹ Koran 2:266, 267

41 . **Mírzá Muhammad, Người Tôi tớ ở Nhà tế bần của du khách**

Người thanh niên của Thượng Đế này đến từ Isfahán, và ngay từ khi còn nhỏ đã được biết đến với trí tuệ tuyệt vời của mình. Anh xuất thân hiền lành trong gia đình nổi tiếng và đáng kính, và anh là một học giả tài giỏi. Anh đã tiếp thu triết học và lịch sử, từ khoa học và nghệ thuật, nhưng anh khao khát bí mật của thực thể, và khao khát hiểu biết về Thượng Đế. Con khát phát sốt của anh về dòng nước trong trẻo đó không bị nghệ thuật và khoa học làm dịu đi. Anh ta tiếp tục tìm kiếm, tìm kiếm, tiếp tục tranh luận trong những cuộc tụ họp của những người đàn ông uyên bác cho đến khi cuối cùng anh phát hiện ra ý nghĩa của giấc mơ khao khát của mình, và bí ẩn, bí mật bất khả xâm phạm, đã mở ra trước mắt anh. Đột nhiên, anh bắt gặp hương thơm của những bông hoa tươi mát từ những khu vườn lồng lầy của Thượng Đế, và trái tim anh như bùng lên một tia sáng từ Mặt trời Chân lý. Trong khi trước đây, anh ta như cá bị tách khỏi nước, thì giờ đây anh ta đã đến nguồn suối sự sống vĩnh cửu; trước đây, anh ta là một con bướm trong đêm; bây giờ anh đã tìm thấy ngọn lửa nền. Một người tìm kiếm chân chính tìm chân lý, anh ta ngay lập tức được hồi sinh bởi Tin mừng tối cao; con mắt của trái tim anh ấy đã sáng lên bởi ánh bình minh mới của sự hướng dẫn. Ngọn lửa của tình yêu Thiên Thượng chói lòa đến nỗi anh ta quay mặt khỏi cuộc sống của mình, sự bình yên, những phước lành của nó, và lên đường đến Nhà tù Vĩ đại Nhất.

Ở Isfahán, anh đã tận hưởng mọi tiện nghi, và thế giới tốt đẹp với anh. Giờ đây, khao khát Đức Bahá'u'lláh đã giải thoát anh khỏi mọi ràng buộc. Anh băng qua nhiều dặm đường xa, chịu đựng cơ cực ngày càng tăng, đổi cung điện lấy nhà tù, và trong pháo đài Akka anh hỗ trợ các tín đồ và hiện diện phụng sự Đức Bahá'u'lláh. Người mà người khác phải chờ đợi, bây giờ chờ đợi ở người khác; người đã từng là chủ nay là đầy tớ, người đã từng là lãnh đạo nay trở thành người bị giam cầm. Anh không nghỉ ngơi, không nhàn rỗi, ngày hay đêm. Đối với những du khách, anh là một nơi ẩn náu đáng tin cậy; cho những người định cư, anh là một người bạn đồng hành có một không hai. Anh ấy đã phụng sự vượt quá sức của mình, vì anh ấy tràn đầy tình yêu thương bằng hữu. Các du khách hết lòng với anh, và những người định cư biết ơn anh. Và bởi vì anh ấy liên tục bận rộn, anh ấy giữ im lặng mọi lúc.

Sau đó, Mối họa Tồi cao ập đến với chúng tôi và sự vắng mặt của Đức Bahá'u'lláh không thể chịu đựng được. Mírzá Muhammad không thể ở yên, ngày hay đêm. Anh tiêu hao đi, như ngọn nến cháy tàn; từ nỗi thống khổ bốc lửa, gan và tim của anh bùng cháy, và cơ thể của anh ta không thể chịu đựng được nữa. Anh khóc và cầu khẩn cả ngày lẫn đêm, khao khát được bay xa đến vùng đất chưa được khám phá đó. “Lạy Chúa, hãy giải thoát con, giải thoát con khỏi sự vắng mặt này,” anh khóc to, “hãy cho con uống chén của sự đoàn tụ, tìm cho con một chỗ ở trong sự che chở của lòng từ bi của Ngài, Đấng Chúa của các Chúa!”

Cuối cùng, anh ấy đã rời khỏi đồng bụi trần thế này, và bắt chuyến bay của mình đến thế giới không có hồi kết. Nguyên mọi điều tốt cho anh, chiếc cốc chứa đầy ân điển của Thượng Đế, cầu cho anh ta ăn với thức ăn lành mạnh và ngon miệng đó là thức ăn đem lại sự sống cho tâm hồn và linh hồn. Cầu xin Thượng Đế dẫn dắt anh đến điểm cuối của cuộc hành trình hạnh phúc đó và ban cho anh ta một phần dồi dào trong những món quà được ban tặng.¹

¹ Với một số các cụm từ Ả Rập, xem Koran 3:170; 4:12; 175; 5:16; 17; 11:100; 28:79; 41:35

42 . Mírzá Muhammad-i-Vakíl

Một trong những người bị bắt từ Baghdad đến Mosul là Mírzá Muhammad-i-Vakíl. Linh hồn công chính này nằm trong số những người đã trở thành tín đồ ở Baghdad. Chính tại đó, anh đã uống cạn chiếc cốc từ bỏ mọi sự ngoài Ý chí Thượng Đế và tìm kiếm sự yên nghỉ của mình dưới bóng mát của Cây thiên thượng. Anh ấy là một người đàn ông có tư tưởng cao và đáng tin cậy. Anh cũng là một nhà quản lý cực kỳ có năng lực và năng nổ trong các công việc quan trọng, nổi tiếng ở Iraq với những lời khuyên khôn ngoan của mình. Sau khi trở thành một tín đồ, anh nổi bật với danh hiệu Vakíl – nghĩa là chức phó. Chức vị này đã xảy ra theo cách như sau:

Có một điều đáng chú ý xảy ra ở Baghdad là về Hájí Mírzá Hádí, ông thợ kim hoàn. Ông có một người con trai ưu tú, Áqá Mírzá Músá, người đã nhận được từ Đức Bahá'u'lláh danh hiệu “Mẫu tự vĩnh cửu”. Người con trai này đã trở thành một tín đồ trung thành. Về phần cha của mình, Hájí, cá nhân ông là một ông hoàng nổi tiếng với sự cởi mở xa hoa của mình không chỉ ở Ba Tư và Iraq mà còn ở tận Ấn Độ. Khởi đầu, ông ta đã là một vương gia Ba Tư; nhưng khi nhìn thấy có Fath-'Alí Sháh để mắt đến sự giàu có trên thế gian, đặc biệt là sự giàu có trên thế gian của các vương gia Ba Tư, và cách ông ta lấy bất cứ thứ gì họ tích lũy được, và vẫn chưa hài lòng với việc tịch thu đồ vật và đồ gỗ đắt tiền của họ, ông ta trừng phạt và tra tấn họ trái phải đủ điều, gọi đó là một hình phạt pháp lý — Hájí sợ rằng mình cũng có thể bị phóng xuống vực sâu. Ông ta từ bỏ vị trí vương gia, và dinh thự của mình, và chạy trốn đến Baghdad. Fath-'Alí Sháh yêu cầu Thống đốc Baghdad, Dávúd Páshá, bắt ông ta trở lại, nhưng Páshá là một người dũng cảm và Hájí được biết đến với sự rộng rãi và khôn ngoan của ông này. Theo đó, Páshá tôn trọng và giúp đỡ ông và Hájí đã thành lập doanh nghiệp kim hoàn riêng. Ông sống với vẻ hào hoa và lộng lẫy, như một vị hoàng tử vĩ đại. Ông là một trong những người đàn ông nổi bật nhất trong thời đại của mình, dù trong cung điện của mình, ông có một cuộc sống sung sướng và xa hoa, nhưng ông bỏ lại sự hào hoa, phong độ và tùy tùng, bận rộn với công việc kinh doanh của mình và kiếm được lợi nhuận lớn.

Cửa nhà ông luôn mở. Người Thổ Nhĩ Kỳ và người Ba Tư, những người hàng xóm, những người lạ từ nơi xa đến, tất cả đều là những vị khách danh dự của ông. Hầu hết những người vĩ đại của Ba Tư, khi họ hành hương đến các Thánh

lãng, sẽ dừng lại ở nhà của ông, nơi họ sẽ tìm thấy một bữa tiệc được bày sẵn và mọi thứ xa xỉ đã sẵn sàng. Hájí, thực sự, nổi bật hơn Hoàng thân Hùng vĩ của Ba Tư; ông ta được đánh giá cao hơn tất cả các hoàng thân về vẻ đẹp lộng lẫy, và khi ngày tháng trôi qua, ông ta ngày càng rộng rãi hơn cho tất cả những người đến và đi. Ông là niềm tự hào của người Ba Tư trên khắp đất nước Iraq, là niềm vinh quang của những người đồng hương. Ngay cả đối với các hoàng thân và bộ trưởng Thổ Nhĩ Kỳ và các nhà quý tộc của Baghdad, ông đã ban tặng những món quà và sự ưu ái; và về trí thông minh và khả năng nhận thức không ai bằng.

Vì những năm tháng thăng tiến của Hájí, càng về cuối ngày, công việc kinh doanh của ông càng sa sút. Tuy nhiên, ông ấy không thay đổi cách sống của mình. Chính xác như trước đây, ông ta tiếp tục sống với sự thanh lịch. Người nổi tiếng sẽ vay từ ông ta, và không bao giờ trả lại. Một người trong số họ, mẹ của Áqá Khán Mahallátí, đã vay ông ta 100.000 đồng tuman¹ và không trả một xu nào, vì bà đã qua đời ngay sau đó. Íl-Khán, ‘Alí-Qulí Khán, là một con nợ khác; một người khác là Sayfu’d-Dawlih, con trai của Fath-‘Alí Sháh; một người khác, Váliyiyih, con gái của Fath-‘Alí Sháh; đây chỉ là một vài ví dụ trong số rất nhiều trường hợp, từ những người Thổ Nhĩ Kỳ và những người vai vế to của Ba Tư và Iraq. Tất cả các khoản nợ này vẫn chưa được thanh toán và không có khả năng thu hồi. Tuy nhiên, người đàn ông lỗi lạc và hào hoa đó vẫn tiếp tục sống như trước.

Đến gần cuối đời, ông nhận ra một tình yêu đặc biệt dành cho Đức Bahá’u’lláh, và với sự khiêm nhường nhất bước vào sự hiện diện của Ngài. Tôi nhớ một ngày nọ, ông ấy đã nói với Đấng Phúc Mỹ rằng vào năm 1250 và một điều gì đó sẽ xảy ra, Mírzá Mawkab, nhà chiêm tinh nổi tiếng, đã đến thăm các Thánh lãng. “Một ngày nọ, ông ấy nói với tôi,” Hájí tiếp tục, “Mírzá, tôi thấy một sự kết hợp kỳ lạ, độc đáo giữa các vì sao. Nó chưa bao giờ xảy ra trước đây. Nó chứng tỏ rằng một sự kiện trọng đại sắp diễn ra, và tôi chắc chắn rằng sự kiện này có thể không kém gì Sự Giáng lâm của Đấng Qá’im hứa hẹn”.

Rằng hoàn cảnh của vị hoàng tử lừng lẫy đó khi ông qua đời như sau, ông để lại cho một người con trai và hai con gái sự thừa kế. Nghĩ rằng ông ta vẫn giàu có như mọi khi, mọi người tin rằng những người thừa kế của ông ta sẽ thừa kế hàng triệu đồng, vì mọi người đều biết cách sống của ông ta. Đại diện ngoại giao

¹ Thời kỳ Baghdad của lịch sử Baha’i từ ngày 8 tháng 4 năm 1853 đến 3 tháng 5 năm 1863, theo đánh giá 1 tuman khoảng 1.08 đến 1.6 Đô Mỹ

Ba Tư, các tiến sĩ luật Hồi giáo ngày sau, và vị thẩm phán vô tín đều nghiên rãng. Họ bắt đầu một cuộc cãi vã về những người thừa kế, để rồi dẫn đến tình trạng hỗn loạn, bản thân họ sẽ kiếm được lợi nhuận đáng kể. Với quan điểm này, họ đã làm bất cứ điều gì có thể để hủy hoại những người thừa kế, ý tưởng là tước sạch của cải khỏi những người thừa kế, trong khi nhà ngoại giao Ba Tư, các tiến sĩ luật Hồi giáo và thẩm phán sẽ tích lũy chiến lợi phẩm.

Mírzá Músá là một tín đồ trung thành; tuy nhiên các chị gái khác mẹ của anh ta, không biết gì về Chánh Đạo. Một ngày nọ, hai chị em, cùng với con rể của cô Mírzá Siyyid Ridá, đến nhà của Đức Bahá'u'lláh. Hai chị em vào nơi ở của gia đình Ngài trong khi con rể yên vị trong phòng tiếp khách nơi công cộng. Sau đó hai cô gái nói với Đức Bahá'u'lláh: “Sứ thần Ba Tư, quan tòa và những tiến sĩ luật vô tín đã tiêu diệt chúng tôi. Về cuối đời, Hájí quá cố không tin tưởng ai khác ngoài chính mình. Bản thân chúng tôi đã bị loại bỏ và đáng lẽ chúng tôi phải tìm kiếm sự bảo vệ của Ngài trước đây; trong mọi trường hợp, chúng tôi đến ngay bây giờ để cầu xin sự tha thứ và giúp đỡ của Ngài. Hy vọng của chúng tôi là Ngài sẽ không khiến chúng tôi tuyệt vọng, và nhờ sự ưu ái và hỗ trợ của Ngài, chúng tôi sẽ được cứu giúp. Hãy rũ lòng xem xét mối quan hệ này, và bỏ qua những sai lầm trong quá khứ của chúng tôi.”

Hồi đáp, Đấng Phúc Mỹ tuyên bố cuối cùng rằng sự can thiệp vào những vấn đề kiểu này là điều không phù hợp đối với Ngài. Tuy nhiên, họ tiếp tục cầu xin Ngài. Họ ở lại cả tuần trong căn hộ của gia đình Ngài, khẩn khoản vào mỗi buổi sáng và buổi tối để được ưu ái và ân sủng của Ngài. “Chúng tôi sẽ không ngừng đầu khò Ngưỡng cửa này,” họ nói. “Chúng tôi sẽ tìm kiếm sự tôn nghiêm ở đây trong ngôi nhà này; chúng tôi sẽ ở lại đây, bên cửa của Đấng Quang phòng các thiên thần, cho đến khi Ngài đồng ý xem xét mối quan tâm của chúng tôi và cứu chúng tôi khỏi những kẻ áp bức.”

Mỗi ngày, Đức Bahá'u'lláh khuyên bảo họ rằng, “Những vấn đề kiểu này nằm trong tay của các tiến sĩ luật Hồi giáo và các cơ quan chính phủ. Chúng tôi không can thiệp vào những chuyện như vậy”. Nhưng họ vẫn tiếp tục với cơ hội của mình, nài nỉ, khẩn khoản, cầu xin sự giúp đỡ. Chuyện xảy ra là ngôi nhà của Đức Bahá'u'lláh hầu như không có cửa cái thế gian, và những người phụ nữ này, đã quen với mọi thứ tốt nhất, khó có thể hài lòng với bánh mì và nước uống. Thực phẩm phải được mua chịu cho họ bằng tính dưng. Tóm lại, từ mọi hướng, đều có vấn đề.

Cuối cùng vào một ngày, Đức Bahá'u'lláh triệu tập tôi đến với sự hiện diện của Ngài. “Những người phụ nữ đáng kính này,” Ngài nói, “với tất cả các giao dịch của họ, đã khiến chúng ta gặp bất tiện đáng kể. Không có trợ giúp nào cho họ — con sẽ phải xem xét trường hợp này. Nhưng con phải giải quyết toàn bộ vấn đề phức tạp này trong một ngày.”

Sáng hôm sau, cùng Áqáy-i-Kalím, tôi đến nhà cô Hájí. Chúng tôi đã gọi cho các thẩm định viên và họ đã thu thập tất cả đồ trang sức trong một căn hộ trên cao; sổ cái và sổ kế toán liên quan đến tài sản được đặt trong phòng thứ hai; đồ nội thất đắt tiền và đồ nghệ thuật của ngôi nhà trong phòng thứ ba. Một số thợ kim hoàn sau đó đã làm việc và thẩm định giá trị cho những viên đá quý. Các chuyên gia khác đánh giá ngôi nhà, cửa hàng, khu vườn, nhà tắm. Ngay sau khi họ bắt đầu công việc của mình, tôi đã đến và cử người vào từng phòng để hỗ trợ các thẩm định viên có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của họ. Đến lúc này đã gần trưa. Sau đó chúng tôi dùng bữa trưa, sau đó các thẩm định viên được hướng dẫn chia mọi thứ thành hai phần bằng nhau, để có thể chia; một phần là của các cô con gái, và một phần là của con trai, Mírzá Músá.² Sau đó tôi đi ngủ, vì tôi bị ốm. Vào buổi chiều, tôi thức dậy, uống trà và sửa sang căn hộ của gia đình trong dinh thự. Ở đây tôi quan sát thấy hàng hóa đã được chia thành ba phần. Tôi nói với họ: “Hướng dẫn của tôi là mọi thứ nên được chia thành hai phần. Làm thế nào mà nó có ba phần? “ Những người thừa kế và những người thân khác trả lời như một: “Chắc chắn phải dành một phần ba. Đó là lý do tại sao chúng tôi đã chia mọi thứ thành ba. Một phần dành cho Mírzá Músá, một phần cho hai cô con gái, và phần thứ ba chúng tôi dành cho Ngài; phần thứ ba này là phần của người đã khuất và Ngài sử dụng nó theo bất kỳ cách nào Ngài thấy phù hợp.”

Chúng tôi vô cùng băn khoăn, chúng tôi nói với họ, “Chuyện như vậy không còn nghi ngờ gì nữa. Điều này nằm ngoài yêu cầu, và tôi không thể tuân thủ. Chúng tôi đã hứa với Đức Bahá'u'lláh rằng sẽ không chấp nhận một xu nào”. Nhưng họ cũng đã tuyên thệ rằng nó phải được như họ muốn, rằng họ sẽ không đồng ý với điều gì khác. Người tôi tớ này trả lời: “Hiện tại chúng ta hãy để lại vấn đề này sau. Còn có bất đồng nào nữa giữa các bạn không? “ “Vâng,” Mírzá Músá nói, “số tiền còn lại thì sao?” Tôi hỏi về số tiền, anh ta trả lời: “Ba trăm nghìn đồng tuman.” Các cô con gái cho biết: “Có hai khả năng: hoặc số tiền này để ở đây trong nhà, trong một cái hòm nào đó, hoặc được chôn ở đây — hoặc nếu

² Đây là chiếu theo luật Hồi giáo Koran 4:12

không thì nó nằm trong tay người khác. Chúng tôi sẽ giao ngôi nhà và tất cả những thứ trong đó cho Mírzá Músá. Hai chúng tôi sẽ rời khỏi nhà, không có gì ngoài mạng che mặt. Chúng tôi ra đi tự do, cho đến lúc đó, nếu bất cứ điều gì xảy ra, hãy giao nó cho anh ta. Nếu tiền ở nơi khác, chắc chắn nó đã được gửi vào sự bảo quản của ai đó; và người đó khó mà không vi phạm lòng tin, sẽ khó có thể tiến tới giải quyết một cách danh dự với chúng tôi và trả lại chúng tôi - đúng hơn, họ sẽ lấy cho bằng được tất cả. Mírzá Músá phải thiết lập một bằng chứng thỏa đáng về những gì anh ta nói; Chỉ riêng tuyên bố của anh ta không phải là bằng chứng”. Mírzá Músá trả lời: “Tất cả tài sản đều nằm trong tay họ; Tôi không biết chuyện gì đang xảy ra - tôi không biết gì về nó. Họ đã làm bất cứ điều gì họ hài lòng”.

Tóm lại, Mírzá Músá không có bằng chứng rõ ràng nào về tuyên bố của mình. Anh ta chỉ có thể hỏi, “Liệu một điều có thể xảy ra như vậy mà cố Hájí không có sẵn tiền?” Vì tuyên bố không được ủng hộ, tôi cảm thấy rằng việc theo đuổi nó hơn nữa sẽ dẫn đến một vụ bê bối và chẳng có giá trị gì. Do đó, tôi nói với họ: “Chia ra nhiều nơi.” Về phần thứ ba, tôi đã cho họ cất vào một căn hộ riêng, đóng cửa và niêm phong. Chìa khóa tôi mang đến Đức Bahá'u'lláh. “Nhiệm vụ đã hoàn thành,” tôi nói. “Nó chỉ được hoàn thành thông qua xác nhận của Ngài. Nếu không, nó không thể được hoàn thành trong một năm. Tuy nhiên, một khó khăn đã nảy sinh”. Tôi đã mô tả chi tiết tuyên bố của Mírzá Músá và không có bất kỳ bằng chứng nào. Sau đó tôi nói, “Mírzá Músá đang mắc nợ rất nhiều. Ngay cả khi anh ta tiêu hết những gì mình có, anh ta vẫn không thể trả hết cho các chủ nợ của mình. Do đó, tốt nhất là nếu Chính Ngài chấp nhận yêu cầu của những người thừa kế, vì họ vẫn kiên trì đề nghị của mình và trao phần chia sẻ đó cho Mírzá Músá. Sau đó ít nhất anh ấy có thể tự giải thoát khỏi các khoản nợ của mình và vẫn còn một thứ gì đó còn sót lại”.

Vào ngày hôm sau, những người thừa kế xuất hiện và cầu xin Đấng Phúc Mỹ cho tôi nhận phần thứ ba. Ngài nói với họ: “Điều này nằm ngoài câu hỏi. Sau đó, họ cầu xin và cầu xin Ngài chấp nhận phần chia sẻ của chính Ngài và sử dụng nó cho các mục đích từ thiện do chính Ngài lựa chọn. Ngài trả lời: “Chỉ có một mục đích mà tôi có thể sử dụng số tiền đó.” Họ nói, “Đó không phải là mối quan tâm của chúng tôi, ngay cả khi Ngài ném nó xuống biển. Chúng tôi sẽ không buông lỏng sự nắm giữ của chúng tôi khỏi gấu áo của Ngài và chúng tôi sẽ không ngừng khẩn khoản cho đến khi Ngài đồng ý với yêu cầu của chúng tôi.” Sau đó, Ngài nói với họ, “Bây giờ Ta nhận phần thứ ba này; và Ta sẽ trao nó cho Mírzá

Músá, anh trai của các con, nhưng với điều kiện, kể từ ngày này trở đi, anh ấy sẽ không nói bất cứ điều gì chống lại chính mình nữa.” Những người thừa kế vô cùng cảm ơn. Và như vậy vụ án nặng nề và khó khăn này đã được giải quyết trong một ngày. Nó không để lại dư lượng của những lời phàn nàn, không có náo động, không có thêm những cuộc cãi vã.

Mírzá Músá đã cố gắng hết sức để đưa một số đồ trang sức cho tôi, nhưng tôi từ chối. Cuối cùng anh ấy yêu cầu tôi chấp nhận một chiếc nhẫn duy nhất. Đó là một chiếc nhẫn quý giá, được đính một viên hồng ngọc lựu đất giá, một quả cầu hoàn mỹ và độc nhất vô nhị. Xung quanh viên đá trung tâm, nó được đính đá quý bằng kim cương. Điều này tôi cũng từ chối, mặc dù tôi không có ngay cả áo dài ‘abá và không có gì để mặc ngoài chiếc áo dài bằng vải bông mang phong cách cổ xưa của thế giới, tôi cũng không sở hữu một đồng xu nào. Như Háfız nói: “Một chiếc ví trống rỗng, nhưng trong tay áo của chúng tôi là một kho tàng.”

Biết ơn về số tiền thưởng mà mình đã nhận được, Mírzá Músá đã đề nghị với Đức Bahá’u’lláh tất cả những gì anh ta sở hữu: vườn cây ăn trái, đất đai, điền trang - nhưng nó đã bị từ chối. Sau đó, anh chỉ định các vị tu sĩ của Iraq để cầu xin thay cho anh. Họ vội vàng đến Đức Bahá’u’lláh trong thân xác và cầu xin Ngài nhận những món quà đã ban tặng. Ngài dứt khoát từ chối. Họ kính cẩn thưa với Ngài: “Trừ khi Ngài chấp nhận, trong một thời gian rất sớm, bằng không Mírzá Músá sẽ tan tành mây khói. Vì lợi ích của mình, anh ta không nên tiếp cận với của cải này”.

Sau đó, chính tay mình, Mírzá Músá đã viết xuống những tặng vật, được làm theo từng tín điều trong số năm tín điều, bằng tiếng Ả Rập và tiếng Ba Tư; hai bản sao anh ta đã tạo, và chọn vị tu sĩ làm nhân chứng của mình. Thông qua một số tu sĩ của Baghdad, trong số đó có học giả nổi tiếng ‘Abdu’s-Salám Effendi, và Siyyid Dávúđ Effendi uyên bác và được biết đến rộng rãi, anh đã tặng chúng thư món quà cho Đức Bahá’u’lláh. Đấng Phúc Mỹ nói với họ: “Chúng tôi đang bổ nhiệm chính Mírzá Músá làm phó của chúng tôi.”

Sau khi Đức Bahá’u’lláh khởi hành đến Rumelia, Mírzá Músá, với một kỳ phiếu, đã mua từ Chính phủ phần đất nhỏ của Hindíyyih, một huyện gần Karbilá, và bị mất mát khủng khiếp, gần 100.000 đồng tuman. Chính phủ tịch thu tài sản của anh và bán chúng với giá không hề nhỏ. Khi được nói về vấn đề này, Đức Bahá’u’lláh nói, “Đừng bao giờ nói về điều này nữa. Đừng nói nhiều lời về những

điền trang đó.” Trong khi đó cuộc lưu đày từ Adrianople đến ‘Akká đã diễn ra. Mírzá Muhammad đến gặp các cơ quan của Chính phủ và nói với họ: “Tôi là phó (vakíl) của Đức Bahá’u’lláh. Những tài sản này không thuộc về Mírzá Músá. Làm thế nào mà các ông đã tiếp quản chúng?” Nhưng anh ta không có tài liệu nào để hỗ trợ anh ta, vì giấy chứng nhận chức danh là dành cho ‘Akká, và về lý do này, Chính phủ đã bác bỏ yêu cầu của anh ta. Tuy nhiên, trong quá trình này, anh được mọi người biết đến với cái tên Phó Mírzá Muhammad. Đây là cách anh ấy nhận được danh hiệu.

Khi chúng tôi ở Adrianople, Mírzá Músá đã gửi chiếc nhẫn hồng ngọc, thông qua Siyyid ‘Alí-Akbar, và Đấng Phúc Mỹ hướng dẫn chúng tôi chấp nhận nó. Sau khi chúng tôi đến ‘Akká, các tín đồ ngã bệnh và nằm trên giường đau đớn. Tôi đã gửi chiếc nhẫn đến Ấn Độ, cho một người bạn, yêu cầu anh ta bán nó nhanh nhất có thể và chuyển số tiền thu được cho chúng tôi ở ‘Akká để dùng cho những người bệnh. Người có phước đó không bao giờ gửi cho chúng tôi một xu nào. Hai năm sau, anh ta viết thư để nói rằng anh ta đã bán chiếc nhẫn với giá 25 bảng Anh và đã chi số tiền đó cho những người hành hương. Đây, trong khi chiếc nhẫn có giá trị lớn như vậy. Tôi không phàn nàn gì. Đúng hơn, tôi ca ngợi Thượng Đế, cảm ơn Ngài rằng trong số tất cả sự giàu có đó, không một hạt bụi nào đọng lại trên áo choàng của tôi.

Mírzá Muhammad bị bắt làm tù binh và bị đưa đi từ Baghdad đến Mosul, nơi anh ta trở thành con mồi của những tệ nạn đáng sợ. Anh ấy đã giàu có; trong con đường của Thượng Đế, anh ấy bây giờ là người nghèo. Anh đã tận hưởng sự thoải mái và dễ chịu của mình; bây giờ, vì tình yêu của Thượng Đế, anh đã phải chịu đau đớn và vất vả. Anh sống trong một thời gian ở Mosul, kiên cường, cam chịu và khiêm cung. Và sau đó, bị cắt đứt khỏi tất cả sự cứu rỗi của Thượng Đế, không thể cưỡng lại được bởi cơn gió dịu dàng của Chúa, anh đã vượt ra khỏi thế giới tăm tối này để đến với vùng đất của ánh sáng. Gửi anh những lời chào và lời khen ngợi. Cầu xin Thượng Đế đổ xuống cho anh dòng nước của sự tha thứ, và mở công Thiên đàng trước mặt anh.

43 . Hájí Muhammad-Ridáy-i-Shírází

Hájí Muhammad-Ridá đến từ Shíráz. Anh ta là một người đàn ông có tâm hồn, khiêm cung, biết hối lỗi, là hiện thân của sự thanh thản và đức tin. Khi tiếng gọi của Thượng Đế được cất lên, linh hồn thiếu thốn ấy vội vã vào nơi trú ẩn của ân điển thiên đàng. Ngay sau khi anh ta nghe thấy lời hiệu triệu, “Ta không phải là Chúa của bạn sao?” anh kêu lên: “Vâng, Quả thật vậy!”¹ và trở thành ngọn đèn soi bước chân dân chúng.

Trong một thời gian dài, ông đã phụng sự cho Cành, Hájí Mírzá Muhammad-‘Alí, và là người bạn đồng hành trung thành và thân thiết của ông, được tin cậy trong mọi việc. Sau đó, sau một cuộc hành trình đến các quốc gia xa xôi, anh ta đến Đất Thánh, và ở đó, anh ta hoàn toàn phục tùng và cúi đầu khiêm cung trước Ngưỡng cửa Thiêng liêng và vinh dự được bước vào sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh, nơi anh ta uống trong ân phúc vô tận từ bàn tay nâng đỡ. Trong một thời gian khá dài anh ở đó, hầu như ngày nào anh cũng vinh dự được gặp Đức Bahá’u’lláh, được tràn ngập bởi sự ưu ái và hồng ân thiêng liêng. Anh ta nổi bật về tính cách, và sống theo các điều răn của Thượng Đế: yên tĩnh và nhịn nhục, trong sự phục tùng ý chí của Thượng Đế, bản thân anh ta đã vị tha. Anh không có bất cứ mục đích cá nhân nào, không có cảm giác ràng buộc với thế giới phù du này. Ước muốn duy nhất của anh ấy là làm vui lòng Đấng Chúa, niềm hy vọng duy nhất của anh ấy, để bước đi trên con đường thánh thiện.

Sau đó, anh ta tiếp tục đến Beirut, phục vụ Cành (Afnán) danh dự ở thành phố đó. Anh ấy đã dành một thời gian dài trong cách này, quay lại nhiều lần để bước vào sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh và nhìn vào Vẻ đẹp Uy nghi nhất đó. Sau đó, ở Sidon, anh ta đổ bệnh. Không thể thực hiện cuộc hành trình đến ‘Akká, trong sự hài lòng và hoàn toàn hài lòng, anh ta đã lên đến Vương quốc Abhá, và chìm trong đại dương ánh sáng. Bởi Ngòi bút Tối cao, ân huệ vô tận đã được ban tặng cho sự tưởng nhớ về anh. Anh thực sự là một trong những người trung thành, kiên định, là trụ cột vững chắc phụng sự Đức Bahá’u’lláh. Rất nhiều lần, từ môi của Đấng Phúc Mỹ, chúng ta đã nghe được lời khen ngợi của Ngài.

¹ Koran 7:171

Đối với anh là những lời chào mừng và ngợi khen, và vinh quang của Mọi Vinh quang. Đối với anh ta là lòng từ bi và lòng thương xót lớn nhất từ Đấng Chúa của các Thiên đàng trên Cao. Ngôi mộ sáng chói của anh nằm ở Sidon, gần nơi được gọi là Cương vị của Thánh John.

44 . Husayn Effendi của Tabríz

Người thanh niên này đến từ Tabríz, và anh ấy tràn đầy tình yêu của Thượng Đế như một chiếc cốc đầy rượu đỏ. Trong sự hào hoa của tuổi trẻ, anh rời Ba Tư và đi đến Hy Lạp, kiếm sống bằng nghề buôn bán ở đó; Cho đến một ngày, khi được ân phúc Thiêng liêng hướng dẫn, anh ta đi từ Hy Lạp đến Smyrna, và ở đó anh ta đã nhận được những niềm báo vui mừng về một Đấng Biểu hiện mới trên trái đất. Anh hét to, điên cuồng, say sưa với tiếng nhạc của thông điệp mới. Anh ta trả các khoản nợ và tín dụng của mình, lên đường đến gặp Đấng Chúa của tâm hồn mình, và bước vào sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh. Trong một thời gian, anh ta đã phụng sự Đấng Phúc Mỹ. Sau đó, anh được hướng dẫn tìm kiếm một chỗ ở tại thành phố Haifa.

Ở đây, anh đã trung thành chờ đợi các tín đồ, và nhà của ông là một bến đỗ cho những du khách Bahá'í. Anh ấy có một bản lĩnh xuất sắc, một nhân vật tuyệt vời và những mục tiêu cao cả về tinh thần. Anh ấy thân thiện với bạn bè và người lạ như nhau; anh tốt với mọi người ở mọi quốc gia và cầu chúc cho họ điều tốt lành.

Khi Ánh sáng Vĩ đại nhất thăng thiên về Quần hội trên cao, Husayn Effendi vẫn trung thành với Ngài, kiên định và vững vàng; và như trước đây, anh vẫn tiếp tục là một người bạn thân thiết với những bạn hữu. Vì vậy, anh đã sống trong một khoảng thời gian đáng kể, và cảm thấy mình khá giả hơn các vị vua trên trái đất. Anh trở thành con rể của Mírzá Muhammad-Qulí, anh trai của Đấng Phúc Mỹ, và ở lại trong một thời gian yên bình và thanh thản. Anh ta cẩn thận tránh bất kỳ trường hợp nào để bị dụ dỗ phạm lỗi, vì anh ta sợ rằng cơn thịnh nộ có thể bùng phát dữ dội, dâng cao hơn bao giờ hết, và cuốn nhiều linh hồn vào vực sâu vô nghĩa.¹ Anh ta sẽ thở dài và than khóc, vì nỗi sợ hãi này bám lấy anh mọi lúc. Cuối cùng thì anh ta không thể chịu đựng được thế giới này nữa, và bằng chính tay mình đã lột bỏ lớp áo của sự sống.

Hãy ngợi khen anh, và những lời chào, lòng từ bi của Thượng Đế, và sự chấp nhận của Ngài. Cầu xin Thượng Đế tha thứ và cho anh ta vào Thiên đường

¹ Vì sự khổ đau với sự qua đời của Đức Baha'u'llah xem Thượng Đế đi qua chương XV

cao nhất, Thiên đường cao hơn tất cả những người còn lại. Ngôi mộ ngạt ngào của anh ấy ở Haifa.

45 . Jamshíd-i-Gurjí

Một trong những người di cư và định cư khác là Jamshíd-i-Gurjí dũng cảm, đến từ Georgia, nhưng lớn lên ở thành phố Káshán. Anh ấy là một thanh niên tốt, trung thành, đáng tin cậy và có ý thức cao. Khi anh ta nghe nói về một Đức tin mới ló dạng, anh bừng tỉnh với thông điệp về Mặt trời Chân lý đã mọc trên đường chân trời của Ba Tư, người anh tràn ngập sự ngây ngất thánh thiện, khát khao và phấn chấn. Ngọn lửa mới đã thiêu đốt đi những bức màn của sự hoài nghi đã bao trùm anh ta; ánh sáng của Chân lý đã soi rọi, ngọn đèn dẫn đường bùng cháy trước mặt anh.

Anh ta ở lại Ba Tư một thời gian, sau đó rời đến Rumelia, là lãnh thổ của Ottoman, và ở Vùng đất Bí ẩn, Adrianople, đã giành được vinh dự khi bước vào sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh; chính ở đó mà cuộc gặp gỡ của anh ấy đã diễn ra. Niềm vui và sự nhiệt thành của anh là vô bờ bến. Sau đó, theo lệnh của Đức Bahá'u'lláh, anh đã thực hiện một cuộc hành trình đến Constantinople, cùng với Áqá Muhammad-Báqir và Áqá 'Abdu'l-Ghaffár. Trong thành phố đó, những kẻ bạo ngược đã giam cầm và trói anh ta lại.

Đại sứ Ba Tư thông báo chống lại Jamshíd và Ustád Muhammad-'Alí-i-Dallák là những thủ lĩnh và chiến binh của kẻ thù. Jamshíd được ông ta mô tả tương lai và một người nổi loạn Rustam¹, trong khi Muhammad-'Alí, theo lời đặc sứ, là một con sư tử chuyên ăn thịt. Hai người đàn ông được kính trọng này lần đầu tiên bị bỏ tù và nhốt trong lồng; sau đó họ được gửi ra khỏi lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ, dưới sự bảo vệ tới biên giới Ba Tư. Họ sẽ được giao cho Chính phủ Ba Tư và bị đóng đinh, và các lính canh sẽ bị đe dọa bằng những hình phạt khủng khiếp nếu họ một lần lơ là để các tù nhân trốn thoát. Vì lý do này, tại mỗi điểm dừng, các nạn nhân được giữ ở một số điểm gần như không thể tiếp cận được. Một lần, họ bị ném xuống một cái hố, một loại giếng, và phải chịu đựng những đau đớn suốt đêm. Sáng hôm sau, Jamshíd kêu lên: “Hỡi những kẻ áp bức chúng tôi! Chúng tôi có phải là Tiên tri Joseph mà bạn đã ném chúng tôi xuống cái giếng này không? Hãy nhớ Ngài đã lên khỏi giếng và lên cao như trăng tròn như thế nào? Chúng tôi cũng đi trên con đường của Chúa, chúng tôi cũng xuống đây vì lợi ích của Ngài, và chúng tôi biết rằng những vực sâu này là đỉnh cao của Chúa.”

¹ Hec Quin của Ba Tư

Khi đến biên giới Ba Tư, Jamshíd và Muhammad-‘Alí được giao cho các thủ lĩnh người Kurd để được gửi đến Tíhrán. Các thủ lĩnh người Kurd có thể thấy rằng các tù nhân là những người đàn ông vô tội, tử tế và tốt bụng, những người đã trở thành con mồi cho kẻ thù của họ. Thay vì điều động đến thủ đô, họ thả chúng tôi tự do. Vui mừng thay, cả hai vội vã đi bộ, trở về với Đức Bahá’u’lláh và tìm thấy một nơi gần gần Ngài ở Nhà tù Vĩ đại Nhất.

Jamshíd đã trải qua một thời gian trong niềm hạnh phúc tột cùng, nhận được ân sủng và sự ưu ái của Đức Bahá’u’lláh và ngày càng được thừa nhận sự hiện diện của Ngài. Anh ấy yên tĩnh và bình an. Các tín đồ hài lòng về anh ta, và anh ta cũng hài lòng về Thượng Đế. Chính trong tình trạng này, anh đã nghe lời cầu xin của thiên thượng: “Hỡi linh hồn nào được tin tưởng vững chắc, hãy trở về với Chúa của mình, dẹp lòng Ngài và hài lòng Ngài.”² Và với tiếng kêu của Thượng Đế: “Hãy trở về!” anh trả lời, “Đúng vậy, quả thật!” Anh ta đã vượt ra khỏi Nhà tù Vĩ đại Nhất để đến Thiên đường cao nhất; anh ấy bay vút đi đến một Vương quốc trong sáng và lấp lánh, thoát ra khỏi thế giới cát bụi này. Cầu xin Thượng Đế ban cho anh trong quần hội thiên thượng,³ đưa anh ta vào Thiên đường lộng lầy, và an toàn trong khu vườn Thiêng liêng, khiến anh ta sống mãi mãi.

Những lời ca tụng và sự ngợi khen dành cho anh. Mộ của anh ấy, ngọt ngào như xạ hương, nằm ở ‘Akká.

² Koran 89:27

³ Koran 4:71

46 . Hájí Ja‘far-i-Tabrízí và Những người Anh em

Có ba anh em trai, tất cả đều đến từ Tabríz: Hájí Hasan, Hájí Ja‘far, và Hájí Taqí. Ba người này giống như những con đại bàng bay vút lên; họ là ba ngôi sao của Chánh Đạo, xung quanh ánh sáng tình yêu của Thượng Đế.

Hájí Hasan của ngày trước; anh ấy đã tin tưởng từ buổi bình minh đầu tiên của Ngôi sao mới. Anh ấy tràn đầy nhiệt huyết, đầu óc nhạy bén. Sau khi cải đạo, anh đã đi khắp nơi, qua các thành phố và làng mạc của Ba Tư, và hơi thở của anh đã lay động trái tim của những tâm hồn khao khát. Sau đó, anh rời đến Iraq, và trong chuyến hành trình đầu tiên của Đấng Kính yêu, anh đã hiện diện ở đó. Khi anh ta nhìn thấy Ánh sáng đẹp đẽ đó, anh ta đã được đưa đến Vương quốc của Huy hoàng; anh ấy đã bị đốt cháy, anh ấy trở thành một cơn cuồng nhiệt của tình yêu khao khát. Tại thời điểm này, anh đã được chỉ đạo để trở lại Ba Tư. Anh ta là một người bán rong, một người bán đồ nhỏ, và sẽ đi từ thành phố này sang thành phố khác.

Trong chuyến hành trình thứ hai của Đức Bahá’u’lláh đến Iraq, Hájí Hasan khao khát được nhìn thấy Ngài một lần nữa, và ở đó, Baghdad một lần nữa được chứng kiến bởi sự hiện diện của Ngài. Anh thường xuyên hành trình đến Ba Tư và sau đó trở về, suy nghĩ của anh tập trung vào việc truyền giảng và tiếp tục phát triển Chánh Đạo. Công việc kinh doanh của anh ấy sụp đổ. Hàng hóa của anh ta đã bị bọn trộm mang đi, vì khi anh để hàng ở đó, hàng hóa của anh ta bị bốc đi khỏi - anh ta đã bị đánh cắp. Anh xa lánh mọi thứ trói buộc của thế gian. Anh ta bị giữ chặt như một nam châm; anh ấy rơi vào tình yêu tuyệt vọng, yêu điên cuồng với Người Đồng hành dịu dàng, với Đấng Yêu quý của cả hai thế giới. Anh ta được biết đến ở khắp mọi nơi vì sự xuất thần của mình, và trải qua những trạng thái kỳ lạ của hiện hữu; đôi khi, với khả năng hùng biện cao nhất, anh sẽ truyền bá Chánh Đạo, thêm vào đó làm bằng chứng cho nhiều câu thánh thư và truyền thống thánh thiện, đồng thời đưa ra những lý lẽ đúng đắn và hợp lý để thực hiện. Sau đó những người nghe anh sẽ nhận xét về sức mạnh của tâm trí anh, về trí tuệ của anh và sự sở hữu bản thân của anh. Nhưng có những lần khác, tình yêu chột bùng cháy trong anh, và rồi anh không thể yên lặng trong chốc lát. Vào những lúc đó, anh ta sẽ dứt bỏ, và nhảy múa, hoặc một lần nữa, anh ta hét lên một cách lớn tiếng một câu thơ của các nhà thơ, hoặc một bài hát. Vào cuối những ngày của

mình, anh trở thành bạn thân của Jináb-i-Muníb; cả hai trao đổi với nhau nhiều lời tự tin, và mỗi người mang theo nhiều giai điệu trong lòng ngực của mình.

Trong chuyến hành trình cuối cùng của những người bạn, anh đã đến Ádhirbáyján, và ở đó, trước những cơn gió, anh hét lên Tới Đại Danh: “Yá Bahá’u’l-Abhá!” Ở đó, Những người không tin, đã hợp sức với những người thân của anh ta, và họ dụ người đàn ông vô tội đó đang trong trạng thái cực lạc, đi đến một khu vườn. Tại đây, đầu tiên họ đặt câu hỏi cho anh ấy và lắng nghe câu trả lời của anh. Anh cất lời; giải thích những chứng cứ huyền nhiệm của Chánh Đạo, và đưa ra những bằng chứng thuyết phục về Sự Giáng lâm đã đến. Anh đọc thuộc lòng các câu trong kinh Qur’án, và các sách truyền từ Nhà tiên tri Muhammad và các Thánh Imáms. Sau đó, trong cơn say mê cuồng nhiệt của tình yêu và khao khát, anh bắt đầu hát. Đó là một giai điệu shahnáz; lời của các nhà thơ, để nói rằng Chúa đã đến. Và họ đã giết và đổ máu của anh. Họ vụn vẹo và chặt tứ chi của anh và giấu xác anh ta bên dưới lớp bụi.

Đối với Hájí Muhammad-Ja’far, anh ta cũng như anh trai của mình, đã bị mê hoặc bởi Đấng Phúc Mỹ. Chính tại Iraq, anh đã bước vào sự hiện diện của Đấng Ánh sáng Thế giới, và anh cũng bùng cháy với tình yêu Thiên thượng và được những làn gió dịu dàng của Thượng Đế mang đi. Giống như anh trai của mình, anh là một người bán đồ nhỏ, luôn đi du hành từ nơi này đến nơi khác. Khi Đức Bahá’u’llah rời Baghdad đến thủ đô Hồi giáo, Hájí Ja’far đang ở Ba Tư, và khi Đấng Phúc Mỹ và đoàn tùy tùng của Ngài dừng lại ở Adrianople, Ja’far và Hájí Taqí, anh trai của anh, đến đó từ Ádhirbáyján. Họ tìm thấy một nơi và ổn định chỗ ở. Những kẻ áp bức, sau đó giang tay kêu ngạo của họ nhằm đưa Đức Bahá’u’llah đến Nhà tù Vĩ đại Nhất, và họ cấm các tín đồ đi cùng với Đấng Kính yêu chân chính, vì mục đích của họ là chỉ đưa riêng Đấng Phúc Mỹ đến nhà tù mà không cùng với một số người của Ngài. Khi Hájí Ja’far thấy rằng họ đã loại trừ anh khỏi nhóm lưu vong, anh ta đã thu giữ một con dao cạo và cửa cổ mình.¹ Đám đông bày tỏ sự đau buồn kinh hoàng và chính quyền sau đó cho phép tất cả các tín đồ rời đi cùng với Đức Bahá’u’lláh - điều này là do phước lành đến từ hành động yêu thương của Ja’far.

Họ khâu vết thương cho anh nhưng không ai nghĩ anh sẽ bình phục. Họ nói với anh ta, “Trong lúc này, anh sẽ phải ở lại vị trí của mình. Nếu cổ họng của anh lành lại, anh sẽ được tiếp tục, cùng với anh trai của bạn. Hãy chắc chắn về điều

¹ Thượng Đế đi qua trang 180

này.” Đức Bahá’u’lláh cũng chỉ đạo rằng điều này phải được thực hiện. Theo đó, chúng tôi để Ja‘far ở bệnh viện và tiếp tục đến nhà tù ‘Akká. Hai tháng sau, anh và anh trai Hájí Taqí đến pháo đài, và tham gia cùng các tù nhân khác. Hájí được thả an toàn ngày càng yêu đời hơn, hăng hái hơn với mỗi ngày trôi qua. Từ lúc chàng vạng cho đến rạng sáng, anh thức trắng, đọc kinh, roi nước mắt. Sau đó, một đêm, anh ta roi từ mái nhà của nhà trọ về Vương quốc của phép lạ và dấu chỉ.

Hájí Taqí, được sinh ra dưới một ngôi sao may mắn, về mọi mặt, là một người anh em thực sự của Hájí Ja‘far. Anh ta sống trong tình trạng tâm linh tương tự, nhưng anh ta bình tĩnh hơn. Sau khi Hájí Ja‘far qua đời, anh ở một mình trong một căn phòng. Bản thân anh đã im lặng. Anh ấy ngồi đó, một mình, đàng hoàng và nhã nhặn, kể cả trong đêm. Vào một nửa đêm, anh ta trèo lên mái nhà để đọc kinh. Sáng hôm sau, họ tìm thấy anh ta ở nơi anh ta đã ngã xuống, trên mặt đất cạnh bức tường. Anh ta đã bất tỉnh, và họ không thể biết đây là một tai nạn hay liệu anh ta đã tự ném mình xuống. Khi đến chăm sóc anh, anh ấy nói: “Tôi mệt mỏi với cuộc sống này, và tôi đã cố gắng chết. Tôi không muốn nán lại thế giới này trong chốc lát. Hãy cầu nguyện để tôi có thể đi tiếp “.

Vậy đó, đây là câu chuyện cuộc đời của ba anh em. Cả ba đều được bình an vô sự; cả ba đều hài lòng và làm đẹp lòng Thượng Đế.² Họ là những ngọn lửa; họ là những người bị thu hút bởi Chánh Đạo; họ trong sáng và thánh thiện. Và do đó, tách khỏi thế giới, quay mặt về Vương quốc Tối cao, họ thăng thiên. Xin Thượng Đế bao bọc họ trong tấm áo ân sủng của Ngài trong lãnh vực tha thứ, và dìu họ trong nước của lòng từ bi của Ngài mãi mãi. Hãy gửi lời chào và ngợi khen đến họ.

² Koran 89:27-30

47 . Hájí Mírzá Muhammad-Taquí, the Afnán

Trong số những linh hồn chính trực, đó là những thực thể phát sáng và phản chiếu Thiên thượng, là Jináb-i-Muhammad-Taquí, Afnán.¹ Danh hiệu của anh ấy là Vakílu'd-Dawlih. Cảnh nổi tiếng này là một nhánh của Cây Thiên thượng; ở anh một nhân vật xuất sắc được liên minh với một dòng dõi cao quý. Họ hàng của anh là một dòng dõi thực sự cao quý. Anh là một trong số những linh hồn, những người sau một lần đọc Kinh Xác tín, đã trở thành tín đồ, bị mê hoặc bởi sự cứu rỗi ngọt ngào của Thượng Đế, vui mừng khi đọc lại các câu của Ngài. Anh bị kích động đến nỗi kêu lên, “Chúa ơi, Chúa ơi, con đây rồi!” Vui mừng, anh ta rời Ba Tư và nhanh chóng đến Iraq. Bởi vì tràn đầy tình yêu khao khát, anh ta đã vượt qua những ngọn núi và băng qua những hoang mạc, không dừng lại để nghỉ ngơi cho đến khi anh ta đến Baghdad.

Anh bước vào sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh, và đạt được sự chấp nhận trong Tầm nhìn của Ngài. Quả là anh có sự xuất thần thánh thiện, sự nhiệt thành, sự dứt bỏ thế giới! không thể diễn tả được. Khuôn mặt được ban phước của anh ấy rất vui vẻ, rạng rỡ đến nỗi bạn bè ở Iraq đã đặt cho anh ấy một cái tên: họ gọi anh ấy là “Afnán của niềm vui”. Anh thực sự là một linh hồn diễm phúc, một người đàn ông đáng được tôn kính. Anh ấy không bao giờ thất bại trong nhiệm vụ của mình, từ khi bắt đầu cuộc sống cho đến khi trút hơi thở cuối cùng. Khi những ngày của mình bắt đầu, anh ta trở nên say mê những Vị cứu tinh ngọt ngào của Thượng Đế, và khi kết thúc, anh ta phục vụ tối đa cho Chánh Đạo của Thượng Đế. Cuộc sống của anh là chính đỉnh, lời nói của anh ấy hợp ý, những việc làm của anh ấy xứng đáng. Anh ta chưa bao giờ thất bại trong sự phụng sự, trong sự tận tâm, và anh ta sẽ hoàn thành một công việc lớn với sự can đảm và vui vẻ. Cuộc sống của anh ta, hành vi của anh ta, những gì anh ta đã làm, những gì anh ta chưa hoàn thành, cách đối xử của anh ta với những người khác - tất cả đều là một cách truyền bá Chánh Đạo, và được coi như một tấm gương, một lời động viên cho những người còn lại.

Sau khi đạt được vinh dự, tại Baghdad, gặp Đức Bahá'u'lláh, anh trở về Ba Tư, nơi anh tiếp tục truyền bá Chánh Đạo bằng một ngôn ngữ hùng hồn. Và đây là cách truyền giáo: hãy truyền giáo với miệng lưỡi hùng hồn, ngòi bút sẵn sàng,

¹ Afnan là họ hàng với Đức Bab

đức tính tốt, lời nói vừa lòng, đường lối và việc làm chính trực. Ngay cả những kẻ thù cũng làm chứng cho trí tuệ cao và phẩm chất thiêng liêng của anh, và họ sẽ nói: “Không gì sánh được với người này về lời nói và hành động, sự công bình, đáng tin cậy và đức tin mạnh mẽ; trong tất cả mọi thứ, anh ấy là duy nhất; thật tiếc khi anh ấy là người Bahá’í!” Đó là: “Thật tiếc khi anh ta không giống như họ, gian tà, bất cần, phạm tội, đam mê nhục dục, những tạo vật của đam mê!” Chúa nhân từ! Họ đã tận mắt chứng kiến khoảnh khắc anh biết được Chánh Đạo và anh đã biến đổi, anh dứt bỏ thế giới, anh bắt đầu phát ra những tia sáng từ Mặt trời Chân lý; và họ vẫn thất bại trong việc thu được lợi ích theo tấm gương mà anh ta nêu ra.

Trong những ngày ở Yazd, bên ngoài anh tham gia vào các hoạt động theo đuổi thương mại, nhưng thực sự là truyền bá Chánh Đạo. Mục đích duy nhất của anh ấy là dâng cao Lời của Thượng Đế, ước muốn duy nhất của anh ấy là truyền bá những vị ngọt ngào Thiên thượng, ý nghĩa duy nhất của anh ấy là đến gần hơn và ngày càng gần các dinh thự của Chúa. Không có sự ghi nhớ trên môi anh ta ngoài những thánh thi của Thượng Đế. Anh ta là hiện thân của niềm vui sướng với Đức Bahá’u’lláh, một điểm sáng của ân sủng của Thánh Danh. Rất nhiều lần, Đức Bahá’u’lláh bày tỏ với mọi người về anh, sự hài lòng tột độ của Ngài với người Afnán; và do đó, mọi người đều chắc chắn rằng trong tương lai anh ta sẽ bắt đầu một nhiệm vụ quan trọng nào đó.

Sau khi Đức Bahá’u’lláh thăng thiên, người Afnán, trung thành và kiên định với Giao ước, thậm chí còn phụng sự nhiều hơn trước đây; bất chấp nhiều trở ngại, khối lượng công việc quá tải và vô số vấn đề đều khiến anh ấy cần chú ý. Anh từ bỏ sự thoải mái, công việc kinh doanh, tài sản, điền trang, đất đai của mình, nhanh chóng đến ‘Ishqábád và bắt đầu xây dựng Đền thờ Mashriq’l-Adhkár; đây là một sự phụng sự có tầm quan trọng rất lớn lao, vì vậy anh đã trở thành người đầu tiên dựng lên Đền thờ của người Bahá’í, người đầu tiên xây dựng Ngôi nhà để thống nhất loài người. Với những người tin tưởng hỗ trợ ở ‘Ishqábád, anh ta đã thành công ngoài sức tưởng tượng. Trong một thời gian dài ở ‘Ishqábád, anh ấy không được nghỉ ngơi. Cả ngày lẫn đêm, anh thúc giục các tín đồ. Sau đó, họ quá nỗ lực, và hy sinh vượt quá khả năng của họ; và dinh thự của Thượng Đế đã mọc lên, và lời nói về nó lan truyền khắp Đông và Tây. Afnán đã sử dụng tất cả những gì mình sở hữu để xây dựng lại tòa nhà này, ngoại trừ một khoản tiền nhỏ để dành chi tiêu vật vãn. Đây là cách để thực hiện một sự hy sinh. Đây là ý nghĩa của trung thành.

Sau đó, anh du hành đến Đất Thánh, và ở đó bên cạnh nơi mà các thiên thần được chọn vây quanh, trong nơi trú ẩn của Thánh lãng Đức Bab, anh đã trải qua những ngày của mình, thánh thiện và trong sáng, khẩn cầu và cầu xin Chúa. Lời ngợi khen của Thượng Đế luôn ở trên môi anh, và anh đọc kinh cầu nguyện bằng cả lưỡi và trái tim. Anh ấy có tinh thần tuyệt vời, tỏa sáng một cách kỳ lạ. Anh ấy là một trong những linh hồn đã từng vang lên tiếng trống “Ta không phải là Chúa của người sao?” được vang lên, tiếng trống hồi đáp: “Đúng vậy, quả thật là Ngài!”² Đó là vào thời kỳ Iraq, trong những năm giữa những năm bảy mươi và những năm tám mươi của Hijra, lần đầu tiên anh nổi lửa và yêu kính Ánh sáng của Thế giới, khi nhìn thấy vinh quang lộ dạng nơi Đức Bahá'u I'lláh và chứng kiến sự ứng nghiệm của những lời, “Ta là Người sống trong Bản thể Vinh quang Abhá!”

Afnán là một người đàn ông hạnh phúc lạ thường. Bất cứ khi nào tôi buồn, tôi sẽ gặp anh ấy, và ngay lập tức, niềm vui sẽ trở lại. Hãy ngợi khen Thượng Đế, cuối cùng, gần Thánh lãng Đức Bab, anh đã vội vàng đi trong ánh sáng đến Cõi Abhá; nhưng sự mất mát của anh ấy khiến Đức ‘Abdu’l Bahá vô cùng đau buồn.

Ngôi mộ sáng sủa của anh ở Haifa, bên cạnh Hazíratu’l-Quds, gần hang Elijah. Ở đó dựng một ngôi mộ, xây dựng kiên cố và khang trang. Cầu xin Thượng Đế chiếu rọi những tia sáng nơi an nghỉ của anh từ Thiêng Đàng Lộng lẫy, và phủ lên lớp bụi thánh đó bằng những cơn mưa ập xuống từ sự ban ân của Đấng Đồng hành Tuyệt vời. Vinh quang của Mọi Vinh quang được đến với anh.

² Koran 7:171

48 . ‘Abdu’lláh Baghdádí

Khi anh ấy còn rất trẻ, mọi người nghĩ về ‘Abdu’lláh Baghdádí như một kẻ phóng túng, chỉ lo tận hưởng niềm vui. Anh được mọi người coi là môn đồ của những ham muốn vô độ, sa lầy vào những đam mê thể xác của mình. Nhưng khoảnh khắc trở thành tín đồ, anh đã được những cứu tinh ngọt ngào của Thượng Đế mang đi, và được thay đổi thành một tạo vật mới. Anh thấy mình trong niềm hân hoan lạ lùng, hoàn toàn biến đổi. Anh ấy đã từng thuộc về trần thế, bây giờ anh ấy đã thuộc về Thiên đàng; anh ta đã sống bởi xác thịt, bây giờ anh ta sống bởi tinh thần; anh ấy đã bước đi trong bóng tối, bây giờ anh ấy bước đi trong ánh sáng. Anh đã từng là nô lệ cho các giác quan của mình, bây giờ anh là người phục tùng Thượng Đế. Trước đây anh ta là đất sét và đất nung, bây giờ anh ta là một viên ngọc trai ưa chuộng; trước đây là một viên đá xỉn màu và không ánh sáng, bây giờ là một viên hồng ngọc phát sáng.

Ngay cả trong số những người có đạo cũng ngạc nhiên về sự thay đổi này. Họ muốn biết điều gì đã xảy ra với người thanh niên này; Làm thế nào mà nó lại xảy ra khi anh ta đột ngột tách khỏi thế giới, háo hức và cống hiến? Họ nói: “Anh ấy đã bị ô uế, hư hỏng,” họ nói; “Hôm nay, anh ấy thật đậm bạc và thuần khiết. Lúc trước, anh chìm đắm trong ham muốn của mình, nhưng giờ đây đã trở thành tâm hồn trong sạch, sống một cuộc đời chính trực. Anh ấy đã bỏ lại thế giới phía sau anh ấy. Anh đã phá bỏ lễ nghi tiệc tùng, đuổi những người ăn chơi, và gấp khăn tiệc đi. Tâm trí anh ấy đang tràn ngập với tình yêu”.

Một cách ngắn gọn, anh từ bỏ thú vui và tài sản của mình, và đi bộ đến ‘Akká. Khuôn mặt của anh ấy trở nên rất tươi sáng, bản chất của anh ấy sáng sủa, đến nỗi ta cảm nhận thấy một niềm vui khi nhìn vào anh ấy. Tôi thường nói: “Áqá‘ Abdu’lláh, bạn đang ở tình trạng nào? “ Và anh ấy sẽ trả lời cho hiệu ứng này: “Tôi đã ở trong bóng tối; bây giờ, nhờ sự ưu ái của Đấng Phúc Mỹ, tôi đang ở trong ánh sáng. Tôi là một đống bụi; Ngài đã đổi tôi sang một cánh đồng màu mỡ. Tôi thường xuyên bị dày vò; Bây giờ tôi đã bình an. Tôi đã yêu những sợi dây chuyền của mình; Ngài đã phá vỡ chúng. Tôi đã khao khát cái này cái kia; bây giờ tôi chỉ bám vào Chúa. Tôi là một con chim trong lồng; Ngài cho tôi ra ngoài. Ngày nay, mặc dù tôi sống trong sa mạc, và tôi có đất trồng làm giường và gối của mình, nhưng cảm giác êm như lụa. Ngày xưa, khăn phủ bàn của tôi là sa tanh, và linh hồn tôi đặt trên giá đỡ. Bây giờ tôi là người vô gia cư, và hạnh phúc”.

Nhưng trái tim cháy bỏng của anh đã tan vỡ khi anh nhìn thấy Đức Bahá'u'lláh là nạn nhân, Ngài đã nhẫn nại chịu đựng biết nhường nào. ‘Abdu’lláh khao khát được chết vì Ngài. Và do đó, chuyện anh ấy đã hy sinh mạng sống của mình cho Đấng Đồng hành dịu dàng của mình, và nhanh chóng rời khỏi thế giới tăm tối này để đến với xứ sở ánh sáng. Ngôi mộ sáng của anh ấy ở ‘Akká. Cầu xin Vinh quang của Mọi Vinh quang đến với anh; xin cho anh lòng từ bi, nhờ ân điển của Chúa.

49 . Muhammad-Mustafá Baghdádí

Muhammad-Mustafá là một ánh sáng rực rỡ. Anh là con trai của học giả nổi tiếng Shaykh Muhammad-i-Shibl; anh ta sống ở Iraq, và từ thuở thiếu thời rõ ràng là độc nhất vô nhị và không thể so sánh được; khôn ngoan, dũng cảm, xứng đáng về mọi mặt, anh đã được biết đến rộng rãi. Từ thuở ấu thơ, được sự diu dặt của cha, anh đã thấp lên ánh sáng đức tin nơi tâm hồn mình. Anh ta đã thoát khỏi những bức màn ảo ảnh đang cản trở, nhìn thấu sự vật bằng đôi mắt tinh tường, chứng kiến những dấu hiệu mới tuyệt vời của Thượng Đế và bất kể hậu quả ra sao, anh ta đã lớn tiếng kêu lên: “Trái đất đã chiếu sáng bởi ánh sáng của Chúa!”¹

Thượng Đế nhân từ! Sự chống đối rất mạnh mẽ, hình phạt rõ ràng, bạn bè, mỗi người trong số họ, khiếp sợ, và ở một góc nào đó che giấu niềm tin của họ; vào thời điểm đó, tính cách gan dạ này đã mạnh dạn bắt tay vào công việc kinh doanh của mình, và giống như một người đàn ông, đối mặt với mọi khó khăn. Một cá nhân, vào năm 70, nổi tiếng ở Iraq vì tình yêu của mình với Đức Bahá’u’lláh, là người được vinh danh này. Một vài linh hồn khác, ở Baghdad và các vùng phụ cận, họ vẫn ở đó nhưng đã len lỏi vào các góc ngách trốn đi và bị giam cầm trong sự thờ ơ của chính họ. Nhưng Muhammad-Mustafá đáng ngưỡng mộ này sẽ mạnh dạn, tự hào đến và đi như một người đàn ông, và kẻ thù địch, vì sức mạnh thể chất và lòng dũng cảm của mình, đã sợ hãi tấn công anh ta.

Sau khi Đức Bahá’u’lláh trở về từ cuộc hành trình đến Kurdistán, sức mạnh và khả năng chịu đựng của con người dũng cảm đó càng được nâng cao hơn nữa. Bất cứ khi nào được phép nghỉ phép, anh ta sẽ đến gặp Đức Bahá’u’lláh, và sẽ nghe thấy từ đôi môi của Ngài những biểu hiện ưu ái và ân sủng. Anh ấy là thủ lĩnh, trong số tất cả những người bạn ở Iraq, và sau cuộc chia ly vĩ đại, khi đoàn xe của Đấng Kính yêu rời đi Constantinople, anh ấy vẫn trung thành và kiên cường, và chống lại kẻ thù. Anh đã dốc hết sức mình để phụng sự và truyền bá Chánh Đạo một cách rộng rãi, công khai, được mọi người theo dõi.

Ngay sau khi lời tuyên bố của Đức Bahá’u’lláh rằng “Ngài là Đấng mà Thượng Đế sẽ biểu hiện”² được biết đến rộng rãi, Muhammad-Mustafá — nằm trong số những linh hồn đã trở thành tín đồ trước Tuyên ngôn này và trước lời

¹ Koran 39:69

² Đấng Hứa hẹn mà Đức Bab tiên báo

kêu gọi được cất lên - anh thốt lên: “Quả thật, chúng tôi tin tưởng!” Bởi vì, ngay cả trước Tuyên ngôn này, chính ánh sáng đã xuyên qua những bức màn che kín các dân tộc trên thế giới, để mọi người nhìn thấy vẻ huy hoàng, và mọi linh hồn khao khát có thể nhìn vào Đấng Kính yêu.

Với tất cả sức mạnh của mình, Muhammad-Mustafá đã xuất hiện để phụng sự Chánh Đạo. Anh ấy không ngại nghỉ cả ngày lẫn đêm. Sau khi Đấng Mỹ lệ Xưa đã khởi hành đến Nhà tù Vĩ đại Nhất; sau khi những bạn hữu bị bắt làm tù binh ở Baghdad và bị đưa đến Mosul; sau sự thù địch của những kẻ thù nổi bật và sự phản đối của dân chúng Baghdad, anh không chùn bước mà tiếp tục giữ vững lập trường của mình. Một thời gian dài đã trôi qua theo cách này. Nhưng với sự khao khát Đức Bahá'u'lláh, nổi xao xuyến trong lòng anh dâng cao đến nỗi anh lên đường một mình đến Nhà tù Vĩ đại Nhất. Anh ấy đã đến được đó trong khoảng thời gian bị hạn chế cực độ, và có vinh dự được bước vào sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh.

Sau đó anh ta xin nghỉ phép để tìm một chỗ trọ ở đâu đó trong vùng lân cận của 'Akká, và được phép cư trú tại Beirut. Ở đó, anh đã đến và trung thành phụng sự Chánh Đạo, hỗ trợ tất cả những người hành hương khi họ đến và đi. Anh ấy là một người phụng sự xuất sắc, một người chủ hào phóng và tốt bụng, và anh ấy đã hy sinh bản thân mình để giải quyết công việc của họ khi họ ghé qua. Vì tất cả những điều này, anh đã được biết đến ở khắp mọi nơi

Khi Mặt trời của Chân lý đã lặn và Ánh sáng của Quần hội trên cao đã lên, Muhammad-Mustafá vẫn trung thành với Giao ước. Anh đứng vững bên cạnh những người do dự dao động đến nỗi không dám thở một hơi. Anh ấy giống như một ngôi sao băng, một tên lửa ném vào quỹ dữ³; chống lại những kẻ vi phạm, một thanh gươm rửa nhục. Không một ai trong số những người vi phạm dám đi qua con phố nơi anh ta sống và nếu họ bắt gặp anh ta, họ sẽ giống như những người được mô tả trong Qur'án: “điếc, câm, mù: vì vậy họ sẽ không bị truy vết những sai lầm!”⁴ Anh là hiện thân mà: “Sự đổ lỗi của kẻ đổ lỗi sẽ không làm chệch hướng anh ta khỏi con đường của Thượng Đế, và sức mạnh khủng khiếp của kẻ xi vả cũng sẽ không lay chuyển anh ta.”

³ Theo biểu tượng Hồi giáo, Satan là “thứ đất đá”; với ngôi sao bắn lên khỏi đá, các thiên thần repel quỹ dữ từ Thiên đàng, Koran 3:31; 15:17, 34; 37:7; 67:5

⁴ Koran 2:17

Sống theo tính cách như trước đây, anh phụng sự các tín đồ với tâm hồn tự do và ý định trong sáng. Với tất cả tấm lòng của mình, anh ấy đã hỗ trợ những du khách đến Đất Thánh, những người đã đến để đi vòng quanh nơi được bao quanh bởi Quần hội trên Cao. Sau đó, anh chuyển từ Beirut đến Iskandarún, và ở đó, anh đã dành một khoảng thời gian, cho đến khi, được hút như thể bởi một nam châm đến với Đấng Chúa, từ bỏ tất cả ngoài Ngài, vui mừng trong tin vui của Ngài, giữ chặt sợi dây mà không ai có thể cắt đứt - anh bay lên trên đôi cánh của tinh thần đến với Đấng Đồng hành Cao cả.

Xin Chúa nâng anh lên Thiên Đàng cao nhất, và ban vinh quang.⁵ Xin Thượng Đế đưa anh vào vùng đất của ánh sáng, Vương quốc huyền bí, nơi hội tụ những huy hoàng của Đấng Chúa Vĩ đại và Quyền năng. Trên anh là vinh quang của Đấng Toàn vinh.

⁵ Koran 4:71

50 . Sulaymán Khán-i-Tunukábání

Sulaymán Khán là người di cư và định cư đã được tặng tước hiệu Jamáli'd-Dín. Anh sinh ra ở Tunukábán, trong một gia đình lâu đời của vùng đó. Anh ta giàu có từ trong trứng, mới sinh đã có mọi thứ, được nuôi dưỡng theo những cách thoải mái sang trọng. Ngay từ thuở ấu thơ, anh đã có những hoài bão và mục tiêu cao cả, và trong anh có niềm khát khao và vinh quang. Lúc đầu, anh ta dự định sẽ vượt qua tất cả các đồng loại của mình và đạt được một số thứ hạng xuất chúng. Vì lý do này, anh rời nơi sinh của mình và đến thủ đô Tihrán, nơi anh hy vọng sẽ trở thành một nhà lãnh đạo, vượt qua phần còn lại của thế hệ mình.

Tuy nhiên, ở Tihrán, hương thơm của Thượng Đế được tỏa đến với anh, và anh đã nghe theo lời hiệu triệu của Đấng Kính yêu. Anh ta đã được cứu khỏi những cuốn hút của thứ hạng cao; khỏi tất cả những tiếng ồn ào và bon chen, vinh lợi, những nơi tráng lệ và cung điện, của đồng bụi này, thế giới trần tục. Anh ấy đã cởi bỏ xiềng xích của mình và nhờ ân điển của Thượng Đế, đã khám phá ra sự bình an. Đối với anh, chỗ ngồi danh dự giờ không khác gì hơn là nơi người ta bỏ dép trước cửa, và chức vụ cao sẽ sớm mai một và bị lãng quên. Anh ta đã được tẩy sạch vết bẩn của cuộc sống, trái tim anh ta được xoa dịu, vì anh ta đã phá vỡ gông cùm giam giữ anh trong cuộc sống hiện tại này.

Khoác lên mình bộ quần áo của một người hành hương, anh lên đường đi tìm Đấng yêu thương của mình, và đến Nhà tù Vĩ đại Nhất. Tại đây anh nghỉ ngơi một thời gian, dưới sự che chở của Đấng Mỹ lệ Xưa; tại đây, anh đã có được vinh dự được bước vào sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh và lắng nghe những lời dạy quan trọng từ đôi môi thánh thiện của Ngài. Khi đã hít thở không khí thơm mát, khi mắt sáng và tai lắng nghe những lời của Đấng Chúa, anh được phép lên đường đến Ấn Độ, và tận tụy truyền giảng cho những người đi tìm chân lý chân chính.

Đặt tâm hồn nơi Thượng Đế, say đắm hương vị ngọt ngào của Thượng Đế, cháy bỏng với tình yêu của Thượng Đế, anh lên đường sang Ấn Độ. Ở đó, anh lang thang, và bất cứ khi nào anh đến một thành phố, anh cất tiếng ca ngợi Vương quốc Vĩ đại và báo tin mừng rằng Đấng Phát ngôn trên Núi đã đến. Anh đã trở thành một trong những nông dân của Thượng Đế, gieo rắc hạt giống thánh thiện của Giáo lý. Việc gieo hạt này đã có kết quả. Thông qua anh ta, một số lượng đáng kể đã tìm được đường lên Thuyền Giải thoát. Ánh sáng của sự hướng dẫn

của Thượng Đế đã chiếu vào những linh hồn đó, và đôi mắt của họ được sáng lên khi nhìn thấy những dấu hiệu quyền năng của Thượng Đế. Anh trở thành tâm điểm của mọi cuộc tụ họp, là vị khách danh dự. Cho đến ngày nay, tại Ấn Độ, người ta đã thấy rõ kết quả của sự hiện diện tốt lành của anh, và những người mà anh đã truyền giảng bây giờ đến lượt họ, đang hướng dẫn những người khác đến với Chánh Đạo.

Sau chuyến hành trình đến Ấn Độ của mình, Sulaymán Khán đã quay trở lại Đức Bahá'u'lláh, nhưng khi đến nơi, cuộc thăng thiên đã diễn ra. Anh ấy liên tục rơi nước mắt, và trái tim anh ấy lay lắt nỗi buồn. Nhưng anh vẫn trung thành với Giao ước, bắt rễ từ Thiên đàng.

Không lâu trước khi Ngài qua đời, Đức Bahá'u'lláh đã nói: “Nếu ai đó đến Ba Tư, và hãy sắp xếp truyền đạt thông điệp này, thông điệp này phải được chuyển tới Amínu's-Sultán:¹ ‘Con đã thực hiện các bước để giúp các tù nhân; con đã tự do cung cấp cho họ sự phụng sự thích đáng; sự phụng sự này sẽ không bị lãng quên. Hãy yên tâm rằng nó sẽ mang lại cho con danh dự và phước lành cho tất cả các công việc của con. Hỡi Amínu's-Sultán! Mọi ngôi nhà được dựng lên sẽ có một ngày sụp đổ, trừ nhà của Thượng Đế; sẽ phát triển lớn hơn và được bảo vệ tốt hơn từng ngày. Sau đó, hãy phụng sự trước chánh điện của Thượng Đế với tất cả khả năng của con, để con có thể khám phá ra con đường dẫn đến một tổ ấm Thiên đàng, và tìm thấy một dinh thự sẽ tồn tại mãi mãi.’ ” Sau sự ra đi của Đức Bahá'u'lláh, thông điệp này đã được chuyển tới cho vị Sultán.

Tại Ádhirbáyján, các giáo sĩ Thổ Nhĩ Kỳ đã hạ gục Áqá Siyyid Asadu'lláh, săn lùng anh ta ở Ardabíl và âm mưu đổ máu anh ta; nhưng Thống đốc, bằng một mưu mẹo, đã cố gắng cứu anh ta khỏi bị đánh đập và sát hại: ông ta đưa nạn nhân đến Tabríz bằng xiềng xích, và từ đó đưa anh ta đến Tihrán. Amínu's-Sultán đã đến hỗ trợ tù nhân và, tại văn phòng của chính anh ta, cho Asadu'lláh nơi trú ngụ. Một ngày nọ khi Bộ trưởng bị ốm, Vua Násiri'd-Dín Sháh đến thăm ông. Sau đó, Bộ trưởng giải thích tình hình và khen ngợi anh ta trong thời gian bị giam cầm nhiều đến nỗi Vị Vua, khi rời đi, tỏ ra rất nhân từ với Asadu'lláh, và nói những lời an ủi. Dù ở một thời điểm trước đó, kẻ bị giam cầm dạng này sẽ bị xâu lại ngay lập tức, cho đeo giá vào cổ, và bị bắn hạ bằng súng.

¹ Bộ trưởng

Sau một thời gian, Amínu's-Sultán mất đi sự ưu ái của Vua chúa. Bị căm ghét, bị coi thường, anh bị đày đến thành phố Qum. Lúc đó, người tôi tớ này phái Sulaymán Khán đến Ba Tư, mang theo một lời cầu nguyện và một bức thư do tôi viết. Lời cầu nguyện khẩn cầu xin sự trợ giúp, ân phúc và sự phù hộ của Thượng Đế cho vị Bộ trưởng sa ngã, để ông có thể, từ góc khuất của sự lãng quên, được thức tỉnh lòng ưu ái. Trong thư chúng tôi ghi rõ: “Chuẩn bị trở lại Tihrán. Sự giúp đỡ của Thượng Đế sẽ sớm đến; ánh sáng của ân sủng sẽ lại chiếu vào ông; với toàn bộ uy quyền, ông sẽ thấy mình tự do, và là Bộ trưởng. Đây là phần thưởng của ông cho những nỗ lực ông đã cố gắng thay mặt cho một người đàn ông bị áp bức.” Bức thư và lời cầu nguyện đó ngày nay thuộc quyền sở hữu của gia đình Amínu's-Sultán.

Từ Tihrán, Sulaymán Khán hành trình đến Qum, và theo chỉ dẫn, anh ta đến sống trong một xà lim trong thánh lãng của Đấng Vô nhiễm.² Hộ hàng của Amínu's-Sultán đến thăm nơi đó; Sulaymán Khán đã hỏi thăm vị bộ trưởng mất chức và bày tỏ mong muốn được gặp ông. Khi Bộ trưởng biết được điều này, ông đã cho mời Sulaymán Khán. Đặt trọn niềm tin vào Thượng Đế, Sulaymán Khán vội đến nhà Bộ trưởng và gặp riêng ông, trình bức thư của Đức 'Abdu'l Bahá. Bộ trưởng đứng dậy, và nhận bức thư với sự kính trọng tột độ. Sau đó nói với Khán giả: “Tôi đã từ bỏ hy vọng. Nếu ước muốn này được hoàn thành, tôi sẽ đứng lên để phụng sự; Tôi sẽ gìn giữ và nâng đỡ những bạn hữu của Thượng Đế”. Sau đó, ông bày tỏ lòng biết ơn, sự tri ân và niềm vui của mình, và nói thêm, “Hãy ngợi khen Thượng Đế, tôi lại có hy vọng một lần nữa; Tôi cảm thấy rằng nhờ sự trợ giúp của Ngài, ước mơ của tôi sẽ trở thành hiện thực.”

Tóm lại, Bộ trưởng cam kết hết lòng phục vụ bạn hữu, và Sulaymán Khán xin rời đi. Sau đó Bộ trưởng muốn đưa cho anh ta một khoản tiền để trang trải chi phí cho chuyến hành trình của anh ta, nhưng Sulaymán Khán từ chối, và mặc dù Bộ trưởng nài nỉ, anh không chấp nhận. Vị Khán chưa đến được Thánh địa, trong chuyến hành trình trở về thì Amínu's-Sultán bị triệu hồi từ cuộc lưu đày và ngay lập tức được khôi phục lại Chức vị Bộ trưởng. Ông đảm nhận vị trí và hoạt động với toàn quyền; và lúc đầu, ông thực sự ủng hộ các tín đồ, nhưng về cuối, trong trường hợp các cuộc tử đạo của người Yazd, ông đã lơ là. Ông không giúp đỡ hay bảo vệ những người đau khổ theo bất kỳ cách nào, và ông ta cũng sẽ không nghe những lời khẩn cầu lặp đi lặp lại của họ, cho đến khi tất cả họ đều bị xử tử. Theo

² Qum là thành phố thánh lãng của Fatimih. “Đấng Vô nhiễm” Chì của vị Imam thứ tám, Imam Rida, bà được chôn ở đây năm 816 trước CN

đó, ông cũng bị sa thải, một người đàn ông bị hủy hoại; lá cờ từng tung bay rất kiêu hãnh đã bị đảo ngược, và trái tim hy vọng đó tuyệt vọng.

Sulaymán Khán sống ở Thánh địa, gần Thánh lăng mà Hội đồng Cao cả xúm quanh. Anh luôn đồng hành với các tín đồ cho đến ngày mà cái chết không tránh khỏi, khi lên đường đến các dinh thự của Đấng hằng sống và bất tử. Anh quay lưng lại với đồng bụi trần này, và vội vã đi đến xứ sở của ánh sáng. Anh ta thoát ra khỏi cái lồng của sinh vật ngẫu nhiên này và bay thẳng vào Vương quốc vô cùng và vô tận. Cầu xin Thượng Đế ban cho anh ta trong nước của lòng từ bi của Ngài, cầu ơn sự tha thứ của Ngài đổ xuống trên anh, và ban cho anh những điều kỳ diệu của ân điển dồi dào. Những lời ca tụng và sự ngợi khen dành cho anh.

51 . ‘Abdu’r-Rahmán, Người thợ rèn

Đây là một người đàn ông kiên nhẫn và chịu đựng lâu dài, người gốc Káshán. Anh là một trong những tín đồ đầu tiên. Nước mắt lăn dài trên má khi anh uống cạn tình yêu của Thượng Đế, tận mắt nhìn thấy bàn tiệc trên trời trải ra trước mặt ông, và nhận được đức tin và phần ân điển dồi dào của mình.

Ít lâu sau, anh rời nhà và lên đường đến vườn hồng ở Baghdad, nơi anh vinh dự được bước vào sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh. Anh đã dành một thời gian ở Iraq, và giành được vương miện của sự ưu ái vô tận: anh sẽ bước vào sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh và nhiều lần sẽ cùng Ngài đồng hành cùng Ngài đến Thánh lãng hai Đấng Kázims; đây là niềm vui lớn của anh ấy.

‘Abdu’r-Rahmán là một trong số những tù nhân bị đày đến Mosul, và sau đó anh ta đã khéo léo lui mình về pháo đài ở ‘Akká. Tại đây anh đã sống, được Đức Bahá’u’lláh ban phước. Anh ấy làm một công việc kinh doanh nhỏ, vất vả, nhưng anh ấy bằng lòng với nó, hạnh phúc và bình yên. Như vậy, bước đi trên con đường công chính, anh sống đến tám mươi tuổi, lúc đó, thanh thản nhẫn nại, anh bay lên Ngưỡng cửa của Thượng Đế. Cầu xin Chúa bao bọc anh ở đó bằng ân phúc và lòng từ bi của Ngài, và mặc cho anh ta tấm áo của sự tha thứ. Ngôi mộ sáng của anh ấy ở ‘Akká.

52 . Muhammad-Ibráhím-i-Tabrízí

Người đàn ông này, quý phái và có trí tuệ cao, là con trai của ‘Abdu’l-Fattáh được kính trọng, người đang ở trong nhà tù ‘Akká. Khi biết rằng cha mình đang bị giam giữ ở đó, anh ta đã nhanh chóng đến pháo đài, để anh ta cũng có thể được chia sẻ những đau khổ thảm khốc đó. Anh là một người khôn ngoan, hiểu biết, xáo động vì nếm rượu tình yêu của Thượng Đế, nhưng với một sự thanh thản và bình tĩnh cơ bản, tuyệt vời.

Anh ấy đã thừa hưởng bản chất của cha mình, và anh ấy là tấm gương điển hình cho câu nói rằng đứa trẻ là tinh hoa bí mật của di truyền thừa hưởng. Vì lý do này, trong một thời gian dài, anh ấy đã thấy thích thú được ở gần Sự Hiện diện Thiêng liêng, tận hưởng sự yên bình tuyệt đối. Ban ngày, anh ta buôn bán, ban đêm anh ta vội vã đến trước cửa nhà để gặp gỡ bạn bè. Anh gần gũi với tất cả những người trung thành và chân thật; anh ta đầy dũng khí; anh biết ơn Thượng Đế, đạm bạc và trong sạch, mong chờ và trông cậy vào ơn phước và ân điển của Chúa. Anh ấy đã làm cho ngọn đèn của cha mình tỏa sáng, làm bừng sáng gia đình của ‘Abdu’l-Fattáh, và thừa kế lại di sản cho con cháu thế hệ sau anh ấy trong thế giới đang trôi qua nhanh chóng này.

Anh luôn làm những gì có thể để mang lại hạnh phúc cho các tín đồ; anh ấy luôn luôn nhìn thấy hạnh phúc của họ. Anh ấy là người hiền lành, nghiêm túc và kiên định. Nhờ ân điển của Thượng Đế, anh ấy trung thành đến cùng và vững vàng trong đức tin. Xin Thượng Đế ban cho anh được uống chén tha thứ; cầu mong anh được nhấm nháp mùa xuân của ân phúc và niềm vui tốt đẹp của Thượng Đế; cầu xin Thượng Đế nâng cao anh ta lên đến đỉnh cao hồng ân Thiên thượng. Ngôi mộ thơm của anh ấy ở ‘Akká.

53 . Muhammad-‘Alí-i-Ardikání

Trong tuổi trẻ hoa niên non trẻ, Muhammad-‘Alí, người được chiếu sáng, đã nghe thấy tiếng gọi của Thượng Đế, và lạc mất trái tim của mình trước ân điển thiên đàng. Anh ta đã phụng sự cho Cành Afnán, đâm nhánh từ nhánh của Cây Thánh, và sống hạnh phúc và mãn nguyện. Đây là cách anh ta đến thành phố ‘Akká, và đã có mặt khá lâu ở Ngưỡng cửa Linh thiêng, giành được vương miện vinh quang lâu dài. Con mắt của hồng ân và sự ưu ái của Đức Bahá’u’lláh đã đổ lên anh. Anh ấy đã phụng sự với một trái tim trung thành. Anh ta có một bản chất vui vẻ, một khuôn mặt thanh nhã; anh ấy là một người đàn ông tin cậy, thích khám phá, thử nghiệm và luôn nỗ lực.

Trong suốt những ngày của Đức Bahá’u’lláh, Muhammad-‘Alí vẫn kiên định, và sau Sự kiện Tối cao, trái tim của anh đã không làm anh thất vọng, vì anh đã uống rượu của Giao ước và suy nghĩ của anh đã cố định vào ân điển của Thượng Đế. Anh chuyển đến Haifa và sống như một tín đồ vững chắc, gần Hazíratu’l-Quds trên Thánh lǎng Núi Carmel cho đến khi trút hơi thở cuối cùng, khi cái chết ập đến và tâm thần cuộc đời trần thế của anh ta được cuộn lại và cất đi.

Người đàn ông này là một đầy tớ thực sự của Ngưỡng cửa, một người bạn tốt đối với các tín đồ. Tất cả đều hài lòng về anh, tìm thấy nơi anh một người bạn đồng hành tuyệt vời, dịu dàng và ôn hòa. Cầu xin Thượng Đế giúp anh trong Vương quốc cao quý của Ngài, và cho anh ta một ngôi nhà trong Vương quốc Abhá, và ban cho anh ta ân sủng dồi dào từ các khu vườn Thiên đàng — nơi gặp gỡ, nơi chiêm ngưỡng điều huyền nhiệm của Thượng Đế. Bụi có mùi hổ phách của anh ấy ở Haifa.

54 . Hájí Áqáy-i-Tabrízí

Ngay từ khi còn trẻ, người đàn ông tâm linh này, đến từ Tabríz, đã cảm nhận được kiến thức huyền nhiệm và uống rượu nồng của Thượng Đế, và anh vẫn kiên định với Chánh Đạo trong suốt những năm tuổi còn non.

Anh sống một thời gian ở Ádhirbáyján, bị thu hút say mê với Đấng Chúa. Khi anh được biết đến rộng rãi như một người mang danh Thượng Đế, mọi người đã hủy hoại cuộc đời anh. Người thân và bạn bè của anh ấy quay lưng lại với anh ấy, tìm một lý do mới để săn đuổi chằm chích anh ấy mỗi ngày. Cuối cùng anh ta chia tay ngôi nhà của mình, lấy gia đình và trốn đến Adrianople. Anh đến đó vào cuối thời kỳ Adrianople và bị bắt làm tù binh bởi những kẻ áp bức.

Cùng với chúng ta những kẻ lang thang cơ nhỡ, và dưới sự che chở của Đấng Mỹ lệ Xưa, anh đã đến với Nhà tù Vĩ đại Nhất và là người bạn tri kỷ, đồng hành, cùng chúng tôi chia sẻ những tai ương, hoạn nạn, khiếm tốn và chịu đựng lâu dài. Sau đó, khi những hạn chế đã được nói lỏng phần nào, anh ta tham gia vào việc buôn bán, và thông qua ân phúc Đức Bahá'u'lláh, anh đã cảm thấy thoải mái và bình yên. Nhưng cơ thể anh ta đã trở nên suy yếu từ những khó khăn trước đó, và tất cả những đau khổ, và các khả năng của anh ta đã sa sút; để rồi cuối cùng anh ngã bệnh, không còn hy vọng về một phương pháp chữa trị; và không xa Đức Bahá'u'lláh, và được che chở bởi sự bảo vệ của Ngài, anh ấy đã nhanh chóng rời khỏi thế giới nhỏ bé nhất này để đến các Thiên đàng cao, từ nơi tối tăm này đến vùng đất của ánh sáng. Xin Thượng Đế dìu anh ta trong dòng nước của sự tha thứ; xin Ngài mang anh ta vào các khu vườn của Địa Đàng, và ở đó giữ cho anh ta được mãi mãi an toàn. Bụi tinh khiết của anh ấy nằm lại ở 'Akká.

55 . Ustad Qulám-‘Alíy-i-Najjár

Người đàn ông này, một thợ mộc và một nghệ nhân bậc thầy, đến từ Káshán. Đối với đức tin và sự xác tín, anh ấy giống như một thanh gươm được rút ra khỏi vỏ. Anh ta nổi tiếng ở thành phố của mình như một người đàn ông chính trực, chân chính và đáng tin cậy. Anh là người có đầu óc cao, thông minh và thuần khiết. Khi anh trở thành một tín đồ, niềm khao khát khấn thiết được gặp Đức Bahá’u’lláh của anh không nguôi ngoai; tràn đầy tình yêu hạnh phúc, anh rời khỏi Vùng đất Káf (Káshán) và đến Iraq, nơi anh được chiêm ngưỡng vẻ đẹp huy hoàng của Mặt trời mộc.

Anh ấy là một người đàn ông ôn hòa, kiên nhẫn, ít nói, chủ yếu giữ cho riêng mình. Tại Baghdad, anh làm việc trong lĩnh vực thủ công của mình, liên lạc với bạn bè và duy trì nhờ sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh. Đã có lúc anh sống trong hạnh phúc và bình yên tốt đẹp. Sau đó, những người đã bị bắt làm tù binh bị đưa đến Mosul, và anh là một trong những nạn nhân và giống như họ phải hứng chịu cơn thịnh nộ của những kẻ áp bức. Anh ta vẫn bị giam cầm trong một thời gian khá lâu và khi được tự do đến ‘Akká. Tại đây, anh cũng là bạn của các tù nhân và ở Pháo đài, anh tiếp tục rèn luyện kỹ năng của mình. Như thường lệ, anh ấy có xu hướng sống nơi tĩnh mịch, thích xa lánh bạn bè và người lạ, và phần lớn thời gian sống một mình.

Sau đó, thử thách tối cao, nỗi phiền muộn lớn ập đến với chúng tôi. Qulám-‘Alí đảm nhận công việc thợ mộc của Ngôi mộ Thánh, phát huy hết sức mạnh vững chắc của mình. Cho đến ngày nay, mái kính trên sân trong Thánh lăng của Đức Bahá’u’lláh vẫn là sản phẩm nhờ kỹ năng của anh. Anh ấy là một người đàn ông trong sáng như pha lê. Gương mặt anh rạng ngời; tình trạng bên trong của anh không đổi; không lúc nào anh ấy đổi thay hoặc không ổn định. Anh ấy trung thành, yêu thương và chân thật cho đến hơi thở cuối cùng.

Sau vài năm sống trong khu láng giềng này, anh đã giúp khu láng giềng vươn lên trở thành khu có lòng từ bi bao trùm của Thượng Đế, và trở thành một bạn hữu của những quần hội trên Cao. Anh có vinh dự được gặp Đức Bahá’u’lláh ở cả hai thế giới. Đây là món quà quý giá nhất, món quà đắt giá nhất trong tất cả các món quà. Những lời chào và khen ngợi gửi đến anh. Ngôi mộ sáng của anh ấy ở ‘Akká.

56 . Jináb-i-Muníb, trên anh là Vinh quang của Mọi sự Vinh quang

Tên thật của Jináb-i-Muníb là Mírzá Áqá và bản thân anh là thuộc linh. Anh ấy đến từ Káshán. Trong những ngày của Đức Bab, anh đã bị thu hút bởi sự cứu rỗi ngọt ngào của Thượng Đế; đó là lúc anh ta bốc cháy. Anh ấy là một thanh niên tốt, tuấn tú, đầy quyền rũ và duyên dáng. Anh là một nhà thơ pháp không ai sánh kịp, một nhà thơ, và anh cũng có một giọng hát tuyệt vời. Anh ta khôn ngoan và nhạy bén; trung kiên trong Chánh Đạo của Thượng Đế; ngọn lửa tình yêu của Thượng Đế, từ bỏ tất cả, trừ Thượng Đế.

Trong những năm Đức Bahá'u'lláh cư trú ở Iraq, Jináb-i-Muníb rời Káshán và nhanh chóng đến với sự hiện diện của Ngài. Anh đến sống trong một ngôi nhà nhỏ và khiêm tốn, hầu như không đủ sống, và bắt đầu cam kết viết Lời của Thượng Đế. Trên lông mày của anh ấy, những điều ban tặng của Đấng Biểu hiện được thấy rõ ràng. Trong tất cả thế giới phàm trần này, anh chỉ có một vật sở hữu duy nhất là con gái mình; và thậm chí cả đứa con gái này anh đã bỏ lại ở Ba Tư, khi anh vội vã đến Iraq.

Vào lúc, với tất cả sự hào hoa và lễ nghi, Đức Bahá'u'lláh và đoàn tùy tùng của Ngài khởi hành từ Baghdad, Jináb-i-Muníb đã đi bộ cùng cả nhóm. Người đàn ông trẻ đã được biết đến ở Ba Tư với cuộc sống dễ chịu và thuận thảo và tình yêu thích thú; sự nhẹ nhàng và tinh tế, và thường có cách riêng của mình. Rõ ràng những gì một người thuộc loại này phải chịu đựng, khi đi bộ từ Baghdad đến Constantinople. Anh vẫn vui vẻ đi hàng dặm sa mạc, trải qua ngày đêm cầu nguyện, thông công với Thượng Đế và khẩn cầu Ngài.

Anh ấy là người bạn đồng hành thân thiết của tôi trong chuyến hành trình đó. Có những đêm khi chúng tôi đi bộ, đi về hai phía của chiếc xe đẩy của Đức Bahá'u'lláh, và niềm vui mà chúng tôi có không tài nào mô tả. Một số đêm anh ấy hát những bài thơ; trong số chúng, anh ta sẽ hát những bài hát của Háfiz, giống như câu mở đầu, “Hãy đến, chúng ta hãy rải những bông hồng này, chúng ta hãy rót rượu này,”¹ và bài khác:

¹ Phần còn lại của câu thánh thi là: “Hãy để chúng tôi tách mái của Thiêng đàng và lấp lên một thiết kế mới

*Đối với Vua, mặc dù chúng tôi cúi đầu quỳ gối,
Chúng tôi là vua của ngôi sao ban mai.
Không gì thay đổi được màu sắc chúng tôi—
Chúng tôi là sự tử đỏ, rỗng đen!*

Vào thời điểm Ngài rời khỏi Constantinople, Đấng Phúc Mỹ đã hướng dẫn Jináb-i-Muníb trở lại Ba Tư và công bố Chánh Đạo. Theo đó, anh ấy đã quay trở lại, và trong một thời gian đáng kể, anh ấy đã có những phụng sự xuất sắc, đặc biệt là ở Tihrán. Sau đó, anh lại đi từ Ba Tư đến Adrianople, và bước vào sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh, hưởng đặc ân được gặp Ngài. Vào thời điểm xảy ra thảm họa lớn nhất, đó là cuộc lưu đày đến 'Akká, anh đã bị bắt làm tù nhân trên Con đường này và hiện đang yếu ớt và ốm yếu, cùng với nhóm của Đức Bahá'u'lláh.

Anh ta đã bị bệnh nặng và yếu một cách đáng thương. Tuy nhiên, anh ta sẽ không đồng ý ở lại Adrianople nơi anh ta có thể được điều trị, bởi vì anh ta muốn hy sinh mạng sống của mình và gục ngã dưới chân Đấng Chúa của mình. Chúng tôi đã đi cùng nhau cho đến khi chúng tôi đến biển. Giờ đây, anh ta yếu ớt đến mức phải cần đến ba người đàn ông để nâng anh ta lên và đưa anh ta lên tàu. Khi anh ấy đã lên tàu, tình trạng của anh ấy trở nên tồi tệ hơn đến mức thuyền trưởng yêu cầu chúng tôi đưa anh ấy xuống tàu, nhưng vì những lời cầu xin lặp đi lặp lại của chúng tôi, ông ấy đã đợi cho đến khi chúng tôi đến Smyrna. Tại Smyrna, thuyền trưởng đã nói chuyện với Đại tá Umar Bayk, nhân viên chính phủ đi cùng chúng tôi, và nói với anh ta: “Nếu anh không đưa anh ta vào bờ, tôi sẽ làm điều đó bằng vũ lực, bởi vì con tàu sẽ không chấp nhận hành khách trong tình trạng này.”

Sau đó, chúng tôi buộc phải đưa Jináb-i-Muníb đến bệnh viện ở Smyrna. Yếu đuối, không thể thốt nên lời, anh lê mình đến Đức Bahá'u'lláh, nằm xuống dưới chân Ngài, và khóc. Trên gương mặt của Đức Bahá'u'lláh cũng đau đớn dữ dội.

Chúng tôi đã đưa Jináb-i-Muníb đến bệnh viện, nhưng các bộ phận cơ thể chỉ cho phép chúng tôi xử lý không quá một giờ. Chúng tôi đặt anh ấy xuống giường; chúng tôi đặt cái đầu đẹp đẽ của anh ấy lên gối; chúng tôi đã ôm anh ấy và hôn anh ấy nhiều lần. Sau đó họ bắt chúng tôi đi. Chúng tôi cảm nhận về nó

rõ ràng biết bao. Bất cứ khi nào tôi nghĩ về khoảnh khắc đó, những giọt nước mắt tôi tuôn rơi; trái tim tôi trĩu nặng và tôi nhớ lại những gì anh ấy đã từng. Một con người vĩ đại; khôn ngoan vô hạn, kiên định, khiêm tốn và nghiêm trang; và không có so được với anh ấy về đức tin và sự xác tín. Trong anh ta, sự hoàn hảo bên trong và bên ngoài, tinh thần và thể chất, được kết hợp với nhau. Đó là lý do tại sao anh ta có thể nhận được ân phúc và hồng ân vô tận.

Mộ của anh ta ở Smyrna, nhưng nó đã biến mất và bỏ hoang. Bất cứ khi nào có thể làm được điều này, những người bạn phải tìm kiếm nó, và bụi đất bị bỏ quên đó phải được thay đổi thành một ngôi đền được nhiều người lui tới,² để những người hành hương đến thăm có thể hít thở hương thơm ngào ngạt nơi an nghỉ cuối cùng của anh.

² Koran 52:4

57 . Mírzá Mustafá Naráqí

Trong số những linh hồn thuần khiết và nhân hậu đó có Mírzá Mustafá, một công dân hàng đầu của Naráq và là một trong những tín đồ đầu tiên. Gương mặt anh sáng ngời tình yêu của Thượng Đế. Tâm trí anh quan tâm đến những thứ như loài hải quỳ mang ý nghĩa thần bí, công bằng như những đồng cỏ và những luống hoa.

Chính trong những ngày Đức Bab lần đầu tiên đặt môi mình vào chén rượu say của chân lý thiêng liêng, trong não anh ta có một sự xôn xao lạ lùng, một niềm khao khát mãnh liệt trong lòng anh ta. Trên con đường của Thượng Đế, anh ta ném xuống bất cứ thứ gì anh ta sở hữu; anh đánh cược tất cả mọi thứ, từ bỏ nhà cửa, người thân, sức khỏe vật chất, sự yên tâm. Giống như một con cá trên cát, anh ta phải vật lộn để vươn tới dòng nước của sự sống. Anh đến Iraq, cùng những người bạn tri kỉ, bước vào sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh. Trong một thời gian, anh sống ở đó, vui vẻ và mãn nguyện, nhận được phần thưởng vô tận. Sau đó, anh ta được gửi trở lại Ba Tư, nơi, với hết khả năng của mình, anh ta phụng sự Chánh Đạo. Anh ấy là một người đàn ông toàn vẹn và thành đạt, kiên định, bám rễ vững chắc như những ngọn đồi; mạnh mẽ và đáng tin cậy. Đối với anh ta, trong tất cả sự hỗn loạn và hoảng sợ đó, những cơn chó hoang hú hét chỉ là những con ruồi vo ve; các thử thách và khó khăn khiến tâm trí anh ấy yên nghỉ; khi bị thiêu thân trong lửa phiền não bùng lên, người ấy tỏ ra như vàng sáng ngời.

Vào ngày đoàn xe của Đức Bahá'u'lláh rời Constantinople đến Adrianople, Mírzá Mustafá đến từ Ba Tư. Không có cơ hội nào để anh ta đến được Đức Bahá'u'lláh ngoại trừ một lần; và anh ấy đã được hướng dẫn quay trở lại Ba Tư. Tại thời điểm đó, anh có vinh dự được đón nhận.

Khi Mírzá Mustafá đến Ádhirbáyján, anh bắt đầu truyền bá Chánh Đạo. Cả ngày lẫn đêm, anh vẫn ở trong trạng thái cầu nguyện, và ở Tabríz, anh đã uống cạn cả một cốc. Lòng nhiệt thành của anh tăng lên, việc truyền giảng của anh gây xôn xao. Sau đó, học giả lỗi lạc, Shaykh Ahmad-i-Khurásání, đến Ádhirbáyján và hai người hợp lực. Kết quả là ngọn lửa tâm linh tràn ngập đến nỗi họ đã giảng dạy Chánh Đạo một cách mở rộng và công khai và người dân Tabríz nổi cơn thịnh nộ.

Những bộ binh sẵn lòng họ, và bắt được Mírzá Mustafá. Nhưng sau đó những người đàn áp nói, “Mírzá Mustafá có hai lọn tóc dài. Đây không thể là người đàn ông phù hợp “. Ngay lập tức, Mírzá Mustafá cởi mũ và thả những lọn tóc xuống. “Hãy xem!” anh ấy đã nói với họ. “Tôi là người đó đây.” Sau đó, họ đã bắt anh ta. Họ tra tấn anh ta và Shaykh Ahmad cho đến khi cuối cùng, ở Tabríz, hai người đàn ông vĩ đại đó đã uống cạn chén tử đạo, nhanh chóng chạy đến Chân trời tối cao.

Tại nơi họ bị giết, Mírzá Mustafá kêu lên: “Hãy giết tôi trước, giết tôi trước Shaykh Ahmad, để tôi không thể nhìn thấy họ đổ máu của anh ấy!”

Sự vĩ đại của họ đã được ghi lại trong mọi thời đại trong Thánh thư của Đức Bahá’u’lláh. Họ nhận được nhiều Kinh bản từ Ngài, và sau khi họ qua đời, Ngài đã viết xuống, với cây bút cao quý của Ngài, nỗi thống khổ mà họ phải chịu đựng.

Từ khi còn trẻ cho đến khi về già, người đàn ông lưng lầy này, Mírzá Mustafá, đã cống hiến toàn bộ cuộc đời mình để phục vụ trên con đường của Thượng Đế. Hôm nay anh ấy đang ở trong Vương quốc vinh quang, trong vùng lân cận của lòng từ bi khôn tả của Thượng Đế, và anh ấy vui mừng tốt độ, và anh ấy ca tụng lời ngợi khen Đáng Chúa của anh ấy. Phước cho anh ta, và tổ ấm tốt lành của anh.¹ Đối với anh ta là niềm vui khôn xiết, từ Đáng Chúa của các Chúa. Xin Thượng Đế ban cho anh một cương vị cao quý, trong Quần hội trên cao.

¹ Koran 13:28

58 . Zaynu'l-Muqarrabín

Người đàn ông ưu tú này là một trong những người vĩ đại nhất trong số những người bạn đồng hành của Đức Bab và tất cả những người thân yêu của Đức Bahá'u'lláh. Khi sống dưới xã hội Hồi Giáo, anh đã nổi tiếng với cuộc sống thuần khiết và thánh thiện. Anh ấy tài năng và có thành tích cao trên nhiều phương diện. Anh là nhà lãnh đạo và là tấm gương tinh thần của toàn bộ người dân Najaf-Ábád, và những người nổi tiếng của khu vực đó đã thể hiện sự tôn trọng vô bờ bến đối với anh. Khi anh ấy nói ra, anh ấy là ý kiến quyết định; khi anh thông qua bản án, nó có hiệu lực; vì anh ấy được mọi người biết đến như là tiêu chuẩn, và là quyền lực cuối cùng.

Ngay khi anh sớm biết về Tuyên ngôn của Đức Bab, anh ta đã kêu lên từ sâu thẳm trái tim mình, “Hỡi Chúa của chúng con! chúng con thực sự đã nghe thấy lời gọi của Người. Ngài kêu gọi chúng tôi đến với Chánh Đạo - ‘Hãy tin cậy nơi Chúa của người’ — và chúng tôi đã tin.”¹ Anh tự mình loại bỏ mọi bức màn ngăn trở; hoài nghi của anh tan biến, anh ta bắt đầu tán dương và tôn vinh Đấng Mỹ lệ được hứa hẹn từ xưa. Tại nhà riêng của mình, và tại Isfahán, anh ta trở nên khét tiếng khi tuyên bố xa và rộng rằng sự ra đời của Đấng mà anh ta mong chờ từ lâu đã xuất hiện. Vì điều này, anh đã bị chế giễu, bị nguyên rủa và bị dày vò bởi những kẻ đạo đức giả. Về phần dân chúng, “họ như rắn trong cỏ,” trước đây đã tôn thờ anh, nay nổi lên để làm hại anh. Mỗi ngày đều mang một sự tàn ác mới, một sự dày vò mới từ những kẻ áp bức mình. Anh đã chịu đựng tất cả, và tiếp tục truyền giảng với tài hùng biện tuyệt vời. Anh vẫn kiên định, không dao động, khi cơn thịnh nộ của họ ngày càng tăng. Trong tay, anh chia ra chiếc cốc tràn đầy niềm vui của Thiên ân, dâng cho tất cả những ai say sưa với tri thức của Thượng Đế. Anh hoàn toàn không sợ hãi, không biết gì nguy hiểm, và nhanh chóng đi theo con đường thánh thiện của Chúa.

Tuy nhiên, sau vụ ám sát nhà vua Sháh, thì anh không còn nơi trú ẩn nào cả; không có buổi tối hay buổi sáng nào mà không có phiền não dữ dội. Và vì việc ở lại Najaf-Ábád vào thời điểm đó là một mối nguy hiểm lớn đối với các tín đồ, nên anh đã rời khỏi đó và đi đến Iraq. Đó là trong thời gian khi Đấng Phục Mỹ ở Kurdistan, khi Ngài sống ẩn dật và sống trong hang động trên Sar-Galú,

¹ Koran 3:190

Jináb-i-Zayn đã đến Baghdad. Nhưng hy vọng của anh đã bị tiêu tan, trái tim của anh đau buồn, vì tất cả chỉ là sự im lặng: không có lời nào về Chánh Đạo của Thượng Đế, không danh tính cũng như tiếng tăm về nó; không có họp mặt, không có lời kêu gọi nào được đưa ra. Yahyá, sợ hãi, đã biến mất vào một nơi ẩn nấp tăm tối nào đó. Mệt mỏi, mềm nhũn, hẳn đã tự biến thành người vô hình. Cố gắng hết sức, Jináb-i-Zayn không thể tìm thấy một linh hồn. Anh ấy đã gặp trong một dịp duy nhất với Kalím khả kính của mình. Nhưng đó là thời kỳ mà các tín đồ rất thận trọng, và anh ấy đã tiếp tục đến Karbilá. Anh đã dành một thời gian ở đó, và bận rộn với việc sao chép các Thánh thư, sau đó anh trở về nhà ở Najaf-Ábád. Ở đây khó có thể chịu đựng được những cuộc hành quyết và tấn công ác liệt của những kẻ thù tàn nhẫn.

Nhưng khi Tiếng kèn được gióng lên lần thứ hai,² anh đã được hồi sinh. Trước tin tức về sự giảng lâm của Đức Bahá'u'lláh, linh hồn của anh ấy đã đáp lại; theo nhịp trống, “Ta không phải là Chúa của bạn hay sao?” trái tim anh đập nhịp: “Quả thật, đúng là vậy!”³ Một cách hùng hồn, anh đã lại tiếp tục truyền giáo, sử dụng cả bằng chứng lý tính và lịch sử để xác lập rằng Ngài là Đấng mà Thượng Đế Biểu hiện – Đấng Hứa hẹn của Đức Bab — đã thực sự giảng lâm. Anh ấy giống như dòng nước tươi mát cho những người khát khao, và cho những người tìm kiếm, một câu trả lời rõ ràng từ Quần hội trên cao. Trong việc viết và nói, anh là người đầu tiên trong số những người công chính, trong những lời giải thích và bình luận của anh là một dấu hiệu uy quyền của Thượng Đế.

Ở Ba Tư, cuộc sống của anh đang gặp nguy hiểm sắp xảy ra; và vì việc ở lại Najaf-Ábád có thể sẽ khuấy động những kẻ kích động và gây ra bạo loạn, anh đã vội vã đi đến Adrianople, tìm kiếm nơi tôn nghiêm với Thượng Đế, và kêu lên khi anh ta đi, “Chúa ơi, Chúa ơi, con đây rồi!” Choàng chiếc áo hành hương của người yêu, anh đã đến được Thánh địa của niềm khao khát. Trong một thời gian, anh ta đã đến đó, trước sự chứng kiến của Đức Bahá'u'lláh, sau đó anh ta được lệnh rời đi, cùng với Jináb-i-Mírzá Ja'far-i-Yazdí, và quảng bá Chánh Đạo. Anh trở lại Ba Tư và bắt đầu truyền giảng một cách hùng hồn nhất, để những tin mừng về Sự Giảng lâm của Đấng Chúa vang vọng đến các tầng trời cao. Trong sự đồng hành của Mírzá Ja'far, anh đã đi khắp nơi, qua các thành phố phồn thịnh cũng như đổ nát, rao truyền tin mừng rằng Đấng Phúc Mỹ đã đang hiển hiện.

² Koran 39:68

³ Koran 7:171

Một lần nữa, anh quay trở lại Iraq, nơi anh là trung tâm của mọi cuộc gặp mặt, và khiến những người nghe của anh vui mừng. Trong mọi lúc, anh đều đưa ra những lời khuyên khôn ngoan; trong mọi lúc, anh ấy được thiêu đốt với tình yêu của Thượng Đế.

Khi các tín đồ bị bắt làm tù binh ở Iraq và bị đày đến Mosul, Jináb-i-Zayn trở thành thủ lĩnh của họ. Anh ấy ở lại Mosul một thời gian, anh là niềm an ủi cho những người còn lại, làm việc để giải quyết nhiều vấn đề của họ. Anh ấy sẽ thấp sáng trái tim yêu thương mọi người và khiến họ tử tế với nhau. Sau đó, anh xin phép diện kiến Đức Bahá'u'lláh; khi điều này được chấp thuận, anh ta đến Nhà tù và có vinh dự được bước vào sự hiện diện của Đấng Kính yêu. Sau đó, anh bận rộn với việc viết ra những câu thơ thiêng liêng, và động viên những bằng hữu. Chình anh trở thành tình yêu của những người di cư, và sưởi ấm trái tim của những người lữ hành. Anh ta không bao giờ nghỉ ngơi trong giây lát, và nhận được ơn phước và ân sủng mới mỗi ngày, đồng thời ghi chép Thánh kinh Bahá'í một cách tỉ mỉ không lỗi.

Từ những năm đầu đời cho đến khi trút hơi thở cuối cùng, người đàn ông lỗi lạc này chưa bao giờ thất bại trong việc phụng sự Đấng Biểu hiện. Sau khi Ngài thăng thiên, anh đã trải qua nhiều đau buồn, những giọt nước mắt triền miên và đau khổ, đến nỗi anh để lãng phí ngày tháng trôi qua. Anh vẫn trung thành với Giao ước, và là bạn đồng hành thân thiết với đầy tớ của Ánh sáng Thế giới này, nhưng anh khao khát được vươn lên khỏi cuộc sống này, và chờ đợi sự ra đi của mình từ ngày này qua ngày khác. Cuối cùng, thanh thản và hạnh phúc, vui mừng trong sự thịnh vượng của Vương quốc, anh ta bay nhanh đến vùng đất bí ẩn đó. Ở đó, anh thoát khỏi mọi phiền muộn, và ở nơi tụ họp của những huy hoàng, anh đắm mình trong ánh sáng.

Đối với anh ta là những lời chào mừng và ngợi khen từ Bản thể chói lòa, và vinh quang của Mọi Vinh quang từ Quân hội trên cao, và niềm vui to lớn trong Vương quốc vĩnh cửu. Cầu xin Thượng Đế ban cho anh ta cương vị cao cả trong thiên đàng Abha.

59 . ‘Azím-i-Tafríshí

Người con của Thượng Đế này đến từ quận Tafrísh. Anh ta tách biệt khỏi thế giới, không sợ hãi, không phụ thuộc vào đồng loại cũng như người lạ. Anh là một trong những tín đồ sớm nhất, và thuộc về đoàn thể của những người thành tín. Chính tại Ba Tư, anh đã giành được niềm tin danh dự, và bắt đầu giúp đỡ những người bạn hữu; anh là tô-tớ cho mọi tín đồ, một người trợ giúp đáng tin cậy cho mọi du khách. Với Músáy-i-Qumí, người là vinh quang của Thượng Đế, anh đã đến Iraq, nhận phần ân huệ của mình từ Ánh sáng Thế giới, và vinh dự được bước vào sự hiện diện của Đức Baha’u’llah, đến với Ngài và trở thành đối tượng của ban ân và sinh phúc.

Sau một thời gian, ‘Azím và Hájí Mírzá Músá quay trở lại Ba Tư, nơi anh tiếp tục phụng sự bạn hữu, hoàn toàn vì Thượng Đế. Không cần tiền lương hay tiền trợ cấp, anh ấy đã phục vụ Mírzá Nasru’lláh của Tafrísh trong nhiều năm, đức tin và lòng tin của anh ấy ngày càng mạnh mẽ hơn qua mỗi ngày. Sau đó Mírzá Nasru’lláh rời Ba Tư đến Adrianople, và đồng hành với anh ấy có Jináb-i-‘Azím, và có sự hiện diện của Đức Bahá’u’lláh. Anh tiếp tục phụng sự với tình yêu và lòng trung thành, hoàn toàn vì lợi ích của Thượng Đế; và khi đoàn xe khởi hành đến ‘Akká, ‘Azím nhận được đặc ân đồng hành cùng Đức Bahá’u’lláh, và anh ta đã đến Nhà tù Vĩ đại Nhất.

Trong tù anh được chọn để phục vụ việc nhà; anh ta trở thành người vận chuyển nước cả trong nhà và bên ngoài. Anh đã đảm nhận nhiều nhiệm vụ khó khăn trong doanh trại. Anh ấy không hề nghỉ ngơi dù ngày hay đêm. ‘Azím “vĩ đại, tráng lệ” và tráng lệ cả về tính cách. Anh kiên trì, nhẫn nại, chịu đựng, xa lánh vết nhơ của trần thế này. Và vì anh ấy là người vận chuyển nước của gia đình, anh ấy có vinh dự được gặp Đức Bahá’u’lláh hàng ngày.

Anh là một người bạn tốt với tất cả bạn hữu, là niềm an ủi cho trái tim họ; anh ấy đã mang lại hạnh phúc cho tất cả họ, người có mặt lẫn vắng mặt. Nhiều và rất nhiều lần, Đức Bahá’u’lláh nghe và bày tỏ sự chấp thuận của Ngài đối với người đàn ông này. Anh luôn duy trì tình trạng bên trong như cũ; anh ấy không đổi, không bao giờ chịu thay đổi. Anh ấy luôn trông hạnh phúc. Anh không biết đến sự mệt mỏi. Anh ấy không bao giờ chán nản. Khi bất cứ ai yêu cầu anh một việc gì, anh ấy thực hiện nó ngay lập tức. Anh kiên định và vững chắc trong đức

tin của mình, một cây mọc trong khu vườn thơm ngát về sự dịu dàng của Thượng Đế.

Sau khi đã phụng sự ở Ngưỡng cửa Thánh thiện trong nhiều năm dài, anh ấy vội vã rời đi, yên tĩnh, thanh thản, vui mừng trong cơn sóng của Vương quốc, thoát khỏi cuộc sống chóng vánh tàn lụi này để đến với thế giới không chết. Tất cả bạn bè đều thương tiếc sự ra đi của anh, nhưng Đấng Phúc Mỹ làm dịu lòng họ, vì Ngài đã ban ân điển và ngợi khen trên người đã ra đi.

Lòng thương xót dành cho ‘Azim từ Vương quốc của lòng từ bi Thiên liêng; Cầu xin Sự vinh quang của Thượng Đế đến với anh vào lúc đêm xuống và cũng như mặt trời mọc.

60 . Mírzá Ja‘far-i-Yazdí

Hiệp sĩ chiến trường này là một trong những người uyên bác nhất của những người tìm kiếm chân lý, thông thạo nhiều lĩnh vực kiến thức. Trong một thời gian dài, ông đã ở trong các trường học, chuyên về các nguyên tắc cơ bản của tôn giáo và luật học tôn giáo, và thực hiện các nghiên cứu về triết học và siêu hình học, logic và lịch sử, các khoa học chiêm nghiệm và ký sự.¹ Tuy nhiên, ông bắt đầu lưu ý rằng các nghiên cứu sinh của mình kiêu ngạo và tự mãn, và điều này làm ông khó chịu. Chính lúc đó, ông nghe thấy lời kêu gọi từ Quần hội Tối cao, và không chút do dự, ông cất giọng và hét lên, “Vâng, Quả thật là vậy!”; và ông lặp lại những lời, “Lạy Chúa chúng con! Chúng con đã nghe thấy giọng nói của Đấng kêu gọi.” Ngài kêu gọi chúng con đến với Chánh Đạo — ‘Hãy tin tưởng Đấng Chúa của mình’ — và chúng con đã tin.”²

Khi chứng kiến cảnh náo động lớn và bạo loạn ở Yazd, ông rời quê hương và đến Najaf, thành phố cao quý; ở đây vì lợi ích an toàn, ông ấy đã hòa nhập với các học giả tôn giáo, trở nên nổi tiếng trong số họ vì kiến thức rộng của riêng ông. Sau đó, nghe giọng nói từ Baghdad, ông vội vã đến đó và thay đổi cách ăn mặc của mình. Đó là, ông đội chiếc mũ của một giáo dân lên đầu và đi làm thợ mộc để kiếm sống. Ông đã đi du lịch một lần đến Tihrán, trở về và được che chở bởi ân điển của Đức Bahá‘u’lláh đã kiên nhẫn và bằng lòng, vui mừng trong trang phục nghèo khổ của mình. Mặc dù có học thức tuyệt vời, ông vẫn khiêm tốn, không gây hấn và khiêm cung. Ông ấy luôn giữ im lặng, và là một người bạn tốt với mọi hạng người.

Trên hành trình từ Iraq đến Constantinople, Mírzá Ja‘far là một trong những tùy tùng của Đức Bahá‘u’lláh, và để đáp ứng nhu cầu của những người bạn, ông ta là đồng đội của người hầu này. Khi chúng tôi đến một điểm dừng chân, các tín đồ đã kiệt sức vì di chuyển nhiều giờ, sẽ nghỉ ngơi hoặc ngủ. Mírzá Ja‘far và tôi sẽ đi đây đi đó đến những ngôi làng xung quanh để tìm yến mạch, rom rạ và những thứ khác cho đoàn lữ hành.³ Vì có nạn đói ở khu vực đó, đôi khi

¹ Manqul va maqul “chọn mượn” trái với “tự khám phá” kiến thức.

² Koran 3:190

³ Đức Baha‘u’llah được đồng hành bởi các thành viên của gia đình Ngài và 26 tín đồ. Đoàn xe gồm những người lính canh cưỡi ngựa khoảng 10 người lính, với nhân viên của họ, xe lừa với 50 con la và bảy cặp xe, mỗi cặp nổi lên trên bởi 4 cái dù che. Chuyến du hành đến Constantinople kéo dài từ 3 tháng 5 năm 1963 đến 16 tháng 8. Theo Thượng Đế đi qua trang 156.

chúng tôi phải đi lang thang từ làng này sang làng khác sau giờ trưa cho đến nửa đêm đã tan. Làm tốt nhất có thể, chúng tôi đã mua bất cứ thứ gì có sẵn, sau đó quay trở lại đoàn xe.

Mírzá Ja‘far kiên nhẫn và chịu đựng lâu dài, là một người thành tín ở Ngưỡng cửa Thánh thiện. Ông ta là người hầu cho tất cả bạn bè, làm việc cả ngày lẫn đêm. Một người trầm lặng, ít nói, trong mọi việc hoàn toàn dựa vào Thượng Đế. Ông tiếp tục phụng sự ở Adrianople cho đến khi việc trục xuất đến ‘Akká được thực hiện và ông cũng bị bắt làm tù nhân. Ông biết ơn về điều này, liên tục dâng lời cảm ơn và nói: “Hãy ngợi khen Thượng Đế! Tôi đang ở trong Con thuyền đây!”⁴

Nhà tù là một vườn hoa hồng đối với ông, và phòng giam hẹp của ông ta là một nơi rộng và thơm. Vào lúc chúng tôi ở trong doanh trại, ông ấy ốm nặng và bị giam trên giường. Ông ta phải chịu nhiều biến chứng, cho đến cuối cùng bác sĩ đã buồn ông và sẽ không đến thăm anh ta nữa. Rồi người bệnh trút hơi thở cuối cùng. Mírzá Áqá Ján chạy đến Đức Bahá’u’lláh, với lời nhắn về cái chết. Bệnh nhân không chỉ ngừng thở mà cơ thể còn mềm nhũn. Gia đình của ông ấy đã tập trung về, để chuẩn bị tang anh ấy, rơi những giọt nước mắt cay đắng. Đáng Phúc Mỹ nói, “Hãy đi; và hãy tụng lời cầu nguyện của Yá Sháfi — Lạy Ngài, là Đáng Chữa bệnh — và Mírzá Ja‘far sẽ trở nên sống động lại. Rất nhanh chóng, ông ấy sẽ khỏe như ngày nào.” Tôi đến bên giường ông ấy. Cơ thể ông lạnh ngắt và tất cả các dấu hiệu của cái chết hiện diện. Từ từ, anh ta bắt đầu cựa quậy; chẳng bao lâu nữa ông có thể cử động chân tay, và chưa tới một tiếng đồng hồ, ông đã ngẩng đầu lên, ngồi dậy và bắt đầu cười và kể chuyện cười.

Ông ta sống trong một thời gian dài sau đó, bận rộn với việc phụng sự bạn hữu. Sự phụng sự cho đi này là một điểm đáng tự hào với ông ta: đối với tất cả mọi người, ông ta là một người hầu. Ông luôn khiêm cung và khiêm tốn, tưởng nhớ Thượng Đế, và ở mức độ cao nhất của hy vọng và đức tin. Cuối cùng, khi ở trong Nhà tù Vĩ đại Nhất, ông đã từ bỏ cuộc sống trần thế này và chấp cánh cho con đường đến với cuộc sống bên kia.

Hãy chúc mừng và ngợi khen ông; trên ông là vinh quang của Đáng Toàn Năng, và những ánh nhìn ưu ái của Chúa. Ngôi mộ sáng của ông ấy ở ‘Akká.

⁴ Koran 26:119; 36:41

61 . Husayn-Áqáy-i-Tabrízí

Người đàn ông gần với Ngưỡng cửa Thiêng liêng này là con trai được kính trọng của ‘Alí-‘Askar-i-Tabrízí. Với tình yêu đầy khao khát, anh đã cùng cha mình từ Tabríz đến Adrianople, và theo mong muốn của riêng mình, anh đã vui vẻ và tràn đầy hy vọng đến Nhà tù Vĩ đại Nhất. Kể từ ngày đến pháo đài ‘Akká, anh ấy đã tiếp quản công việc phục vụ cả phê, và phục vụ những người bạn. Người đàn ông thành đạt này rất kiên nhẫn, ngoan đạo, đến nỗi trong suốt bốn mươi năm, bất chấp những khó khăn cùng cực (cả ngày lẫn đêm, bạn bè cũng như người xa lạ đều vây kín cửa), anh ấy luôn quan tâm đến từng người đến gặp, trung thành giúp đỡ tất cả mọi người. Trong suốt thời gian đó, Husayn-Áqá không bao giờ xúc phạm một linh hồn nào, cũng như không thốt ra một lời phàn nàn nào với một ai. Đây thực sự là một điều kỳ diệu, và không ai khác có thể lập được kỷ lục về sự tận tụy như vậy. Anh luôn tươi cười, chăm chú làm những nhiệm vụ mình cam kết, được biết đến như một người đàn ông đáng tin cậy. Trong Chánh Đạo của Thượng Đế, anh ta kiên định, tự hào và trung chính; trong thời kỳ thiên tai, anh đã kiên nhẫn và chịu đựng lâu dài.

Sau khi Đức Bahá’u’lláh thăng thiên, ngọn lửa của các cuộc thử thách bùng lên và một cơn lốc vi phạm đánh sập tòa dinh thự. Người tín đồ này, bất chấp mối quan hệ họ hàng gần gũi, vẫn trung thành, thể hiện sức mạnh và sự kiên định đến nỗi anh ta đã tuyên bố những lời: “Trong Chánh Đạo của Thượng Đế, anh ta sẽ không sợ sự trách cứ của kẻ đồ lỗi.”¹ Không một lúc nào anh ta do dự, cũng không dao động trong đức tin của mình, anh ta đứng vững như núi, tự hào như một tòa thành bất khả xâm phạm, và cắm rễ sâu.

Những người Phản ước đã đưa mẹ anh đến nơi ở riêng của họ, nơi con gái bà đang sống. Họ đã làm tất cả những gì họ có thể nghĩ ra để làm lung lay đức tin của cô. Ở một mức độ tỏ ra tin tưởng thái hóa, họ ủng hộ cô, và chăm sóc cô bằng lòng tốt, che giấu sự thật rằng họ đã phá vỡ Giao ước. Tuy nhiên, cuối cùng, người hầu gái đáng kính của Đức Bahá’u’lláh đã phát hiện ra mùi vi phạm, do đó cô ấy ngay lập tức rời khỏi Dinh thự Bahjí và nhanh chóng quay trở lại ‘Akká. “Tôi là người hầu gái của Đấng Phúc Mỹ,” cô nói, “và trung thành với Giao ước và Di chúc của Ngài. Mặc dù con rể của tôi là một hoàng tử của vương quốc, điều đó

¹ Koran 5:59

có lợi gì cho tôi? Tôi không bị chiến thắng bởi quan hệ họ hàng và những màn thể hiện tình cảm. Tôi không quan tâm đến sự thân thiện bên ngoài từ những người là hiện thân của ham muốn ích kỷ. Tôi đứng về phía Giao ước, và tôi tuân theo Chúc thư.” Cô ấy không đồng ý gặp lại những người Phản ước; cô tự giải thoát mình hoàn toàn khỏi họ, và quay mặt về phía Thượng Đế.

Về phần Husayn-Áqá, chưa bao giờ anh ta tách mình ra khỏi ‘Abdu’l Bahá này. Anh ấy dành sự quan tâm tối đa cho tôi và là người bạn đồng hành thường xuyên của tôi, và theo đó, việc anh ấy qua đời là một đòn nặng nề. Ngay cả bây giờ, bất cứ khi nào nghĩ đến anh ấy tôi đều đau buồn, và thương tiếc cho sự mất mát của anh ấy. Nhưng xin Thượng Đế ca ngợi rằng con người của Thượng Đế này, trong những ngày của Đấng Phúc Mỹ, luôn ở gần Nhà Ngài, và là đối tượng của sự vui thích tốt lành của Ngài. Hết lần này đến lần khác, người ta đã nghe Đức Bahá’u’lláh nhận xét rằng Husayn-Áqá đã được tạo ra để thực hiện việc phụng sự này.

Sau bốn mươi năm phụng sự, anh ta từ bỏ thế giới đang trôi qua nhanh chóng này và bay lên các cõi của Thượng Đế. Xin chúc mừng và ngợi khen và lòng từ bi của Chúa ân phúc đến với anh. Cầu mong ngôi mộ của anh ấy được bao bọc bởi ánh sáng chiếu từ Người bạn đồng hành cao cả. Nơi an nghỉ của anh ấy ở Haifa.

62 . Hájí ‘Alí-‘Askar-i-Tabrízí

‘Alí-‘Askar nổi tiếng là một thương gia đến từ Tabríz. Ở Ádhirbáyján, tất cả những ai biết anh đều rất kính trọng và anh được công nhận về sự sùng tín và đáng tin cậy, về lòng mộ đạo và đức tin mạnh mẽ. Người dân Tabríz, một và tất cả, đều thừa nhận sự xuất sắc của anh và ca ngợi tính cách và cách sống của anh, phẩm chất và tài năng của anh. Anh là một trong những tín đồ sớm nhất, và là một trong những người nổi bật nhất.

Khi tiếng kèn đầu tiên gióng lên, anh ta ngất đi, và đến tiếng gióng thứ hai, anh ta được đánh thức với cuộc sống mới.¹ Anh ta trở thành ngọn nến cháy sáng với tình yêu của Thượng Đế, một cây tốt trong vườn Abhá. Anh ấy đã dẫn dắt tất cả gia đình mình, bà con và bằng hữu đến với Đức tin, và đã thực hiện thành công nhiều việc phụng sự; nhưng sự hành ác của những kẻ xấu đã đưa anh ta đến một cơn đau khổ, và anh ta bị bao vây bởi những phiền não mới mỗi ngày. Tuy nhiên, anh ta không chệnh mảng và không chán nản; trái lại, đức tin, lòng thành kính và sự hy sinh của anh càng tăng lên. Cuối cùng anh không thể chịu đựng ở quê hương được nữa. Cùng với gia đình, anh đến Adrianople, và tại đây, trong tình trạng eo hẹp tài chính, nhưng hài lòng, anh đã trải qua những ngày của mình, với phẩm giá, kiên nhẫn, từ tốn và biết ơn.

Sau đó, anh ta mang theo một ít hàng hóa từ Adrianople, và rời đến thành phố Jum‘ih-Bázár, để kiếm kế sinh nhai. Những gì anh có với mình thật lặt vặt, nhưng vẫn bị bọn trộm mang đi. Khi Lãnh sự Ba Tư biết được điều này, ông đã xuất trình một đơn kiện cho Chính phủ, ghi giá trị của hàng hóa bị đánh cắp là một khoản tiền khổng lồ. Tình cờ bọn trộm đã bị tóm gọn và được chứng minh là chúng sở hữu một số tiền đáng kể. Họ quyết định điều tra vụ việc. Lãnh sự gọi Hájí ‘Alí-‘Askar và nói với anh ta:” Những tên trộm này rất giàu có. Trong báo cáo của tôi với Chính phủ, tôi đã viết rằng số tiền trộm cắp là rất lớn. Vì vậy, bạn phải tham dự phiên tòa và làm chứng sao cho phù hợp với những gì tôi đã viết. “

Hájí trả lời: “Thưa ngài Khán, số hàng ăn cắp được là rất ít. Làm thế nào tôi có thể báo cáo điều gì đó không đúng sự thật? Khi họ chất vấn tôi, tôi sẽ đưa

¹ Koran 39:68-69: “Và sẽ có tiếng gióng to của kèn trumpet, và tất cả cư dân ở trên trời cũng như dưới đất sẽ ngất lịm, trừ những người mà Thượng Đế chiếu cố đến. Sau đó sẽ có một tiếng gióng nữa, lay Chúa, hãy đứng lên nhìn xem xung quanh mình: trái đất sẽ tỏa chiếu với ánh sáng của Đấng Chúa...”

ra sự thật chính xác như họ đang có. Tôi coi đây là nghĩa vụ của mình, và chỉ điều này”.

“Hájí,” Lãnh sự nói, “Chúng ta có một cơ hội vàng ở đây; anh và tôi đều có thể thu được lợi nhuận từ nó. Đừng để cơ hội ngàn năm có một như vậy lọt qua tay”.

Hájí trả lời: “ông Khán, làm sao tôi trả lời được với Thượng Đế? Hãy thông cảm cho tôi. Tôi sẽ nói sự thật và không gì khác ngoài sự thật. “

Lãnh sự không kiềm chế nổi bản thân. Ông ta bắt đầu đe dọa và coi thường ‘Alí-‘Askar. “Ông có muốn biến tôi thành kẻ nói dối không?” anh ấy đã khóc. “Ông muốn biến tôi thành trò cười sao? Tôi sẽ bỏ tù ông; Tôi sẽ trục xuất ông; không có day dứt gì hết, tôi sẽ đành phụ bạc ông. Ngay lập tức, tôi sẽ giao ông cho cảnh sát, và tôi sẽ nói với họ rằng ông là kẻ thù của nhà nước, và ông sẽ bị quản thúc và đưa đến biên giới Ba Tư. “

Hájí chỉ cười. “Jináb-i-Khán,” anh nói. “Tôi đã từ bỏ cuộc sống của mình vì chân lý. Tôi không có gì khác. Ông đang bảo tôi nói dối và làm chứng dối. Hãy làm những gì ông muốn; Tôi sẽ không quay lưng lại với những gì là đúng đắn”.

Khi Lãnh sự thấy rằng không có cách nào để bắt ‘Alí-‘Askar làm chứng gian dối, ông ta nói: “Vậy thì tốt hơn hết, ông nên rời khỏi nơi này, để tôi có thể thông báo cho Chính phủ rằng chủ sở hữu của hàng hóa không còn nữa và đã biến mất. Nếu không tôi sẽ bị thất sủng.”

Hájí quay trở lại Adrianople, và không nói một lời nào về hàng hóa bị đánh cắp của mình, nhưng vấn đề này đã được công chúng biết đến và gây ra sự ngạc nhiên đáng kể.

Người đàn ông cao tuổi và hiếm có đó đã bị bắt giam ở Adrianople cùng với những người còn lại, và anh đã cùng Đấng Phúc Mỹ đến pháo đài ‘Akká, nhà tù của những nỗi buồn này. Với tất cả gia đình của mình, anh đã bị bỏ tù trên đường của Thượng Đế trong một khoảng thời gian nhiều năm; và anh luôn luôn tạ ơn, vì nhà tù là cung điện cho anh, và việc bị giam cầm là một lý do để vui mừng. Trong tất cả những năm đó, anh không bao giờ nghĩ đến bản thân ngoại trừ sự tạ ơn và ca ngợi Thượng Đế. Những kẻ áp bức càng bạo ngược thì anh càng

tỏ rõ niềm vui. Nhiều lần người ta nghe thấy Đức Bahá'u'lláh nói về anh ấy với lòng nhân ái, và Ngài nói: “Tôi hài lòng về anh ấy”. Người đàn ông này, là hiện thân của tinh thần, vẫn bền lòng, chân thật và vui vẻ cho đến cuối đời. Khi một số năm trôi qua, anh ta đã đánh đổi thế giới cát bụi này để lấy Vương quốc không bị ô uế, và anh ta để lại những ảnh hưởng mạnh mẽ.

Theo quy định, anh là bạn đồng hành thân thiết của ‘Abdu’l Bahá. Một ngày nọ, khi bắt đầu thời gian chúng tôi ở trong Nhà tù, tôi vội vã đến góc doanh trại nơi anh ta sống - phòng giam là tổ ấm tồi tàn của anh ấy. Anh ấy nằm đó, sốt cao, ngất đi. Nằm bên phải vợ mình, anh run rẩy vì ớn lạnh. Bên trái ông là con gái ông, Fátimih, đang bị sốt phát ban. Ngoài ra còn con trai ông, Husayn-Áqá, bị bệnh ban đỏ; anh ta đã quên cách nói tiếng Ba Tư, và anh ta tiếp tục kêu lên bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, “Bên trong tôi đang bốc cháy!” Dưới chân người cha là người con gái còn lại, đang chìm trong bệnh tật, và dọc theo bên bức tường là anh trai anh, Mashhadí Fattáh, đang say sưa và mê sảng. Trong tình trạng này, môi của ‘Alí-‘Askar đang mấp máy: anh ấy đang quay lại cảm tạ Thượng Đế và bày tỏ niềm vui.

Hãy ngợi khen Thượng Đế! Anh đã qua đời trong Nhà tù Vĩ đại Nhất, vẫn kiên nhẫn và biết ơn, vẫn với phẩm giá và đức tin vững chắc của mình. Anh đã sống lại và lui về với Thượng Đế từ bi. Anh là vinh quang của Mọi Vinh quang; gởi anh những lời chào và sự ngợi khen: trên anh ta là lòng từ bi và sự tha thứ mãi mãi.

63 . Áqá ‘Alíy-i-Qazvíní

Người đàn ông lỗi lạc này có tham vọng và mục tiêu cao. Anh luôn ở mức độ cao nhất, trung thành và bắt nguồn từ đức tin của mình, và anh là một trong những người tín đồ đầu tiên nhất và vĩ đại nhất trong số các tín đồ. Vào bình minh của Ngày Hường dẫn mới, anh đã say mê Đức Bab và bắt đầu truyền giáo. Từ sáng đến tối, anh ấy làm việc với công việc thủ công của mình, và hầu như mỗi tối anh ấy đều chiêu đãi bạn bè vào bữa tối. Bằng cách này, anh đã hướng dẫn nhiều người tìm đến với Đức Tin, thu hút họ bằng giai điệu của tình yêu của Thượng Đế. Anh ấy luôn kiên định, năng động và kiên trì một cách đáng kinh ngạc.

Sau đó, bầu không khí đầy hương thơm bắt đầu khuấy động từ khắp các khu vườn của Đấng Toàn vinh, và anh ta bốc cháy từ ngọn lửa mới nhen nhóm. Những ảo tưởng và tham vọng hảo huyền của anh ta đã bị thiêu rụi và anh ta đứng lên để công bố Chánh Đạo của Đức Bahá'u'lláh. Mỗi đêm đều có một cuộc gặp gỡ, một cuộc hội tụ kết lên nên những bông hoa lên giắc chiêm bao của họ. Những câu thơ đã được đọc, những lời cầu nguyện được tụng niệm, những tin tức tốt lành về những người vĩ đại nhất đã được chia sẻ. Anh ấy đã dành phần lớn thời gian của mình để thể hiện lòng tốt với bạn bè cũng như người lạ; anh ấy là một người vĩ đại, với bàn tay và trái tim rộng mở.

Ngày anh lên đường đến Nhà tù Vĩ đại Nhất và cùng gia đình đến pháo đài ‘Akká. Anh ta đã phải trải qua nhiều khó khăn trong cuộc hành trình của mình, nhưng niềm khao khát được gặp Đức Bahá'u'lláh của anh lớn đến nỗi anh ta thấy việc chịu đựng những tai họa là điều dễ dàng; và anh băng qua nhiều dặm đường, tìm thấy tổ ấm nơi trú ngụ của hồng ân Thượng Đế.

Lúc đầu anh ta có phương tiện; cuộc sống thoải mái và dễ chịu. Tuy nhiên, sau đó, anh ta đã trở nên thiếu thốn và phải chịu đựng những thử thách khủng khiếp. Hầu hết thời gian thức ăn của anh ta là bánh mì, không có gì khác; thay vì trà, nay anh uống từ một con suối đang chảy. Dù vậy, anh vẫn vui vẻ và mãn nguyện. Niềm vui lớn của anh là được vào sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh; cuộc hội ngộ với Đấng Kính yêu, đủ là phần thưởng với anh; thức ăn của anh ta là để nhìn vào vẻ đẹp của Đấng Biểu hiện; rượu của anh là ở cùng với Đức

Bahá'u'lláh. Anh luôn cười, luôn im lặng; nhưng cùng lúc đó, trái tim anh hét lên và nhảy múa.

Thường thì anh ấy đồng hành cùng Đức 'Abdu'l Bahá. Anh ấy là một người bạn và một người đồng chí tuyệt vời, vui vẻ, thú vị; được Đức Bahá'u'lláh sủng ái, được bạn bè kính trọng, xa lánh thế gian, trông cậy vào Thượng Đế. Ở anh không có tính hay thay đổi, tình trạng bên trong của anh luôn như vậy: ổn định, không đổi, bám chắc như những ngọn đồi.

Bất cứ khi nào tôi tưởng nhớ về anh ấy, và nhớ về sự kiên nhẫn và thanh thản, lòng trung thành đó, sự hài lòng đó, bất giác tôi tự thấy mình muốn cầu xin Thượng Đế ban ân huệ của Ngài cho Áqá 'Alí. Bất hạnh và tai họa đã mãi mãi giáng xuống người đàn ông đáng kính đó. Anh luôn đau ốm, liên tục phải chịu đựng những đau đớn về thể xác không thể đếm xuể. Lý do là khi ở nhà và phụng sự Chánh Đạo ở Qazvín, anh ta bị kẻ ác bắt gặp và họ đánh anh ta rất dã man trên đầu đến nỗi những ảnh hưởng còn lưu lại nơi anh cho đến cuối đời. Họ lăng mạ và hành hạ anh ta bằng nhiều cách và cho rằng, họ được phép gây ra mọi sự tàn ác cho anh ta; nhưng tội duy nhất của anh ta là đã trở thành một người tín đồ, và lỗi duy nhất của anh là đã mến yêu Thượng Đế. Như nhà thơ đã viết, trong những dòng minh họa hoàn cảnh của Áqá 'Alí:

*Con chim ung hoàng gia bị bủa vây bởi bầy cú.
Chúng xé nát đôi cánh, dù chẳng lỗi tội gì
“Tại sao” – bị chế nhạo - “bạn còn nhớ
Vòng cổ tay vương giả, ngụ ở cung đình?”
Anh là loài chim vua: anh đã phạm tội này.
Vì vẻ đẹp của Chúa, tội của Giô-sép?*

Hầu như người đàn ông vĩ đại đó đã dành thời gian của mình trong nhà tù 'Akká, cầu nguyện, khẩn nài, hướng mặt về Thượng Đế. Ân huệ vô hạn đã bao phủ anh; anh được Đức Bahá'u'lláh ưu ái, phần lớn thời gian được chấp nhận trước sự hiện diện của Ngài và được ban xuống với ân sủng vô tận. Đây là niềm vui và niềm hứng khởi của anh, may mắn lớn lao, ước nguyện thân yêu nhất của anh.

Sau đó, giờ tiên định đã đến với anh ta, bình minh hy vọng của anh, và đến lượt anh ta bay lên bay xa, vào cõi vô hình. Được che chở dưới sự bảo vệ của Đức

Bahá'u'lláh, anh nhanh chóng đi đến vùng đất bí ẩn đó. Đối với anh là những lời chào, lời ngợi khen và lòng thương xót từ Đấng Chúa của thế giới này và thế giới sẽ đến. Xin Thượng Đế thấp sáng nơi an nghỉ của anh ấy bằng những tia sáng từ Quần hội trên cao.

64 . Áqá Muhammad-Báqir và Áqá Muhammad-Ismá‘il, Thợ may

Đây là hai anh em, theo con đường của Thượng Đế, những người bị bắt cùng với những người còn lại, đã bị nhốt trong pháo đài ‘Akká. Họ là anh em của Pahlaván Ridá quá cố. Họ rời Ba Tư và di cư đến Adrianople, vội vàng trước lòng nhân ái của Đức Bahá’u’lláh; và dưới sự bảo vệ của Ngài, họ đã đến ‘Akká.

Nơi Pahlaván Ridá — lòng từ bi và phước lành và sự huy hoàng của Thượng Đế được ban cho anh; những lời khen ngợi và chào mừng dành cho anh ta — là một người đàn ông bề ngoài có vẻ như không được dạy dỗ, không có học hỏi. Anh ấy là một người buôn bán, và giống như những người khác lúc mới vào, anh ấy gạt bỏ mọi thứ vì tình yêu dành cho Thượng Đế, anh nhanh chóng đạt được mức cao nhất của tri thức. Anh ấy là người của thời đại cũ. Nay, anh ta đột nhiên trở nên hùng hồn đến mức khiến người dân Káshán phải kinh ngạc. Cụ thể là, người đàn ông này, dù chưa học qua nhưng trong các lần xuất hiện của mình, tự dẫn thân tiếp kiến Hájí Muhammad-Karím Khán ở Káshán và đưa ra câu hỏi này:

“Thưa ngài, ngài có phải là Trụ cột Thứ tư không? Tôi là một người khao khát sự thật thuộc linh và tôi khao khát được biết về Trụ cột Thứ tư.”¹

Vì một số nhà lãnh đạo chính trị và quân sự có mặt ở đó, Hájí trả lời: “Tu tưởng báng bỏ! Tôi tránh xa tất cả những ai coi tôi là Trụ cột thứ tư. Chưa bao giờ tôi tuyên bố như vậy. Ai nói tôi có nói vậy kẻ đó là nói dối; cầu xin Thượng Đế nguyên rủa người đó!”

Vài ngày sau, Pahlaván Ridá lại tìm đến Hájí và nói với ông ta: “Thưa ngài, tôi vừa hoàn thành cuốn sách của ngài, Irshádu’l-‘Avám (Hướng dẫn cho người ngu dốt); Tôi đã đọc nó từ đầu đến cuối; trong đó ông nói rằng một người có nghĩa vụ phải biết Trụ cột Thứ tư hoặc Bệ đỡ Thứ tư; Thật vậy, ông đã cho rằng người đó là một hiệp sĩ đồng nghiệp của Đấng Chúa của Thời đại.² Vì vậy, tôi

¹ Theo thuật ngữ trường phái Shaykhi, Trụ cột Thứ tư hay Bệ đỡ Thứ tư là một người đàn ông hoàn hảo hay kênh hồng ân, luôn được tìm kiếm. Hájí Muhammad Karím Khan xem mình là người đó. Xem sách Đức Baha’u’llah trong Kinh xác tín trang 184 và Đức Abdul Baha, Trường thuật của Người du hành trang 4

² Vị Imam thứ 12 hứa hẹn

khao khát được nhận ra và biết người đó. Tôi chắc chắn rằng ông đã được thông báo về người đó. Tôi cầu xin ông hãy đưa tôi đến với người đó.”

Hájí đã rất phấn nộ. Ông nói: “Trụ cột thứ tư không phải là tượng tượng. Ông ấy là một người có thể nhìn thấy một cách rõ ràng cho tất cả mọi người. Như tôi, ông ấy đội khăn xếp trên đầu, đội ‘abá, tay cầm gậy”. Pahlaván Ridá mỉm cười với ông. “Có nghĩa là không thô thiển” anh nói, “vậy, có một sự mâu thuẫn trong lời dạy của Đức Ngài. Đầu tiên ông nói một điều, sau đó ông nói điều khác.”

Tức giận, Hájí trả lời: “Bây giờ tôi đang bận. Hãy để chúng tôi thảo luận vấn đề này vào lúc khác. Hôm nay tôi xin phép được miễn tiếp”.

Vấn đề là Ridá, một người đàn ông được coi là không chữ nghĩa, trong một cuộc tranh luận tốt nhất về “Trụ cột thứ tư” uyên bác như vậy. Trong cụm từ của ‘Allámiy-i-Hillí, anh đã hạ gục ông ấy với Bệ đỡ Thứ tư.³

Bất cứ khi nào nhà vô địch về kiến thức với trái tim sư tử này bắt đầu nói, thánh giả đều kinh ngạc; và anh vẫn kiên trì như thế cho đến hơi thở cuối cùng, là người bảo vệ và giúp đỡ tất cả những người tìm kiếm chân lý. Cuối cùng, anh được biết đến rộng rãi là một người Bahá’í, hướng về cõi vô định, và đạt đến Vương quốc Abhá.

Về phần hai người anh em của mình: nhờ sự ban ơn của Đấng Phúc Mỹ, sau khi bị bạo chúa bắt giam, họ bị nhốt trong Nhà tù Vĩ đại Nhất, nơi họ chia sẻ rất nhiều với những kẻ lang thang cơ nhỡ. Tại đây, trong những ngày đầu ở ‘Akká, với sự dứt bỏ hoàn toàn, với tình yêu nồng cháy, họ đã nhanh chóng đi đến Vương quốc vinh quang. Đối với những kẻ áp bức tàn nhẫn của chúng tôi, ngay khi chúng tôi đến, đã giam giữ tất cả chúng tôi bên trong pháo đài trong doanh trại của binh lính, và chúng đóng cửa mọi vấn đề, để không ai có thể đến và đi. Vào thời điểm đó, không khí của ‘Akká rất độc, và mọi người lạ, ngay lập tức sau khi anh ta đến, đây sẽ bị ốm. Muhammad-Báqir và Muhammad-Ismá‘íl bị ốm nặng và không có bác sĩ cũng như thuốc men; và hai hiện thân ánh sáng đó đã chết trong cùng một đêm, được bao bọc trong vòng tay của nhau. Họ đã vươn lên đến Vương quốc bất diệt, để lại những người bạn thương tiếc họ mãi mãi. Không có gì ở đêm đó ngoài việc khóc lóc.

³ Allámiy-i-Hillí, “Một bác sĩ rất uyên bác” danh hiệu của một nhà thần học Shi'ih nổi tiếng, Jamalid-Din Hasan ibn-i-Yusurf ibn-i-Ali của Hilla (1250-1325 trước CN)

Khi trời sáng, chúng tôi muốn mang xác họ đi. Những kẻ đàn áp nói với chúng tôi: “Mấy anh bị cấm đi ra khỏi pháo đài. Mấy anh phải giao hai xác chết này cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ rửa sạch, khâu liệm và chôn cất. Nhưng trước hết mấy anh phải trả tiền cho việc này.” Việc xảy ra là, chúng tôi không có tiền. Có một tấm thảm cầu nguyện đã được đặt dưới chân của Đức Bahá’u’lláh. Ngài cầm tấm thảm này lên và nói, “Hãy bán nó đi. Đưa tiền cho lính canh. “ Tấm thảm cầu nguyện đã được bán với giá 170 piasters⁴ và số tiền đó đã được trao tay. Nhưng cả hai chưa bao giờ được rửa sạch để chôn cất cũng như không được quần trong những tấm khăn gió; các lính canh chỉ đào một cái lỗ duy nhất trên mặt đất và nhét cả hai vào chung, quần áo họ mặc vẫn để như cũ; để đến bây giờ, hai ngôi mộ của họ là một, cũng như linh hồn của họ được nhập vào Cõi Abhá, cơ thể của họ ở cùng nhau ở đây, dưới đất, ôm trọn nhau trong vòng tay thân thiết.

Đấng Phúc Mỹ đã ban phước lành của Ngài trên hai anh em này. Trong cuộc sống, họ được bao bọc bởi ân điển và sự ưu ái của Ngài; khi chết, họ được tưởng niệm trong Kinh bản của Ngài. Mộ của họ ở ‘Akká. Hãy gửi lời chào và khen ngợi đến họ. Sự vinh hiển của Đấng Toàn Năng, và lòng thương xót của Thượng Đế, và sự ban phước của Ngài đến với họ.

⁴ Ghurush của Thổ Nhĩ Kỳ hay piaster vào lúc đó là 40 paras, một para là 1 phần 9 xu. Đây là ước tính thời

65 . Abu'l-Qásim của Sultán-Ábád

Một người khác trong số các tù nhân là Abu'l-Qásim của Sultán-Ábád, bạn đồng hành của Áqá Faraj. Hai người này khiêm tốn, trung thành và kiên định. Một khi linh hồn của họ đã trở nên sống động nhờ hơi thở của Đức tin, họ vội vã rời Ba Tư đến Adrianople, vì sự tàn ác không hề suy giảm của ác nhân khiến họ không thể ở lại nhà riêng của mình được nữa. Đi bộ, không vương bận mọi ràng buộc, họ đến những vùng đồng bằng và đồi núi, tìm đường băng qua những vùng nước và cát sa mạc vắng bóng người. Đã bao đêm họ không ngủ được, ở ngoài trời, không có chỗ để gối đầu; không có gì để ăn uống, không có giường mà là đất trống, không có thức ăn ngoài những đám cỏ sa mạc. Bằng cách nào đó, họ đã lách mình và đến được Adrianople. Chuyện xảy ra là họ đã đến trong những ngày cuối cùng ở thành phố đó, và bị bắt làm tù binh cùng những người còn lại, và cùng với Đức Bahá'u'lláh, họ đi đến Nhà tù Vĩ đại Nhất.

Abu'l-Qásim bị bệnh sốt phát ban dữ dội. Ông qua đời cùng thời gian với hai anh em đó, Muhammad-Báqir và Muhammad-Ismá'íl, và hài cốt tinh khiết của ông được chôn cất bên ngoài 'Akká. Đáng Phúc Mỹ bày tỏ sự hài lòng đối với ông và những người bạn hữu, tất cả họ, khóc trước những đau khổ của ông ta và thương tiếc anh ta. Xin ban vinh quang của Mọi Vinh quang đến ông.

66 . Áqá Faraj

Trong tất cả các hoạn nạn này, Áqá Faraj là bạn đồng hành của Abu'l-Qásim. Khi ở Ba Tư Iraq, lần đầu tiên anh nghe thấy sự náo động gây ra bởi Sự Giáng lâm của Ánh sáng Vĩ đại Nhất, anh giật mình và run rẩy, vỗ tay, hét lên trong vui mừng và nhanh chóng lên đường đến Iraq. Vui sướng tột độ, anh ta bước vào sự hiện diện của Đấng Chúa thiêng liêng của mình. Anh ấy hòa vào tình bằng hữu yêu thương, và hạnh phúc nhận được vinh dự diện kiến Đức Bahá'u'lláh. Sau đó, anh ta quay trở lại, mang theo tin vui đến Sultán-Ábád.

Tại đây, những kẻ ác độc đang nằm chờ, và sự xáo trộn nổ ra, kết quả là Mullá-Báshí thánh thiện và một số tín đồ khác không có gì để bảo vệ, đã bị đánh gục và bị xử tử. Áqá Faraj và Abu'l-Qásim, những người đã đi trốn, sau đó vội vã chạy đến Adrianople, cuối cùng, cùng với những người khác và với Đấng Kính yêu, đến nhà tù 'Akká.

Áqá Faraj sau đó đã giành được vinh dự được phục vụ Đấng Mỹ lệ Xưa. Ông phụng sự Ngưỡng của Thánh thiện mọi lúc và là niềm an ủi cho bạn hữu. Trong những ngày của Đức Baha'u'llah, anh ấy là người hầu trung thành của Ngài, và là người bạn đồng hành thân thiết với các tín đồ, và vì vậy sau khi Đức Baha'u'llah ra đi: anh ấy vẫn trung thành với Giao ước, và trong lãnh vực phụng sự, anh ấy đã đứng vững như một cây cọ cao chót vót; một người đàn ông cao thượng, siêu đẳng, kiên nhẫn trong nghịch cảnh khốc liệt, hài lòng trong mọi hoàn cảnh.

Mạnh mẽ trong đức tin, trong lòng sùng kính, anh rời bỏ cuộc sống này và hướng mặt về Vương quốc Thượng Đế, để trở thành đối tượng của ân sủng vô biên. Cầu cho anh được lòng từ bi và niềm vui tốt lành của Thượng Đế, trong Thiên Đàng của Ngài. Chúc mừng và ngợi khen anh, trong đồng cỏ của Thiên đàng.

67 . Người phối ngẫu (vợ, chồng) của các vị Vua Tử đạo

Trong số những người phụ nữ rời quê hương có bà Fátimih¹ Begum, góa phụ của Vua Các Vị Tử Đạo. Cô ấy là Lá thiên thượng của Cây của Thượng Đế. Từ thuở thiếu thời, cô đã phải trải qua những thử thách không thể đếm xuể. Đầu tiên là thảm họa ập đến với người cha cao quý của cô ở vùng ngoại ô Badasht, khi sau đau khổ khủng khiếp, ông chết trong một đoàn lữ hành trên sa mạc, chết một cách khó khăn - bơ vơ và xa nhà.

Một đứa trẻ bị bỏ lại thành mồ côi, và gặp nạn, cho đến khi, nhờ ân điển của Thượng Đế, cô trở thành vợ của Vua Các Vị Tử Đạo. Nhưng vì anh được biết đến ở khắp mọi nơi như một người Bahá'í, là một người yêu say đắm của Đức Baha'u'llah, một người đàn ông hứng khởi, quên cả bản thân, và kể từ khi Násiri'd-Dín Sháh khát máu - kẻ thù ẩn nấp trong cuộc phục kích của họ, và mỗi ngày họ đều thông báo chống lại anh ta và vu khống anh ta liên tục, bắt đầu một cuộc phản đối kịch liệt mới và bày ra những trò nghịch ngợm mới. Vì lý do này mà gia đình anh không bao giờ chắc chắn về sự an toàn của anh dù chỉ một ngày, mà sống từ giây phút này sang giây phút khác trong đau khổ, nhìn thấy trước và sợ hãi về giờ anh tử đạo. Đây là gia đình Baha'í mà khắp mọi nơi được biết đến; kẻ thù của họ, những bạo chúa có trái tim như đá; chính phủ của họ chống lại họ một cách cứng rắn, lâu dài; sự trị vì Thần thánh điên cuồng với máu.

Rõ ràng là cuộc sống sẽ như thế nào đối với một hộ gia đình như vậy. Mỗi ngày lại có thêm một sự việc mới, thêm nhiều xáo trộn, một cuộc náo động khác, và họ không thể nào thở yên được. Sau đó, anh đã tử vì đạo. Chính phủ tỏ ra tàn bạo và dã man đến mức loài người phải kêu trời và run rẩy. Tất cả tài sản của anh ta đều bị tước đoạt và cướp bóc, và gia đình anh ta thiếu ngay cả cơm ăn hàng ngày.

Fátimih đã dành nhiều đêm để khóc; cho đến khi bình minh ló dạng, những người bạn đồng hành duy nhất của cô là những giọt nước mắt. Bất cứ khi nào cô ấy nhìn vào các con của mình, cô ấy sẽ thở dài, tàn tạ như một ngọn nến trong sự đau buồn nuốt chửng. Nhưng sau đó cô ấy tạ ơn Thượng Đế, và cô ấy sẽ nói: “Hãy ca tụng Chúa, những nỗi đau đớn này, những số phận tan vỡ này là vì Đức

¹ Phát âm của từ đầu tiên Fa the Meh

Bahá'u'lláh, vì mục đích của Ngài”. Cô ấy nhớ đến gia đình không được bảo vệ của vị Husayn tử vì đạo, và những tai họa mà họ được đặc ân gánh chịu trên con đường của Thượng Đế. Và khi cô ấy nghĩ về những sự kiện đó, trái tim cô ấy sẽ nhảy lên, và cô ấy sẽ khóc, “Hãy ngợi khen Thượng Đế! Chúng tôi cũng đã trở thành bạn đồng hành của Gia đình Tiên tri.”²

Bởi vì gia đình đang gặp khó khăn như vậy, Đức Bahá'u'lláh đã hướng dẫn họ đến Nhà tù Vĩ đại Nhất để được che chở trong những khu vực đầy ân sủng này, họ có thể được bù đắp cho tất cả những gì đã qua. Ở đây một thời gian cô đã sống, vui vẻ, biết ơn và ngợi khen Chúa. Và mặc dù con trai của Vua các Vị Tử đạo, Mírzá 'Abdu'l-Husayn, đã qua đời trong nhà tù, mẹ của anh, Fátimih, vẫn chấp nhận điều này, cam chịu theo ý Chúa, không than thở hay khóc lóc, và không tang khóc. Không một lời nào cô ấy thốt ra để nói lên nỗi đau của mình.

Người hầu gái của Thượng Đế này vô cùng kiên nhẫn, đầy phẩm giá, mực thước, và luôn biết ơn. Nhưng sau đó Đức Bahá'u'lláh đã rời bỏ thế giới, và đây là nỗi đau đớn tột cùng, nỗi thống khổ vô tận, và cô ấy không thể chịu đựng thêm được nữa. Sự bàng hoàng và báo động đến mức giống như một con cá bị bắt khỏi mặt nước, cô ấy quằn quại trên mặt đất, run rẩy và lắc lư như thể cả người cô ấy bị chấn động, cho đến khi cuối cùng cô ấy rời bỏ những đứa con của mình và cô ấy chết. Cô sống lại trong bóng của lòng từ bi của Thượng Đế và chìm đắm trong đại dương ánh sáng. Đối với cô ấy là những lời chào và ca ngợi, lòng trắc ẩn và vinh quang. Cầu xin Thượng Đế làm cho nơi an nghỉ của cô ấy trở nên ngọt ngào với sự tuôn đổ của lòng từ bi thiêng đàng của Ngài; dưới bóng râm của Cây Liên hoa Thiêng thượng³ Ngài sẽ tôn vinh nơi ở của cô.

² Gibbon viết về Vị tử đạo Imam Husayn và số phận của Gia đình ông, rằng “theo mức độ nào đó thời đại và quang cảnh bi kịch ... sẽ thức tỉnh sự cảm thông của những độc giả lạnh lùng nhất”

³ Sadratul Muntaha, được dịch inter alia như là Sidrah. Cây đánh dấu đường biên, và cây Liên hoa tối cao. Xem Koran 53:14. Đó được xem như đứng ở điểm vinh quang ở thiêng đàng và được đánh dấu điểm mà không con người hay thiên thần nào vượt qua được. Theo thuật ngữ Baha'i của sách Đấng Biểu hiện của Thượng Đế.

68 . Shamsu'd-Duhá

Khurshíd Begum, người được ban tặng danh hiệu Shamsu'd-Duhá,¹ Mặt trời Ban mai, là mẹ vợ của Vua các vị Tử đạo. Người hầu gái nhiệt thành, hùng hồn của Thượng Đế, là em họ cùng phía với cha của Muhammad-Báqir nổi tiếng của Isfahán, được nhiều người tôn vinh là thủ lĩnh của các học giả Hồi giáo trong thành phố đó. Khi còn là một đứa trẻ, cô mồ côi cả cha lẫn mẹ, và được bà ngoại nuôi dưỡng trong ngôi nhà của vị tiến sĩ luật Hồi giáo nổi tiếng và uyên bác, đồng thời được đào tạo bài bản về các lĩnh vực kiến thức khác nhau, về thần học, khoa học và nghệ thuật.

Khi lớn lên, cô kết hôn với Mírzá Hádíy-i-Nahrí; và vì cả hai vợ chồng cô đều bị thu hút mạnh mẽ bởi những lời dạy thần bí của danh nhân vĩ đại, xuất sắc và nổi bật Siyyid Kázim-i-Rashtí², họ rời đi Karbilá, đồng hành cùng với anh trai của Mírzá Hádí, Mírzá Muhammad-'Alíy-i-Nahrí.³ Tại đây họ thường tham gia các lớp học của Siyyid, tiếp thu kiến thức của ông, hầu giúp người hầu gái này được dạy dỗ cặn kẽ về các chủ đề liên quan đến Thần tính, về Kinh thánh và ý nghĩa bên trong của chúng. Hai vợ chồng đã có với nhau hai người con, một gái một trai. Họ gọi con trai của họ là Siyyid 'Alí và con gái của họ là Fátimih Begum, cô ấy là người mà khi đến tuổi vị thành niên, đã kết hôn với Vua của các vị Tử đạo.

Shamsu'd-Duhá ở Karbilá khi lời kêu gọi của Đấng Chúa tối cao cất lên ở Shíráz, và cô ấy đáp lại, “Vâng, Quả thật như thế!” Về phần chồng cô và anh trai, họ lập tức lên đường đến Shíráz; đối với cả hai người, khi đến thăm Đền Imám Husayn, họ đã chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Đấng là Tâm Điểm, Đức Bab; cả hai đều đã rất ngạc nhiên về những gì họ nhìn thấy trong khuôn mặt xuyên suốt đó, trong những thuộc tính và phong thái trời ban, và đã đồng ý rằng một người như thế này thực sự phải là một sinh linh rất vĩ đại. Theo đó, vào thời điểm họ biết được sự hiệu triệu Thiêng liêng của Ngài, họ đã trả lời: “Đúng vậy, quả thật vậy!” và họ bùng cháy với tình yêu khao khát dành cho Thượng Đế. Bên cạnh đó, họ đã có mặt hàng ngày tại nơi linh thiêng mà vị Siyyid quá cố đã giảng dạy, và rõ

¹ Đọc là Shamsseh Zoha

² Người tiên báo về Đức Bab, đồng sáng lập trường Shaykhi xem phụ lục

³ Con gái ông, sau này trở thành phối ngẫu của Đức Abdul Baha. Xem Thượng Đế đi qua trang 130 và Những người Khai sáng trang 461

ràng đã nghe thấy ông ta nói: “Sự Giáng lâm đã gần kề, một sự việc tinh tế nhất, khó nắm bắt nhất. Mỗi người đều phải tìm kiếm, hỏi han, vì có thể Đấng Hứa hẹn hiện đang hiện diện giữa loài người, thậm chí thấy rõ được ngay bây giờ, trong khi tất cả những gì về Ngài có thể bị làm ngơ, vô tâm, với đôi mắt bị màng che đậy, ngay cả khi sấm truyền đã tiên báo trước.”

Khi hai anh em đến Ba Tư, họ nghe nói rằng Đức Bab đã đến Mecca để hành hương. Do đó, Siyyid Muhammad-‘Alí rời đến Isfahán và Mírzá Hádí trở về Karbilá. Trong khi đó Shamsu'd-Duhá đã trở thành bạn hữu của “Họa Mi của thiên đàng”, em gái của Mullá Husayn, Công của Công.⁴ Thông qua người phụ nữ đó, cô đã gặp Táhirih, Qurratu'l-'Ayn,⁵ và đã bắt đầu dành phần lớn thời gian của mình để đồng hành chặt chẽ với cả hai, bận rộn với việc truyền bá Đức tin. Vì đây là trong những ngày đầu của Chánh Đạo, nên người dân vẫn chưa sợ nó. Từ khi ở bên Táhirih, Shams đã hưởng lợi rất nhiều, và bùng cháy lửa Đức tin hơn bao giờ hết. Cô đã dành ba năm để kết hợp chặt chẽ với Táhirih ở Karbilá. Cả ngày lẫn đêm, cô ấy đã bị khuấy động như biển cả bởi làn gió của Đấng Từ bi, và cô ấy đã truyền giáo bằng một cái lưỡi hùng hồn.

Khi Táhirih trở nên nổi tiếng khắp Karbilá, và Chánh Đạo của Đấng Chí Tôn tối cao, Đức Bab, lan rộng khắp Ba Tư, thì các vị học giả Hồi giáo sau này đã nảy sinh ý định phủ nhận, khinh bỉ và tiêu diệt nó. Họ đã đưa ra một bản án hay phán quyết kêu gọi một cuộc thăm sát chung. Táhirih là một trong những người bị các tu sĩ xấu xa của thành phố chỉ định là kẻ vô tín, và họ nhằm tưởng cô ấy đang ở nhà của Shamsu'd-Duhá. Họ đã đột nhập vào nhà của Shams, nhốt cô vào trong, lỏng hành và phi báng cô, đồng thời gây ra những tổn thương nặng nề về thể xác. Họ lôi cô ấy ra khỏi nhà và đi khắp các con đường đến chợ ngoài trời; họ đánh cô ấy bằng gậy; họ ném đá cô ấy, họ tố cáo cô ấy bằng ngôn ngữ xấu xa, liên tục hành hung cô ấy. Trong khi sự việc đang diễn ra, Hájí Siyyid Mihdí, cha của người chồng ưu tú của cô, đã đến hiện trường. “Người phụ nữ này không phải là Táhirih!” anh ta hét vào mặt họ. Nhưng anh ta không có nhân chứng nào để chứng minh điều đó,⁶ và bộ binh, cảnh sát và đám đông sẽ không buông tha. Sau đó, qua sự náo động, một giọng nói hét lên: “Họ đã bắt giữ Qurratu'l-'Ayn rồi!” Đến thời điểm này, người dân mới rời bỏ Shamsu'd-Duhá.

⁴ “Công của Cái Công” là danh hiệu của Mulla Husayn, người đầu tiên tin nhận Đức Bab. Về người chị của ông, xem Những Người Khai sáng trang 383

⁵ Qurratu'l-'Ayn Slolace of Eye “Sự an ủi để chịu cho đôi mắt”

⁶ Họ không nhận ra không phải Táhirih do những người phụ nữ phải che mặt nơi công cộng vào thời đó, farash and police bộ binh và cảnh sát

Các lính canh được đặt trước cửa nhà Táhirih và không ai được phép ra vào, trong khi chính quyền chờ chỉ thị từ Baghdad và Constantinople. Khi khoảng thời gian chờ đợi kéo dài, Táhirih xin phép đi Baghdad. “Hãy để chúng tôi tự đến đó,” cô nói với họ. “Chúng tôi cam chịu mọi thứ. Bất cứ điều gì xảy ra với chúng tôi cũng là điều tốt nhất và hài lòng nhất với chúng tôi” Với sự cho phép của chính phủ, tất cả gồm Táhirih, Họa mi Thiên đàng, mẹ cô và Shamsu’ d-Duhá đều rời Karbilá và đến Baghdad, nhưng đám đông dân chúng cuồng nhiệt đã bám theo họ trong một khoảng cách, ném đá họ từ xa.

Khi đến Baghdad, họ đến sống tại nhà của Shaykh Muhammad-i-Shibl, cha của Muhammad-Mustafá; và vì nhiều người chen chúc trong các cửa ra vào nên đã náo động khu phố đó, đến nỗi Táhirih phải chuyển nơi ở của mình đến nơi ở riêng, nơi cô liên tục truyền bá Đức tin và công bố Lời của Thượng Đế. Tại đây các học giả, các vị lãnh tụ Hồi giáo và những người khác sẽ đến nghe cô, đặt câu hỏi và nhận được câu trả lời của cô, và cô ấy nhanh chóng nổi tiếng khắp Baghdad, họ kháo nhau rằng cô ấy là tinh tế nhất về các chủ đề thần học huyền ảo và khó hiểu nhất

Khi tin tức về điều này đến được với chính quyền, họ chuyển Táhirih, Shamsu’ d-Duhá và Họa mi đến nhà của Muftí, và ở đây họ đã ở lại ba tháng cho đến khi nhận được tin về trường hợp của họ từ Constantinople. Trong thời gian Táhirih ở nhà Muftí, phần lớn thời gian được dành cho các cuộc trò chuyện với ông, để đưa ra các bằng chứng thuyết phục về Giáo lý, phân tích và giải thích các câu hỏi liên quan đến Đấng Thượng Đế, thuyết trình về Ngày Phục sinh, về Sự thăng trầm số phận và Sự Phán xét⁷ làm sáng tỏ sự phức tạp của sự thật bên trong.

Một ngày nọ, cha của Muftí đến và bắt bẻ họ một cách dữ dội và kéo dài. Điều này phần nào khiến Muftí không hài lòng và anh bắt đầu xin lỗi cho cha mình. Sau đó, ông nói: “Phản hồi từ Constantinople đã đến. Đức ông đã trả tự do cho các bạn, nhưng với điều kiện các bạn phải rời bỏ vương quốc của ông” Sáng hôm sau, họ rời nhà của Muftí và đến nhà tắm công cộng. Trong khi đó Shaykh Muhammad-i-Shibl và Shaykh Sultán-i-‘Arab đã chuẩn bị đồ cần thiết cho cuộc hành trình của họ, và khi ba ngày trôi qua, họ rời Baghdad; họ gồm Táhirih, Shamsu’ d-Duhá, Họa mi Thiên đàng, mẹ của Mírzá Hádí, và một số người Siyyid

⁷ Koran 7:7; 14:42; 21:48; 57:25 ...

từ Yazd lên đường đến Ba Tư. Chi phí đi lại của họ đều do Shaykh Muhammad chu cấp.

Họ đến Kirmánsháh, nơi những người phụ nữ cư trú trong một ngôi nhà, những người đàn ông ở một ngôi nhà khác. Công việc truyền giáo vẫn tiếp tục diễn ra liên tục, và ngay sau khi các tu sĩ nhận thức được điều đó, họ đã ra lệnh khai trừ cả nhóm. Quận trưởng cùng một đám đông, đã xông vào nhà và mang đồ đạc của họ đi; sau đó, họ đặt các du khách trong những chiếc xe và đưa họ ra khỏi thành phố. Khi họ đến một cánh đồng, những người khai hoang đặt họ xuống nền đất trống và bỏ đi, họ lấy đi súc vật và xe, không để lại cho họ thức ăn hoặc hành lý, và đầu trần giữa trời.

Táhirih sau đó đã viết một lá thư cho Thống đốc Kirmánsháh. “Chúng tôi là những du khách,” cô ấy viết, “những vị khách trong thành phố của ngài. “Hãy tôn trọng khách của ngài,” Tiên tri dạy, ‘mặc dù người ấy không là tín đồ.’ Có phải vì thế mà một vị khách bị khinh miệt và bị khinh rẻ được không?”. Thống đốc ra lệnh khôi phục lại số hàng bị đánh cắp và trả lại tất cả cho chủ sở hữu. Theo đó, những người thợ săn quay trở lại, chuyển các du khách ngồi lại trong xe, và họ tiếp tục đi đến Hamadán. Các phụ nữ của Hamadán, thậm chí là các công chúa, hàng ngày đều đến gặp Táhirih, người đã ở lại thành phố đó hai tháng.⁸ Tại đó, cô gửi trả một số bạn đồng hành của mình để họ trở về Baghdad; Tuy nhiên, những người khác đi cùng cô đến Qazvín.

Khi họ du hành, một số kỵ sĩ, họ hàng của Táhirih, tức là anh em của cô, đã đến gần. “Chúng tôi đã đến,” họ nói, “theo lệnh của cha, chúng tôi sẽ dẫn cô đi riêng.” Nhưng Táhirih từ chối, và theo đó cả nhóm vẫn ở bên nhau cho đến khi họ đến Qazvín. Tại đây, Táhirih đến nhà của cha cô và những người bạn, những người đã cưỡi ngựa và những người đã đi bộ, đưa vào một chiếc lều. Mírzá Hádí, chồng của Shamsu’d-Duhá, đã đến Mách-Kú, tìm kiếm Đức Bab. Khi trở về, anh chờ đợi sự xuất hiện của Shams ở Qazvín, sau đó cặp đôi rời đi Isfahán, và khi họ đến đó, Mírzá Hádí lên đường đến Badasht. Tại ngôi làng đó và vùng phụ cận, ông đã bị tấn công, bị dày vò, thậm chí bị ném đá, và phải chịu những thử thách khốn cùng, trong một đoàn lữ hành đổ nát, ông đã qua đời. Anh trai của ông, Mírzá Muhammad-‘Alí, đã chôn cất ông ở đó, dọc theo bên đường.

⁸ Xem Nabil, Những người Khai sáng chương XV

Shamsu'd-Duhá vẫn ở Isfahán. Cô đã dành những ngày và đêm của mình để tưởng nhớ Thượng Đế và truyền bá Chánh Đạo của Ngài cho những người phụ nữ của thành phố. Cô có tài hùng biện; lời nói của cô ấy thật tuyệt vời. Cô rất được tôn vinh bởi những người phụ nữ hàng đầu của Isfahán, được ca tụng vì lòng mộ đạo, sùng tín và sự trong sạch của cuộc đời cô. Cô ấy là hiện thân của sự tinh khiết; tất cả thời gian của cô ấy được dành để đọc lại Thánh Thư, hoặc giải thích các Bản văn, hoặc làm sáng tỏ những chủ đề tâm linh phức tạp nhất, hoặc truyền bá rộng khắp hương thơm ngọt ngào của Thượng Đế.

Chính vì những lý do đó mà Vua các Vị Tử đạo đã cưới người con gái đáng kính của bà và trở thành con rể của bà. Và khi Shams đến sống trong ngôi nhà riêng của anh ta, người dân ngày đêm vây kín cửa, vì những người phụ nữ hàng đầu của thành phố, dù là bạn bè hay người lạ, dù có thân thiết với cô ấy hay không, họ đến và đi. Vì bà là ngọn lửa được thắp sáng bởi tình yêu của Thượng Đế, và bà đã công bố Lời của Thượng Đế một cách hết sức nhiệt tình và thành kính, đến nỗi bà được những người ngoại đạo biết đến với cái tên Fátimih, Quý bà của Ánh sáng Baha'i.⁹

Và thời gian cứ thế trôi qua, cho đến ngày mà “Con rắn” và “Chó sói” cùng nhau âm mưu và ban hành một sắc lệnh, một sắc lệnh, kết án tử hình Vua Tử Đạo. Họ cũng âm mưu với Thống đốc thành phố để giữa họ có thể cưỡng đoạt, cướp bóc và mang đi tất cả kho báu khổng lồ mà anh sở hữu. Sau đó, Vua Sháh hợp sức với hai con vật hoang dã đó; và ông truyền lệnh làm đổ máu cả hai anh em, Vua Tử Đạo và Người Yêu Dấu của Các Tử Đạo. Không có cảnh báo trước, những người đàn ông tàn nhẫn đó — Rắn và Chó sói, và những kẻ giết người và cảnh sát tàn bạo của họ — đã tấn công; họ xích hai anh em lại và đưa họ vào tù, cướp phá những ngôi nhà đầy đủ tiện nghi của họ, cướp đi tất cả tài sản của họ, và không tha cho một ai, kể cả trẻ sơ sinh bú sữa mẹ. Họ tra tấn, chửi bới, lăng mạ, chế nhạo, đánh đập người thân và những người khác trong gia đình nạn nhân, và không chịu buông tay.

Tại Paris, Zillu's-Sultán¹⁰ kể lại những điều sau đây, anh thề nói sự thật khi kể: “Rất nhiều lần, tôi đã cảnh báo về sự việc của hai giòng dõi vĩ đại đó của Nhà tiên tri, nhưng tất cả đều vô ích. Cuối cùng, tôi đã triệu tập họ vào một đêm, và

⁹ Nó đến con gái của Muhammad, Fatimih “Khuôn mặt đẹp ngời sáng, Quý cô của Ánh sáng”

¹⁰ Con trai trưởng của Vua Shah và chính quyền chỉ vì hơn hai phần năm của vương quốc. Anh phê chuẩn án tử hình. Sau sự kiện này không lâu, anh bị ghét bỏ. Xem Thượng Đế đi qua trang 200; 232

với sự khẩn cấp tột độ, tôi đã nói với họ bằng rất nhiều từ: ‘Thưa quý ông, Vua Sháh đã ba lần kết án tử hình quý vị. Những kẻ xấu tiếp tục xuất hiện. Sắc lệnh là tuyệt đối và chỉ có một tòa án mở ra cho các ông bây giờ: trước sự chứng kiến của các tu sĩ, các ông phải tự thanh minh và nguyên rửa Đức tin của mình.’ Câu trả lời của họ là: ‘Yá Bahá’u’l-Abhá! Hỡi Đấng Vinh quang trên Mọi Sự Vinh quang! Cầu mong cuộc sống của chúng tôi được hiển dâng!’ Cuối cùng, tôi đồng ý để họ không nguyên rửa Đức tin của họ. Tôi nói với họ tất cả những gì họ phải nói là, ‘Chúng tôi không phải là người Bahá’í.’ Tôi nói ‘Chỉ vài từ đó thôi,’ ‘sẽ đủ; sau đó tôi có thể viết báo cáo cho Vua Sháh, và các ông sẽ được cứu.’ ‘Điều đó là không thể,’ họ trả lời, ‘bởi vì chúng tôi là người Bahá’í. Hỡi Đấng Vinh quang trên Mọi Sự Vinh quang, lòng chúng con khát khao sự tử đạo! Yá Bahá’u’l-Abhá!’ Sau đó, tôi rất tức giận và tôi đã cố gắng, bằng cách khắc nghiệt với họ, để buộc họ từ bỏ Đức tin của mình, nhưng vô vọng. Sắc lệnh của Con Rắn và Chó sói hung hãn, và các mệnh lệnh của Sháh, đã được thực hiện.

Sau khi hai người đó tử vì đạo, Shamsu’d-Duhá bị truy lùng và phải tìm nơi ẩn náu trong nhà của anh trai cô. Mặc dù ông không phải là một tín đồ, anh được biết đến ở Isfahán như một người ngay thẳng, ngoan đạo và sùng tín, một người ham học hỏi, một người khổ hạnh, giống như một ẩn sĩ, giữ cho riêng mình, và vì những lý do này, anh được mọi người đánh giá cao và tin cậy... Cô ở lại đó với anh ta, nhưng Chính phủ không bỏ cuộc tìm kiếm, cuối cùng đã phát hiện ra nơi ở của cô và triệu tập cô xuất hiện; các tu sĩ độc ác đã nhúng tay vào việc này, hợp lực với chính quyền dân sự. Do đó, anh trai cô có nghĩa vụ đi cùng Shamsu’d-Duhá đến nhà Thống đốc. Anh vẫn ở ngoài không ở đó, khi họ gửi em gái của anh vào chỗ ở của phụ nữ; Thống đốc đến đó, tới cửa, ông ta đá và chà đạp cô đã man đến nỗi cô ngất đi. Sau đó, Thống đốc hét lên với vợ mình: “Công chúa! Công chúa! Hãy đến đây và chiêm ngưỡng Quý cô Ánh sáng Bahá’í!”

Những người phụ nữ nâng cô ấy lên và đưa cô ấy vào một trong những căn phòng. Trong khi đó anh trai cô, chết lặng, đang đợi bên ngoài biệt thự. Cuối cùng, cố gắng cầu xin, anh ta nói với Thống đốc: “Em gái này của tôi đã bị đánh đập rất nặng nề đến mức chết. Giữ cô ấy ở đây có ích gì? Không có hy vọng cho cô ấy bây giờ. Với sự cho phép của ông, tôi có thể đưa cô ấy trở lại nhà của tôi. Thà để cô ấy chết ở đó, còn hơn là ở đây, vì xét cho cùng, cô ấy là hậu duệ của Nhà tiên tri, cô ấy thuộc dòng dõi cao quý của Muhammad, và cô ấy không làm gì sai cả. Không có gì chống lại cô ấy ngoại trừ mối quan hệ họ hàng của cô ấy với con rết.” Thống đốc trả lời: “Cô ấy là một trong những nhà lãnh đạo vĩ đại và

nữ anh hùng của người Bahá'í. Đơn giản là cô ấy sẽ gây ra một vụ náo động khác”. Người anh nói: “Tôi hứa với ông rằng cô ấy sẽ không thốt ra lời nào. Chắc chắn rằng trong vài ngày nữa cô ấy sẽ không còn sống. Cơ thể của cô ấy mỏng manh, yếu ớt, gần như không còn sức sống, và cô ấy đã bị tổn hại khủng khiếp “.

Vì người anh trai rất được tôn trọng và tin tưởng từ cấp cao và cấp thấp, Thống đốc đã thả Shamsu'd-Duhá khỏi sự giam giữ của mình, và để cô ấy đi. Cô sống một thời gian trong nhà người anh, khóc lóc, đau buồn, rơi lệ, thương tiếc người đã khuất. Người anh em cũng không được bình an, kẻ thù cũng không để họ yên; có một số xáo trộn mới mỗi ngày, và tiếng ồn ào của công chúng. Người anh trai cuối cùng nghĩ tốt nhất là nên đưa Shams đi hành hương đến Mashhad, hy vọng rằng ngọn lửa của các cuộc hỗn loạn dân sự sẽ tàn lụi.

Họ đến Mashhad và định cư trong một ngôi nhà trống gần Thánh lăng Imam Ridá.¹¹

Bởi vì anh ấy là một người ngoan đạo như vậy, anh trai sẽ rời đi mỗi sáng để thăm Thánh lăng, và anh ấy sẽ ở lại đó, bận rộn với những việc tâm linh của mình cho đến gần trưa. Vào buổi chiều cũng vậy, anh ta sẽ vội vã đi đến Nơi Thánh, và cầu nguyện cho đến tối. Căn nhà trống không, Shamsu'd-Duhá cố gắng liên lạc với nhiều tín đồ phụ nữ và bắt đầu kết giao với họ; và bởi vì tình yêu của Thượng Đế cháy sáng trong trái tim cô ấy, cô ấy đã không thể giữ im lặng, để trong những giờ khi anh trai cô ấy vắng mặt, nơi này đã trở nên sống động. Những người phụ nữ Bahá'í sẽ đổ xô đến đó và tiếp thu bài diễn thuyết hùng hồn và sáng suốt của cô.

Trong những ngày đó, cuộc sống ở Mashhad rất khó khăn đối với các tín đồ, với những kẻ ác độc luôn trong tình trạng cảnh giác; nếu họ quá nghi ngờ một cá nhân, họ đã giết người đó. Không có bất kỳ hình thức an ninh nào, không có hòa bình. Nhưng Shamsu'd-Duhá không thể tự giúp mình: bất chấp tất cả những thử thách khủng khiếp mà cô đã phải chịu đựng, cô đã bỏ qua nguy hiểm và có khả năng ném mình vào lửa hoặc xuống biển. Vì anh trai cô không thường xuyên lui tới nên anh không biết chuyện gì đang xảy ra. Ngày và đêm anh ta chỉ ra khỏi nhà để đến Thánh lăng, Thánh lăng thay cho ngôi nhà; anh ta là một người sống

¹¹ Rida là vị Imam thứ 8, bị chuốc thuốc độc bởi vị chức sắc cao nhất Mamum năm 203 trước CN, ngay sau khi vị Imam được chính thức được bổ nhiệm là chức sắc thừa kế. Thánh lăng của ông, với mái vòm vàng, được gọi là vinh quang của thế giới Hồi giáo Shi-ih. Nhà Tiên tri theo thông lệ nói “Một phần của cơ thể Ta được chôn ở Khurasan”

ẩn dật, không có bạn bè, và không muốn nói chuyện với người khác. Tuy nhiên, có một ngày anh thấy rằng rắc rối đã bùng phát trong thành phố, và anh biết rằng nó sẽ kết thúc với một tác hại nghiêm trọng. Anh ấy là một người đàn ông bình tĩnh và im lặng đến mức anh ấy không trách móc em gái mình; anh ta chỉ đơn giản là đưa cô ấy rời khỏi Mashhad mà không báo trước, và họ quay trở lại Isfahán. Tại đây, anh đã gửi cô cho con gái của mình, góa phụ của Vua Túr Đạo, vì anh sẽ không còn che chở cô dưới mái nhà của mình.

Do đó, Shamsu'd-Duhá đã trở lại Isfahán, mạnh dạn truyền bá Đức tin và truyền khắp nơi hương thơm ngọt ngào của Thượng Đế. Tình yêu mãnh liệt trong trái tim cô ấy khiến cô ấy phải nói ra, bất cứ khi nào cô ấy tìm thấy một đôi tai lắng nghe. Và khi người ta quan sát thấy một lần nữa gia đình của Vua các Túr đạo sắp bị bao vây bởi thiên tai, và họ đang phải chịu đựng những đau khổ nghiêm trọng ở Isfahán, Đức Bahá'u'lláh muốn họ đến Nhà tù Vĩ đại Nhất. Shamsu'd-Duhá, cùng góa phụ của Vua Túr Đạo và những đứa trẻ, đã đến Đất Thánh. Tại đây, họ đang vui vẻ trải qua những ngày tháng thì con trai của Vua Túr đạo, Mírzá 'Abdu'l-Husayn, do hậu quả của những đau khổ khủng khiếp mà cậu đã phải chịu ở Isfahán, mắc bệnh lao và qua đời ở 'Akká.

Shamsu'd-Duhá nặng lòng. Cô ấy thương tiếc sự vắng mặt của cậu ấy, cô ấy bỏ trôi mọi sự vì thương nhớ dành cho cậu ấy, và tất cả đều khó khăn hơn nhiều bởi vì sau đó Nỗi đau tối cao ập đến với chúng tôi, nỗi thống khổ tột đỉnh. Nền tảng của cuộc sống của cô đã bị phá hủy; giống như ngọn nến, cô ấy đã chìm đắm trong đau buồn. Cô ấy trở nên yếu ớt đến nỗi cô ấy phải nằm trên giường của mình, không thể cử động được. Tuy nhiên, cô ấy không nghỉ ngơi, cũng không giữ im lặng trong giây lát. Cô ấy sẽ kể về những ngày đã qua, về những điều đã xảy ra trong Chánh Đạo, hoặc cô ấy sẽ đọc từ Thánh Thư, hoặc cô ấy sẽ cầu xin và ca ngâm kinh kệ — cho đến khi, ra khỏi Nhà tù Vĩ đại Nhất, cô ấy đã bay đến thế giới của Thượng Đế. Cô nhanh chóng rời khỏi bão bụi diệt vong này để đến vùng đất không ô nhiễm; lên cương và du hành đến xứ sở của ánh sáng. Đối với cô ấy là những lời chào mừng và ca ngợi, và lòng thương xót lớn nhất, được che chở trong lòng từ bi của Đấng Chúa toàn năng.

Ngài là Thượng Đế!

Ngài thấy đó, lay Chúa, tập hợp những người thân yêu của Ngài, đoàn thể của những bạn hữu của Ngài, tụ họp xung quanh Thánh lăng đầy đủ của Ngài, và

trong khu vườn hoa cao cả của Ngài, vào một ngày trong số những ngày Lễ Ridván. —Đó là thời điểm ơn phước, khi Ánh Bình minh xuất hiện trên thế giới, chiếu rọi ánh sáng của sự thánh khiết của Ngài, lan tỏa ra khắp nơi những tia sáng chói lọi của sự duy nhất của Ngài, xuất phát từ Baghdad, với vẻ uy nghi và quyền năng bao trùm toàn thể nhân loại; với một vinh quang khiến tất cả phải quỳ lạy trước Ngài, mọi người cúi đầu, mọi cổ cúi thấp, và ánh mắt của mọi người đều bị nhìn xuống. Họ lưu tâm và nhắc đến Ngài, lồng ngực của họ vui mừng vì ánh sáng của những điều Ngài ban tặng, linh hồn họ được phục sức bởi những bằng chứng về thiên ân của Ngài, tỏ lời khen ngợi Ngài, quay mặt về phía Vương quốc, khiêm nhường cầu xin nơi Vương quốc cao cả của Ngài.

Họ tập trung tại đây để tưởng nhớ người hầu gái sáng láng và thánh thiện của Ngài, một chiếc lá trên Cây Thiên đàng xanh tươi của Ngài, một thực tại chói sáng, một bản thể thiêng liêng, người luôn cầu xin lòng từ bi dịu dàng của Ngài. Cô ấy được sinh ra trong vòng tay của trí tuệ Thiên thượng, và cô ấy đã bú nơi bầu sữa xác tín; Mẹ đã nảy nở trong cái nôi của đức tin và hân hoan trong lòng yêu thương của Ngài, Hỡi Đấng Nhân từ, hỡi Đấng từ bi! Và cô ấy lớn lên thành phụ nữ trong một ngôi nhà mà từ đó hương thơm ngọt ngào của sự thống nhất lan tỏa khắp nơi. Nhưng khi cô còn là một cô gái, sự đau khổ đã ập đến với cô trên con đường của Ngài, và bất hạnh đã ập đến với cô, Hỡi Đấng Phù Hộ, và trong tuổi thanh xuân không được tự vệ của mình, cô đã uống cạn chén sầu khổ và đau đớn, vì tình yêu vẻ đẹp của Ngài. Hỡi Ngài, Đấng tha thứ!

Hỡi Thượng Đế, người biết rõ những tai họa mà nàng vui mừng gánh chịu trên con đường của Ngài, những thử thách mà nàng đã đối mặt trong tình yêu thương của Ngài, với một khuôn mặt rạng rỡ vui mừng. Có bao nhiêu đêm, khi những người khác nằm trên giường của họ trong tư thế êm ái, cô ấy thức tỉnh, khiêm tốn cầu xin Vương quốc trên trời của Ngài. Trải qua bao nhiêu ngày, con dân của Ngài được an toàn trong thành trì chăm sóc che chở của Ngài, trong khi trái tim của cô ấy đau khổ vì những gì đã xảy đến với những người thánh thiện của Ngài.

Lạy Chúa, những ngày và năm của nàng trôi qua, và mỗi khi nhìn thấy ánh ban mai, nàng lại khóc trước nỗi buồn của các tội tớ Ngài, và khi bóng chiều buông xuống, nàng khóc lóc kêu gọi và thiêu đốt nỗi thống khổ tội cùng vì những gì đã xảy ra với những người nô tỳ của Ngài. Và cô ấy đã trở dậy với tất cả sức mạnh của mình để phụng sự Ngài, để cầu xin Thiên đàng của sự thương xót của

Ngài, và trong sự khiêm cung để cầu xin Ngài và để trái tim cô ấy yên nghỉ nơi Ngài. Và nàng xuất hiện trong sự thánh khiết, những bộ quần áo không tì vết bởi bản chất của dân Ngài, và nàng kết hôn với đầy tớ của Ngài, người mà Ngài đã ban cho những đặc ân giàu có nhất, và nơi mà Ngài đã khải lộ dấu hiệu của Lòng từ bi vô tận, và trên gương mặt họ, phản chiếu Vương quốc toàn vinh của Ngài, Ngài đã làm tỏa sáng với ánh sáng vĩnh cửu. Cô ấy kết hôn với người đàn ông, người mà Ngài đã cử đến trong cuộc hội ngộ, một người với Quần hội trên cao; người mà Ngài đã khiến được thưởng thức tất cả các thức ăn trên trời, người mà Ngài đã ban phước lành, người mà Ngài đã ban tặng danh hiệu: Vua Tử Đạo.

Và cô ấy đã sống trong vài năm dưới sự bảo vệ của Ánh sáng hiển hiện đó; và với tất cả tâm hồn của mình, cô ấy đã phụng sự nơi Ngưỡng cửa của Ngài, thánh khiết và sáng ngời; chuẩn bị thức ăn và nơi nghỉ ngơi, đi vãng cho tất cả những người thân yêu của của Ngài, và cô không có niềm vui nào khác ngoài điều này. Nàng nhỏ bé và khiêm tốn trước từng người hầu gái của Ngài, chịu lòng với từng người, phục vụ từng người bằng trái tim, linh hồn và cả bản thân mình, vì tình yêu đối với vẻ đẹp của Ngài, và giành lấy niềm vui tốt đẹp của Ngài. Cho đến khi ngôi nhà của cô ấy được biết đến với danh Ngài, và danh tiếng của chồng cô ấy vang xa khắp nơi, như một người thuộc về Ngài, và Vùng đất Sád (Isfahán) rung chuyển và hân hoan vì được ban phước liên tục từ nhà vô địch hùng mạnh này của Ngài; và thảo cỏ thơm của sự hiểu biết của Ngài và những bông hồng của ân huệ của Ngài bắt đầu nở ra, và một đoàn rất đông được dẫn đến nước của lòng từ bi của Ngài.

Bấy giờ những kẻ đê tiện và ngu dốt trong các tạo vật của Ngài nổi lên chống lại Ngài, và với sự bạo ngược và ác độc, chúng báo trước cái chết của Ngài; và sự vô hiệu của công lý, với sự áp bức khắc nghiệt, họ đã đổ máu tinh khiết vô tội của anh ta. Dưới thanh gươm lấp lánh, nhân vật cao quý thốt lên cùng Ngài: “Hỡi Thượng Đế của con, hãy ngợi khen rằng trong Ngày đã hứa, Ngài đã giúp con đạt được ân sủng hiển hiện này; Ngài đã lấy máu của con nhuộm đỏ bụi trần, và đổ ra trên con đường của Ngài, để nó trở ra những bông hoa đỏ thắm. Sự ưu ái và ân sủng của Ngài, đã ban cho con món quà con hằng ao ước nhất trong tất cả các thế giới. Tạ ơn Ngài đã giúp đỡ con và bỏ sức con và khiến con được uống cốc chứa nước tắm dung hợp thơm tho¹² — vào Ngày Biểu hiện, dưới bàn tay của người uống cạn cốc tử đạo trong hội đồng ánh sáng. Quả thật, Ngài là Đấng đầy Ân điển, Đấng Hào phóng, Đấng Ban ân phúc.”

¹² Koran 76:5

Và sau khi giết anh ta, họ đã xâm nhập vào ngôi nhà quý giá của anh. Họ tấn công như sói, như sư tử săn mồi, họ đóng bao, cưỡng đoạt và cướp bóc, chiếm hữu những đồ nội thất phong phú, trang sức và châu báu. Khi đó cô ấy đang gặp nguy hiểm nghiêm trọng, rời đi với những ngón ngang của trái tim tan vỡ. Cuộc tấn công dữ dội này xảy ra khi tin tức về cuộc tử đạo của anh được lan truyền khắp nơi, và những đứa trẻ đã khóc thét lên với nỗi hoảng sợ trong tim; chúng than khóc và rơi nước mắt, và những âm thanh tang tóc cất lên từ ngôi nhà lộng lẫy đó, nhưng không có ai khóc thương, không có ai để thương xót cho họ. Thay vào đó là bóng đêm của sự bạo ngược khắc sâu, và địa ngục rực lửa của sự bất công bừng nóng hơn trước; cũng không có sự ăn năn nào mà những kẻ làm ác để ý đến, cũng không có sự khắc khoải nào cho điều chúng đã gây ra. Và chiếc lá thánh này vẫn ở lại, cô và cha mẹ của mình, trong sự kìm kẹp của những kẻ áp bức, họ đối mặt với sự ác độc của những kẻ vô tâm, không ai làm lá chắn che chở họ.

Và ngày tháng trôi qua khi nước mắt là người bạn đồng hành duy nhất của cô, còn đồng đội là tiếng khóc; khi cô ấy bị dính kết với nỗi đau khổ, và không có gì khác ngoài sự đau buồn cho bạn hữu. Tuy nhiên, trong những đau khổ này, lạy Chúa, nàng không ngừng yêu Ngài; nàng đã không quên Ngài, Hỡi Đáng Kính yêu, trong những thử thách dữ dội này. Dù tại họa nối tiếp nhau, dù khổ đau bao phủ với nàng, nàng gánh chịu tất cả, nàng kiên nhẫn chịu đựng tất cả, đối với nàng chúng là quà tặng và ân huệ của Ngài, và trong tất cả sự thống khổ lớn lao của nàng — Hỡi Ngài, Chúa của những danh hiệu đẹp đẽ — Trên mọi nàng là Lời ca ngợi Ngài.

Sau đó, cô từ bỏ quê hương, nơi nghỉ ngơi, nơi nương tựa và nơi trú ẩn của mình, và mang theo tuổi thanh xuân của mình, như những cánh chim, cô tung cánh trên đường đến Vùng đất sáng chói và thánh thiện này - để ở đây cô có thể làm tổ và hát ngợi khen Ngài như những con chim, và dán thân mình trong Tình yêu với Ngài với tất cả sức mạnh, và phụng sự Ngài với tất cả bản thân, tất cả linh hồn và trái tim. Nàng khiêm cung trước mọi người tỳ nữ của Ngài, khiêm nhường trước từng chiếc lá trong khu vườn Chánh Đạo của Ngài, bận rộn với sự tưởng nhớ Ngài, dự bỏ mọi sự ngoài Ngài.

Và tiếng khóc của nàng cất lên lúc trời sáng, và những âm điệu ngọt ngào trong tiếng ca ngâm kinh kệ của nàng sẽ vang lên vào tối và vào buổi sớm mai,

cho đến khi nàng trở lại cùng Ngài, và lên đường đến Vương quốc của Ngài; nàng đã đi tìm nơi trú ẩn của Ngưỡng cửa Ngài và bay lên bầu trời vĩnh cửu của Ngài. Lạy Chúa, xin ban thưởng cho cô ấy với sự chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Ngài, cho cô ấy ăn trong bàn tiệc vĩnh cửu của Ngài, cho cô ấy một tổ ấm gần kề Ngài, nuôi dưỡng cô ấy trong các khu vườn thánh khiết của Ngài như Ngài muốn và vui lòng; ban phước cho nơi ở của cô, giữ cho cô ấy được an toàn trong bóng mát của Cây thiên đàng của Ngài; Hỡi Chúa, hãy dẫn cô ấy vào túp lều thần thánh Ngài, khiến cô ấy trở thành một trong những dấu hiệu của Ngài, một trong những ánh sáng của Ngài.

Quả thật, Chúa là Đáng hào phóng, Đáng Ban cho, Đáng Tha thứ, Đáng Từ Bi.

69 . Táhirih

Một người phụ nữ trong trắng và thánh thiện, một dấu hiệu và biểu hiện của vẻ đẹp vượt trội, một dấu hiệu chói bóng của tình yêu Thượng Đế, ngọn đèn của sự ban tặng của Ngài, đó là Jináb-i-Táhirih.¹ Cô ấy được gọi là Umm-Salmá; cô là con gái của Hájí Mullá Sálíh, một tiên sĩ luật Hồi giáo của Qazvín, và chú nội của cô là Mullá Taqí, Imám-Jum‘ih hoặc gọi là người lãnh đạo các buổi cầu nguyện trong nhà thờ Hồi giáo của thành phố đó. Họ gả nàng cho Mullá Muhammad, con trai của Mullá Taqí, nàng sinh được ba người con, hai trai một gái; cả ba đều không nhận được ân sủng như mẹ của họ, tất cả đều không nhận biết chân lý của Chánh đạo.

Khi cô còn là một đứa trẻ, cha cô đã chọn một giáo viên cho cô và cô đã theo học nhiều ngành khác nhau về kiến thức và nghệ thuật, đạt được khả năng đáng kể trong việc theo đuổi văn chương. Mức độ thông thái và thành tích của cô ấy đạt được cao đến nỗi cha cô ấy thường bày tỏ sự tiếc nuối của mình, nói rằng, “Phải chi cô ấy là một nam nhi, thì nam nhi này sẽ chiếu sáng gia đình tôi, và sẽ được nổi nghiệp tôi!”²

Một ngày nọ, cô là khách tại nhà của Mullá Javád, một người anh họ bên mẹ cô, và ở đó trong thư viện của anh họ cô, cô đã tìm thấy một số tác phẩm của Shaykh Ahmad-i-Ahsá‘í.³ Vui mừng với những gì ông ấy viết, Táhirih hỏi mượn các tác phẩm và mang chúng về nhà. Mullá Javád phản đối dữ dội, nói với cô: “Cha cô là kẻ thù của Cặp Ánh sáng Song đôi Rực rỡ, Shaykh Ahmad và Siyyid Kázim này. Nếu ông ta thậm chí mơ thấy bất kỳ lời nói nào của hai sinh vật vĩ đại đó, bất kỳ hương thơm nào từ khu vườn của những thực tại đó, đến từ cô, ông ta sẽ thực hiện một nỗ lực chống lại cuộc sống của tôi, và cô cũng sẽ trở thành mục tiêu của cơn thịnh nộ của ông ấy.” Táhirih trả lời: “Từ lâu rồi, tôi đã khao khát điều này; Tôi đã mong chờ những lời giải thích này, những sự thật bên trong này. Đưa cho tôi bất cứ thứ gì ông có về những cuốn sách này. Đừng bận tâm nếu điều đó làm cha tôi tức giận.” Theo đó, Mullá Javád đã gửi cô các tác phẩm của Shaykh và Siyyid.

Một đêm nọ, Táhirih tìm kiếm cha cô trong thư viện của ông, và cô bắt đầu nói về những lời dạy của Shaykh Ahmad. Ngay khi biết con gái mình biết về các học thuyết của Shaykhí, những lời tố cáo của Mullá Sálíh vang lên, và ông ấy đã

¹ Đọc là Ta hê rê

² Cf đọc sách Những người Khai sáng, trang 81, ghi chú số 2, và trang 285, ghi chú số 2 ở một số dòng, được dịch bởi Đức Shoghi Effendi, và kết hợp vào sách này

³ Là Đấng Tiên báo về Đức Bab, và là một trong hai nhà sáng lập Trường Shaykhí, xem ghi chú cuối sách

than khóc nói: “Javád đã làm cho con mất hồn rồi!” Táhirih trả lời, “Shaykh quá cố là một học giả thực sự về Thượng Đế, và con đã học được vô số chân lý tâm linh từ việc đọc sách của ông ấy. Hơn nữa, bất cứ điều gì ông ấy nói, căn cứ vào truyền thống của Đấng Imáms Thánh thiện. Cha tự gọi mình là người biết thần học và là người của Thượng Đế, cha coi người chú đáng kính của cha cũng là một học giả, và ngoan đạo nhất - con không tìm thấy dấu vết của những đức tính đó ở cả hai người!”

Trong một thời gian, cô tiếp tục thảo luận sôi nổi với cha mình, tranh luận về những câu hỏi như Sự phục sinh và Ngày phán xét, Đêm Thăng thiên của Đức Muhammad, Lời hứa và Đe dọa, và Sự Giáng lâm của Đấng Hứa hẹn.⁴ Thiếu lý lẽ, cha cô đã dùng đến những lời nguyên rủa và hành hạ. Sau đó, vào một đêm, để củng cố ý kiến của cô, Táhirih đã trích dẫn một lời truyền thánh thiện từ Imám Ja‘far-i-Sádiq;⁵ vì nó xác nhận những gì cô đang nói, cha cô đã phá lên cười, chế nhạo lời truyền. Táhirih nói: “Lạy cha, đây là những lời của Thánh Imám. Làm thế nào cha có thể chế nhạo và phủ nhận họ?”

Kể từ đó, cô không còn tranh luận và bằng lòng với cha mình. Trong khi đó, cô đã trao đổi thư từ bí mật với Siyyid Kázim, liên quan đến giải pháp của các vấn đề thần học phức tạp, và do đó, Siyyid đã phong cho cô cái tên “Sự an ủi dễ chịu cho đôi mắt” (Qurratu’l-‘Ayn); cũng như danh hiệu Táhirih (“Người tinh khiết”), lần đầu tiên nó được ban cho cô ở Badasht, và sau đó được Đức Bab chấp thuận, và được ghi lại trong Các Kinh bản.

Táhirih đã bùng cháy. Cô lên đường đến Karbilá, hy vọng gặp Siyyid Kázim, nhưng cô đến quá muộn: mười ngày trước khi cô đến thành phố đó, ông đã qua đời. Không lâu trước khi ông qua đời, Siyyid đã chia sẻ với các môn đệ tin mừng rằng Đấng Hứa hẹn đã đến. Ông liên tục nói với họ: “Hãy đi ra ngoài,” “và tìm kiếm Đấng Chúa.” Vì vậy, những người nổi tiếng nhất trong số những người theo ông đã tụ tập để nghỉ ngơi và cầu nguyện, nhịn ăn và canh thức, ở Masjid-i-Kúfih, trong khi một số chờ đợi Đấng sẽ giáng lâm ở Karbilá. Trong số này có Táhirih, ăn chay ban ngày, thực hành các kỷ luật tôn giáo, và dành cả đêm để canh thức, và tụng kinh. Vào một đêm, khi trời sắp rạng sáng, cô ấy gục đầu trên gối, mất hết nhận thức về cuộc sống trần thế này, và mơ một giấc mơ; trong khái tượng của cô, một thanh niên, một Siyyid, mặc áo choàng đen và đội khăn xếp màu xanh lá cây, xuất hiện với cô trên thiên đàng; Ngài ấy đang đứng trên không trung, đọc những câu thơ và cầu nguyện với hai tay giơ lên. Ngay lập tức, cô đã ghi nhớ một trong những câu thơ đó, và ghi nó vào sổ tay ngay khi tỉnh dậy. Sau khi Đức Bab tuyên bố sứ mệnh

⁴ Xem Koran 17:1, 30:56, 50:19 ...

⁵ Đấng Imám thứ sáu

của Ngài, và cuốn sách đầu tiên của Ngài, “Những Câu chuyện Hay nhất,”⁶ được lưu hành, vào một ngày nọ, Táhirih đang đọc một đoạn văn của Ngài, và cô ấy bắt gặp cùng một câu mà cô ấy đã ghi chú lại từ giấc mơ. Ngay lập tức ngỏ lời cảm ơn, cô quỳ gối và cúi đầu xuống đất, tin rằng thông điệp của Đức Bab là chân lý.

Tin vui này đến với cô ở Karbilá và cô bắt đầu đi truyền giáo ngay lập tức. Cô đã dịch và trình bày “Những Câu chuyện Hay nhất” bằng tiếng Ba Tư và tiếng Ả Rập, sáng tác các bài hát và lời ca, đồng thời khiêm tốn thực hành tâm linh của mình, hoàn thành cả phần tự chọn và phần phụ. Khi các học giả xấu xa ở Karbilá nhận ra tất cả những điều này, và biết được rằng một người phụ nữ đang triệu tập người dân theo một tôn giáo mới và đã ảnh hưởng đến một số lượng đáng kể, họ đã đến gặp Thống đốc và khiếu nại. Các cáo buộc của họ chủ yếu để dẫn đến những cuộc tấn công bạo lực đối với Táhirih, và những đau khổ, mà cô ấy chấp nhận và qua đó cô ấy có thể dâng lời khen ngợi và tạ ơn. Khi nhà chức trách truy lùng cô, họ đã tấn công nhằm Shamsu'd-Duhá với Táhirih. Tuy nhiên, ngay sau khi nghe tin Táhirih đã bị bắt, họ thả Shams ra - vì Táhirih đã gửi một tin nhắn cho Thống đốc rằng, “Tôi đây hãy làm gì tùy ý ông. Xin đừng làm hại bất kỳ người nào khác”.

Thống đốc cho lính canh nhà cô, không cho đi lại, viết thư cho chính quyền Baghdad để được hướng dẫn về việc nên tiếp tục thế nào với cô. Trong ba tháng, cô sống trong tình trạng bị bao vây, hoàn toàn bị cô lập, với những lính canh bao quanh nhà cô. Vì chính quyền địa phương vẫn không nhận được trả lời từ Baghdad, Táhirih đã chuyển trường hợp của mình lên Thống đốc, và nói: “Không có sự trả lời nào từ Baghdad hay Constantinople. Theo đó, chúng tôi sẽ tự mình tiến đến Baghdad và chờ đợi câu trả lời tại đó”. Thống đốc cho phép cô đi, và cô lên đường, cùng với Shamsu'd-Duhá và Họa mi của Thiêng đảng (em gái của Mullá Husayn) và mẹ cô. Tại Baghdad, đầu tiên cô ở trong nhà của Shaykh Muhammad, người cha ưu tú của Áqá Muhammad-Mustafá. Nhưng vì sức ép của những người xung quanh cô ấy lớn đến nỗi cô ấy đã phải chuyển nơi cư trú của mình đến một khu phố khác, ngày đêm tham gia truyền bá Chánh đạo, và tự do kết giao với cư dân của Baghdad. Do đó, cô trở nên nổi tiếng khắp thành phố và có một sự náo động lớn.

Táhirih cũng duy trì thư từ với các vị học giả của Kázimayn; cô trình bày chúng với những bằng chứng không chối cãi được, và khi người này hay người khác phản biện trước mặt cô, cô ấy đưa ra cho anh ta những lý lẽ thuyết phục. Cuối cùng, cô ấy gửi một tin nhắn đến các vị học giả dòng Shí'ih, và nói với họ: “Nếu các vị không hài lòng với những bằng chứng thuyết phục này, tôi thách các vị đưa ra thử

⁶ “Ahsanu'l-Qisas” bài bình của Đức Bab về Surih của Joseph, được gọi là Koran của Đức Bab, và được dịch từ tiếng Ả Rập sang tiếng Ba Tư bởi Táhirih. Đối chiếu sách Thượng Đế đi qua trang 23

thách.⁷ Sau đó, đã có một sự phản đối kịch liệt từ các vị học giả, và Thống đốc buộc phải gửi Táhirih và những người bạn nữ của cô đến nhà của Ibn-i-Álúsí, người ở Baghdad. Cô ấy ở lại đây khoảng ba tháng, chờ đợi tin tức và chỉ dẫn từ Constantinople. Ibn-i-Álúsí đưa cô vào những cuộc đối thoại mang tính học thức, những câu hỏi và những câu trả lời được đưa ra, và anh ấy không phủ nhận những gì cô nói.

Vào một ngày nọ, một nhà giảng đạo Hồi giáo kể về một trong những giấc mơ của ông ta, và yêu cầu cô nói cho ông ta biết ý nghĩa của nó. Ông nói: “Trong giấc mơ, tôi thấy những học giả dòng Shí‘ih đến ngôi mộ thánh của Imám Husayn, Hoàng tử của những người Tử đạo. Họ dỡ bỏ hàng rào bao quanh ngôi mộ, và họ phá tung ngôi mộ rục rở, để thi thể vô nhiễm lộ ra trước mắt họ. Họ tìm cách lấy thánh thể, nhưng tôi đã hạ mình xuống xác chết và tôi đã xua đuổi chúng.” Táhirih trả lời: “Đây là ý nghĩa của giấc mơ của ông: ông sắp giải thoát tôi khỏi bàn tay của các học giả dòng Shí‘ih.” Ibn-i-Álúsí nói: “Tôi cũng đã giải thích giống như vậy.”

Vì ông ta đã phát hiện ra rằng cô rất thông thạo các câu hỏi dạng học thức và trong các bài bình luận và Kinh thánh thiêng liêng, hai người thường tranh luận; cô ấy sẽ nói về những chủ đề như Ngày Phục sinh, về Sự thăng trầm số phận và Sirát,⁸ và ông ấy không bài bác.

Rồi đến một đêm, cha của Ibn-i-Álúsí gọi điện đến nhà con trai ông. Ông ta đã có một cuộc gặp với Táhirih và đột ngột, không hỏi một câu nào, bắt đầu chửi bới, chế nhạo và công kích cô. Xấu hổ trước hành vi của cha mình, Ibn-i-Álúsí đã xin lỗi. Sau đó, anh nói: “Câu trả lời đến từ Constantinople. Vua đã ra lệnh rằng cô được thả tự do, nhưng chỉ với điều kiện cô phải rời khỏi vương quốc của ông ấy. Hãy chuẩn bị cho cuộc hành trình, và nhanh chóng rời khỏi vùng đất này vào ngày mai.”

Theo đó Táhirih, cùng với những người bạn nữ của mình, rời khỏi nhà của Giảng đạo Hồi giáo, thu xếp đồ đạc du hành của họ và rời khỏi Baghdad. Khi họ rời thành phố, một số tín đồ Ả Rập, đi bên cạnh đoàn xe của họ. Trong số những người hộ tống có Shaykh Sultán, Shaykh Muhammad và con trai đặc biệt của ông là Muhammad-Mustafá, và Shaykh Sálìh, những người này họ gắn bó với nhau. Chính Shaykh Muhammad đã thanh toán chi phí cho cuộc hành trình.

⁷ Koran 3:54: “Sau đó chúng ta khẩn cầu và gọi lời nguyện rủa của Thượng Đế trên những kẻ nói dối!” Nỗi khổ đau bởi sự nguyện rủa.

⁸ Koran 21:48; 19:37, ... Trong Hồi giáo Chiếc Cầu đến Sirat, bèn như gươm và mỏng hơn sợi tóc, dương ra ngang Địa ngục và Thiên Đàng

Khi họ đến Kirmánsháh, những người phụ nữ xuống xe ở một ngôi nhà, những người đàn ông ở một ngôi nhà khác, và dòng chảy liên tục những người dân đã đến để tìm kiếm thông tin về Đức tin mới. Ở đây cũng như những nơi khác, các vị học giả đã sớm rơi vào trạng thái điên cuồng và họ ra lệnh trục xuất những người mới đến. Kết quả là kad-khudá hay gọi là quan trưởng của khu phố, cùng với một nhóm người, đã vây hãm ngôi nhà mà Táhirih đang ở, và họ cướp phá nó. Sau đó, họ đặt Táhirih và những người bạn đồng hành của cô ấy trong một cái xe không có mái che và đưa họ từ thị trấn đến một cánh đồng trống, nơi họ thả những người bị giam cầm ra ngoài. Sau đó, những người lái xe kia cướp gia súc của họ và quay trở lại thành phố. Các nạn nhân bị bỏ lại trên bãi đất trống, không thức ăn, không nơi ở và không có phương tiện đi lại.

Táhirih ngay lập tức đã viết một bức thư cho hoàng tử của lãnh thổ đó, trong đó cô ấy nói với ông ta: “Hỡi người chỉ huy! Chúng tôi là khách trong thành phố của ông. Đây có phải là cách ông đối xử với khách của mình không? “ Khi lá thư của cô được gửi đến Thống đốc Kirmánsháh, ông nói: “Tôi không biết gì về sự bất công này. Trò ác này đã được tạo ra bởi các tu nhân.” Anh ta ngay lập tức ra lệnh cho kad-khudá trả lại tất cả đồ đạc của du khách. Viên chức đó đã giao nộp hợp lệ sổ hàng hóa bị đánh cắp, những người lái xe cùng với gia súc của họ quay trở lại và rời thành phố, những người du hành thay chỗ của họ và tiếp tục cuộc hành trình.

Họ đến Hamadán và việc cư ngụ ở đây của họ thật hạnh phúc. Những phụ nữ lừng lẫy nhất của thành phố đó, thậm chí là các công chúa đến thăm, tìm kiếm những điều hữu ích từ lời dạy của Táhirih. Tại Hamadán, cô đã thu hẹp một phần hộ tống của mình và gửi họ trở lại Baghdad, trong khi cô đưa một số người khác trong số họ, bao gồm Shamsu'd-Duhá và Shaykh-Sálih, cùng cô đến Qazvín.

Khi họ đi du hành, một số người tiến đến gặp họ, những người bà con của Táhirih's từ Qazvín, và họ muốn dẫn cô ấy đi một mình, không có sự hỗ trợ của những người khác, đến nhà của cha cô ấy. Táhirih từ chối, nói: “Đây là những người đồng hành của tôi.” Bằng cách này, họ đã đến Qazvín. Táhirih tiếp tục đến nhà của cha cô, trong khi những người Ả Rập trong đội hộ tống cô xuống xe tại một trạm nghỉ lữ hành. Táhirih sớm rời bỏ phụ thân và đến sống với anh trai, và ở đó các phụ nữ vĩ đại của thành phố có thể đến thăm cô; tất cả những điều này diễn ra cho đến khi Mullá Taqí bị sát hại,⁹ khi mọi tín đồ Babi ở Qazvín bị bắt làm tù binh. Một số được gửi đến Tíhrán và sau đó trở về Qazvín và tử vì đạo.

⁹ Đối chiếu Những người Khai sáng, trang 276. Kẻ mưu sát không phải người Babi, mà là người nhiệt thành hâm mộ nhà lãnh đạo Shaykhí, Nguồn Ánh sáng Sinh đôi Tòa chiếu

Vụ ám sát Mullá Taqí xảy ra theo cách này: Một ngày nọ, khi tên bạo chúa mù mắt đó lên bục giảng của mình, ông ta bắt đầu chế nhạo và làm làm nhục Shaykh Ahmad-i-Ahsá'í vĩ đại. Không biết xấu hổ, thô lỗ, hét lên những lời tục tĩu, ông ta kêu lên: “Shaykh chính là kẻ đã đốt lên ngọn lửa tội ác này, và khiến cả thế giới phải chịu thử thách này!”. Có một người đang đứng xem, người gốc Shiráz. Anh ta nhận thấy những lời chế nhạo, giễu cợt và trách móc là qua sức anh có thể chịu đựng. Ẩn mình dưới sự bao phủ của bóng tối, anh ta núp trong nhà thờ Hồi giáo, rồi phóng một mũi nhọn vào giữa môi của Mullá Taqí và bỏ trốn. Sáng hôm sau, bọn chúng bắt giữ những tín đồ không tự vệ và sau đó họ bị tra tấn đau đớn, mặc dù tất cả đều vô tội và không biết gì về những gì sắp xảy ra. Không bao giờ có bất kỳ câu hỏi nào về việc điều tra vụ án; các tín đồ liên tục tuyên bố mình vô tội nhưng không ai để ý đến họ. Khi một vài ngày trôi qua, kẻ giết người đã đầu thú; anh ta thú nhận với nhà chức trách, thông báo với họ rằng anh ta đã phạm tội giết người vì Mullá Taqí đã phỉ báng Shaykh Ahmad. “Tôi nộp mạng mình vào tay các ông,” anh ta nói với họ, “để các ông giải phóng những người vô tội này”. Họ bắt anh ta, tống anh ta vào kho, cùm và khóa anh ta vào dây xích cùng với những người khác, đến Tíhrán.

Khi ở đó, anh ta nhận thấy rằng mặc dù anh ta đã thú tội, những người khác vẫn chưa được thả. Vào ban đêm, anh ta trốn thoát khỏi nhà tù và đến nhà của Ridá Khán - người đàn ông cao quý hiếm có, người hy sinh trong số những người thương yêu của Thượng Đế - con trai của Muhammad Khán, Người Quản lý Ngựa cho Muhammad Sháh. Anh ta ở đó một thời gian, sau đó anh ta và Ridá Khán bí mật đi đến Pháo đài Shaykh Tabarsí ở Mázindarán.¹⁰ Muhammad Khán cử những người đi theo để theo dõi họ, nhưng cố gắng hết sức, không ai có thể tìm thấy họ. Hai kỵ sĩ đó đã đến được Pháo đài Tabarsí, nơi cả hai đều đạt được cương vị tử đạo. Đối với những người bạn khác đang ở trong nhà tù ở Tíhrán, một số người trong số này đã được trở về Qazvín và họ cũng phải chịu tử vì đạo.

Một ngày nọ, người quản lý tài chính, Mírzá Shaffí, đã gọi cho kẻ sát nhân và nói với anh ta: “Jináb, ông theo tầng lớp hành khát hay ông tuân theo Luật? Nếu ông là một tín đồ của Luật, tại sao ông lại đối xử với người tiên sĩ luật Hồi giáo một cách tàn nhẫn, một đòn chí mạng vào miệng ông ấy? Còn nếu ông là một người hành khát và đi theo Đạo, một trong những quy tắc của Đạo là không được làm hại người nào. Vậy làm thế nào, ông có thể tàn sát vị tu nhân nhiệt thành đó?”

¹⁰ Đối chiếu Những người Khai sáng, trang 278

“Thưa ngài,” anh ta trả lời, “ngoài Luật, và ngoài Đạo, chúng ta còn có Chân lý. Chính vì phục vụ Chân lý, tôi đã đáp trả ông ta vì hành động của mình.”¹¹

Những điều này đã diễn ra trước khi chân lý của Chánh đạo được tiết lộ và tất cả đều được làm rõ ràng. Vì trong những ngày đó, không ai biết rằng Sự Biểu hiện của Đức Bab sẽ lên đến đỉnh điểm trong Sự Biểu hiện của Đấng Phúc Mỹ, và rằng luật trả thù sẽ bị loại bỏ, và nguyên tắc nền tảng của Luật của Thượng Đế sẽ là “Thà rằng người bị giết còn hơn bị giết”; rằng sự bất hòa và tranh chấp sẽ chấm dứt, và sự cai trị của chiến tranh và nạn đói sẽ không còn nữa. Trong những ngày tới, điều đó sẽ xảy ra. Nhưng lạy Thượng Đế, với Sự Giáng lâm của Đấng Phúc Mỹ, một vẻ đẹp huy hoàng của sự hài hòa và hòa bình tỏa sáng, một tinh thần nhu mì và nhẫn nhịn ở Yazd, đã khiến đàn ông và phụ nữ và trẻ em trở thành mục tiêu của lửa kẻ thù, kẻ cặn lưỡi gươm, khi những kẻ lãnh đạo và những học giả ác độc và những người đi theo chúng liên kết với nhau và đoàn kết tấn công những nạn nhân không thể tự vệ đó và khiến họ đổ máu - đột nhập và xé xác những phụ nữ thuần khiết, bằng dao găm, họ chém vào cổ những đứa trẻ mà họ đã làm cho chúng mồ côi, sau đó đốt cháy những chi thể rách nát và xác xơ — không một bạn hữu nào của Thượng Đế giơ tay chống lại họ. Thật vậy, trong số những người tử vì đạo đó, những người bạn đồng hành thực sự của họ đã chết trước khá lâu, tại Karbilá, có một người đàn ông, khi nhìn thấy thanh kiếm rút ra vọt qua mình, anh liền nhét viên kẹo ngọt vào mồm kẻ sát nhân và kêu lên, “thật ngọt ngào hương vị trên môi người, khi người đưa ta vào chỗ chết - vì người mang lại cho ta sự tử đạo, điều mong ước thân yêu nhất của tôi!”

Hãy để chúng tôi trở lại chủ đề của mình. Sau vụ giết người chú quý quyết của cô, Mullá Taqí, ở Qazvín, Táhirih rơi vào cảnh khốn cùng. Cô là một tù nhân với trái tim nặng trĩu, đau buồn về những sự kiện đau đớn đã xảy ra. Cô bị theo dõi ở mọi phía, bởi những người hầu cận, lính canh, những kẻ giết người và kẻ thù của cô. Trong khi cô ấy mệt mỏi như vậy, Đức Baha’u’llah cử Hádíy-i-Qazvíní, chòng của Khátún-Ján nổi tiếng, từ thủ đô đến và họ đã xoay sở, bằng một mưu kế, để giải thoát cô khỏi sự rắc rối đó và đưa cô ấy đến Tihrán trong đêm. Cô bừng cháy khi đến dinh thự của Đức Bahá’u’lláh và ở trong một căn phòng phía trên.

Khi tin tức này lan truyền khắp Tihrán, Chính phủ đã săn lùng cô mọi nơi; tuy nhiên, những người bạn vẫn tiếp tục đến để gặp cô, dòng người liên tục đến, và Táhirih, ngồi sau bức màn, trò chuyện với họ. Một ngày nọ, Siyyid Yahyá vĩ đại, tên là Vahíd, có mặt ở đó. Khi anh ta ngồi phía bên ngoài, Táhirih lắng nghe anh ta

¹¹ Việc này nói đến học thuyết rằng có 3 cách đến với Thượng Đế: qua Luật, qua Đạo và qua Chân lý. Đó là luật chính thống, đạo của tu sĩ, và chân lý. Đối chiếu R. A Nicholson, Lời bình về Mathnavi của Rumi

từ phía sau tấm màn. Khi đó tôi (Đức Abdul Baha) còn là một đứa trẻ, và đang ngồi trong lòng cô ấy. Với tài hùng biện và lòng nhiệt thành, Vahid đã thuyết trình về những dấu hiệu và câu thơ làm chứng cho sự ra đời của Đấng Biểu hiện mới. Cô đột nhiên ngắt lời anh ta và cao giọng, tuyên bố kịch liệt: “Hỡi Yahya! Hãy để những việc làm, không phải lời nói, làm chứng cho đức tin của ông, nếu ông là người có học thức chân chính. Hãy ngừng lặp lại những truyền thống của quá khứ một cách ngu ngốc, vì ngày của sự phụng sự, của hành động kiên định đã đến. Bây giờ là lúc để bày tỏ những dấu hiệu thật của Thượng Đế, hãy vén tấm màn của những tượng tượng hão huyền, để quảng bá Lời Thượng Đế, và hy sinh bản thân trên con đường của Ngài. Hãy để những hành động, không phải lời nói, là vật trang sức của chúng ta!”

Đấng Phúc Mỹ đã sắp xếp tỉ mỉ cho cuộc hành trình của Táhirih đến Badasht và tiễn cô ấy đi với đồ dùng cần thiết và tùy tùng. Nhóm của Ngài cũng đi đến vào vài ngày sau đó.

Ở Badasht, có một cánh đồng rộng mở tuyệt vời. Chính giữa của nó có một dòng suối chảy, và bên phải, bên trái và phía sau của nó có ba khu vườn, đẹp như Thiên đàng. Một trong những khu vườn đó được giao cho Quddús,¹² nhưng điều này được giữ bí mật. Một khu khác đã được thiết lập riêng cho Táhirih, và khu thứ ba dành làm dựng lều cho Đức Bahá'u'lláh. Trên cánh đồng giữa ba khu vườn, các tín đồ dựng lều của họ. Buổi tối, Đức Bahá'u'lláh, Quddús và Táhirih sẽ đến cùng nhau. Trong những ngày đó, sự thật rằng Đức Bab là Đấng Qá'im vẫn chưa được công bố; Đó là Đấng Phúc Mỹ, cùng với Quddús, Đấng đã sắp đặt cho sự công bố Sự mạng một cách rộng rãi và việc bãi bỏ và loại trừ các luật lệ cổ xưa.

Rồi một ngày nọ, có một sự khôn sáng, khi Đức Bahá'u'lláh ngã bệnh; nghĩa là, có một điều tất yếu xảy ra để đạt được một điều quan trọng sống còn. Đột nhiên, trước mắt tất cả, Quddús bước ra khỏi khu vườn của mình, và bước vào căn lều của khu vườn Đức Bahá'u'lláh. Nhưng Táhirih đã gửi cho anh ta một tin nhắn, nói rằng Người Chủ lều đang bị bệnh, Quddús nên đến khu vườn của cô ấy. Câu trả lời của anh ấy là: “Khu vườn này thích hợp hơn. Hãy hãy đến đây.” Táhirih, với khuôn mặt lộ ra, bước ra khỏi khu vườn của mình, tiến đến lều của Đức Bahá'u'lláh; và khi cô ấy đến, cô ấy thốt lên những từ này: “Kèn Trumpet đang vang lên! Tiếng kèn vĩ đại đã thổi bay! Công bố Đấng Biểu hiện đã xuất hiện!”¹³ Các tín hữu tụ tập trong lều

¹² Qudus là mười tám mẫu tự của Người sống, đã từ đạo dưới sự độc ác không kể xiết ở chợ Barfurush khi anh mới 17 tuổi. Đức Baha'u'llah đã ban cho anh cương vị thứ hai chỉ sau Đức Bab. Đối chiếu sách Những người Khai sáng trang 408-415

¹³ Đối chiếu Koran 74:8 và 6:73. Cũng như Isaah 27:13 và Zechariah 9:14

đều hoảng sợ, và mỗi người tự hỏi: “Làm sao có thể bãi bỏ Luật được? Làm sao mà người phụ nữ này lại đứng đây mà không có mạng che mặt?”

Đức Bahá'u'lláh phán “Hãy đọc bản Súrìh như thông lệ”¹⁴; và độc giả bắt đầu: “Khi Ngày phải đến đột ngột đến... Ngày sẽ qua đi! Ngày sẽ tôn vinh!...” Và do đó, Kỳ Cứu độ mới được công bố và sự Phục sinh vĩ đại đã được thể hiện. Lúc đầu, những người có mặt bỏ chạy, một số từ bỏ Đức tin của họ, trong khi một số ám ảnh bởi hoài nghi và ngờ vực, và một số, sau khi dao động, quay trở lại sự hiện diện của Đức Bahá'u'lláh. Hội nghị Badasht tan rã, nhưng việc công bố Sứ mạng đã được hoàn thành.

Sau đó, Quddús chạy nhanh đến Pháo đài Tabarsí¹⁵ và Đấng Phúc Mỹ cùng với các vật dụng và trang thiết bị, cho hành trình đến Níyálá, với ý định sẽ tiếp tục đi vào ban đêm, xuyên qua đồn địch và tiến vào Pháo đài. Nhưng Mírzá Taqí, Thống đốc của Ámul, được tin về điều này, và với bảy trăm tay súng đã đến Níyálá. Bao quanh ngôi làng vào ban đêm, ông đã đưa Đức Bahá'u'lláh với mười một kỵ binh trở về Ámul, và những tai ương và khổ nạn đã được kể trước đây, đã xảy ra.

Về phần Táhirih, sau khi tan rã ở Badasht, cô đã bị bắt, và những kẻ áp bức đã đưa cô trở lại dưới sự giám hộ của Tihrán. Ở đó, cô bị giam trong nhà của Mahmúd Khán, người Kalántar. Nhưng cô ấy đang rực cháy, say mê, không ngơi nghỉ, và không thể lặng yên. Các phụ nữ của Tihrán, bằng lý do này hay lý do khác, tụ tập đông đúc để xem và lắng nghe cô ấy. Có sự kiện đã xảy ra rằng có một lễ kỷ niệm tại nhà của Thị trưởng cho hôn nhân của con trai ông; một bữa tiệc linh đình đã được chuẩn bị, và ngôi nhà được trang hoàng. Những quý cô xinh tươi như hoa ở Tihrán đã được mời, các công chúa, vợ của các bộ trưởng và những người vĩ đại khác. Đó là một đám cưới lộng lẫy, với nhạc cụ và giai điệu — tiếng đàn, tiếng chuông và các bài hát cả ngày lẫn đêm. Sau đó Táhirih bắt đầu nói; và các quý bà mê mẩn say mê đến nỗi họ bỏ xó nhạc cụ, trống và mọi thú vui trong tiệc cưới, để đến tụ tập nơi Táhirih và lắng nghe những lời ngon ngọt từ miệng nàng.

Vì vậy, cô vẫn hoạt động, một sự giam cầm vô ích. Sau đó, xảy ra một sự mưu sát mạng sống của Vua;¹⁶ một lệnh đã được ban hành; cô ấy đã bị kết án tử

¹⁴ Koran, Surih 56

¹⁵ Một chiến dịch có hệ thống chống lại Đức tin mới được tiến hành ở Ba Tư bởi chính quyền dân sự và tu sĩ kết hợp. Tách ra cứ khi nào bị cô lập, và tập hợp khi nào họ có thể, bảo vệ chống lại chính quyền, giáo sĩ, và người dân. Bị phân biệt và bao vây khi họ đi qua rừng Mazindaran, vài 300 tín đồ, hầu hết học sinh và người ẩn dật, đã xây Thành lũy Shaykh Tabarsi và chống lại kẻ thù của Ba Tư trong 11 tháng. Đối chiếu sách Những người Khai sáng chương XIX và XX; và Thượng Đế đi qua trang 37 và các trang kế

¹⁶ Vào tháng ngày 15 tháng 8 năm 1852, một thanh niên Babi điên rồ làm bị thương nhà vua bằng phát đạn súng cái. Kẻ ám sát lập tức bị giết, và chính quyền tiến hành sát hại hàng loạt tín đồ, đỉnh điểm của nó được mô tả bởi ông

hình. Truyền rằng cô bị triệu tập đến Thủ phủ của Bộ trưởng, họ đến để dẫn cô ấy rời khỏi nhà của Kalántar. Cô rửa mặt và tay, mặc một bộ váy đắt tiền, và xút dầu thơm hoa hồng, cô bước ra khỏi nhà.

Họ đưa cô vào một khu vườn, nơi ông đao phủ đã đợi sẵn; nhưng những điều này đã làm ông dao động và sau đó từ chối kết thúc cuộc đời cô. Có một nô lệ, quá say rượu; bị mê muội, xấu xa, tâm hồn u tối. Và hắn ta đã bóp cổ Táhirih. Hắn buộc một chiếc khăn vào giữa môi cô và thắt nó xuống cổ họng cô. Sau đó, chúng nhấc thi thể không mảnh vải che thân của cô lên và ném xuống một cái giếng, ở đó trong vườn, và lấp đất đá lên trên đó. Nhưng Táhirih reo mừng; cô đã nghe với một tâm hồn nhẹ nhàng về cuộc tử đạo của mình; cô hướng mắt về Vương quốc thiên đàng và từ bỏ mạng sống của mình.

Hãy chào và khen ngợi cô ấy. Thánh thiện thay cho hạt bụi của cô ấy, như những tầng ánh sáng từ Thiên đàng chiếu xuống.

. . .

Renan như “một ngày vô song trong lịch sử của thế giới.” Đối chiếu Lord Curzon, Ba Tư và Những câu hỏi Ba Tư, trang 501-502 và Thượng Đế đi qua trang 62 và các trang mục kế tiếp

Ghi chú và Tham khảo tiếng Anh

1. Nabil-i-Akbar

1. For the author of *The Dawn-Breakers*, see Nabil-i-Zarandí. ←

2. Ismu'lláhu'l-Asdaq

1. Cf. Nabil, *The Dawn-Breakers*, Chapter XX, note beginning “‘Abdu'l-Bahá refers, in the ‘Memorials of the Faithful’...”. ←

3. Mullá ‘Alí-Akbar

1. Cf. Qur’án 19:98. ←
2. Qur’án 3:91. ←
3. Qur’án 54:55. ←

4. Shaykh Salmán

1. 1849–1850. ←
2. 1853; 1892. ←

5. Mírzá Muhammad-‘Alí, the Afnán

1. Áqá Ján. Cf. Shoghi Effendi, *God Passes By*, Chapter XI, paragraph beginning “Their strict confinement had hardly been mitigated...”. ←
2. Siyyid Muhammad, the Antichrist of the Bahá’í Revelation. Cf. Shoghi Effendi, *God Passes By*, Chapter X paragraph beginning “A constant witness of the ever deepening attachment...” and paragraph beginning “Their strict confinement had hardly been mitigated...”. ←
3. The Afnán are the kindred of the Đúc Bab. Shoghi Effendi, *God Passes By*, Chapter XIV, paragraph beginning “In this weighty and incomparable Document...” and Chapter XXII, paragraph beginning “The Document establishing that Order...”. ←
4. Herald of the Prophet Muhammad. ←

8. ‘Abdu’s-Sálíh, the Gardener

1. Qur’án 68:4. ←

9. Ustád Ismá‘íl

1. This wine, Rúmí says elsewhere, comes from the jar of “Yea verily.” That is, it symbolizes the Primal Covenant established between God and man on the day of “Am I not your Lord?” On that day, the Creator summoned posterity out of the loins of Adam and said to the generations unborn, “Am I not your Lord?” Whereupon they answered, “Yea, verily, Thou art.” Cf. Qur’án 7:171.

←

2. The Turkish para was one-ninth of a cent. Cf. Webster, *New International Dictionary*. ↵

10. Nabíl-i-Zarandí

1. Nabíl, author of *The Dawn-Breakers*, is Ğurc Bahá'u'lláh's "Poet-Laureate, His chronicler and His indefatigable disciple." Cf. *God Passes By*, Chapter VIII, paragraph beginning "At the same time an influx of Persian Babis...".
↵
2. Mírzá Yahyá, the community's "nominal head," was the "center provisionally appointed pending the manifestation of the Promised One." *God Passes By*, Chapter VIII, paragraph beginning "The return of Ğurc Bahá'u'lláh from Sulaymáníyyih..." ↵
3. A reference to Islámic symbolism, according to which good is protected from evil: the angels repel such evil spirits as attempt to spy on Paradise, by hurling shooting stars at them. Cf. Qur'án 15:18, 37:10 and 67:5. ↵
4. A reference to the declaration of Ğurc Bahá'u'lláh's advent in 1863, as the Promised One of the Ğurc Bab. The Ğurc Bab's own advent had taken place in the "year sixty"—1844. ↵
5. Bahá'í writings emphasize that the "divinity attributed to so great a Being and the complete incarnation of the names and attributes of God in so exalted a Person should, under no circumstances, be misconceived or misinterpreted ... that invisible yet rational God ... however much we extol the divinity of His Manifestations on earth, can in no wise incarnate His infinite, His unknowable, His incorruptible and all-embracing Reality in ... a mortal being." Cf. Shoghi Effendi, *The Dispensation of Ğurc Bahá'u'lláh*. ↵
6. According to the abjad reckoning, the letters of "shidád" total 309. 1892, the date of Ğurc Bahá'u'lláh's ascension, was 1309 A.H. ↵
7. Gharíq. The letters composing this word total 1310, which Hijra year began July 26, 1892. ↵

11. Darvísh Sidq-'Alí

1. Terms used by the Súfis. ↵
2. Sidq, truth. ↵

13. Pidar-Ján of Qazvín

1. Qur'án 54:55. ↵

14. Shaykh Sádiq-i-Yazdí

1. This word has a number of meanings, including truthful, loyal and just. ↵
2. Yá Sháfi. ↵

3. Qur'án 76:5. ←

17. Nabíl of Qá'in

1. Nabíl of Qá'in was his title. ←

2. Qur'án 5:59. ←

3. The kran was 20 sháhís, or almost 8 cents. Cf. Webster, *op. cit.* ←

4. Mírzá Mihdí, the son of Ďúrc Bahá'u'lláh who, praying one evening on the barracks roof, fell to his death. Cf. *God Passes By*, Chapter XI, paragraph beginning “To the galling weight of these tribulations...” ←

5. Cf. Qur'án 13:28; 2:99; 3:67. ←

18. Siyyid Muhammad-Taquí Manshádí

1. Yazíd (son of Mu'ávíyih), Umayyad Caliph by whose order the Imám Husayn was martyred. Proverbial for cruelty. Cf. S. Haïm, *New Persian-English Dictionary*, s.v. ←

19. Muhammad-‘Alí Sabbáq of Yazd

1. The rebellion of Mírzá Yahyá, who had been named provisional chief of the Babi community. The Ďúrc Bab had never appointed a successor or viceregent, instead referring His disciples to the imminent advent of His Promised One. In the interim a virtual unknown was, for security reasons, made the ostensible leader. Following His declaration in 1863 as the Promised One of the Ďúrc Bab, Ďúrc Bahá'u'lláh withdrew for a time, in Adrianople, to allow the exiles a free choice as between Him and this unworthy half brother, whose crimes and follies had threatened to destroy the infant Faith. Terrified at being challenged to face Ďúrc Bahá'u'lláh in a public debate, Mírzá Yahyá refused, and was completely discredited. As Bahá'í history has repeatedly demonstrated, this crisis too, however grievous, resulted in still greater victories for the Faith—including the rallying of prominent disciples to Ďúrc Bahá'u'lláh, and the global proclamation of Ďúrc Bahá'u'lláh's mission, in His Tablets to the Pope and Kings. Cf. *God Passes By*, Chapter II, paragraph beginning “A successor or viceregent the Ďúrc Bab had never named...”, Chapter X and *passim.* ←

20. ‘Abdu'l-Ghaffár of Isfahán

1. Mírzá Yahyá had not been banished from Persia. Now, however, he was being exiled from Adrianople to Cyprus, and ‘Abdu'l-Ghaffár was one of the four companions condemned to go with him. Cf. Ďúrc Bahá'u'lláh's *Epistle to the Son of the Wolf*, paragraph beginning “Again I repeat, and plead with thee...”, and *God Passes By*, Chapter X, paragraph beginning “On the morning of the 2nd of Jamádiyu'l-Avval 1285 A.H...” ←

25. Muhammad-Hádíy-i-Sahháf

1. Cf. Qur'án 11:101; 11:100; 76:5; 76:22; 17:20. ←

26. Mírzá Muhammad-Qulí

1. Cf. *God Passes By*, Chapter VII, paragraph beginning “On the first day of the month of Rabí‘u’th-Thání...”. ←
2. Cf. *God Passes By*, Chapter X, paragraph beginning “Explicit orders had been issued...”, paragraph beginning “The drastic farmán of Sultán ‘Abdu’l-‘Azíz...” and paragraph beginning ““Sultán ‘Abdu’l-‘Azíz,’ Ďúrc Bahá’u’lláh is reported by one of His fellow-exiles to have stated...”. ←

27. Ustád Báqir and Ustád Ahmad

1. Qur'án 54:55. ←

28. Muhammad Haná-Sáb

1. This reference to two worlds, *du jihán*, may indicate the saying: Isfahán is half the world—*Isfahán nisf-i-jihán*. ←
2. For this definition of the Manifestation of God, see *God Passes By*, Chapter VII, paragraph beginning “Mírzá Áqá Ján himself has testified...”. ←
3. These “twin shining lights” were two brothers, famous merchants of Isfahán. Because he owed them a large sum of money, the leading priest—Imám-Jum‘ih—of the city brought about their martyrdom. See Bahá’u’lláh’s *Epistle to the Son of the Wolf*, and *God Passes By*, Chapter XII, paragraph beginning “In Isfahán Mullá Kázim was beheaded...” and paragraph beginning “Nor should a review of the outstanding features of Baha'u'llah's writings...”. ←
4. Qur'án 89:27–30. ←

30. Áqá Ibráhím-i-Isfahání and His Brothers

1. Qur'án 24:35. ←
2. Qur'án 89:27–30. ←
3. Cf. Qur'án 13:28: “Truly in the remembrance of God are the hearts set at rest.” ←

31. Áqá Muhammad-Ibráhím

1. Qur'án 76:5. ←
2. Qur'án 13:28. ←

33. Hájí Mullá Mihdíy-i-Yazdí

1. Qur'án 3:91. ←
2. Qur'án 29:19; 53:48; 56:62. ←

34. His Eminence Kalím (Mírzá Músá)

1. Mírzá Músá. ←
2. Cf. *God Passes By*, Chapter X paragraph beginning “Even in Gallipoli, where three nights were spent...”. ←
3. Some four hundred miles northwest of Baghdad. ←

37. Mírzá Mihdíy-i-Káshání

1. Shikastih—broken—a cursive or half-shorthand script, is thought to have been invented at the close of the seventeenth century, in Hirát. ←
2. Gawhar Khánum’s marriage to Bahá’u’lláh took place in Baghdad. She remained with her brother in that city when Bahá’u’lláh left Iraq and later proceeded to ‘Akká at His instruction. While traveling from Baghdad to Mosul, she was made captive together with other believers, among them Zaynu’l-Muqarrabín. Bahá’u’lláh makes reference to this captivity in His Tablet to the Sháh.
Gawhar Khánum broke the Covenant of Bahá’u’lláh following His passing. She passed away during the Ministry of ‘Abdu’l-Bahá. ←
3. Qur’án 76:9. ←

38. Mishkín-Qalam

1. A famed calligrapher who lived and wrote at the court of Sháh-‘Abbás, the Safaví (1557–1628). ←
2. Mishk is musk. Mishkín-Qalam means either musk-scented pen, or jet black pen. ←
3. Qur’án 61:4. ←
4. In some of this artist’s productions, the writing was so arranged as to take the forms of birds. When E. G. Browne was in Persia, he was told that “these would be eagerly sought after by Persians of all classes, were it not that they all bore, as the signature of the penman, the following verse:

*Dar diyár-i-khatt sháh-i-sáhib-‘alam
Bandy-i-Bab-i-Bahá, Mishkín-Qalam.”*

Cf. *A Year Amongst the Persians*, p. 227. The verse might be translated:

*Lord of calligraphy, my banner goes before;
But to Bahá’u’lláh, a bondsman at the door,
Naught else I am,
Mishkín-Qalam.*

Note the wordplay on door, which makes possible the inclusion of the Bab's name as well as Bahá'u'lláh's. ←

39. Ustád 'Alí-Akbar-i-Najjár

1. Ustád is a master, one who is skilled in an art or profession. ←
2. Qur'án 6:127. ←
3. Qur'án 3:28. ←

40. Shaykh 'Alí-Akbar-i-Mázgání

1. Qur'án 2:266, 267. ←

41. Mírzá Muhammad, the Servant at the Travelers' Hospice

1. For some of these Arabic phrases, see Qur'án 3:170; 4:12, 175; 5:16, 17; 11:100, 101; 28:79; 41:35. ←

42. Mírzá Muhammad-i-Vakíl

1. The Baghdad period in Bahá'í history was from April 8, 1853, to May 3, 1863. According to various estimates the túmán of the day ranged from \$1.08 to \$1.60. ←
2. This was in accord with the law of Islám. Cf. Qur'án 4:12. ←

43. Hájí Muhammad-Ridáy-i-Shírází

1. Qur'án 7:171. ←

44. Husayn Effendi Tabrízí

1. For the tribulations following Đúc Bahá'u'lláh's departure see *God Passes By*, chapter XV. ←

45. Jamshíd-i-Gurjí

1. Persia's Hercules. ←
2. Qur'án 89:27. ←
3. Qur'án 4:71. ←

46. Hájí Ja'far-i-Tabrízí and His Brothers

1. Cf. *God Passes By*, Chapter X, paragraph beginning "The Persian Ambassador promptly informed...". ←
2. Qur'án 89:27–30. ←

47. Hájí Mírzá Muhammad-Taquí, the Afnán

1. The Afnán are the Đúc Bab's kindred. ←

2. Qur'án 7:171. ←

49. Muhammad-Mustafá Baghdádí

1. Qur'án 39:69. ←

2. The Promised One of the Ďúrc Bab. ←

3. Islamic symbolism: Satan is the “stoned one”; with shooting stars for stones, the angels repel demons from Paradise. Qur'án 3:31, 15:17, 34; 37:7; 67:5. ←

4. Qur'án 2:17. ←

5. Qur'án 4:71. ←

50. Sulaymán Khán-i-Tunukábání

1. The Prime Minister. ←

2. Qum is the shrine city of Fátimih, “the Immaculate.” Sister of the eighth Imám, Imám Ridá, she was buried here in 816 A.D. ←

56. Jináb-i-Muníb

1. The remainder of the verse is: “*Let us split the roof of Heaven and draw a new design.*” ←

2. Qur'án 52:4. ←

57. Mírzá Mustafá Naráqí

1. Cf. Qur'án 13:28. ←

58. Zaynu'l-Muqarrabín

1. Qur'án 3:190. ←

2. Cf. Qur'án 39:68. ←

3. Qur'án 7:171. ←

60. Mírzá Ja'far-i-Yazdí

1. *Manqúl va ma'qúl*: “desumed” versus “excogitated” knowledge. ←

2. Qur'án 3:190. ←

3. Bahá'u'lláh was accompanied by members of His family and twenty-six disciples. The convoy included a mounted guard of ten soldiers with their officer, a train of fifty mules, and seven pairs of howdahs, each pair surmounted by four parasols. The journey to Constantinople lasted from May 3, 1863, to August 16. Cf. *God Passes By*, Chapter IX, paragraph beginning “The same tokens of devotion shown Ďúrc Bahá'u'lláh...”. ←

4. Qur'án 26:119; 36:41. ←

61. Husayn-Áqáy-i-Tabrízí

1. Cf. Qur'án 5:59. ←

62. Hájí 'Alí-'Askar-i-Tabrízí

1. Qur'án 39:68–69: “And there shall be a blast on the trumpet, and all who are in the heavens and all who are in the earth shall swoon away, save those whom God shall vouchsafe to live. Then shall there be another blast on it, and lo! arising they shall gaze around them: and the earth shall shine with the light of her Lord....” ←

64. Áqá Muhammad-Báqir and Áqá Muhammad-Ismá'íl, the Tailor

1. In Shaykhí terminology, the Fourth Support or Fourth Pillar was the perfect man or channel of grace, always to be sought. Hájí Muhammad-Karím Khán regarded himself as such. Cf. Bahá'u'lláh, *Kitáb-i-Íqán (The Book of Certitude)*, paragraph beginning “For instance, a certain man, reputed for his learning...”, and ‘Abdu'l-Bahá, *A Traveller's Narrative*, paragraph beginning “Now since He was noted amongst the people...”. ←
2. The promised Twelfth Imám. ←
3. ‘Allámiy-i-Hillí, “the Very Erudite Doctor,” title of the famed Shí'ih theologian, Jamálu'd-Dín Hasan ibn-i-Yúsuf ibn-i-'Alí of Hilla (1250–1325 A.D.). ←
4. The Turkish ghurúsh or piaster of the time was forty paras, the para one-ninth of a cent. These figures are approximate only. ←

67. The Consort of the King of Martyrs

1. Accent the first syllable: FÁ-teh-meh. ←
2. Gibbon writes of the Imám Husayn's martyrdom and the fate of his Household, that “in a distant age and climate the tragic scene ... will awaken the sympathy of the coldest reader.” ←
3. The Sadratu'l-Muntahá, translated *inter alia* as the Sidrah Tree which marks the boundary, and the Lote-Tree of the extremity. Cf. Qur'án 53:14. It is said to stand at the loftiest point in Paradise, and to mark the place beyond which neither men nor angels can pass. In Bahá'í terminology it refers to the Manifestation of God. ←
4. This prayer was revealed by ‘Abdu'l-Bahá for the Consort of the King of Martyrs. ←
5. Qur'án 76:5. ←

68. Shamsu'd-Duhá

1. Pronounced Shams-oz-Zohá. ←

2. A forerunner of the Đúc Bab, and co-founder of the Shaykhí School. See glossary. ←
3. His daughter, at a later date, became the consort of ‘Abdu’l-Bahá. Cf. *God Passes By*, Chapter VIII, paragraph beginning “At the same time an influx of Persian Babis...” and *The Dawn-Breakers*, Chapter XXI, paragraph beginning “How great was the consternation...”. ←
4. “Gate of the Gate,” a title of Mullá Husayn, the first to believe in the Đúc Bab. For an account of his sister, cf. *The Dawn-Breakers*, Chapter XX, note beginning “Among them was Mullá Husayn...”. ←
5. “Solace of the Eyes.” ←
6. Persian women of the day went heavily veiled in public. ←
7. Qur’án 7:7; 14:42; 21:48; 57:25, etc. ←
8. Cf. Nabíl, *The Dawn-Breakers*, chapter XV. ←
9. The reference is to Muhammad’s daughter, Fátimih, “the bright and fair of face, the Lady of Light.” ←
10. Eldest son of the Sháh and ruler over more than two-fifths of the kingdom. He ratified the death sentence. Soon after these events, he fell into disgrace. Cf. *God Passes By*, Chapter XII, paragraph beginning “In Isfáhán Mullá Kázim was beheaded...” and Chapter XIII, paragraph beginning “Nor should, in a review of this nature...”. ←
11. The eighth Imám, poisoned by order of the Caliph Ma‘múm, A.H. 203, after the Imám had been officially designated as the Caliph’s heir apparent. His shrine, with its golden dome, has been called the glory of the Shí’ih world. “A part of My body is to be buried in Khurásán,” the Prophet traditionally said. ←

69. Táhirih

1. Pronounced TÁ-heh-reh. ←
2. Cf. *The Dawn-Breakers*, Chapter III, note beginning “According to ‘Memorials of the Faithful’...” and Chapter XV, note beginning “‘Abdu’l Bahá relates...”. Certain lines, there translated by Shoghi Effendi, are incorporated here. ←
3. A forerunner of the Đúc Bab, and first of the two founders of the Shaykhí School. See glossary. ←
4. Qur’án 17:1; 30:56; 50:19; etc. ←
5. The sixth Imám. ←
6. The “Ahsanu’l-Qisas,” the Bab’s commentary on the Súrih of Joseph, was called the Qur’án of the Babís, and was translated from Arabic into Persian

- by Táhirih. Cf. *God Passes By*, Chapter V, paragraph beginning “Already in Shíráz...”. ↵
7. Qur’án 3:54: “Then will we invoke and lay the malison of God on those that lie!” The ordeal was by imprecation. ↵
 8. Qur’án 21:48; 19:37, etc. In Islám the Bridge of Sirát, sharp as a sword and finer than a hair, stretches across Hell to Heaven. ↵
 9. Cf. *The Dawn-Breakers*, Chapter XV, paragraph beginning “This state of tension continued...”. The murderer was not a Babí, but a fervent admirer of the Shaykhí leaders, the Twin Luminous Lights. ↵
 10. Cf. *The Dawn-Breakers*, Chapter XV, paragraph beginning “The candour and sincerity of Mullá ‘Abdulláh...”. ↵
 11. This refers to the doctrine that there are three ways to God: the Law (sharí‘at), the Path (tariqat), and the Truth (haqíqat). That is, the law of the orthodox, the path of the dervish, and the truth. Cf. R. A. Nicholson, *Commentary on the Mathnaví of Rúmi*, s.v. ↵
 12. The eighteenth Letter of the Living, martyred with unspeakable cruelty in the marketplace at Bárfurúsh, when he was twenty-seven. Bahá’u’lláh conferred on him a station second only to that of the Bab Himself. Cf. *The Dawn-Breakers*, pp. 408–15. ↵
 13. Cf. Qur’án 74:8 and 6:73. Also Isaiah 27:13 and Zechariah 9:14. ↵
 14. Qur’án, Súrih 56. ↵
 15. A systematic campaign against the new Faith had been launched in Persia by the civil and ecclesiastical authorities combined. The believers, cut down wherever they were isolated, banded together when they could, for protection against the Government, the clergy, and the people. Betrayed and surrounded as they passed through the forest of Mázindarán, some 300 believers, mostly students and recluses, built the Fort of Shaykh Tabarsí and held out against the armies of Persia for eleven months. Cf. *The Dawn-Breakers*, chapters XIX and XX; *God Passes By*, Chapter V, paragraph beginning “This fierce, nation-wide controversy...” et seq. ↵
 16. On August 15, 1852, a half-crazed Babí youth wounded the Sháh with shot from a pistol. The assailant was instantly killed, and the authorities carried out a wholesale massacre of the believers, its climax described by Renan as “a day perhaps unparalleled in the history of the world.” Cf. Lord Curzon, *Persia and the Persian Question*, pp. 501–2, and *God Passes By*, Chapter V, paragraph beginning “Obsessed by the bitter tragedy of the martyrdom of his beloved Master...” et seq. ↵